

TRI AN SỰ HY SINH CỦA CÁC CHIẾN SỸ CÁCH MẠNG TẠI CĂN CỨ ĐỊA U MINH THƯỢNG



Công ty
**Văn hóa
Trí tuệ Việt**

Thực hiện và giới thiệu
Dự án Văn hóa
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN



CÔNG TY CP
TẬP ĐOÀN
PHU CƯỜNG

Công trình xuất bản này được thực hiện bởi
sự chung tay bằng tình cảm và tấm lòng của
Doanh nhân **Nguyễn Việt Cường**
người con của quê hương U Minh Thượng

Huyền thoại U MINH



NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI



**Văn hóa
Trí tuệ Việt**

TRI ẨM SỰ HY SINH CỦA CÁC CHIẾN SỸ CÁCH MẠNG TẠI CĂN CỨ ĐỊA U MINH THƯỢNG



Công ty
**Văn hóa
Trí tuệ Việt**

Thực hiện và giới thiệu
Dự án Văn hóa
UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN



CÔNG TY CP
TẬP ĐOÀN
PHU CƯỜNG

Công trình xuất bản này được thực hiện bởi
sự chung tay bằng tình cảm và tấm lòng của
Doanh nhân **Nguyễn Việt Cường**
người con của quê hương U Minh Thượng

Huyền thoại U MINH

**NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI**



**Văn hóa
Trí tuệ Việt**

Cố vấn nội dung
THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY - HĐND - UBND TỈNH KIÊN GIANG

Chịu trách nhiệm thực hiện nội dung và liên kết xuất bản
Nhà thơ ĐOÀN MẠNH PHƯƠNG
Giám đốc Công ty Văn hóa Trí tuệ Việt
Giám đốc Dự án Văn hóa Uống nước nhớ nguồn

Ban biên tập và Thực hiện nội dung
ĐẶNG ĐÌNH CHẤN - TRẦN VĂN TRƯỜNG - TRẦN ANH TUẤN
TRẦN MIẾU - HOÀNG VIỆT HÙNG - ĐOÀN TUYẾT NHUNG - CAO NGỌC HÀ
PHẠM NGỌC ANH - ĐẶNG THÚY NGÂN - VĂN PHONG
THU HOÀI - HỒNG HẠNH...

Với sự cộng tác đặc biệt của
Đ/c ĐẶNG TUYẾT EM - Ủy viên Ban Thường vụ Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
cùng các đồng chí LÂM NGHĨA SỸ, LÊ XUÂN BẢO
và một số vị lão thành cách mạng khác...

**Ban biên tập xin chân thành cảm ơn các đồng chí Lãnh đạo Tỉnh ủy,
UBND tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang;
Huyện ủy, UBND các huyện vùng U Minh Thượng.
Cùng với sự chung tay góp sức của doanh nhân Nguyễn Việt Cường
Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Tập đoàn Phú Cường - Kiên Giang,
Công ty CP In và nghiên cứu thị trường Việt Cường Hà Nội...
đã tận tình giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện
công trình xuất bản có ý nghĩa này.**

Trong cuốn sách đã sử dụng bài và ảnh của các tác giả: Trần Quang Quýt, Trương Thanh Hùng, Đỗ Đức Trọng, Việt Thanh, Võ Hồng Lạc, Trần Ngọc Long, Huỳnh Minh Khái, Tuyết Trinh, Mạnh Tiến, Thúy Ngân, Cao Hà, Hồng Hạnh, Tuấn Anh, Minh Tâm...

Do điều kiện khách quan, Ban biên tập không trực tiếp liên hệ được với một số tác giả. Rất mong quý vị thông cảm để chúng tôi được sử dụng những bài viết có ý nghĩa trong cuốn sách này.

Các tác giả ở Kiên Giang và các tỉnh phía Nam xin vui lòng liên hệ với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tỉnh Kiên Giang để nhận nhuận bút bài viết.

Trân trọng cảm ơn các quý tác giả.

LỜI NÓI ĐẦU

U Minh Thượng là một vùng rừng tràm ngập mặn nằm ở phía Bắc sông Trẹm, thuộc địa bàn của bốn huyện hiện nay là U Minh Thượng, An Minh, An Biên và Vĩnh Thuận của tỉnh Kiên Giang. Vùng đất và con người U Minh qua bao thế hệ, từng trải biết bao gian nan, thử thách; đã viết nên những trang vàng kỳ tích trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Người dân U Minh nói chung và U Minh Thượng nói riêng, vượt qua vô vàn gian khổ, hy sinh, kiên cường bám đất, bám làng, một lòng kiên trung với cách mạng, chiến đấu đến cùng chống kẻ thù tàn bạo, đã lập nên những chiến công oanh liệt. Sự hy sinh của nhân dân U Minh là vô bờ bến. Máu xương của họ đã góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, mang lại cuộc sống hoà bình hôm nay.

Năm tháng trôi qua, cuộc sống trong hoà bình xây dựng đã và đang từng ngày làm đổi thay vùng đất lịch sử. Thôn - ấp U Minh cũng mang diện mạo mới tràn đầy sức sống. Song, quá khứ lịch sử hào hùng của U Minh thì không thể phai mờ. Truyền thống đấu tranh bất khuất cùng những chiến tích được lập nên của bao thế hệ người dân U Minh sẽ còn mãi trong trang sử vàng của dân tộc,

trong lòng các thế hệ người Việt Nam nói chung và người U Minh nói riêng.

Từ mạch nguồn truyền thống vẻ vang ấy, cuốn sách HUYỀN THOẠI U MINH sẽ tái hiện một trang sử hào hùng và anh dũng đã trở thành Huyền thoại của đất và người U Minh. Những tư liệu cùng những trang viết chân thực và rung động lòng người, không chỉ mang đến cho bạn đọc bao xúc cảm, lòng khâm phục và sự yêu mến con người - vùng đất U Minh, mà còn góp phần giáo dục đạo lý truyền thống Uống nước nhớ nguồn cao đẹp cho các thế hệ sau. Bởi ở đó, có những điều tưởng như không thể mà lại trở thành có thể; Có bao sự tàn khốc tưởng như vượt quá sức chịu đựng của con người, nhưng người U Minh vẫn chịu đựng, vẫn vượt qua và chiến thắng; Chất Huyền thoại chính là ở đó!

Với HUYỀN THOẠI U MINH, quá khứ sẽ hoà quyện với hiện tại, làm nên sức mạnh mới, tạo nên Huyền thoại mới của vùng đất đã lưu danh sử sách. U Minh hôm nay sẽ lớn mạnh như sức vươn Phù Đổng, bởi ngọn lửa của truyền thống, của HUYỀN THOẠI U MINH luôn rực cháy, tiếp thêm sức mạnh cho người U Minh xây dựng cuộc sống và quê hương ngày càng giàu đẹp.

Cuốn sách HUYỀN THOẠI U MINH tập hợp bởi các bài viết và hình ảnh của các tác giả trong và ngoài tỉnh Kiên Giang, được xuất bản sẽ góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống vô giá ấy của U Minh nói riêng và của vùng đất Kiên Giang nói chung.

Với ý nghĩa lớn lao ấy, HUYỀN THOẠI U MINH xin mở trang cùng bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP

U MINH THƯỢNG MÃI LÀ NIỀM TỰ HÀO CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN KIÊN GIANG

(Trích thư của Thủ tướng NGUYỄN TẤN DŨNG gửi Hội thảo khoa học về căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng)



U Minh Thượng là một vùng sinh thái đặc thù nổi tiếng cả trong và ngoài nước. Nơi đây còn là căn cứ địa cách mạng kiên cường trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy gian khổ ác liệt vừa qua. Nhiều địa danh của vùng đất U Minh Thượng đã gắn liền với những chiến thắng oanh liệt của quân dân ta như: Xẻo Rô, Thứ Mười Một, Cây Bàng, Lô 12, Ngã tư Công Sự, Kè Một, Bình Minh, Vĩnh Thuận mãi mãi in đậm vào ký ức và lòng tự hào của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang. Căn cứ địa U Minh Thượng, nhân dân U Minh Thượng cũng là nơi đã từng đùm bọc, nuôi dưỡng, bảo vệ, chở che rất chí nghĩa chí tình cho các cơ quan Trung ương cục miền Nam, khu ủy Khu 9 và Bộ

Tư lệnh quân khu. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta: Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh đã từng sống chiến đấu, gắn bó thân thiết với nhân dân trên vùng đất thủy chung anh dũng này. Biết bao đồng chí đồng bào của chúng ta từ mọi miền đất nước đã ngã xuống, mãi mãi nằm lại trên mảnh đất U Minh để có cơ đồ sự nghiệp hôm nay. Có thể nói rằng, căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng, chiến công của U Minh Thượng là một điểm son mãi mãi không thể mờ trong bản anh hùng ca bất diệt của quân dân ta .

**CUỐN SÁCH HUYỀN THOẠI U MINH
MỘT CÔNG TRÌNH XUẤT BẢN
THẨM ĐẦM TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG
ĐẤT VÀ NGƯỜI U MINH**



Đồng chí TRƯƠNG QUỐC TUẤN
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND
tỉnh Kiên Giang

Nói tới U Minh Thượng, là nói về một vùng đất lịch sử, một vùng sinh thái đặc biệt của nước ta, một vùng đất rừng ngập nước có diện tích hơn 1.700 km², chỉ sau khu rừng Amazon ở Nam Mỹ, được giới hạn giữa hai con sông Cái Lớn và Trèm Trèm. Cách đây hơn 300 trăm năm, trên hầu hết diện tích vùng này được bao phủ bởi rừng tràm gân như thuần chủng. Sự có mặt của con người mới chỉ là những nhóm cư dân nhỏ bé, lọt thỏm giữa những cánh rừng tràm bạt ngàn mênh mông, với vô số động vật hoang dã.

U Minh Thượng là một vùng rừng ngập nước, mang đặc trưng rõ rệt về đất, về nước, khí hậu và thổ nhưỡng, giàu có và phong phú sản vật từ đất, từ nước, từ rừng. Đó là một hệ thực vật, động vật nhất cư và lưỡng cư phong phú, dày đặc, có mặt trên tất cả các khu vực trong vùng. Hệ thực vật đa dạng với nhiều loài mang đặc trưng nhiệt đới. Một hệ động vật cư trú ở cả 3 tầng sinh học với số lượng đông đúc, mà tiêu biểu là những “sân chim”, những ao cá thiên nhiên đầy ắp các loài thủy sản nước ngọt, nước lợ, là nguồn lợi và thực phẩm to lớn cho cư dân nơi đây. Đặc biệt, U Minh Thượng còn có một vùng than bùn nhất nước với trữ lượng lớn ở giữa rừng, tự đảm nhiệm chức năng giữ độ ẩm cho rừng, trung hoà phèn trong tự nhiên, đồng thời cũng là một nguồn nguyên liệu phân bón quý báu cho cây trồng trong hiện tại và tương lai cho toàn vùng.

HUYỀN THOẠI U MINH

Đã là một vùng đất, như mọi vùng đất khác trên đất nước Việt Nam, vùng đất này cũng có những địa danh như các nơi khác, nhưng hệ thống địa danh ở U Minh Thượng lại có một nét riêng độc đáo, rất riêng và gây nhiều ấn tượng. Ngoài những đường giao thông thuỷ tự nhiên như những con sông, con rạch, lại có rất nhiều đường nước tự nhiên mang chữ tên đầu là “xẻo, rọc, lung, búng, bào, lảng”... gắn với tên người mở đất, cảnh quan đặc trưng hoặc những sự kiện đáng ghi nhớ. Đặc biệt nhất là một vùng địa danh mang cái tên chung “Miệt thứ” duy nhất trên cả nước ta, không lẫn vào đâu được, nói lên một thực tế, từ trong quá khứ, đây là một vùng đất xa xôi, hoang dã, thưa dân từ bao thế kỷ trước, trước khi vùng đất này được lưu dân đến khai phá, lập nghiệp để ngày nay trở thành một vùng đất xinh đẹp, trù phú. Nhưng, trên hết và đặc biệt hơn cả, lại là một vùng đất với những sự tích, giai thoại, sự kiện, vừa có tính sử thi, vừa mang đầy tính huyền thoại của đất phương Nam, của mảnh đất U Minh.

Cư dân U Minh Thượng, mà tổ tiên vốn dĩ cũng là cư dân sông Hồng, đã có những thế hệ từng đi qua và khai phá vùng đất miền Trung gian khó. Nhưng khi đặt chân đến nơi này, những di dân mang đậm tính cách tự do mạnh mẽ, thích một đời sống phóng khoáng, trước một không gian rộng lớn và mới mẻ, đã có những sáng tạo mang tính đột phá trong việc cải biến các công cụ lao động, sản xuất, cải biến các phương tiện đi lại một cách độc đáo phù hợp với đặc điểm riêng biệt của vùng đất. Từ những thuyền thúng, chiếc mảng tre miền Trung, biến thái thành những chiếc xuống be ván ba lá nhỏ gọn, lao lách trên địa hình sông nước, phù hợp với những ngọn rạch, con lung quanh co ở những cánh rừng tràm mà dân cư những nơi khác khó hình dung được. Bên cạnh đó là sáng tạo, biến cải những dụng cụ đào đất, phát cào cỏ, bắt cá, bắt lươn, tôm, cua phù hợp với đặc điểm sinh thái tự nhiên của vùng. Đó là những dụng cụ mang kiểu cách săn bắt, hái lượm từ thời mở đất, từ xa xưa, nhưng mang nét độc đáo bởi tính linh hoạt của nó. Cùng với cảnh quan sinh thái đặc biệt, đây cũng là những nét riêng dễ thu hút du khách, nếu được kiểm kê, phục hồi để đưa vào khai thác, phát huy một cách đúng mức, có chọn lọc, vừa dân dã, vừa mang tính nâng cao, tạo nét mới cho văn hoá U Minh Thượng trong giai đoạn hội nhập này.

Như những nơi khác trên mọi miền đất nước Việt Nam, Nam Bộ, người dân U Minh Thượng mang tính chất chung của dân tộc, nhưng bên cạnh đó vẫn có nét đặc trưng trong lối sống, cách ứng xử xã hội mang đậm dấu ấn phong cách của cư dân một vùng đất mới, mà cách đây 3 thế kỷ còn hoang dã. Không gian rộng rãi và hoang dã của thời mở đất, những nhu cầu khó khăn phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, đã cố kết, hun đúc, hình thành cho cư dân nơi đây cái tính khảng khái, bộc trực, nghĩa khí, hào sảng, không chịu quỳ lụy, khuất phục, nhưng hiền lành gần gũi, dễ hoà đồng, đoàn kết gắn bó nhau, sẵn lòng giúp đỡ nhau khi khó khăn, hoạn nạn

HUYỀN THOẠI U MINH

không câu nệ lạ hay quen, thân hay sơ. Những tính chất ấy của người U Minh đã trở thành tài sản vô hình quý báu, đồng thời cũng rất hữu hình trong đời sống thường nhật với chòm xóm láng giềng, được kết tinh và nâng lên thành truyền thống Anh hùng khi đất nước đứng trước nạn ngoại xâm.

Trên cái nền tài sản thiên nhiên phong phú, giàu có đó, U Minh Thượng là một vùng đất với những di tích lịch sử văn hoá Óc Eo của vương quốc Phù Nam ở các di chỉ Cạnh Đền, Nền Vua, là những địa chỉ mà giới khoa học khảo cổ rất quan tâm để làm sáng tỏ lịch sử vùng đất này trong thiên niên kỷ thứ nhất. Những địa danh như Mương Đào, Rọ Ghe, miếu Ông Hoàng... gắn liền với một thời vua Gia Long còn bốn tấu, trước khi ra đến Phú Quốc.....

Trước khi Đảng ra đời, U Minh Thượng là nơi nương náu, tụ họp lại để xây dựng lực lượng, tiếp tục chống xâm lược của những sĩ phu và văn thân yêu nước, trước sự truy lùng của giặc Pháp. U Minh Thượng cũng đã in đậm dấu chân của nghĩa quân chống Pháp với những cuộc khởi nghĩa của Đỗ thừa Luông, Đỗ thừa Tụ, kể cả của những người khai mở đất cùng với nông dân đứng lên chống Tây như Chủ Chọt...thể hiện nghĩa khí yêu nước của những lưu dân giai đoạn đầu trên vùng đất đặc biệt này.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không bao lâu, chi bộ Đảng đầu tiên đã được thành lập ở Ranh Hạt, huyện Vĩnh Thuận, thuộc U Minh Thượng, nhận lãnh nhiệm vụ thiêng liêng là giác ngộ, tập hợp quần chúng đứng lên chống giặc cứu nước, giành độc lập cho dân tộc. Từ hạt nhân đỏ đầu tiên này, đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước từ lâu nung nấu tự trong sâu thẳm trái tim của đông đảo người dân U Minh Thượng, đứng lên đuổi giặc theo ngọn cờ vinh quang của Đảng.

Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, Pháp ra sức đàn áp, đánh phá, nhiều đảng viên kỳ cựu, trong đó có đồng chí Võ văn Kiệt đã về U Minh Thượng xây dựng lại lực lượng, để rồi chỉ vài năm sau đó, đã cùng cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đông Xuân 1953-1954, cũng như trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, quân và dân U Minh Thượng lại phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung, căng kéo địch để chiến trường chính giành thắng lợi quyết định.

Trong hơn một trăm năm qua, U Minh Thượng luôn là căn cứ địa cách mạng vững chắc, anh dũng kiên cường chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, là biểu tượng của sự có mặt, sự tồn tại của lực lượng kháng chiến chống xâm lược, là niềm tin của đồng bào Nam bộ và của cả nước khi trông về U Minh. Chẳng thế mà giai đoạn chống thực dân Pháp, trong dân gian có câu: Cao Đài Tây Ninh, Hoà Hảo Láng Linh, Việt Minh Cán Gáo...nói lên sự khẳng định về lực lượng cách mạng đã gắn liền với vùng đất giàu truyền thống cách mạng này. Điều đó cũng nói lên chỗ dựa tinh thần,

HUYỀN THOẠI U MINH

lòng tin mạnh mẽ của nhân dân ở cả miền Tây Nam bộ khi trông về U Minh, khi coi tôn vong của cách mạng gắn liền với sự tồn tại của căn cứ U Minh Thượng: U Minh Thượng còn, cách mạng còn.

Nhiều địa danh của U Minh Thượng đã gắn liền với những chiến công oanh liệt, sáng chói như trận Ba Đình, Cây Bàng, Xẻo Rô, Thứ Mười Một, Sân Gạch, Ngã tư Công Sự, Lô 12, Kè Một, Vĩnh Thuận, Xẻo Bần, Rọ Ghe, Kim Qui... mà ngày nay tưởng như huyền thoại, mãi mãi in đậm trong ký ức của nhân dân U Minh và cả nước. Những chiến công oanh liệt hào hùng đó, luôn là niềm tự hào mãnh liệt, là lòng tin tưởng sắt đá vào tương lai của quân và dân U Minh về thắng lợi của cách mạng. Cũng trên mảnh đất U Minh Thượng này, đã diễn ra trận đánh tiêu biểu, chiếm và diệt chi khu quân sự Xẻo Rô, trận tiêu diệt chi khu quân sự đầu tiên ở miền Tây Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long trước khi nổ ra đồng khởi Bến Tre 1960. Trong những năm cuối của giai đoạn đế quốc Mỹ thi hành cuộc chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, cũng ở U Minh, lại diễn ra trận chiến của bộ đội địa phương, lần đầu tiên đánh bại chiến thuật trực thăng vận của địch tại Kè Một, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Với một địa hình bằng phẳng nhưng sinh lầy, ngập nước, không thuận lợi cho việc triển khai xây dựng hệ thống hầm hào, công sự phòng ngự, cất giấu kho tàng, cũng như triển khai những hợp đồng chiến đấu với các quân binh chủng lớn với vũ khí khí tài kỹ thuật nặng, nhưng U Minh Thượng lại có lợi thế ở hệ thống kinh rạch chằng chịt, độ che phủ của rừng dày đặc, dễ che giấu lực lượng và vũ khí, kể cả khi bộ đội ta hành quân đánh địch giữa ban ngày. Nơi đây cũng lại là một kho hậu cần tại chỗ phong phú, mà trong những năm đánh Mỹ nổi bật với phong trào “dập pháo” của nhân dân trong vùng, đóng góp một phần thu nhập hàng năm của hộ gia đình bằng trị giá mấy quả pháo bắn vào đồn địch.

Trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ của cách mạng, với đặc điểm sinh thái tự nhiên như thế, với vị thế đặc biệt trên bàn cờ địa - quân sự của chiến trường Tây Nam bộ và tỉnh Kiên Giang, U Minh Thượng không phải là một an toàn khu (ATK) như những an toàn khu ở Việt Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Nhưng lòng dân U Minh lại chính là một căn cứ vững chắc mà không kẻ thù nào có thể xuyên qua được hay phá nổi. Vì thế, trước sức mạnh tập trung của kẻ địch, bộ đội ta đứng chân ở đó, có lúc hàng sư đoàn mà như vô hình. Nhưng khi tiến công thì như sức thần công, nghiền nát kẻ thù.

U Minh Thượng trong nhiều năm kháng chiến là địa bàn đứng chân vững chắc của các cơ quan Nam Bộ sau năm 1945, của Khu Ủy khu Tây Nam bộ và các cơ quan Quân khu 9 trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước. Nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta như các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Huỳnh Phan Hộ, Võ Quang Anh, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Tấn Dũng cũng đã từng lăn lộn nơi đây, từng được nhân dân U Minh nuôi dưỡng, đùm bọc, chở che, bảo vệ

HUYỀN THOẠI U MINH

trong những năm tháng gian khổ khó khăn, ác liệt nhất của chiến trường miền Tây. Những tướng lĩnh và nhà lãnh đạo chính trị như Lê Đức Anh, Huỳnh Thủ, Đồng Văn Cống, Vũ Đức, Nguyễn Đệ... mà tài trí cầm quân vang danh cả nước, cũng đã từng lăn lộn trên chiến trường U Minh Thượng - Rạch Giá. Những nhà văn, nhà thơ Nam Bộ tài hoa như Sơn Nam, Nguyễn Bính, Trần Bạch Đằng, Kiên Giang, Anh Đức, cũng đã được sinh ra nơi đây, hoặc đã có những tháng năm lăn lộn trên mảnh đất U Minh này, và từ đây đã cho ra những tác phẩm để đời, sống mãi trong văn học Việt Nam, khi khắc họa rõ nét chân dung chân chất, nhân hậu nhưng khí phách đầy chất Anh hùng ca của con người U Minh trước mọi kẻ thù.

Trải qua nhiều thập kỷ, những kẻ xâm lược và cả những tên tay sai, bù nhìn bám gót giày của giặc ngoại xâm, luôn nhìn về U Minh Thượng với cái nhìn hằn học, bực tức, cay cú lẫn bất lực. Thực dân Pháp đào kinh xáng Xẻo Rô và kinh xáng Chác Băng, với mục đích chính là chia mũi dao nhọn đâm thẳng vào U Minh Thượng để xoá bỏ căn cứ cách mạng. Hai con kinh xáng lớn xẻ toạc, tách xẻ cả một vùng rừng mênh mông từ ngàn năm xưa, thành những vùng riêng biệt, tạo điều kiện dễ dàng cho chúng đưa quân vào đánh phá căn cứ cách mạng. Chúng bắt ép dân phu vào đây, vừa khai thác cây rừng, phá rừng, vừa phá chỗ dựa, căn cứ của cách mạng.

Năm 1952-1953, có lúc tên thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Tâm đề nghị đổ dầu đốt sạch rừng U Minh. Nguyễn Văn Thiệu, tên tướng nguy khét tiếng hiếu chiến, cũng là thống thống nguy quyền Sài Gòn, có lúc đưa hàng vạn quân đánh phá U Minh, trút xuống đây biết bao nhiêu bom đạn, kể cả chất độc hoá học, quyết “nhỏ cỏ U Minh”. Từ cuối 1969 đến 1971, địch đã 3 lần tiến hành kế hoạch “bình định” lấn chiếm, thực hiện cho bằng được ý đồ “nhỏ cỏ U Minh”. Có lúc đồn địch án ngữ hết mọi cửa rừng, thậm chí lấn vào sát bìa rừng. Bọn thám báo, biệt kích ngày đêm âm thầm luôn rừng như những con thú dữ tìm lực lượng, cơ quan của ta đánh phá, tiêu diệt.

Nhưng, rừng U Minh không phải là của kẻ xâm lược, không phải của kẻ tay sai. Vì thế, nên dù bao lần chúng đến U Minh, nhưng có đi mà không về, hoặc có về cũng què quặt, tan nát xác xơ. Không phải ngẫu nhiên, trong ca dao kháng chiến giai đoạn chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ở U Minh phổ biến có câu: “U Minh đi dễ khó về. Khi đi áo giáp, khi về áo quan”. Kết cục, chúng đều thất bại thảm hại trước chiến lũy U Minh Thượng vững chắc, kiên cường. Phụng hoàng bay gãy cánh. Pháo lớn gục nòng. Xe thiết giáp cháy rụi co rúm, chổng chơ. Quan quân địch thất vía kinh hồn, vứt bỏ cả súng đạn chạy khỏi Kè Một, Lò 12, Kinh Dân quân, Xẻo Cạn, Xẻo Bàn, Mương Đào, Kim Qui, Rọ Ghe để giữ toàn mạng sống. Những dòng kinh, dòng sông quanh U Minh Thượng ngập ngụa xác tàu chiến giặc bị bắn cháy, bị đánh chìm. Trước mưa bom bão đạn của địch, rừng U Minh vẫn xanh, nước U Minh vẫn đỏ thắm như lòng dân U Minh. Người U Minh vẫn lạc quan, vẫn một lòng kiên trinh, tin tưởng sắt đá ở cách

HUYỀN THOẠI U MINH

mạng, vẫn sát cánh cùng bộ đội ra trận đuổi Mỹ, diệt Ngụy, giải phóng hoàn toàn U Minh trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tháng 4/1975.

Cuộc chiến 20 năm chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân U Minh Thượng kết thúc, với những con số đi vào lịch sử của một quá khứ hào hùng: đánh chiếm và phá tan hàng chục cứ điểm quân sự lớn nhỏ, có những căn cứ hành quân cấp trung đoàn; diệt và loại khỏi vòng chiến hàng vạn tên địch, trong đó có nhiều tên Mỹ; bắn rơi hàng trăm máy bay hiện đại các loại; đánh hỏng hàng trăm khẩu pháo lớn; tịch thu và phá huỷ hàng ngàn vũ khí, phương tiện chiến tranh các loại.

Với những chiến công thần thánh và thành tích rạng ngời trong quá khứ đánh giặc cứu nước đó, hầu hết các huyện và hàng chục xã quanh U Minh đã được Nhà nước ta tuyên dương danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Có 117 bà mẹ được phong tặng Mẹ Việt Nam Anh hùng. Hàng chục cán bộ chiến sỹ các lực lượng vũ trang cũng đã được tuyên dương hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong những người con U Minh những năm tháng gian lao ấy, có người ngày nay trở thành nguyên thủ quốc gia, có người là tướng lĩnh, có người mà trí tuệ, bản lĩnh và nhân cách trở thành tài sản quý giá cho xã hội và các thế hệ mai sau.

Thế nhưng, như quy luật của mọi cuộc chiến tranh, bên cạnh vinh quang, hào hùng tột đỉnh đó trong thành tích chiến đấu và chiến thắng, sự mất mát cũng không hề nhỏ. Để có được độc lập tự do, cái giá cũng rất đắt.

Để có một U Minh Thượng xứng danh Anh hùng, đất U Minh cũng đã thấm máu của hàng ngàn liệt sỹ, hơn 2.000 thương binh. Ở khu rừng tràm Bang Biện Phú, đặc khu An Phước, nay thuộc huyện Vĩnh Thuận, trong 3 năm, địch đã thủ tiêu, giết chết trên 2.000 cán bộ, đảng viên và đồng bào. Hàng ngàn người dân lành vô tội phải chết do đạn bom của địch trút xuống, hay mang trên mình thương tật do chiến tranh hoặc di chứng của chiến tranh, chưa kể hậu quả của chất độc da cam kẻ địch rải xuống, mà hơn ba mươi năm qua, vẫn hiện diện rành rành trên cơ thể, trong cuộc đời của những đứa trẻ được sinh ra sau chiến tranh. Hàng vạn ngôi nhà bị bom đạn phá tan. Bao nhiêu vườn cây bị phá nát, chết gục dưới bom đạn hoặc chất độc màu da cam do kẻ địch rải xuống. Tài sản của hàng ngàn gia đình bị cướp đoạt, tàn phá. Có những đám giỗ tập thể ở một xóm ven rừng, mà người đến dự hôm nay, vẫn không thể nào quên được hình ảnh một ngày gió mưa, với hàng chục quan tài nằm đó trong cùng một xóm nhỏ. Có những ngôi “mộ gió” được lập ra ở nghĩa trang để tạm yên lòng người còn sống, để người hôm nay đến viếng có chỗ cắm nhang tưởng niệm trong dịp lễ, Tết, Thanh minh. Trên mộ chí ở hầu hết những nghĩa trang liệt sỹ quanh U Minh Thượng, đâu đâu cũng đều thấy người dưới mộ hầu hết là những người chỉ độ tuổi hai mươi, ba mươi. Chỉ một số ít độ tuổi bốn mươi, năm mươi. Đặc biệt, nhìn kỹ sẽ thấy trên mộ chí sự có mặt gần như đủ hết những vùng quê hương của đất nước Việt Nam. Rõ rồi. Để có được một anh

HUYỀN THOẠI U MINH

hùng ca chống Mỹ của U Minh Thượng, máu của tuổi trẻ cả nước đã dồn về đây, đã đổ xuống nơi đây trong những tháng năm ác liệt nhất. Sự hội tụ trong cái hy sinh lớn lao đó, càng làm cho bản lĩnh U Minh trở nên kiên cường, bất khuất. Những năm tháng ác liệt nhất, gian khổ nhất giai đoạn chống Mỹ cứu nước: thử thách và bản lĩnh U Minh, thử thách và bản lĩnh Việt Nam.

U Minh hôm nay đang thay da đổi thịt từng ngày. Ai lâu ngày trở lại U Minh Thượng, đều ngỡ ngàng trước những dòng kinh rộng mênh mang nước, lộng bóng những tàu thuyền xuôi ngược, những con đường tráng nhựa hay bê tông phẳng lì rộng rãi đủ các loại xe đạp đèo xuôi ngược. Gần như hầu hết xã đều có đường xe ô tô về tới trung tâm. Con đê ven rừng ngày xưa toàn lau sậy, giờ đã thành con đường nhựa, tuy chưa lớn, nhưng chạy bao quanh suốt U Minh Thượng, là hình ảnh mà những người ngày xưa chống xuống qua nơi này trong những tháng năm chống Mỹ không thể nào tưởng tượng nổi, nhưng đó đã là một thực tế hiển hiện dưới chân, trong tầm mắt. Những bến sông ken cứng ghe thuyền buôn bán, Những chợ xã, chợ huyện đông nghịt người mua kẻ bán, chật cứng hàng hoá. Những mái nhà ngói, nhà tôn ngày một trải khắp xóm ấp và cả những ngôi nhà lầu vươn cao, tuy chưa nhiều, đã tạo nên một cảnh sắc mới cho U Minh. Đặc biệt, trong những ngôi nhà dọc đường, đã thấy thỉnh thoảng có những chiếc xe du lịch đời mới đẹp đẽ nằm giữa nhà. Cái rừng ăngten truyền hình những năm đầu sau giải phóng đã được thay dần bằng những chiếc ăngten chảo tròn nằm khiêm tốn trên mái nhà, nhưng lại mở ra cho chủ nhà biết bao cái mới, chỉ qua những cái bấm tay trên remote điều khiển. Những góc rừng ngày xưa chỉ có tiếng bom đạn, tiếng máy bay địch gầm rú bắn phá, hôm nay đã vang vọng tiếng còi xe rộn ràng, tiếng giảng bài êm êm của những cô giáo trẻ dưới những lớp học khang trang, lẫn tiếng hát âm vang vui vẻ từ những chiếc TV, dàn nhạc của bọn trẻ khi đêm về. Cuộc sống đang đổi thay từng ngày trên đất U Minh, để có một U Minh mới hoàn toàn, trên một U Minh anh hùng của những năm tháng khói lửa chiến tranh. Đặc biệt nhất, không bao lâu nữa, ngay trong khu vực căn cứ cũ của Tỉnh uỷ những năm chống Mỹ, sẽ được phục dựng, tái hiện lại gần như nguyên trạng một khu căn cứ kháng chiến, nhằm làm cho thế hệ trẻ hôm nay hiểu được phần nào sự gian lao, mất mát, hy sinh của thế hệ cha anh giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giành độc lập cho đất nước. Qua đó giáo dục truyền thống yêu nước cho lớp trẻ, tạo thêm động lực góp tay xây dựng quê hương U Minh Thượng hôm nay và ngày mai càng thêm giàu đẹp, xứng đáng với sự hy sinh vĩ đại trong các cuộc kháng chiến thần thánh.

Chiến tranh kết thúc đã lâu. Nhưng hậu quả và di chứng của nó đâu đã dễ phai trong lòng người còn sống, và cả với thế hệ chưa hề biết tiếng đạn bom, đau thương mất mát của chiến tranh. Khép lại quá khứ. Hướng về tương lai. Đó là việc cần làm, việc phải làm hiện nay và những ngày sắp tới. Nhưng, sẽ không được quên quá khứ.

HUYỀN THOẠI U MINH

Không được quên chiến tranh với những mất mát, đau thương đã xảy ra ở đây, trên mảnh đất U Minh Thượng này. Đó là mệnh lệnh thiêng liêng của quá khứ, là mệnh lệnh tất yếu của lịch sử. Đó là nhắn nhủ của những người đã vĩnh viễn nằm xuống, đã hiến trọn cuộc đời mình để đất nước quang vinh, cho U Minh mãi mãi toả sáng; để quá khứ luôn hiện diện rạng rỡ trong mỗi cuộc đời hôm nay. Và cũng là hành trang chắc nịch cho mỗi gương mặt trẻ vào đời của thế kỷ này.

Quên quá khứ, sẽ không có tương lai.

* * *

Có thể những nội dung các bài viết của một số tác giả đề cập trong tập sách này, chưa thể hàm chứa hết những gì về U Minh Thượng, một vùng đất lịch sử, một vùng sinh thái tự nhiên và nhân văn đặc biệt. Nhưng dẫu sao cũng đã là một sự cố gắng, một cảm thức chân thành hôm nay, một thái độ trân trọng cần thiết về một giai đoạn, một thời gian lịch sử đầy chất anh hùng ca huyền thoại của vùng đất đặc biệt phương Nam, của Tổ quốc Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến giữ nước thần thánh, mà những người viết mong mỗi gửi đến với bao người gần xa.

Tỉnh uỷ Kiên Giang trân trọng và chân thành cảm ơn nghĩa cử quý báu của Công ty Văn hoá Trí Tuệ Việt, đã dành kinh phí thoả đáng đầu tư biên tập và xuất bản tập sách này, tiếp sau tập sách quý “Huyền thoại Phú Quốc”. Chúng tôi cho rằng đây là việc làm thiết thực, đầy ý nghĩa, thể hiện thái độ tri ân, uống nước nhớ nguồn đối với những người con của Tổ quốc, đã anh dũng ngã xuống cho độc lập tự do của đất nước, trường tồn của dân tộc Việt Nam. Một nghĩa cử cụ thể luôn đáng trân trọng và thiết thực hơn ngàn lời nói. Xin chúc Công ty đạt những kết quả ngày càng cao hơn trên con đường hoạt động và góp phần lớn hơn cho xã hội. Kính chào chân thành và trân trọng.

T.Q.T

VĂN TẾ LINH HỒN
CÁC LIỆT SỸ CÁCH MẠNG VÙNG
U MINH THƯỢNG ĐÃ HY SINH
TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ
TỔ QUỐC

*Chiến tranh đã qua hơn một phần ba thế kỷ
Cuộc sống thanh bình đã trở lại U Minh,
Nơi thấm đẫm máu xương của hàng triệu sinh linh;
và từng viết nên bản hùng ca bất hủ
trong cuộc chiến ba chục năm ròng
chống giặc ngoại xâm.*

*U Minh, cả hôm qua và hôm nay,
vẫn là Miền ký ức sâu nặng tình người
của triệu triệu con tim.*

*Bởi U Minh là cội nguồn, một cõi thiêng liêng:
Giữa những lớp rừng già nguyên sinh và tái tạo,
còn trầm tích trong lòng một Văn hóa Óc-Eo,
dấu tích người xưa
đi mở đất và giữ đất
nơi tận cùng Tổ quốc thân yêu.*

HUYỀN THOẠI U MINH

*Nơi ấy còn in đậm dấu chân người Anh hùng Nguyễn Trung Trực
mà khí phách của ông bất tử muôn đời.
Và cả cuộc trường chinh vệ quốc hôm qua,
U Minh là căn cứ địa kiên cường
của miền Tây Nam bộ
nơi trực tiếp đối đầu với kẻ địch dã man
Kẻ thù cũng hiểu rõ U Minh, chúng không chịu đứng nhìn
mà quyết triệt hạ để dễ bề thống trị dài lâu
Cả vạn tấn đạn bom, chất độc đêm ngày đổ xuống,
rồi những cuộc hành quân Bình định bạo tàn,
và những chương trình Nhổ cỏ U Minh khốc liệt
Người chết, nhà tan, xóm làng tàn phá
ruộng vườn bị cày đi xới lại bởi đạn bom
U Minh là máu, là lửa, là tội ác kẻ thù !
Là cả lòng dân kiên cường và bất khuất
Dâng hiến cho đời những Huyền thoại U Minh*

*Cuộc chiến nào mà không có hy sinh.
Chiến thắng nào lại không đổi bằng nước mắt!
Thắng được kẻ thù là điều lớn nhất,
là vinh quang xuyên suốt chặng đường dài.
Nhưng còn mãi nỗi niềm không thể nào nguôi
của những người đang sống:
Hơn sáu nghìn năm trăm liệt sỹ
Hàng vạn người mang thương tật đón đau
từ những năm dài đánh giặc giữ căn cứ U Minh*

Hôm nay đây:

giữa biển đời cao rộng

Xin dâng tấm đan thành trước ngàn vạn anh linh

Mà khẩn rằng:

Giữa đất trời U Minh một cõi,

nhớ máu gan xưa

Trong rừng Tràm căn cứ kiên trung,

công lao tạo dựng

Nhớ linh xưa:

Chí khí anh hùng

Vẹn lòng yêu nước

Hận quân thù mà dâng hiến cho non sông

Không quản ngại hy sinh tính mạng!

Gặp lúc phong ba, quyết chí nghiêng tuôn dòng máu đỏ

Trăm trận đương đầu đánh bại giặc bình định U Minh

Ba chục năm ròng - Hơn chục ngàn ngày đau thương nếm trải

Lâm liệt lời thề lay động đất phương Nam

Quên sao được:

Những tên người, tên đất

Những dòng kênh đỏ máu căm thù

Nơi rừng Tràm Bang Biện Phú tang thương

Mổ bụng, moi gan, dã man hơn cả thời trung cổ

Và còn nữa một chi khu Hiếu Lễ

Giặc dựng lên nuôi uất hận, bạo tàn

Máy chém, kẻ thù lê khắp chốn cùng quê

Chặt đầu người mà như một trò chơi tàn khốc

Vẫn chưa hết: Những Ngã ba Cây Bàng, Ngã tư Công Sự

*Những Bàu Môn, Cái Lớn, Xẻo Rô
Và còn nhiều địa danh khác nữa
Khắc ghi trong lòng bao thế hệ U Minh*

*Than ôi!
Mây bạc xa ngăn cuộc thế, não nùng thắm cảnh, nỗi niềm lo
Sùi sụt bao lòng thêm nhức nhối
Ngậm ngùi trong dạ, luống bấn khoăn
Âm dương cách biệt, sao tìm lại
Dấu lòng nhung nhớ, mãi ai ngăn?
Hỡi các anh linh, vạn dặm xa mờ
để lại giữa cuộc đời biết bao thương nhớ!
Dâu bể bao lần sóng vỗ
Trời mây xanh ngắt một màu
U Minh vẫn rùng Tràm ghi dấu
Màu nước nâu hồng, người và đất chung nhau
Hỡi các anh linh,
những cuộc đời không bao giờ thêm tuổi
Xin chứng cho lòng người trọn nghĩa trước sau
 Dấu biết rằng sự tri ân không bao giờ là đủ.
Một nén tâm nhang thay được cõi lòng
Trang sách quý - Một tượng đài bằng chữ
Mong giữ bên nguồn cội U Minh.
Xin dâng lên hương hồn các liệt sĩ anh linh!
Còn sống mãi với thời gian
Huyền thoại U Minh kiên cường, trung dũng
dưới trời xanh...*

U MINH

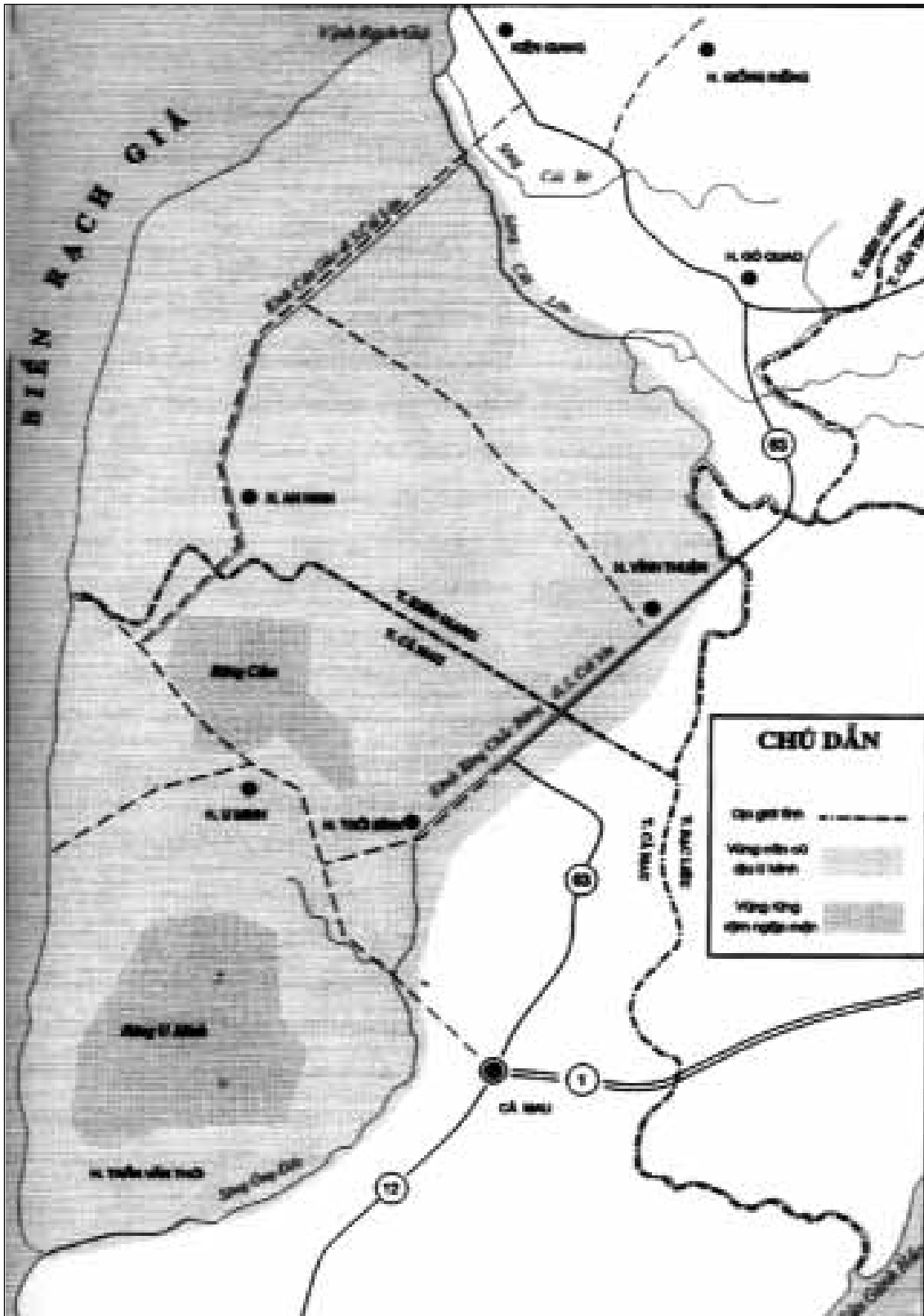
VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI



Có một huyền thoại - Huyền thoại kể về một vùng đất từ ngàn xưa, nơi có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô tận, vừa hoang sơ, vừa kỳ vĩ; Với những loài thú ăn thịt nổi tiếng như cọp, beo, cá sấu, ròi trăn, rắn, rùa, cá...; huyền thoại về những đàn ong, sân chim. Và trên hết là huyền thoại về những con người can trường đầy nghĩa khí. Ở với rừng, nương náu trong rừng, vừa giữ rừng, giữ đất để làm nên những kỳ tích trong lịch sử lâu dài đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Đó chính là tên gọi U Minh Thượng, là đất và người U Minh Thượng đậm chất nhân văn trên bản đồ Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

CĂN CỨ ĐỊA U MINH

(Nguồn: Phòng KHCN - MT Quân khu 9)



U MINH THƯỢNG VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

* U MINH - LỊCH SỬ MỘT TÊN GỌI

Sử sách kể rằng, từ buổi đầu xa xưa khi người dân đất Việt đi tìm đường mở cõi đến vùng đất mới này, thấy quang cảnh âm u vắng lặng, rừng cây rậm rạp đến nỗi ánh nắng mặt trời không lọt vào được nên cất lên tiếng gọi “U Minh”. Đó là cụm từ chỉ chung về miền đất ấy chứ không phải là tên rừng. Như thế hai chữ “U Minh” khởi nguồn từ thực tế “tăm tối, u mê” của một vùng đất rừng chưa có con người khai mở. Tên gọi ấy mãi sau này, chỉ khoảng nửa thế kỷ trở lại đây, người dân mới gắn U Minh với tên rừng, gọi là rừng U Minh. Bởi khi đó, vùng đất này có nhiều lưu dân đến khai phá nên U Minh đã bị phân hóa thành ruộng, vườn... và nó trở thành danh từ riêng để chỉ về một địa danh.

Cho đến bây giờ, hai tiếng U Minh vẫn được hiểu là vùng đất “Tối tăm mù mịt” cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Ở đó, cũng chưa lâu lắm, vẫn còn là một vùng đất xa xôi, yên lặng, sâu kín, tối tăm nhưng cũng có chỗ sáng, chỗ tối với những loại cây sống nhiều ở vùng ven biển như: cây vẹt, cây bần, cây mắm, cây cóc... Và nhiều loại cây ráng, cây dón, dây choại leo trèo chằng chịt, hay những loại cây chịu ngập nước như: cây sậy, cây đế, cây nga... mọc chen nhau dày đặc, bạt ngàn... Tuy vậy, tùy theo địa hình, địa mạo, tùy trạng thái thủy văn, thời tiết mà trong lòng rừng có thể có đặc điểm khác nhau. Về mùa khô, bạt ngàn lớp những thân tràm đổ xô vượt lên sừng sững với những tán lá tràm đua nhau che kín phía bầu trời. Trong mùa mưa, mặt nước lại tạo cho lòng rừng một bình diện phẳng lặng, yên tĩnh đến lạ thường dưới những tán lá tràm, cùng những mảng xanh vô

HUYỀN THOẠI U MINH



*Đường vào rừng
U Minh hôm nay*

tận bèo cám, bèo tai tượng lấp lánh dưới nắng rừng loang lổ.

Khoảng một trăm năm trước, U Minh giống như một thảo cầm viên khổng lồ với vô vàn các loại chim, cò, các loài động vật sinh sống. Đặc biệt nơi đây là một “kho” cá đồng vô tận với trữ lượng hàng ngàn tấn mỗi năm. Thời xưa ấy, nơi đây vốn là rừng rậm mịt mù, nơi ngự trị của các loài thú dữ, rắn độc, cá sấu, đĩa, vát, muỗi, mòng..., trở thành tai họa khủng khiếp cho bất cứ ai bị tình thế bắt buộc phải phiêu bạt đến đây. Đến với U Minh thời đó coi là đi vào cõi chết. Nhưng, U Minh không phải chỉ có vậy, càng ngày con người càng nhận thấy vùng đất này thuộc loại màu mỡ hiếm có. Và người ta bắt đầu khai phá để dần dần vùng đất ấy có ranh giới rõ rệt giữa rừng và đồng ruộng.

Cuộc sống ngày càng phát triển, con người ngày càng có nhu cầu cao hơn trong việc khai phá và chinh phục tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của mình. Do đó họ đã bất chấp khó khăn để kiên trì khai phá dần dần để lấy đất trồng lúa, trồng cây hoa màu... Trong quá trình đó, người ta phải đào kinh, dẫn nước... và tạo nên hàng loạt công trình thủy lợi dẫn nước ra biển, có tên rạch Thứ nhất, Thứ hai, Thứ ba... Thứ mười. Ngày nay dân gian gọi chung là Miệt Thứ.

Một thực tế là từ bàn tay khai phá, “chinh phục” của con người, vùng đất rừng U Minh ngày càng thu hẹp, mất dần chỉ còn lại không nhiều. Nhưng đó vẫn đủ để chúng ta cảm nhận về U Minh, về một vùng đất rừng đặc thù nơi Tây Nam Tổ quốc.

HUYỀN THOẠI U MINH

* U MINH THƯỢNG - VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

U Minh nói chung (bao gồm cả U Minh Hạ và U Minh Thượng) là một vùng rừng ngập mặn thuộc lưu vực sông Cửu Long, nằm trên phần đất của cả 2 tỉnh Cà Mau và Kiên Giang, có tổng diện tích khoảng 30 nghìn hecta. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, địa bàn U Minh phần lớn nằm ở các huyện Vĩnh Thuận, An Minh, An Biên (Kiên Giang) và các huyện U Minh, Thới Bình, Trần Văn Thời (Cà Mau). Dòng sông Trẹm và sông Cái Tàu chia U Minh thành hai vùng là U Minh Thượng và U Minh Hạ. Trong đó, U Minh Thượng chủ yếu nằm ở phía Bắc sông Trẹm, thuộc địa phận các huyện U Minh Thượng, An Minh, An Biên và Vĩnh Thuận của tỉnh Kiên Giang ngày nay.

Trong nội dung này, xin được nói về U Minh Thượng.

U Minh Thượng chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới. Hàng năm chia ra 2 mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, thời tiết nắng khô, oi bức nhưng vào trong rừng vẫn thấy mát mẻ; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa rất lớn, nước mưa tràn đầy nhưng tiêu thoát nhanh ra biển do độ nghiêng của đất và do kinh rạch chằng chịt, trừ một vài nơi bị úng do đất thấp trũng.

Nguồn lợi từ rừng U Minh Thượng xưa kia thật phong phú và cũng thật độc đáo so với bất cứ nơi nào: Thời trước, lông chim là một nguồn lợi lớn của rừng U Minh được khai thác và xuất khẩu rất đắt giá. Theo tài liệu điều tra của người



Sức sống
rừng U Minh

HUYỀN THOẠI U MINH

Pháp năm 1873 cho biết, nhiều sân chim trong vùng rừng tràm, người ta khai thác vào mùa chim đẻ trứng, mỗi đêm thu được trên 1.000 đến 2.000 bộ lông. Riêng trong đêm 16 tháng 3 năm 1873, tại sân chim Cái Nước thu 5.000 bộ lông chim và tại sân Chác Bàng (Đường Sân) liên tiếp trong 3 đêm trên 16.000 con chim bị giết để thu lông. Xác chim vớt thành gò đống, trôi nghẽn cả sông...

Hàng năm cứ vào tháng 3, rừng tràm U Minh trở bông, màu trắng bạt ngàn cùng với mùi thơm dịu dịu thu hút những đàn ong gây mật. Nghề “ăn ong” (tức khai thác lấy mật và sáp ong) được người địa phương lập thành từng nhóm làm nghề. Sáp ong lấy từ bông tràm mới, có màu trắng, dùng làm nến (bạch lập). Mật và sáp được cung cấp cho nội địa và xuất khẩu.

Cá đồng U Minh lại càng dồi dào, nhiều đến nỗi mỗi lần có tiếng sấm bất thần, cá quây lên tạo thành tiếng vang cả một khu vực. Cá dồn xuống đìa “ục như cơm sôi”. Do giao thông cách trở, cá đồng U Minh khi ấy không được tiêu thụ rộng rãi ra ngoài vùng nên người ta làm mắm cá đồng. Mắm cá đồng U Minh là một đặc sản, ngày nay vẫn được nhiều người ưa thích.

Rừng U Minh là một bộ phận hợp thành của hệ thống sinh thái rừng đầm lầy Nam bộ, là rừng tràm thuần chủng.

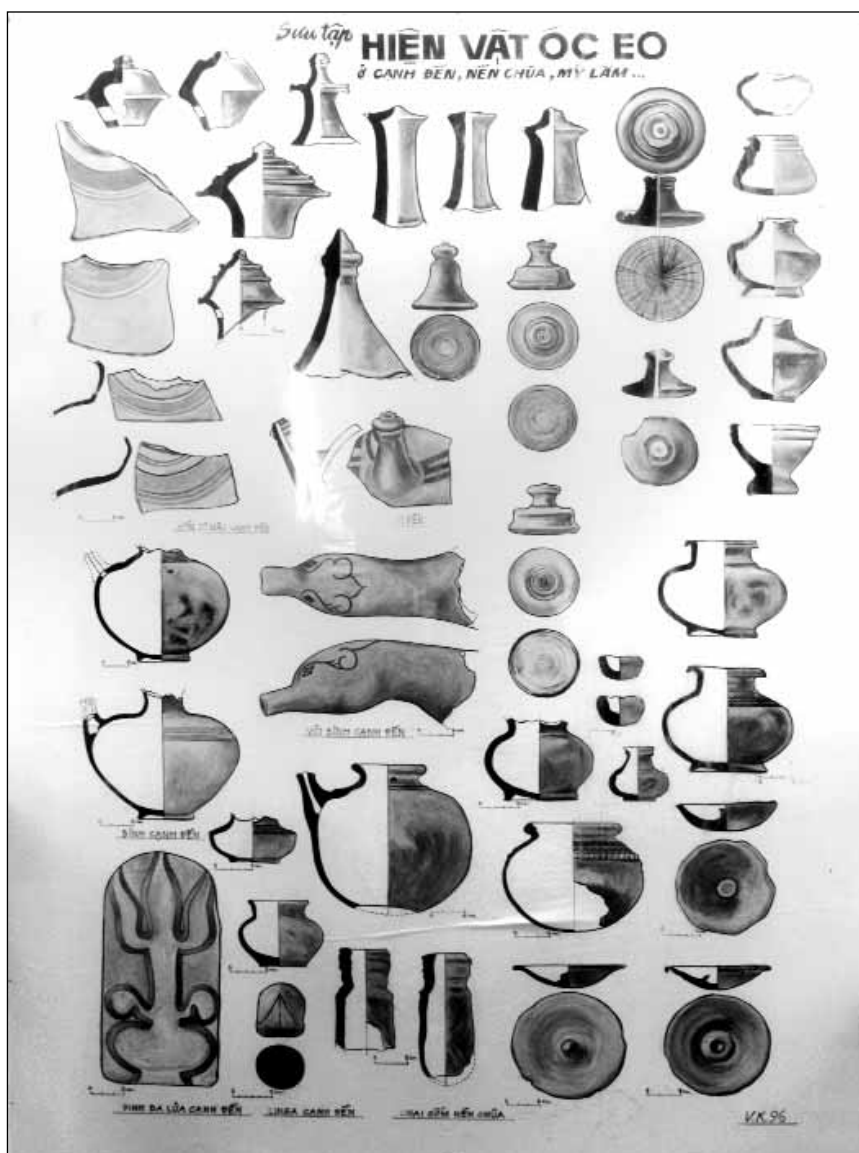
Tuy còn rất ít, nhưng có thể vào khoảng thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ VII sau công nguyên đã có người sinh sống ở đây; hiện còn để lại nhiều di chỉ trong lòng đất được gọi là “Nền văn hóa Óc - Eo Phù Nam”. Những di chỉ này đã được nhà khảo cổ học người Pháp Malleret phát hiện từ năm 1938. Nhiều sử liệu đã ghi nhận sự có mặt của nền văn hóa này. Óc Eo: Một địa điểm trước đây thuộc làng Mỹ Lâm, Tổng Kiên Hảo, quận Châu Thành tỉnh Rạch Giá, nay thuộc xã Vọng Thê huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang.

Theo các nhà khảo cổ học, căn cứ vào những chứng cứ, chứng tích xác thực như bia đá bản khắc trên cột đèn, vách thành, những đoạn sử, những di vật tìm thấy trong lòng đất thì nền văn hóa Óc - Eo có niên đại từ thế kỷ thứ I sau công nguyên, trải qua một thời kỳ cực thịnh từ thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ V sau công nguyên, sau đó Phù Nam bị Chân Lạp xâm chiếm và tiêu diệt vào thế kỷ thứ VI (Theo tài liệu *Đông Nam Á Lược sử* - G.H.Hall - Nguyễn Phúc Tấn dịch - trang 72). Hiện vật của nền văn hóa Phù Nam được tìm thấy rải rác ở nhiều nơi và nhiều hiện vật rất quý giá, tiêu biểu như 4 tấm bia khắc chữ Samskrit: 2 tấm đá chạm hình thần Vih - nou tìm thấy ở Đồng Tháp và Kampốt, 1 tấm bia ở Võ Canh (Khánh Hòa), 1 tấm đá chạm hình Phật tìm thấy ở Bati phía Nam Phnom - pênh. Cả 4 tấm bia này đều có niên đại từ thế kỷ thứ VI, sau công nguyên.

HUYỀN THOẠI U MINH

Sự tồn tại thật sự của một dân tộc vốn một thời hùng mạnh và có nền văn hóa phát triển cao, đã được minh chứng qua một số di tích được khảo sát, khai quật và hiện đang tiếp tục được khảo sát và nghiên cứu ở vùng U Minh Thượng.

Trước tiên hãy đến di tích Cạnh Đền (Thnol — roy hoặc Thnol-mo-roy hay Cent-rues nghĩa là Trăm Đường hoặc Trăm Phố) thuộc ấp Cạnh Đền II, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, cách thành phố Rạch Giá 70km và cách di tích Óc — Eo 90km về phía Đông Nam. Di chỉ này được biết đến vào năm 1938. Di tích nằm trên vùng đồng bằng thấp thuộc vùng sông biển bán đảo Cà Mau, trong vùng U Minh Thượng. Truyền thuyết dân gian còn cho biết nơi đây là điểm đóng



Hiện vật di chỉ
khảo cổ Óc Eo

HUYỀN THOẠI U MINH

quân của vua Gia Long trong lúc chạy nạn Tây Sơn và có tên gọi là Liếp Đá, Liếp Vườn, đền Công Chúa hoặc nền Công Chúa.

Năm 1981, di tích được Bảo tàng Kiên Giang và Viện Khảo Cổ thành phố Hồ Chí Minh khảo sát, kiểm chứng tại hiện trường; có 3 khu vực đã được đánh giá còn tương đối nguyên vẹn: khu di tích Đền Vua là nơi có khả năng tìm thấy mộ táng trên gò và nơi cư trú là ở vùng đất thấp dưới chân gò; khu vực kinh Chín Huệ là nơi tìm thấy 5 chiếc sọ cổ vào năm 1944; khu Liếp Đất cũng là nơi cư trú của người cổ xưa.

Đợt đào thám sát vào năm 1986 đã cho phép xác định đây là khu di tích quan trọng thuộc nền văn hóa Óc — Eo. Khu di tích có 3 loại hình: di chỉ kiến trúc, di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng với nhiều loại hình, di vật phong phú và đa dạng như gạch, đá, gỗ. Những di vật thuộc loại hình vật thờ tìm thấy trong các mộ táng như: Lin-ga bằng đá hoa cương, phù điêu có hình đỉnh ba lửa — vật tượng trưng cho sức mạnh của thần Si - Va bằng đá sa thạch xám. Di vật thuộc loại hình cư trú sinh hoạt gồm rất nhiều chủng loại với chất liệu phong phú như: Gốm, đất nung, đất sùng tìm thấy than củi, trái cây, hạt lúa cổ, xương động vật, xương người. Đặc biệt có 13 con dấu, phần lớn các con dấu đều có mặt “đóng dấu” được chạm khắc hình người, hình vật thể, chữ cổ tất cả đều ở dạng lõm. Theo phỏng định, chúng dùng đóng trên bề mặt một số chất ở dạng sáp đông đặc hay còn mềm như chì, thiếc đồng, đất sét ướt

Vào tháng 4 năm 1995, được phép của UBND tỉnh Kiên Giang, Bảo Tàng Kiên Giang kết hợp với Viện Khảo Cổ học Hà Nội tiếp tục đào thám sát di chỉ Cạnh Đền, nghiên cứu đời sống sinh hoạt cùng cương vực cư trú của nền văn hóa cổ này. Qua kết quả đào thám sát tại Đền Vua và Cạnh Đền II, có thể kết luận: khu Đền Vua là khu có nền đất đắp khá lớn, dày khoảng 1m, xung quanh có nhiều tảng đá lớn và gạch, có thể đây là khu vực kiến trúc mộ táng ở vào thế kỷ thứ V — VI, sau công nguyên.

Tại khu vực Cạnh Đền II, qua các tầng văn hóa cho thấy đây là khu vực cư trú của người cổ. Khu cư trú này bề dày còn lại khoảng 50cm — 60cm. Tổng số di vật tìm thấy tại đây lên tới hàng mấy ngàn mảnh gốm, đá, xương các loại. Chỉ riêng ở hố đào I với diện tích 15m² đã thu được 2.926 mảnh gốm, 14 mảnh xương các loại, 3 mảnh đá có dấu gia công. Loại hình hiện vật ở đây khá phong phú gồm: nồi, bình, tô, chén, đĩa. Đặc biệt ở đây tìm thấy một di vật có thể là đồ chơi của trẻ em Cạnh Đền ngày xưa.

Bên cạnh khu Đền Vua, cách đó chừng 20m về phía Tây các nhà khảo cổ còn tìm thấy một hệ thống chân cột gồm 18 cái, chia thành 3 hàng khá đều nhau, phân bố một khoảng dọc 20m chiều dài. Đường kính các cột này khoảng 28cm - 30cm. Đây là loại gỗ quý hiếm không có tại địa phương. Rất có thể nằm trên hệ thống chân cột này là một công trình kiến trúc to lớn, đồ sộ. Nó gợi ý tốt cho hướng tìm hiểu một công trình kiến trúc trung tâm tín ngưỡng quan trọng của cư dân trong khu vực vào thời đó.

Bên cạnh kiến trúc này, vào thời kỳ 1985 - 1986 người ta tìm thấy một tượng đá yo-ni có kích thước 47cm x 20cm, vòi dài ra 20cm. Ở giữa yo-ni có một hình chữ nhật 10cm x 15cm. Hiện chưa tìm thấy lin-ga đồng bộ. Hiện vật này hiện đang được lưu giữ tại chùa “Hưng Long Cảnh Tự”.

Việc phát hiện những vỏ sò, điệp tại di tích Cảnh Đền cho phép khẳng định việc cư trú của một tập đoàn người làm nghề chằm khảm sống ở vùng này hoặc ít ra họ cũng là những thương gia chuyên mua bán, sơ chế mặt hàng này.

Cùng với hệ thống cột gỗ, nhà sàn và bộ sưu tập con dấu ở các lần đào thám sát có thể chứng minh sự giao lưu buôn bán vào thời đó phát triển mạnh. Khu di tích Cảnh Đền hay thị trấn Trăm Đường hay là cảng thị Cảnh Đền đã từng là khu vực buôn bán sầm uất vào giai đoạn cuối của nền văn hóa Óc - Eo Phù Nam.

Di tích thứ hai là di tích Kèo Mọt. Di tích này nằm trong khu vực rừng tràm, trên một gò có miếu thờ, theo dân gian ở đây thờ “Ông Vua”. Từ mấy mươi năm trước rừng tràm bị cháy, dân chúng tiếp tục khai khẩn đất sản xuất. Riêng khu vực gò do ở vị trí khá cao so với mặt đất xung quanh nên được san bằng để làm trường học của xã Vĩnh Bình Bắc. Phần gò còn lại hiện nay rất nhỏ so với diện tích 40m² và cao 30cm trước đây, trên đỉnh có mô đất và khối đá hoa cương, vài viên gạch cổ có kích thước khá lớn, có 3 cây dầu rễ bám chặt vào đá trong gò.

Vào năm 1989 - 1990, học sinh ở trường đã tìm thấy hai pho tượng nhỏ bằng đồng dưới mặt đất. Một tượng được gọi là tượng “Công Chúa” đã bị thất lạc, một tượng còn nguyên là tượng thần U - Ma chiến thắng Quỷ Trâu. Khi khai quật đã phát hiện được một ngôi mộ cổ còn nguyên được xây chìm dưới mặt đất. Huyệt mộ hình vuông được đắp nền bằng đá hoa cương, cát, đất sét. Giữa mộ có gạch xây thành hai hình vuông giống nhau. Trong mộ có 40 hiện vật bằng vàng, kim loại thường, đá quý gồm: nhẫn, bông tai, khuyên tai, vòng tay, lá vàng, mảnh kim loại có chạm hình bông, hình voi, hình bò, hình rùa, hình rắn. Ngoài ra còn

HUYỀN THOẠI U MINH

có mảnh kim loại trong, có thể là tiền cổ.

Di tích thứ ba là Nền Vua. Từ xưa đến nay hầu hết người dân U Minh đều biết Nền Vua ở giữa rừng U Minh. Ở đây có 6 cái nền, mỗi cái có diện tích khoảng 1.000m², từ nền này đến nền kia cách nhau khoảng 30m - 40m. Hiện nay Nền Vua nằm ở kinh 10, ấp Kiên Ninh, xã Ninh Thuận. Theo khảo sát ban đầu, các mảnh gốm thu được trên Nền Vua có niên đại khoảng thế kỷ thứ I — II sau công nguyên, cùng thời với nền văn hóa Óoc - Eo.

Cùng với các di chỉ đó, nhiều chiếc ghe cổ, xương động vật và nhiều di chỉ khác cũng đã được phát hiện trên khu vực U Minh Thượng.

Khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam (1859) thì vùng đất này đã có những nhóm dân cư ở rải rác, đến đầu thế kỷ XX dân số U Minh Thượng mới thật sự phát triển, nhất là sau khi hoàn thành 2 con kinh Chắc Băng (1924) và Xẻo Rô (1932).

Do cư dân từ nhiều nơi đến nên một phần bị ảnh hưởng của những tôn giáo lớn. Một số người theo đạo Phật, một số theo đạo Thiên Chúa. Về sau có người theo đạo Cao Đài, Hòa Hảo. Nhưng phần đông là không theo tôn giáo nào mà chỉ thờ cúng Tổ tiên.

Vào giữa thế kỷ XIX, triều Nguyễn lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng đã đẩy đất nước vào cảnh bi thảm, người dân lại thêm những nỗi thống khổ do bị thực dân Pháp xâm lược thống trị.

Năm 1862, Vua Tự Đức đã ký hòa nước Nhâm Tuất, chính thức nhượng 3



*Hồi sinh
U Minh Thượng*

HUYỀN THOẠI U MINH



*Thăm di tích lịch sử
tại rừng Tràm
U Minh Thượng*

tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp. Bảy giờ các sĩ phu và văn thân liền bỏ đất Pháp đã chiếm, gọi là đất “Bạch Quỷ” kéo xuống 3 tỉnh miền Tây để tìm cách chống giặc Pháp. Đây là đợt di dân cơ chế, một tập thể người Việt từ miền Đông Nam kỳ lại kéo về Rạch Giá, Hà Tiên để cùng với nhân dân tại chỗ khai phá rừng hoang, chung lưng đấu cật, chống giặc cứu nước.

Năm 1876, khi Triều Nguyễn lại nộp 3 tỉnh miền Tây cho Pháp thì phong trào kháng Pháp thực sự bùng nổ khắp miền “Lục Tỉnh”, trong đó có cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực. Lúc này U Minh Thượng là một hiểm địa “Tiến khả công, thoái khả thủ” nên ngay từ năm 1867 đã trở thành căn cứ chống giặc. Nhân dân các làng: Vĩnh Hòa, Đông Yên, Tây Yên, Tà Niên v.v đã nhất tề đứng lên theo Ông Nguyễn Trung Trực phát cờ khởi nghĩa.

4 giờ sáng ngày 16/6/1868, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực từ các vùng căn cứ U Minh, Hòn Chông tiến ra đánh úp đồn Kiên Giang diệt 5 võ quan Pháp, 67 lính, thu toàn bộ vũ khí, làm chủ tình hình Rạch Giá 6 ngày. Ngày 18/6/1868, quân Pháp kéo đến phản công. Sau 3 ngày chiến đấu không cân sức, ngày 21/6/1868, nghĩa quân lui về Hòn Chông rồi rút ra đảo Phú Quốc. Thực dân Pháp cho quân truy kích, nghĩa quân chống trả quyết liệt, cuối cùng Nguyễn Trung Trực bị sa vào tay giặc. Ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đưa ông về xử chém tại Rạch Giá. Nguyễn Trung Trực đã khảng khái thét vào mặt kẻ thù “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”. Lời ông Nguyễn như một bản Tuyên ngôn đối với mọi kẻ thù xâm lược, khảng định tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam, một di huấn thiêng liêng cho các thế hệ; 140 năm

HUYỀN THOẠI U MINH

đã qua nhưng người dân Kiên Giang từ già đến trẻ không ai quên hai câu thơ của nhà thơ yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt ca ngợi chiến công của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực:

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỳ thần*

Giặc Pháp kinh sợ nhân dân 2 làng Đông Yên và Tây Yên ở U Minh Thượng, chúng khép họ là giặc và gọi 2 làng này là Đông Tặc, Tây Tặc, nhân dân không chịu, đấu tranh quyết liệt, đến năm 1895 chúng phải trả lại tên 2 làng Đông Yên và Tây Yên như trước.

Năm 1872 cũng vẫn ở U Minh Thượng, hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự đã dấy lên phong trào nông dân đấu tranh khá mạnh, giết bọn lính mã tà rồi đập cản, hàn sông chống cự bọn giặc đến đàn áp. Sau khi phong trào khởi nghĩa lắng xuống, thực dân Pháp tạm thời bình định và bắt đầu khai thác nguồn lợi vùng U Minh. Chủ yếu là nguồn lợi thiên nhiên thông qua chính sách thuế khóa như thuế “phong ngạn” (mật ong và sáp), thuế săn chim, thuế vào rừng, thuế thủy lợi (cho đấu thầu bắt tôm cá). Chúng cho “công ty khai thác lâm sản miền Tây” của bọn tư sản Pháp độc quyền khai thác rừng, và cho bọn địa chủ Pháp với một số tay sai người Việt, kể cả bọn giáo sĩ chiếm đất của nông dân khai hoang, phần lớn bọn địa chủ người Pháp giao quyền cho bọn cai điền trông nom. Bọn cai điền, bọn chủ đường cày quyền thế ức hiếp nông dân rất tàn nhẫn. Chúng còn thúc đẩy việc đào kinh, từ đây thu hút người xin trưng khẩn rồi chỉ mấy năm sau chúng mặc nhiên thu thuế điền và nhiều thứ lợi lộc khác trong nguồn lợi sẵn có của rừng tràm.

Năm 1924 đào xong kinh Chác Băng, năm 1932 đào xong kinh xáng Xẻo Rô - Cán Gáo. Các con kinh này trở thành trục giao thông xương sống của vùng U Minh Thượng.

Ách áp bức bóc lột của thực dân phong kiến càng đè nặng thì lòng khát khao tự do cũng bốc cao. Vốn sẵn có trong mình dòng máu chinh phục thiên nhiên dữ dằn khắc nghiệt và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm, kế tục truyền thống Nguyễn Trung Trực, người dân U Minh Thượng quyết tâm đấu tranh giành độc lập tự do, no ấm. Đó chính là yếu tố “nhân hòa” để U Minh Thượng trở thành căn cứ địa cách mạng.

Ban biên tập

U MINH THƯỢNG - NGUỒN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÔ GIÁ

Nhắc tới U Minh nói chung và U Minh Thượng nói riêng, không thể không nói tới rừng tràm lớn nhất đất nước. Đó là niềm tự hào của người dân U Minh Thượng. Với tất cả những giá trị lớn lao có được, rừng tràm U Minh có thể coi như một đặc ân của thiên nhiên dành cho người dân trong vùng. Bởi nó không chỉ là nguồn tài nguyên vô giá về kinh tế, là tấm áo giáp bảo vệ độ phì nhiêu của đất trồng, mà còn là tấm lá chắn che chở cho đất khỏi bị xói mòn cuốn trôi, là cái máy khổng lồ cải biến khí hậu thiên nhiên, một tấm màn lọc góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Rừng từ lâu thực sự trở thành người bạn thủy chung giúp đỡ sự sống của người dân U Minh qua tất cả các thời đại.

Theo các nhà khoa học vùng đất U Minh chỉ mới trời lên khỏi mực nước biển chừng 2000 năm trước đây. Thực ra, con người đến định cư ở đây cũng từ khá lâu rồi; nhưng đến thế kỷ VII thì suy tàn, để lại nền văn hóa Óc Eo nổi tiếng ở vùng đất thuộc huyện Thoại Sơn (An Giang) ngày nay. Khi lưu dân Việt đến đây từ nhiều thế kỷ trước, thấy rừng bao la và âm u hoang vắng nên gọi chung là *cõi U Minh*. Tuy nhiên, địa danh rừng U Minh thì mới xuất hiện vào năm 1776 trong quyển *Phủ biên tạp lục* của nhà bác học Lê Quý Đôn.

Còn trong quyển: *Đồng bằng sông Cửu Long hay văn minh miệt vườn* của ông Sơn Nam thì: “U Minh (là cõi âm) là tối và mờ, u u minh minh, cõi u minh là cõi âm phủ. Ở đây cây cỏ dày bịt, nước ngập linh láng, đất quá thấp...”.

Như vậy, người xưa dùng hai chữ *U Minh* là để chỉ nơi đây cây cối mọc

HUYỀN THOẠI U MINH



*Ong mật trong rừng
U Minh Thượng*

chằng chịt, um tùm và hoang vắng. Dần dần U Minh mới trở thành tên một địa danh; tức là từ vai trò của một tính từ dần chuyển sang là một danh từ. Tính lịch sử của địa danh là ở chỗ ấy.

U Minh là xứ sở của rừng tràm, từ xa nhìn vào ta thấy cả một khoảng trời xanh đậm màu lá tràm. Qua cửa ngõ rừng tràm, đi trên sông rạch nhìn quanh đâu cũng thấy rừng tràm ngút ngàn. Bóng tràm trùm lên hai vùng U Minh mênh mông, bát ngát.

Rừng tràm khác với rừng đước về mặt cấu tạo. Dưới nền rừng đước thường là bãi sinh lầy trống trải, không có cỏ cây nào chen vào đước. Trái lại rừng tràm mọc um tùm chằng chịt cây mốp, dây choại. Rừng tràm hàng năm cung cấp cho con người hàng trăm tấn dây choại, loại dây leo ngâm nước có độ bền và dẻo chẳng kém song, mây. Thân cây tràm to, cao. Gỗ tràm mịn, dẻo và bền, vỏ tràm xộp, là nguồn nguyên liệu sản xuất giấy rất tốt. Lá tràm thơm có chứa tinh dầu, chưng cất thành tinh dầu tràm. Vào mùa hè, tràm nở hoa trắng xóa. Đã có nhiều bài hát ca ngợi mùa hoa tràm nở, vừa thơ mộng vừa quyến luyến. Hương tràm quyến rũ ong từ các nơi về hút mật hoa.

U Minh còn là một “biển cá” và một trong những “vườn chim” lớn ở phần đất tận cùng của Việt Nam gấm vóc. Cá sống ở các đầm và kênh rạch gồm đủ loại: nhiều nhất là cá lóc, cá sặc, trê, rô trở thành một nguồn thực phẩm vô cùng phong phú tại chỗ.

Cá đồng ở U Minh chiếm tới 80% sản lượng cá đồng cả nước - Điều đó cho thấy một nguồn lợi thủy sản cực lớn trên vùng đất ngập nước quý hiếm này.

HUYỀN THOẠI U MINH

Chim U Minh cũng nhiều vô kể, chúng bay liệng, kêu hót suốt ngày làm náo động rừng tràm. Đó là những đàn chàng bè, sen, le le, cò, công cộc, điểu điểu, vạc Vào mùa đông, các đầm nước trong rừng U Minh còn nhận nhiều loại chim từ phương xa đến. Đây là những đàn vịt trời, ngỗng trời, giang sếu chúng đổ la liệt trên các gò đất và bãi lầy, tạo thành một quang cảnh hết sức náo nhiệt. Chúng đẻ trứng ở đọt tràm, ở máng choại nên có tên gọi mang diệt. Đây là chưa kể U Minh còn có nhiều loài rắn độc cho nọc quý hơn vàng. Nơi đây còn có trăn, kỳ đà, rùa, ba ba, lợn rừng, khỉ, chồn

Nằm trong lòng đất rừng tràm là một mỏ than cỡ lớn, có độ dày vài mét. Than U Minh có nhiệt lượng cao chừng 5.000 calo/kg. Người ta nhận biết: loại than bùn này có thể khí, lấy được sản phẩm lỏng để tinh chế các loại nhựa, dầu, nến và thuốc kháng sinh, trong than bùn còn chứa nhiều axithunic, đây là một tiềm năng phân bón và chất kích thích tố cho cây trồng.



Rừng Tràm U Minh là một vùng đất giàu có, còn biết bao nhiêu tiềm năng kỳ diệu. Từ rừng tràm, có thể khai thác nguồn của cải ở cả 3 tầng: tầng trên, tầng giữa và tầng dưới. Nó đang đón chờ những bàn tay của con người tới khai phá và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên đã dành riêng cho khu rừng ở miền cực Nam này.

Thế giới đã đánh giá cao về rừng U Minh: *Rừng U Minh là khu rừng ngập nước nổi*

Rừng nguyên sinh ở U Minh Thượng

HUYỀN THOẠI U MINH



U Minh Thượng mùa nước nổi

tiếng vào loại lớn thứ hai trên thế giới, sau rừng ngập mặn ở cửa sông Amazon (Nam Mỹ). Tuy nhiên, rừng U Minh lại có nhiều nét đặc sắc mà rừng Amazon không có được”(1)

Rừng U Minh là rừng tràm thuần chủng, nhiều thế hệ cây tràm mọc chen nhau dày đặc, bạt ngàn. Tùy theo địa hình, địa mạo, tùy theo trạng thái thủy văn, thời tiết mà lòng rừng có thể có những biểu hiện khác nhau. Trong rừng già về mùa khô, hàng hàng lớp lớp những thân tràm đồ sộ vượt lên sừng sững, tán lá lợp nhau che kín khung trời, trông như là rừng thông Đà Lạt. Sang mùa mưa, mặt nước tạo cho lòng rừng một bình diện phẳng lặng, yên tĩnh đến lạ thường.

Trước đây, người ta còn đánh giá rừng U Minh là một thảo cầm viên thiên nhiên. Hàng trăm chủng loại chim cò về đây nương náu ở tầng cao. Trong số ấy có cả những bầy chim từ Bắc cực, Châu Phi. Hiện nay trên đất này vẫn còn lại *Sân chim* , *Vườn cò* Trên mặt đất U Minh còn có khá nhiều động vật có vú. Vẫn còn đó những cái tên, những địa danh tỏ rõ một thời “hung thịnh” của các loài thú U Minh: *Lung giục tượng* là nơi đàn voi rừng đến uống nước. “Bê Vây Heo” ở phía Đông Bắc thành phố Rạch Giá chừng 5 km là nơi heo rừng từng sống thành đàn. “Mũi Ông Cọp”, “miếu Ông Thầy” ở ngay cửa ngõ huyện lỵ Hà Tiên là nơi xưa kia cọp lộng hành...

(1). Rừng U Minh, dấu ấn và cảm thức – Phan Thanh Nhân – NXB Hội Văn nghệ Kiên Giang 1983, trang 36

HUYỀN THOẠI U MINH

Đặc biệt, rừng U Minh còn có một trữ lượng cá đồng lên đến hàng ngàn tấn mỗi năm, nơi đây là môi trường sinh sống lý tưởng của các loại cá đồng, rùa, trăn, rắn, chim, cò với hàng trăm chủng loại. Thống kê năm 1974 cho thấy: Vùng U Minh có 31.500 km kinh, sông, rạch; 4.500 đầm với diện tích nước 900 km² có thể dùng để nuôi cá đồng.

Một lượng nước ngọt khá lớn đổ vào U Minh hàng năm nhờ vào thời tiết mùa mưa và lượng nước sông Hậu đổ về. Thiên nhiên và sinh thái rừng ngập nước hiếm có; là điều kiện tiên quyết cho chim muông, thú rừng, cá đồng cư trú và sinh sản.

Vùng đất U Minh chính là sự tập hợp đa dạng các yếu tố quý báu của tự nhiên, tạo nên môi trường sống phong phú, đa dạng, có tính chất đặc thù cao giữa vùng đất miền Tây Nam Bộ.

Ban Biên tập

HUYỀN THOẠI U MINH

VỊ TRÍ VƯỜN QUỐC GIA U MINH THƯỢNG (○)



Tọa độ địa lý:

9° độ 31'16" đến 9°39'45" Vĩ Bắc.

105°03'6" đến 105°07'59" Kinh Đông.

Diện tích quản lý:

21.107ha, nằm trên 2 xã An Minh Bắc, và Minh Thuận, cách TP Rạch Giá 50 km về phía Tây Nam

U MINH THƯỢNG DI TÍCH VÀ DANH THẮNG

Khi nói đến U Minh Thượng là nói đến một vùng căn cứ địa cách mạng nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ, là nói tới bề dày lịch sử hào hùng với những tên đất, tên người gắn liền với bao chiến công oanh liệt. Ở đó, mãi mãi con người không quên những vẻ đẹp cội nguồn góp phần bồi đắp nên một vùng U Minh Thượng thấm đẫm niềm tự hào: Vương quốc Phù Nam với nền văn hóa Óc — Eo nổi tiếng; Mạc Cửu với khai trấn Hà Tiên, rồi Mạc Thiên Tích với Tao Đàn Chiêu Anh Các lung lẫy một thời; Nguyễn Trung Trực — người anh hùng sống mãi trong lòng dân tộc cùng với lời thơ nổi tiếng của nhà thơ Huỳnh Mẫn Đạt: “Hoa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa/ Kiếm bạt Kiên Giang khắp quý thân ”. Cùng biết bao đồng bào, chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vì tự do độc lập của quê hương đất nước, vì sự vững vàng của một căn cứ địa cách mạng quan trọng giữa vùng sông nước Nam Bộ.

Không phải ai khác mà chính rừng U Minh và con người U Minh đã tạo thành căn cứ địa cách mạng vững chắc ở miền Tây Nam Bộ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Biết bao sự kiện, bao diễn biến trực tiếp tác động tới công cuộc kháng chiến diễn ra ở đây đã tự nói lên tiêu chí của một di tích lịch sử cách mạng; là hình ảnh biểu trưng trong trăm ngàn cái cụ thể sinh động, để xác định đây là một bộ phận hợp thành của Di sản văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam, và đó là “Di tích lịch sử căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng”.

Để Di tích U Minh Thượng còn mãi với thời gian, sống mãi trong lòng các thế hệ người Việt Nam, xứng đáng với vai trò và những cống hiến lớn lao của vùng

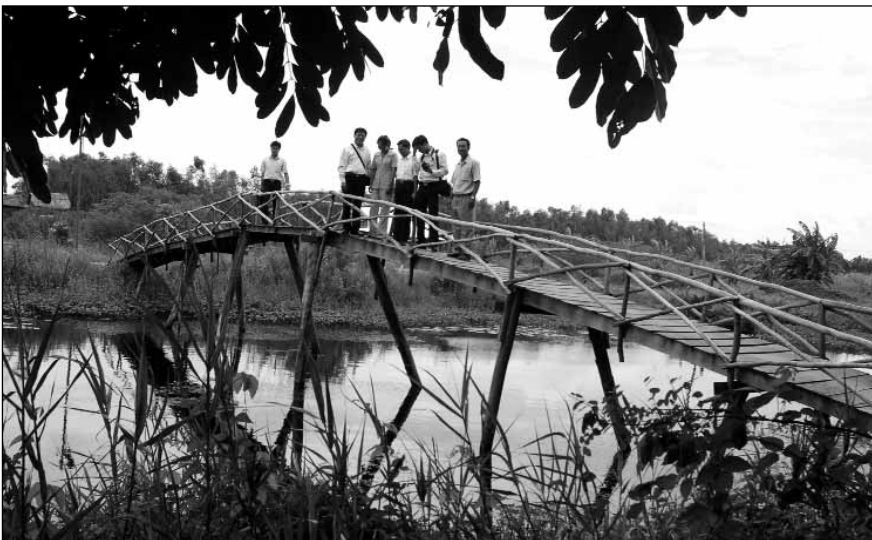
HUYỀN THOẠI U MINH

đất và con người nơi đây trong tiến trình lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, việc khôi phục và bảo tồn rừng tràm U Minh nói chung và các di tích, căn cứ cách mạng tại đây nói riêng là một yêu cầu khách quan và rất cần thiết. Bởi không giống như các di tích khác ở miền rừng núi cao, ở vùng hang đá, có thể tồn tại lâu dài, các di tích cách mạng ở U Minh Thượng hầu như chỉ được ghi nhớ và biểu hiện trên những địa điểm, kinh rạch, cánh rừng, làng, ấp mà lâu dần sẽ không dễ để lại dấu tích gì để có thể nhận ra, có thể cảm nhận được.

Như vậy, việc cần làm đầu tiên phải là khôi phục và bảo vệ rừng tràm U Minh Thượng. Đây là một công việc khó khăn, nhưng hết sức quan trọng và cấp bách. Chiến tranh cùng với những tác động tùy tiện của con người đã làm cho rừng ngày càng suy giảm và mai một, không chỉ làm mất đi cảnh quan mà còn ảnh hưởng tới môi trường sống và là trở ngại cho quá trình khôi phục các di tích cách mạng.

Vấn đề khôi phục và bảo vệ rừng tràm ở U Minh Thượng, bao gồm cả việc bảo vệ, giữ gìn rừng nguyên sinh đã có, bổ sung trồng mới và tái tạo rừng đã bị thoái hóa. Chăm sóc, bảo quản rừng phải trên cơ sở những căn cứ khoa học, dựa vào đặc điểm của cây tràm, của vùng đất để có các biện pháp phù hợp chứ không thể thực hiện theo cảm tính. Ngay việc đơn giản là giữ nước trong rừng để phòng cháy về mùa khô cũng phải xem xét tính toán hết sức khoa học, nếu không rất có thể sẽ dẫn đến tràm và các loại thực vật khác của rừng sẽ bị chết vì úng nước quá nhiều

Mặt khác, di tích cách mạng ở U Minh Thượng thường là một vùng căn cứ, một khu vực diễn ra hoạt động chỉ đạo kháng chiến hoặc hoạt động chiến đấu lâu



*Du khách đến thăm
quan U Minh Thượng*

HUYỀN THOẠI U MINH

dài , do đó ở mỗi nơi nên dựng một tấm bia có khắc nội dung cụ thể (để lưu giữ vĩnh cửu được). Bia cần đặt ở nơi giao lộ, nơi từng diễn ra các sự kiện quan trọng và cảnh quan ở đó cần có kế hoạch bảo vệ, tôn tạo cho tương xứng với ý nghĩa của di tích.

Trong một vùng rộng lớn đã từng diễn ra những sự kiện quan trọng, cần chọn lấy một nơi trung tâm để xây dựng những tượng đài hay đài tưởng niệm lớn sao cho xứng đáng với tầm vóc của sự kiện lịch sử - Chẳng hạn: Xây dựng nhóm tượng đài chiến thắng đánh tàu giặc trên sông Cái lớn đặt tại Xếp Ba Tàu (xã Vĩnh Phước, huyện Gò Quao); Bia căm thù (hoặc nhà tưởng niệm) tại khu rừng tràm Bang Biên Phú

Về quy hoạch chung của khu di tích cách mạng U Minh Thượng, các chuyên gia và cơ quan chuyên môn đã đưa ra những đề nghị đảm bảo tính khoa học, tính lịch sử và với tâm huyết và lòng tri ân đối với truyền thống hào hùng của các thế hệ cha anh. Theo đó:

+ Khu Trung tâm của Di tích U Minh Thượng được đề nghị đặt tại Ngã Tư Cộng Sự với diện tích khoảng 10ha; bao gồm: Tượng đài thể hiện khí phách của quân và dân U Minh Thượng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; nhà trưng bày truyền thống của U Minh Thượng xưa và nay; Công viên văn hóa; Các công trình phục vụ khách tham quan

+ Phục hồi khu Di tích rừng U Minh Thượng (khu rừng nguyên sinh gần 8.000ha).

+ Phục hồi khu di tích căn cứ cách mạng trong rừng U Minh Thượng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bao gồm: Những nhà làm việc của các cơ quan cấp tỉnh, của lực lượng vũ trang, các cơ quan cấp huyện, các cơ quan khu Tây Nam Bộ, một số cây cầu nối các nhà, các khu làm việc với nhau, các trang thiết bị trong khu căn cứ trước đây

Bảo vệ và khôi phục rừng tràm U Minh Thượng và xây dựng bảo tồn Khu di tích lịch sử căn cứ cách mạng U Minh Thượng là một công việc to lớn, đòi hỏi sự nỗ lực bền bỉ và quyết tâm cao của không chỉ các cấp, các ngành ở Kiên Giang. Nhưng đó cũng là nguyện vọng tha thiết của nhân dân U Minh Thượng, nhân dân Kiên Giang và nhân dân cả nước để chúng ta có thể gìn giữ được một trong những di tích lịch sử cách mạng vô giá của đất nước, góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho các thế hệ mai sau.

Thúy Ngân

U MINH KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT



Ảnh: TL

Với ý chí và khát vọng độc lập - tự do, lại sẵn lòng căm thù và uất hận quân xâm lược, kể từ khi có Đảng CSVN lãnh đạo, người dân U Minh Thượng đã đoàn kết thống nhất vượt muôn vàn gian khổ, hy sinh chiến đấu anh dũng chống lại kẻ thù. Trải qua 2 cuộc trường chinh vĩ đại đánh Pháp và đuổi Mỹ xâm lược của dân tộc, đất - rừng U Minh và bao thế hệ người dân U Minh đã viết nên những trang sử hào hùng đầy bất khuất. Nhắc đến U Minh Thượng là nhắc đến một căn cứ địa cách mạng vững chắc, một thành trì không cần lũy thép - Một mắt xích quan trọng trong hệ thống căn cứ địa cách mạng của cả nước. Mỗi tấc đất U Minh đã thấm đẫm máu xương của biết bao cán bộ, chiến sĩ và đồng bào trong cuộc chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. U Minh đã trở thành một di tích lịch sử cách mạng và một di sản văn hóa quý giá.

ĐẤT RỪNG U MINH TRANG SỬ THI HÙNG TRÁNG

*** U MINH CĂN CỨ SÂN CHIM**

U Minh không chỉ có ưu thế về tài nguyên thiên nhiên giàu có mà U Minh còn thực sự là nơi có ưu thế trở thành một căn cứ địa trong cuộc chiến chống ngoại xâm. Từ hơn hai thế kỷ trước, vào năm 1784, nhân dân U Minh đã cùng nhân dân Hà Tiên đánh giặc Xiêm; năm 1785 đã cùng nhân dân Nam Bộ lập chiến công oanh liệt ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Những Năm 1867-1868, U Minh là một trong những căn cứ của cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực đánh Pháp trong thời kỳ đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta. Năm 1872, lại một lần nữa U Minh là nơi hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự dấy lên phong trào chống Pháp... Đặc biệt, từ năm 1940 đến năm 1975, 35 năm liên căn cứ kháng chiến ở U Minh gắn liền với lịch sử hào hùng của dân tộc, đánh thắng hai đế quốc mạnh nhất trong thế kỷ.

Nhưng dấu ấn sâu đậm của U Minh ở thế kỷ XIX chính là nơi đây trở thành một căn cứ địa kháng chiến của người Anh hùng Nguyễn Trung Trực. Từ năm 1867. Nguyễn Trung Trực đã xây dựng phong trào kháng Pháp, xây dựng căn cứ Hòn Chông, căn cứ Phú Quốc, căn cứ Tà Niên và căn cứ U Minh. Căn cứ U Minh gọi là căn cứ Sân chim.

Trong đó, Tà Niên là căn cứ chính, là bộ não của cuộc kháng chiến. Sân chim cũng như các nơi là hậu cứ, sẵn sàng chiến đấu. Sân chim là tên chung, là nơi có chim ở, bãi chim rộng lớn, đó cũng là một trong những đặc điểm của U Minh.

HUYỀN THOẠI U MINH

Căn cứ Sân Chim hoạt động gần khắp vùng U Minh Thượng, gồm Cái Nước, Hố Hỏa, Thầy Quơn, Chắc Băng, Vĩnh Hòa... tạo nên một mạng lưới rộng lớn, liên kết tạo ra sức mạnh. Nơi đây có rừng rậm bao bọc, có kinh rạch là hàng rào bảo vệ và là giao thông đi các nơi, địch không thể phát hiện được; có nước ngọt, có cá, có chim, rất thuận lợi cho nghĩa quân hoạt động lâu dài.

Với cách bố trí của Nguyễn Trung Trực, mỗi sân chim là một nơi trú quân như một đồn lính có người chỉ huy. Xung quanh sân chim có đất đai canh tác, nghĩa quân cũng làm ruộng làm rẫy lấy lương thực duy trì cuộc sống nuôi quân đánh giặc.

Từ U Minh Thượng (Sân Chim) và Tà Niên, đêm 16-6-1868, dưới sự chỉ huy tài giỏi của Nguyễn Trung Trực, nghĩa quân bí mật tấn công thành Rạch Giá. Nghĩa quân ở Tà Niên tinh nhuệ nhưng không đông, trận phá thành Rạch Giá là nghĩa quân từ Sân chim điều động ra.

Trận đánh thành Rạch Giá thắng lợi hoàn toàn. 5 võ quan và 67 lính Pháp đã bị giết chết, nghĩa quân đoạt trên 100 khẩu súng và thu toàn bộ đạn dược. Trong lúc phá đồn, lợi dụng trại lính mã tà bốc cháy, 15 lính Pháp liều mạng mở đường máu chạy trốn bị nhân dân đập chết 3 tên, còn lại bị bắt sống. Đó là một trận chiến làm chấn động chính quyền thực dân ngày đó và chúng coi đó là một “biến cố bi thảm...”.

Hai tiếng “Sân chim” làm cho tướng giặc lo sợ và khi nhắc đến Sân chim thì thành Rạch Giá đã bị tiêu diệt từ đêm trước.

Với U Minh Thượng, cái tên Sân chim gắn liền với những địa danh Tà Niên, Rạch Giá mà lịch sử mãi mãi còn ghi với những chiến công đầu oanh liệt chống ngoại xâm ở cuối thế kỷ XIX.

*** U MINH THƯỢNG - CÁI NÔI CỦA CÁCH MẠNG Ở MIỀN TÂY NAM BỘ**

Khi nói về rừng U Minh Thượng (và rừng U Minh nói chung), không thể không nói tới vai trò to lớn của nó đối với hai cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc: Kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ nói chung, miền Tây Nam Bộ nói riêng, căn cứ địa U Minh từ lâu và trong suốt hành trình đầy gian khổ ấy, đã trở thành chỗ dựa vững chắc, là căn cứ địa kiên cường góp phần hết sức quan trọng vào chiến thắng chung. Nhưng quả thật, cho dù U Minh Thượng có địa hình, địa

HUYỀN THOẠI U MINH

mạo phúc tạp, không dễ gì để kẻ địch có thể thực hiện những trận đánh lớn; Cho dù rừng có thể “che bộ đội, vây quân thù” thì tự thân rừng U Minh Thượng cũng vẫn không thể hội đủ những yếu tố làm nên một căn cứ địa theo đúng nghĩa. Vấn đề vô cùng quan trọng là yếu tố con người.

Cuộc đời những người dân U Minh Thượng, ngay từ thời cha ông họ đến khai mở vùng đất “U Minh” đầy nguy hiểm, đã là những mảnh đời cơ cực, lầm than. Qua nhiều thế hệ, dưới chế độ phong kiến đầy rẫy bất công, họ phải đi kiếm sống trong lớp áo lưu dân nơi cõi rừng mịt mù, xa thẳm này. Nhưng, các thế lực bóc lột, thống trị vẫn đâu chịu buông tha; rồi lại đến bọn thực dân, đế quốc đô hộ kiến cuộc đời họ trăm đắng ngàn cay. Khát vọng tự do, độc lập, khát khao được giải phóng luôn cháy bỏng trong lòng họ. Cũng chính vì vậy mà cuộc sống đã nhen nhóm, đã đốt lên trong trái tim nóng bỏng của họ ý chí bất khuất, lòng căm thù kẻ ác, căm thù kẻ xâm lược. Và cũng chính ngọn lửa ấy đã nuôi lớn phong trào yêu nước để rồi người U Minh Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tạo nên một căn cứ địa cách mạng đầy chất huyền thoại và thấm đẫm tinh thần bất khuất, ý chí ngoan cường.

Ngay sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), ở Kiên Giang cũng đã có cơ sở Đảng. U Minh Thượng được gieo hạt nẩy mầm cách mạng và tư tưởng ấy đã bén rễ sâu rộng trong quần chúng vốn sẵn ấp ủ khát vọng độc lập tự do.

Năm 1931, một nhóm đảng viên từ Mỹ Tho, một nhóm từ Vĩnh Long xuống hoạt động gây cơ sở ở vùng Phước Long (U Minh). Đến mùa khô năm 1932, hai nhóm đã hợp nhau lại thành lập Chi bộ Ranh Hạt ở Vĩnh Thuận (U Minh Thượng) gồm có đồng chí Quảng Trọng Linh làm Bí thư và các đảng viên Quảng Trọng Hoàng, Nguyễn Thị Lan, Trần Văn Mẹo, Nguyễn Văn Kiểm. Từ năm 1932 đến năm 1936 ở Phước Long đã hình thành được nhiều chi bộ mới. Chi bộ Ranh Hạt đã vận động quần chúng xây dựng được hai tổ chức nông hội, một ở Cái Bát, một ở Chác Bàng. Năm 1936, quận ủy Phước Long được thành lập do đồng chí Phan Văn Bảy (tức Bảy Cùi) làm Bí thư; Năm 1937 - 1939 là đồng chí Nguyễn Văn Ngự làm bí thư.

Có Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh của quần chúng liên tiếp nổ ra trong tỉnh Rạch Giá và Cà Mau, nhất là vào các năm 1937 - 1938.

Năm 1936 ở U Minh Thượng lúa mất mùa, nông dân thiếu đói. Các Chi bộ Đảng ở đây đã phát động nông dân đấu tranh, hàng trăm người đã kéo xuống vùng chợ Hội đòi bọn địa chủ hoãn tô. Năm 1938, quận ủy Phước Long đã phát

HUYỀN THOẠI U MINH

động quần chúng đấu tranh đòi xóa bỏ việc đấu giá công điền, đòi bọn địa chủ cường hào và chính quyền địa phương phải chia trực tiếp công điền cho nông dân mướn.

Năm 1938 cả vùng Hậu Giang bị lụt lớn, mất mùa. Nhiều cuộc biểu tình của nông dân yêu cầu chính quyền cứu đói. Tháng 11 năm 1938 tại chợ Chấn Bông, chi bộ Đảng đã lãnh đạo cuộc biểu tình của hàng nghìn người thuộc 3 xã Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận và Ninh Thạnh Lợi. Kết quả bọn chủ điền đã phải hứa đem lúa cứu tế và lập Ban Chẩn tế để quyền tiền giúp đồng bào bị đói. Trong tháng 10 năm 1938 ở Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau đều đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình của nông dân đòi vay lúa.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Chính phủ phản động Pháp thi hành những chính sách phát xít, đàn áp lực lượng tiến bộ. Ở Đông Dương đế quốc Pháp mở cuộc tiến công toàn diện vào phong trào cách mạng. Trước tình hình mới, Xứ ủy Nam kỳ chủ trương các đồng chí hoạt động công khai nhanh chóng rút vào bí mật và chuyển vùng hoạt động. Ngày 23 tháng 11 năm 1940 cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ và đã bị thực dân Pháp dập trong bể máu.

Liên sau đó, cuối tháng 12/1940, Hội nghị cấp Xứ họp ở Bà Queo (Sài Gòn) để rút kinh nghiệm. Hội nghị nhận định rằng: “Khởi nghĩa thất bại nhưng tinh thần quần chúng và chiến sĩ hãy còn cao. Phải biết rút lui có kế hoạch, phải tập hợp du kích trở lại nhằm lập hai khu du kích ở Tháp Mười và U Minh”⁽¹⁾. Các đồng chí Phan Văn Bảy, Huỳnh Hữu Phước, Nguyễn Văn Ngự, Võ Văn Kiệt đã về U Minh xây dựng căn cứ và lực lượng cách mạng. Ở An Biên có các đồng chí Trần Văn Giàu, Nguyễn Sấn, Trần Chí Công và đồng chí Giác về hoạt động đẩy mạnh phong trào cách mạng. Chi bộ Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa được thành lập. Năm 1942 thành lập chi bộ xã Đông Hưng. Đầu năm 1941, Tỉnh ủy lâm thời Rạch Giá được thành lập tại rừng U Minh Thượng và Liên Tỉnh ủy Cần Thơ do đồng chí Phan Văn Bảy, Xứ ủy viên, Bí thư Liên Tỉnh ủy (sau đổi là Liên Tỉnh ủy Hậu Giang) giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Rạch Giá xây dựng căn cứ cho Liên Tỉnh ủy và lập xưởng chế tạo vũ khí ở U Minh Thượng.

Tại Vĩnh Thuận, đồng chí Phan Văn Bảy đã triệu tập cuộc Hội nghị cán bộ nhận định tình hình sau Nam Kỳ khởi nghĩa và thành lập Khu căn cứ U Minh, chuẩn bị để có thời cơ khởi nghĩa lần thứ hai. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cụ thể là:

(1). Trần Văn Giàu - Địa chí Văn hóa TP. Hồ Chí Minh tập 1 - lịch sử, trang 325

HUYỀN THOẠI U MINH

- Tiến hành củng cố các cấp ủy Đảng, trước tiên là Liên Tỉnh ủy, qua đó củng cố phát triển cơ sở Đảng và quần chúng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang, tổ chức chế tạo vũ khí để có lực lượng, phương tiện chủ động khởi nghĩa, đồng thời tiến hành công tác binh vận, phối hợp với mọi lực lượng để khởi nghĩa.

- Tuyên truyền giáo dục, củng cố tinh thần cách mạng cho đảng viên và quần chúng, tổ chức bộ phận in ấn tài liệu.

- Tìm đất làm ruộng, rẫy để gây quỹ hoạt động.

Xưởng vũ khí được bố trí ở một khu riêng biệt tại xã Vĩnh Thuận, lúc đầu có 13 công nhân. Từ tháng 1 đến tháng 4/1941 Xưởng vũ khí U Minh đã chế tạo được 62 bom tay, 24 súng trường và nhiều vỏ đạn. Vũ khí được phân tán cất giấu ở nhiều nơi, trong đó có Chùa Tam Bảo ở Rạch Giá và Chùa Hòn Quéo (nay thuộc huyện Hòn Đất). Trong căn cứ U Minh còn có cơ quan ấn loát in tài liệu truyền đơn của cách mạng.

Khoảng tháng 7 năm 1941 Tỉnh ủy lâm thời Rạch Giá được củng cố lại do đồng chí Huỳnh Hữu Phước làm Bí thư, trực tiếp phụ trách quận Châu Thành; đồng chí Nguyễn Thanh Danh - Phó Bí thư phụ trách quận Phước Long; đồng chí Võ Văn Kiệt - Tỉnh ủy viên phụ trách khu vực U Minh. Liên Tỉnh ủy đã cử cán bộ xuống Vĩnh Hòa, Hòa Lợi, Đông Hòa, Mông Thọ, Thạnh Quới, Tân Hiệp, Thạnh Đông vận động quần chúng đấu tranh.

Vì mới qua thời kỳ bị địch khủng bố nặng nề nên mãi đến cuối năm 1944 đầu năm 1945 phong trào cách mạng mới được khôi phục và phát triển đều khắp trong vùng căn cứ U Minh Thượng. Quận Phước Long là nơi đứng chân của các cơ quan Liên Tỉnh ủy Hậu Giang (một phần Quận Phước Long nay thuộc huyện Vĩnh Thuận). Nhân dân U Minh Thượng đã sẵn sàng vùng lên cướp chính quyền khi có thời cơ.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, bọn thực dân Pháp chạy xuống vùng U Minh, chúng muốn dựa vào rừng U Minh để bảo toàn lực lượng. Bọn Pháp đi bằng tàu theo đường kinh xáng Chắc Băng xuống Thới Bình và theo đường kinh xáng Xẻo Rô xuống Tân Bằng. Bọn Nhật cũng truy theo xuống U Minh. Nhân dân U Minh Thượng thừa cơ cướp lấy vũ khí của thực dân Pháp để trang bị cho mình.

Khắp nơi trong 2 quận An Biên và Phước Long thuộc U Minh Thượng ráo riết chuẩn bị khởi nghĩa, các đoàn thể cứu quốc và Thanh niên tiên phong phát

HUYỀN THOẠI U MINH

triển đoàn viên, hội viên tập dượt võ nghệ, rèn vũ khí thô sơ tự trang bị cho mình.

Nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa, tỉnh ủy Lâm thời Rạch Giá họp vào đêm 25/8/1945 do đồng chí Nguyễn Văn Tiến chủ trì, quyết định phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong tỉnh vào ngày 27/8/1945.

Sáng 27/8/1945 dòng sông Cái Lớn và các kinh rạch U Minh Thượng rực đỏ màu cờ cách mạng; 60 nghìn người từ khắp các ngã trong tỉnh như dòng thác đổ về sân vận động thị xã Rạch Giá dự mít tinh - Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Rạch Giá ra mắt nhân dân.

Tại U Minh Thượng, ngày 27/8/1945 ta giành chính quyền thắng lợi ở quận Phước Long.

- Ngày 28/8/1945 tại quận lỵ An Biên hàng nghìn quân chúng tập trung trước lễ đài tại Thứ Bảy dự mít tinh. Đồng chí Hồ Văn Tấu, đại diện Mặt trận Việt Minh quận An Biên tuyên bố xóa bỏ ách thống trị của thực dân, phát xít, thành lập chính quyền cách mạng quận An Biên.

*** U MINH THƯỢNG CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)**

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa được thành lập. Nhưng thực dân Pháp không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, chúng tìm mọi cách để thực hiện mưu đồ đó.

Đêm 23 tháng 9 năm 1945 quân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu



Lễ tốt nghiệp của học viên trường quân sự Nam bộ tại căn cứ địa U Minh Thượng trong kháng chiến chống Pháp

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

cuộc xâm lược nước ta một lần nữa, sau khi đánh chiếm các tỉnh Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc. Tháng 1 năm 1946 giặc Pháp dốc toàn lực lượng để đánh chiếm các tỉnh còn lại của Nam bộ. Ngày 20/1/1946 chúng chiếm Tỉnh lỵ Hà Tiên, ngày 26/4/1946 chiếm tỉnh lỵ Rạch Giá. Cán bộ và lực lượng vũ trang các tỉnh miền Tây và một bộ phận khu 8 lui về Rạch Giá lập Mặt trận Minh Lương - An Biên và lần lượt rút về An Biên - Vĩnh Thuận, dựa vào U Minh để tiến hành cuộc kháng chiến.

Là cái nôi cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa tháng Tám 1945, U Minh Thượng lại một lần nữa trở thành căn cứ chống Pháp ở miền Tây Nam Bộ.

Với lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, nhân dân U Minh Thượng bất chấp gian khổ, hy sinh, luôn sẵn lòng đùm bọc nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang, các cơ quan về đây, cả khu 8 và khu 9; lương thực chủ yếu để nuôi bộ đội, cán bộ do dân cung cấp. Nhân dân vùng căn cứ U Minh tích cực thực hiện tiêu thổ kháng chiến, phá lộ, đắp cản ngăn sông, xây dựng địa hình chuẩn bị chống giặc.

Bộ Tư lệnh Quân khu 9 cũng lấy U Minh Thượng làm căn cứ, đặt tổng hành dinh ở Thị trấn Phước Long. Thời kỳ này có đồng chí Võ Văn Kiệt, Hà Quang Nam, Võ Hồng Kỳ về trực tiếp chỉ đạo phong trào và có bộ đội Huỳnh Thủ hỗ trợ bảo vệ, xây dựng hậu cứ.

Đầu tháng 3 năm 1946 quân Pháp tập trung thủy lục không quân, chia làm nhiều mũi đánh vào U Minh Thượng — vùng căn cứ chiến lược của ta. Đi đến đâu giặc cũng bắn giết, hãm hiếp, đốt phá, cướp bóc gây cho nhân dân ta nhiều thiệt hại. Cuối tháng 3 chúng lại tập trung 2 nghìn quân tấn công theo đường kinh xáng Xẻo Rô, một mũi từ phía biển đánh sâu vào và một mũi lớn từ Cà Mau vào Thới Bình rồi đánh lên Cán Gáo nơi lực lượng ta dồn về đây. Chúng còn cho đóng đồn bót dày đặc ở khắp nơi trong vùng.

Tháng 5 năm 1946 **Liên tỉnh ủy Hậu Giang** được tổ chức lại thành **Khu ủy Khu 9**; Đồng thời Bộ Chỉ huy kháng chiến Khu 9 đóng tại xã Vĩnh Hòa đã chỉ đạo cho bộ đội Huỳnh Thủ (Bộ đội Huỳnh Thủ là tên gọi chi đội 24, về sau đổi là trung đoàn 124 do đồng chí Huỳnh Thủ chỉ huy), trực tiếp hỗ trợ tỉnh Rạch Giá làm nhiệm vụ võ trang tuyên truyền, diệt tề trừ gian, diệt các bộ phận nhỏ của địch, gây lại cơ sở quần chúng, khôi phục lại chính quyền nhân dân.

Ngày 13 tháng 6 năm 1946 địch lại đưa 300 quân, có máy bay, tàu sắt đổ bộ bao vây từ nhiều hướng đánh vào khu vực **Ngã ba Cây Bàng** (xã Vĩnh Hòa)

HUYỀN THOẠI U MINH

nhằm diệt các cơ quan, đơn vị thuộc khu 9 đóng ở đây. Quân và dân địa phương và một số cán bộ, chiến sĩ của khu đã phối hợp, ngoan cường đánh địch, giết và làm bị thương hàng trăm tên. Trận đánh thắng lợi lớn đã có tiếng vang về vùng **căn cứ kháng chiến U Minh**.

Đầu năm 1947, giặc Pháp lại tập trung lực lượng đánh vào U Minh hòng tiêu diệt lực lượng của ta; Chúng tăng cường bắt lính, củng cố đồn bốt, âm mưu phong tỏa vùng giải phóng của ta. Nhưng nhân dân vùng căn cứ liên tục đánh địch và thường xuyên tổ chức phá hoại, cắt giao thông thủy bộ nhằm ngăn cản địch. Nhiều cản mới trên sông, trên kinh được đắp hoặc gia cố thêm. Hàng ngàn dân công tham gia đắp cản Chác Băng (Vĩnh Thuận), cản Thứ Sáu (An Biên); Cản đắp bằng đất, trên trồng cây tre gai và gài trái nổ. Cản Đường Móp được nhân dân hai quận Hồng Dân, Long Mỹ tích cực ngày đêm xây dựng rất kiên cố, giặc đã dùng bom đạn phá lại nhiều lần nhưng vẫn không vượt qua được. Trong một địa hình chằng chịt sông rạch, chúng tưởng có thể tung hoành dọc ngang nhưng tới đâu cũng bị chặn đường. Các cản đã góp phần không nhỏ bảo vệ vùng căn cứ giải phóng.

Cũng trong thời gian này, phong trào du kích chiến tranh ở vùng căn cứ phát triển và hoạt động mạnh, lực lượng dân quân tự vệ, dân quân du kích được thành lập đều khắp ở các ấp, xã, luyện tập quân sự, học tập chính trị sôi nổi, canh gác chặt chẽ, đắp cản đào kinh, thanh niên hăng hái lên đường tòng quân giết giặc. Lực lượng an ninh cách mạng cũng hoạt động mạnh, kịp thời phát hiện, trấn áp, trừng trị những tên tay sai làm tình báo, gián điệp cho giặc. Nhân dân xã Vĩnh Thuận đào kinh Dân quân từ xã Trí Phải (Bạc Liêu) qua giáp Đường Sân, xã Vĩnh Bình dài 11 nghìn mét để phục vụ bộ đội hành quân, vận tải vũ khí, tiếp tế lương thực, đồng thời làm kinh thủy lợi phục vụ sản xuất và để đồng bào đi lại dễ dàng.

Bước sang năm 1950, hầu hết các địa phương trong hai tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang ngày nay) đều là vùng giải phóng; đã có thêm nhiều cơ quan lãnh đạo, ban ngành, trường sở của Nam bộ, Khu 9 về đóng ở vùng căn cứ U Minh Thượng và trên địa bàn giải phóng của tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên.

Không chịu từ bỏ mưu đồ đánh chiếm U Minh, từ đầu năm 1952, địch lại mở nhiều cuộc hành quân quy mô lớn, đánh thọc sâu vào vùng căn cứ giải phóng của ta; địch tập trung đánh mạnh ngoài bìa căn cứ giải phóng với ý đồ bóc từng mảng. Hoạt động quân sự của ta bấy giờ chủ yếu là chống địch càn quét, lấn chiếm, bảo vệ căn cứ.

HUYỀN THOẠI U MINH

Bước sang năm 1953 giặc Pháp bị động trên khắp các chiến trường toàn quốc, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới. Vào chiến dịch Đông Xuân 1953 — 1954 chiến trường Tây Nam Bộ phối hợp với chiến trường toàn quốc và Điện Biên Phủ tiến công địch mạnh mẽ và mở chiến dịch dịch vận làm cho nguy quân nguy quyền hoang mang tan rã bỏ hàng ngũ địch, trở về vùng nông thôn giải phóng hàng loạt, nhất là nguy binh người Khmer, có nơi phản chiến tập thể về với nhân dân.

Ngày 7 tháng 2 năm 1954 quân và dân huyện An Biên phối hợp với bộ đội bao vây cứ điểm Xẻo Rô và tấn công vào quận lỵ ở Thứ Ba, diệt và phá rã một số tề nguy, bắt sống tên quận trưởng.

Đêm 1 tháng 3 năm 1954 ta lại tấn công vào cứ điểm quận lỵ của địch ở Thứ Ba; diệt 20 tên của tiểu đoàn 15 do tên Quách Sến chỉ huy. Đến ngày 4 tháng 3 năm 1954 tất cả các chốt của địch từ chi khu Thứ Ba đến căn cứ Xẻo Rô đều bị ta tiêu diệt hoặc chúng đầu hàng, bỏ chạy. Đêm 5 tháng 3 năm 1954 ta công đồn ở chi khu Thứ Ba, địch kêu cứu. Sáng ngày 6 tháng 3 năm 1954 tiểu đoàn nguy số 15 và tiểu đoàn 221 của Hòa Hảo phản động chia làm nhiều mũi từ Xẻo Rô kéo vào Bàu Môn, Kinh Thầy Cai. Tiểu đoàn 221 Hòa Hảo thọc sâu vào đến vườn Cau Tuân Hơn thì lọt vào ổ phục kích của ta, sau 2 giờ đánh xáp lá cà ta tiêu diệt và bắt sống hơn 300 tên, thu toàn bộ vũ khí. Trưa ngày 7 tháng 3 năm 1954, tiểu đoàn địch đến giải vây cho Chi khu Thứ Ba bị ta chặn đánh diệt một số. Ngày 8 tháng 3 năm 1954 toàn bộ quân địch ở Thứ Ba và quân giải vây bỏ Thứ Ba chạy về Rạch Giá. Nhân dân An Biên kéo ra san bằng cứ điểm địch ở Thứ Ba và tiếp tục bao vây Xẻo Rô - cứ điểm cuối cùng của địch trên vùng đất U Minh Thượng. Địch không chống giữ nổi, phải bỏ luôn Xẻo Rô chạy về Rạch Giá. **Ngày 25 tháng 4 năm 1954 toàn bộ vùng U Minh Thượng sạch bóng quân giặc**, hòa nhịp cùng quân dân cả nước, với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ để Hiệp định Giơ-ne-vơ lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết.

Đảng bộ và quân dân 2 tỉnh Rạch Giá - Hà Tiên (Kiên Giang ngày nay) nói chung, U Minh Thượng nói riêng tự hào với những đóng góp của mình cùng cả nước đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, nhất là làm tròn sứ mệnh của một trong những căn cứ địa cách mạng, cung cấp sức người, sức của cho Khu 9, cho Nam bộ và một số chiến trường khác trong những năm kháng chiến gian khổ nhưng vô cùng vẻ vang.



Hành quân trên
đất U Minh
Ảnh: TL

*** U MINH THƯỢNG - CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 - 1975)**

Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở 3 nước Đông Dương được ký kết (20/7/1954). Lệnh ngưng bắn ở Nam bộ có hiệu lực từ 7 giờ sáng ngày 2/8/1954.

Nhưng Hiệp định Giơ-ne-vơ ký kết chưa ráo mực, Đế quốc Mỹ với mưu đồ biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng, đã thay chân Pháp nhảy vào nắm quyền thống trị bằng chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam nước ta, đưa Ngô Đình Diệm về làm thủ tướng chính quyền tay sai ở Miền Nam Việt Nam do Mỹ dựng lên.

Ngay từ những ngày đầu ấy, Mỹ - Ngụy đã thấy rõ tính chất quan trọng của căn cứ cách mạng U Minh nên sau khi ta giao vùng tập kết 200 ngày, chúng đã rập tâm bằng mọi thủ đoạn để đánh phá thành trì cách mạng ở đây.

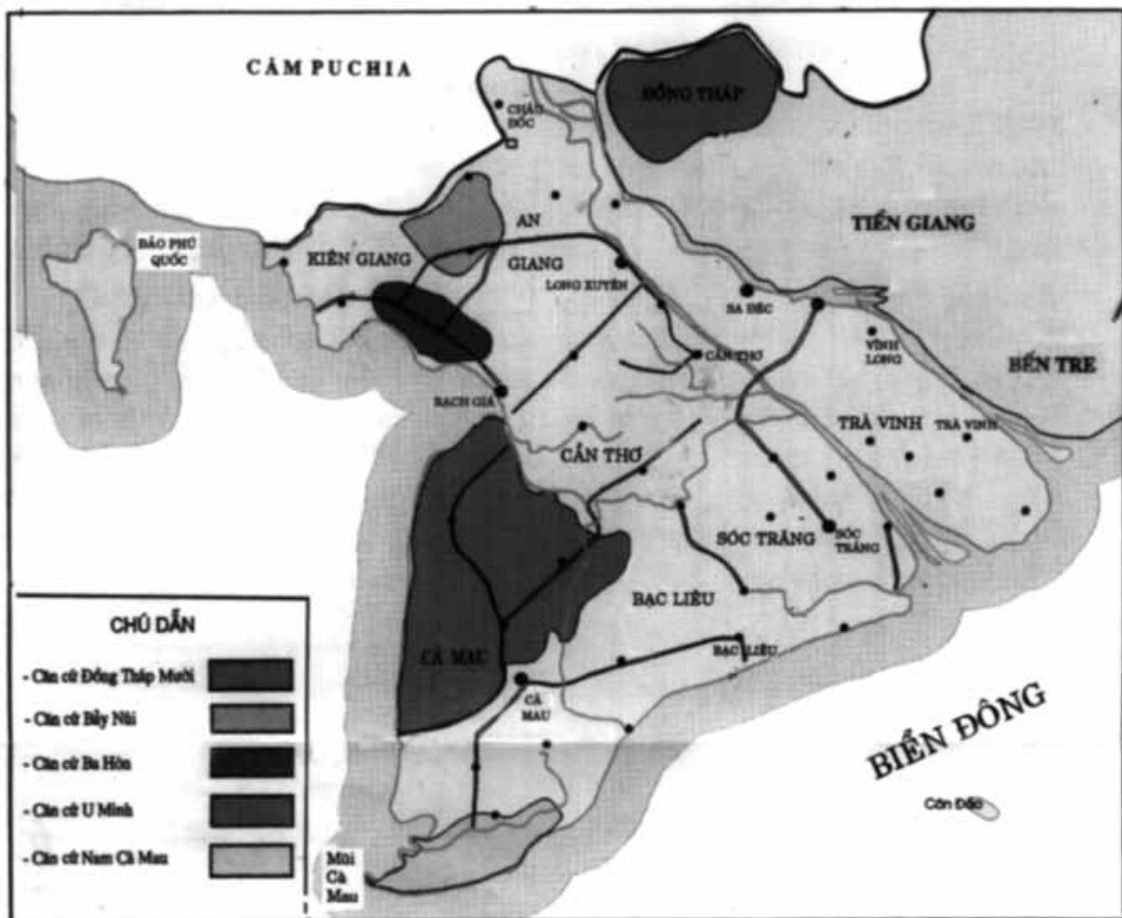
*** U Minh Thượng - Những chiến công và Di tích lịch sử cách mạng hào hùng**

Chiến thắng Xẻo Rô (30/10/1959): Báo hiệu thời kỳ mới bắt đầu:

Chi khu Xẻo Rô (Kiên An), một cứ điểm địch thường làm nơi xuất phát đánh phá cơ sở cách mạng ở vùng căn cứ U Minh.

Lực lượng võ trang cùng với lực lượng của Trường huấn luyện đặc công của tỉnh được giao đánh diệt chi khu Xẻo Rô, bao gồm cả cơ quan hành chính quận Kiên An của địch. Trận đánh diễn ra đêm 29 rạng ngày 30/10/1959, đã dành

MỘT SỐ CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG
Ở MIỀN TÂY NAM BỘ



HUYỀN THOẠI U MINH

thắng lợi, diệt 42 tên đầu sỏ gian ác, trong đó có Lâm Quang Quận, quận trưởng Kiên An, và tên Võ Văn Ngân, cảnh sát trưởng xã Đông Yên; Bắt sống 24 tên, giáo dục rồi thả tại chỗ, thu 56 súng các loại, phá hủy toàn bộ vũ khí và thiết bị quân sự khác còn lại; Giải thoát 113 người bị địch bắt giam giữ, trong đó có 32 phụ nữ.

Cùng với chiến thắng Xẻo Rô, quân dân xã Đông Yên, Tây Yên, Đông Thái cũng nổi dậy diệt ác phá kềm với khí thế rất sôi nổi. Xẻo Rô (Kiên An) là một Chi khu quân sự và là một cơ quan hành chính cấp quận của địch đầu tiên ở miền Tây Nam bộ bị lực lượng vũ trang tỉnh Rạch Giá tiêu diệt trước ngày đồng khởi.

Chiến thắng Ngã Tư ngọn Xẻo Cạn (ngã tư Công Sự) ngày 13/2/1960, bước đầu phá kế hoạch địch bình định U Minh:

Đầu năm 1960 địch cho 3 nghìn quân càn quét vào U Minh nhằm bằm nát khu căn cứ kháng chiến, xóa bỏ cái nôi của cách mạng. Chúng cưỡng bức đồng bào đào kênh Ranh Hạt và làm đường từ Thứ Bảy qua Vĩnh Thuận và Xẻo Cạn qua Tân Bằng, nhằm chia cắt U Minh Thượng làm tư.

Đại đội 202 thuộc tiểu đoàn Ngô Sở, đội bảo vệ Tỉnh ủy và lực lượng vũ trang huyện An Biên đã tập kích địch ở ngọn Xẻo Cạn đêm 13/2/1960, diệt gọn một Trung đội bảo vệ Sở Hậu cần cho cuộc hành quân này của địch, loại khỏi vòng chiến đấu trên 50 tên, bắt sống 6 tên, thu toàn bộ vũ khí. Chiến thắng Xẻo Cạn đã làm phá sản kế hoạch của địch đào kênh, đắp lộ, xẻ rừng, phá căn cứ cách mạng của ta.

Quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân vùng U Minh Thượng chuyển sang một bước ngoặt mới. Lực lượng vũ trang huyện An Biên được chính thức thành lập vào ngày 5/4/1960 tại Ngọn Xẻo Cạn.

Ngày 20/7/1960 tiểu đoàn U Minh 10⁽¹⁾ bộ đội cơ động của tỉnh cũng chính thức làm lễ ra mắt tại Kinh Trung Đoàn (thuộc xã Đông Yên)⁽²⁾.

Đêm 19/9/1960, trong cao trào đồng khởi chung, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Rạch Giá và cấp ủy địa phương, quân dân U Minh Thượng nổi dậy bao vây đồn bốt, phá các khu đồn dân: Nhà Ngang, Sân Gạch (xã Vĩnh Hòa) Cái Nứa (xã Vĩnh Bình), Ruộng Xạ (xã Vĩnh Phong), kinh sáng Chắc Bàng (xã Vĩnh Thuận)

(1). Tiểu đoàn U Minh 10 sau lấy tên là tiểu đoàn 207 (tức ngày ra mắt 20/7)

(2). Tỉnh Rạch Giá là một trong số tỉnh có lực lượng vũ trang sớm nhất Miền Tây Nam Bộ

HUYỀN THOẠI U MINH

và từng mảng đồn bốt, khu đồn dân của địch tại các xã Đông Yên, Đông Thái, Đông Hòa, Đông Thanh, Đông Hưng, Vân Khánh đưa nhân dân trở về làng, ấp cũ; Phá rã phần lớn hệ thống tề xã, ấp của ngụy quyền. Cao trào đồng khởi đã mở ra những vùng giải phóng lốm của tất cả các xã, mở rộng căn cứ địa cách mạng U Minh, góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh đơn phương của Mỹ ngụy.

Sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960), ngày 1/3/1961 đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Rạch Giá khai mạc tại vùng căn cứ cách mạng U Minh Thượng với sự tham dự của 70 đại biểu thay mặt cho 500.000 đồng bào trong tỉnh, đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử quan trọng, chứng tỏ sự hồi sinh và sức sống mãnh liệt



của một vùng căn cứ cách mạng mà kẻ thù dù đã bằng trăm phương nghìn kế vẫn không thể xóa được. U Minh Thượng vẫn giữ vị trí trung tâm nơi chỉ đạo kháng chiến của Tỉnh ủy Rạch Giá.

Nhiều cuộc mít tinh sau đó chào mừng Ủy ban Mặt trận Tỉnh và phát động thi đua lập thành tích chào mừng Mặt trận ra đời. Tiếp theo là Mặt trận dân tộc giải phóng huyện An Biên cũng được thành lập. Theo lời hiệu triệu của Mặt trận. Lực lượng cách mạng đã phát triển từ không đến có, từ yếu đến mạnh, trên cơ sở

Một góc rừng U Minh

HUYỀN THOẠI U MINH

đội quân chính trị của đông đảo quần chúng. Căn cứ địa U Minh Thượng lại được củng cố và mở rộng. Huyện An Biên, Gò Quao khi đó là địa bàn chính của căn cứ địa, nơi cơ quan đầu não của Khu 9 đứng chân và trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng khu vực miền Tây Nam bộ và là căn cứ địa của Đảng bộ tỉnh Rạch Giá.

Bước sang năm 1961, trên địa bàn U Minh Thượng đã hình thành 3 vùng: Vùng giải phóng, vùng tranh chấp, vùng kềm. Trong vùng giải phóng và vùng tranh chấp, cơ sở Đảng từ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Không chịu chấp nhận sự phát triển của căn cứ U Minh Thượng, đầu năm 1962 địch lại tiến hành kế hoạch bình định U Minh.

Để gom dân lập ấp chiến lược, địch dùng chiến thuật “trục thẳng vận”, “Thiết xa vận”, “bủa lưới phóng lao”. Nhưng chúng cũng liên tục bị quân và dân ta tấn công, tiêu diệt. Ngày 24 tháng 8 năm 1962 tiểu đoàn U Minh 10 đã đánh bại cuộc càn bằng chiến thuật trục thẳng vận của trung đoàn 33 nguy hiểm đầu tiên đặt chân đến Kè Một xã Vĩnh Bình, loại khỏi vòng chiến đấu gần 300 tên, bắn hạ một số máy bay.

Đến cuối năm 1962 An Biên đã phá tan 15 ấp chiến lược, khôi phục vùng giải phóng ven biển và phần lớn các xã Đông Yên, Đông Thạnh, Đông Thái, Vĩnh Hòa, Vĩnh Bình. Ta xây dựng mạng lưới an ninh xóm ấp, lực lượng an ninh võ trang huyện diệt nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, bắt giam hàng chục tên, bắt giáo dục hàng trăm tên; đồng thời xây dựng nhiều cơ sở mật trong vùng địch tạm chiếm và vùng tranh chấp để phục vụ cho việc trị an và diệt ác trong lòng địch.

Để mở rộng vùng giải phóng U Minh Thượng, tháng 4 năm 1964 Quân khu 9 mở chiến dịch mùa khô, sử dụng 2 trung đoàn phối hợp cùng bộ đội và du kích địa phương tiến công Chi khu Vĩnh Thuận, đánh quân viện của địch trên kinh xáng Chắc Băng. Địch đổ quân bằng trục thẳng và nhảy dù bị ta diệt một tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, bắn rơi và bắn hỏng 10 trục thẳng. Chi khu Vĩnh Thuận bị ta đánh thiệt hại nặng. Sau đó một trung đoàn của Khu tiếp tục đánh địch ở Thới Bình, Huyện Sủ; một trung đoàn chuyển lên phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Rạch Giá đánh địch ở Vàm Xáng, phục kích địch tại Lục Phi diệt gọn 1 tiểu đoàn địch gồm 350 tên trong đó có 2 tên cố vấn Mỹ.

Chiến thắng đã mở rộng được căn cứ U Minh Thượng lên Phụng Hiệp (Cần

HUYỀN THOẠI U MINH

Thơ), giải phóng kinh Xáng Cụt và Ba Đình tạo điều kiện thuận lợi cho *Bộ chỉ huy Quân khu Xây dựng căn cứ mới ở Biển Bạch*.

Đến giữa năm 1965 chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ bị phá sản, chúng chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam.

Thời gian này, địch đã dùng bom đạn, chất độc hóa học đánh phá ác liệt vùng căn cứ U Minh; đồng thời mở các cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, dùng chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, mua chuộc lừa mị nhân dân, lôi kéo, thúc ép dân vùng giải phóng vào các khu định cư ở thị xã, thị trấn và trực giao thông chính. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Rạch Giá, quân dân U Minh Thượng kiên quyết đánh bại âm mưu “xúc tát dân” và ngăn chặn các cuộc càn quét “tìm diệt” của địch, bảo tồn lực lượng ta, kết hợp 3 mũi giáp công tiêu diệt, tiêu hao và làm tan rã nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, bảo vệ và xây dựng vùng căn cứ kháng chiến vững mạnh mọi mặt, tập hợp các tầng lớp nhân dân đoàn kết chống Mỹ cứu nước.

Năm 1966 Quân khu 9 mở những đòn tiến công mạnh mẽ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bẻ gãy những cuộc càn lớn, cùng với lực lượng vũ trang địa phương mở ra vùng giải phóng liên hoàn từ U Minh Thượng sang Gò Guao, Giồng Riềng lên lộ Cái Sắn mở thông đường chiến lược 1C từ biên giới U Minh Thượng. Điển hình là chiến thắng kinh Xuôi (Giồng Giềng) ngày 28/1/1966 loại khỏi vòng chiến trên 400 tên nguy quân và trận chiến thắng Ba Huân, Ngã Cạy (Gò Quao) ngày 26/10/1966 diệt trên 700 tên bắn rơi 12 máy bay. Hai trận này của tiểu đoàn 303 và 306 quân khu có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ mở rộng căn cứ U Minh nối từ đường hành lang biên giới Campuchia, qua Hà Tiên, Hòn Đất, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao về đến U Minh Thượng. Hơn 100 máy bay các loại, hơn 50 xe tăng, xe bọc thép địch tan xác khắp rừng Hà Tiên, hàng trăm tàu sắt cháy, chìm trên kinh Vĩnh Tế, kinh Tám Ngàn, kinh Cái Sắn, hơn 100 tên xâm lược Mỹ cùng hàng ngàn quân nguy phải đền tội trước mũi súng của bộ đội và thanh niên xung phong tuyến đường 1-C. Đơn vị thanh niên xung phong có trên 800 quân thì trên 600 quân là nữ do đoàn thanh niên miền Tây Nam bộ tổ chức và trực tiếp chỉ huy, hoạt động và chiến đấu trên một chiến trường ác liệt, kết thúc chiến tranh có trên 400 cán bộ chiến sĩ của Đoàn đã hy sinh anh dũng trên tuyến đường này.

Trong chiến dịch tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968, U Minh Thượng là một kho người và của liên tục cung cấp cho các chiến trường Khu 9. Thanh Niên

HUYỀN THOẠI U MINH

An Biên, Vĩnh Thuận nô nức lên đường chiến đấu, bộ đội địa phương và cả dân quân du kích được trên rút lên bổ sung cho các đơn vị phía trước. Hàng ngàn thanh niên U Minh Thượng đã tham gia vào cuộc tiến công lịch sử này và không ít người đã hy sinh, đã cống hiến máu xương cho độc lập tự do của Tổ quốc.

Chống địch 3 lần hành quân quy mô lớn bình định, lấn chiếm vùng căn cứ giải phóng; Chiến thắng Thứ Mười Một (1969 - 1972):

Cuộc tổng tấn công nổi dậy Mùa Xuân Mậu Thân 1968 của quân dân Miền Nam đã giành được thắng lợi to lớn, Đế quốc Mỹ xâm lược buộc phải xuống thang và chuyển chiến lược “chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Chúng tăng cường xây dựng ngụy quân ngụy quyền, rút dần quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, nhưng âm mưu xâm lược vẫn không thay đổi. Chúng ra sức tiến hành bình định cấp tốc khắp Miền Nam, trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long mà địa bàn U Minh Thượng là quan trọng, với tham

vọng đến cuối năm 1969 lấn chiếm xong vùng căn cứ kháng chiến U Minh Thượng sau đó chuyển xuống Cà Mau và do đó “cách mạng sẽ tàn lụi dần”.

Cuối năm 1968, địch tập trung lực lượng đông tới hàng nghìn tên mở cuộc hành quân gọi là “Thăm dò U Minh”, có cả hàng chục trực thăng đổ quân cơ động và trực thăng võ trang, có pháo bầy từ tàu lớn ven biển và trọng pháo từ Thứ Ba yểm trợ cho cuộc càn. Trước cuộc càn, địch đã cho 18



Một trạm phẫu thuật dã chiến trong rừng tràm U Minh Hạ - năm 1970)

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

lượt chiếc máy bay B 52 ném bom rải thảm xuống ấp Kinh Làng, xã Đông Thái, huyện An Biên ngày 3/8/1968, làm chết và bị thương hơn 100 người, phá nát nhiều mảng rừng tràm. Ngày 26/11/1968 địch cụm quân tại Thứ Mười Một và đặt tại đây một trận địa pháo, chuẩn bị cho việc đánh vào U Minh.

Ngày 2/8/1969 Tỉnh ủy Rạch Giá họp đánh giá tình hình, âm mưu của địch và xác định nhiệm vụ của tỉnh là tập trung vào việc phá bình định của địch bằng ba mũi giáp công, lấy xã ấp làm địa bàn chính, đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ cùng với đoàn 195 đưa các đơn vị của Trung ương Cục tăng viện cho Quân khu 9 qua tuyến đường 1 C về U Minh Thượng.

Địch phát hiện lực lượng Miền tăng cường về Quân khu 9 là thêm một nguy cơ đối với chúng nên chúng tập trung đánh phá ác liệt hơn. Chúng thì quyết “Nhỏ cỏ U Minh”, ta thì quyết bảo vệ giữ vững vùng đất thánh này nên U Minh Thượng đã trở thành một chiến trường nóng bỏng giằng co quyết liệt giữa ta và địch. Trong 2 năm, từ cuối 1969 đến đầu 1971, địch đã tập trung lực lượng lớn có cả hải lực không quân cùng với pháo hạm Mỹ và pháo đài bay B52 yểm trợ 3 lần hành quân lấn chiếm bình định U Minh. *Ngày 29/9/1969, địch mở cuộc hành quân đánh U Minh lần thứ nhất.*

Các đơn vị chủ lực khu cùng các lực lượng vũ trang địa phương bám đánh địch ở Tuần Thơm, Biển Bạch, vùng Biển An Biên, đánh tàu trên sông Trẹm, sông Cái Tàu... tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đến ngày 17/11/1969 cuộc hành quân lớn của địch buộc phải chấm dứt. Ta đánh bại đợt 1 bình định lấn chiếm U Minh của Mỹ - Ngụy.

Tháng 2/1970 địch tiến hành Bình Định lấn chiếm U Minh lần thứ hai với quyết tâm “Nhỏ cỏ U Minh”. Bộ đội Quân khu cùng các lực lượng vũ trang địa phương bám địch, đánh liên tục, tiêu hao tiêu diệt chúng. Ngày 12/3/1970 Bộ Tư Lệnh Quân khu quyết định tiến công diệt chiến đoàn 33 — lần này chúng không đóng căn cứ ở Thứ Mười Một mà đóng tại Kinh Họa Đồ (cách Thứ Mười Một 1km). Trung đoàn 2 đã diệt gọn Sở chỉ huy và chiến đoàn gần 400 tên. Sáng ngày sau địch rút chạy khỏi U Minh, ta đánh bại lần thứ hai kế hoạch bình định “nhỏ cỏ U Minh” của địch.

Ngày 30/11/1970, địch mở chiến dịch quy mô lớn *Lấn chiếm U Minh lần thứ Ba* với kế hoạch nước rút nhằm đóng thêm 17 đồn, để tô dày, lấp kín U Minh rồi chuyển xuống Nam Cà Mau.

Trước tình hình đó, Quân khu đã mở một đợt phản công mùa mưa từ ngày

HUYỀN THOẠI U MINH

7/9/1971 đến ngày 12/9/1971 và đã dành thắng lợi, loại khỏi vùng chiến đấu trên 2.000 tên địch thuộc Sư đoàn 21 diệt và gỡ trên 10 đồn địch. Sau đợt phản công này của ta địch phải hủy bỏ kế hoạch tô đây lấp kín U Minh, rút bỏ 2 chốt cấp tiểu đoàn ở Rạch Cái Tàu, cụm đồn và trận địa pháo ở Đá Bạc, ta giải phóng xã Khánh Hưng và hàng chục ấp khác.

Kết thúc ba đợt đánh địch lấn chiếm, bình định U Minh và một đợt phản công, ta đã dành nhiều thắng lợi, diệt trên 8.600 địch, tiêu diệt 1 lữ đoàn A thủy quân lục chiến, 1 chiến đoàn 33, tiêu diệt 3 sở chỉ huy trung đoàn trực thuộc, diệt 11 tiểu đoàn, 12 đại đội, phá hủy 40 pháo, 16 xe thiết giáp, bắn chìm bắn cháy 43 tàu, bắn rơi, bị thương 44 máy bay, đánh thiệt hại nặng trên 10 tiểu đoàn và làm rã ngũ hàng nghìn tên khác.

Quan trọng hơn, các đợt tiến công, phản công của quân và dân U Minh Thượng có ý nghĩa chiến lược, tạo ra bước ngoặt lịch sử làm thất bại âm mưu bình định lấn chiếm “nhỏ cỏ U Minh” phá căn cứ cách mạng của ta ở Miền Tây Nam Bộ của địch.

Liên tục tấn công địch, giành thắng lợi hoàn toàn.

Bước vào mùa xuân 1972 trên toàn Miền Nam, ta mở cuộc tiến công chiến lược mới. Quân Khu và Tỉnh ủy Rạch Giá chủ trương tập trung lực lượng từng cấp giải phóng và giành chính quyền làm chủ các địa bàn cơ động đông dân, khôi phục lại vùng giải phóng U Minh.

Ngày 27/1/1973 đế quốc Mỹ buộc phải ký kết hiệp định Paris nhưng với bản chất ngoan cố, Mỹ - Ngụy vẫn ra sức phá hoại hiệp định, ráo riết tăng cường



*Nhân dân mít tinh
đón mừng ngày
giải phóng
30/4/1975*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

mọi mặt cho nguy quân nguy quyền, sử dụng chúng làm công cụ duy trì và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Miền Nam Việt Nam. Chúng tập trung tăng cường chủ lực kết hợp với quân địa phương hành quân lấn chiếm ô ạt những vùng trọng điểm, liên tục đánh phá, chà xát địa hình căn cứ; cấm cờ giành đất giành dân, bắt dân phải treo cờ quốc gia (cờ ba sọc), trước cửa nhà và trên nóc nhà v.v

Tháng 5/1973, quân dân toàn miền Tây mở đợt tấn công tổng hợp để trừng trị địch vi phạm hiệp định Paris. Quân dân U Minh Thượng kết hợp chặt chẽ với bộ đội Quân khu 9 đồng loạt tấn công đẩy lùi các cánh quân hỗn hợp của địch càn quét lấn chiếm vùng U Minh, đồng thời bao vây căn cứ hành quân Bình Minh (Sân Gạch, xã Vĩnh Hòa huyện Vĩnh Thuận), căn cứ hành quân Rạng Đông (Thứ Mười Một, huyện An Biên), tấn công gỡ hàng loạt đồn bót, phá khu đồn dân, áp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Khí thế đấu tranh chính trị cũng rất sôi động. Ở An Biên có 150 cuộc đấu tranh với địch ở các đồn bót và tề xã, có gần 6.000 lượt người tham gia. Đặc biệt cuộc đấu tranh của nhân dân xã Đồng Yên có 300 đồng bào dân tộc Khmer và sư sãi phối hợp với nhân dân ở nhiều nơi kéo vào Thị xã Rạch Giá ngày 10/6/1974 biểu tình chống nguy quyền bắt sư sãi đi lính đánh thuê cho Mỹ.

Cùng với các trận tấn công địch bằng lực lượng vũ trang, công tác binh vận, nội tuyến đến giai đoạn này càng phát huy thắng lợi ròn rã trên mặt trận thâm lặng không phải dùng đến vũ khí nhưng đầy dũng cảm và mưu trí.

Đến cuối năm 1974 vùng căn cứ giải phóng U Minh Thượng tiếp tục được mở rộng không những liên hoàn hai huyện An Biên - Vĩnh Thuận mà còn liên hoàn với huyện Thới Bình (Tỉnh Bạc Liêu) với huyện Gò Quao, Giồng Riềng (Tỉnh Rạch Giá), tạo hành lang thuận lợi để chủ lực của ta (khu và tỉnh) tiến lên áp sát xào huyết địch.

Nhân dân được giải phóng trở về chỗ cũ ngày càng nhiều. Khí thế phong trào cách mạng sôi nổi, quần chúng rất phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.

Ngày 5/4/1975 Tỉnh ủy Rạch Giá họp tại Xẻo Cạn nêu quyết tâm cho toàn Đảng và quân dân trong tỉnh nắm lấy thời cơ, phát huy tinh thần tự lực tự cường, bằng 3 mũi giáp công, bằng mọi lực lượng, liên tục tấn công và nổi dậy khắp 3 vùng, tiêu diệt và tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, khẩn trương tạo thế lực mới, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.

HUYỀN THOẠI U MINH

Hai yếu tố cơ bản tạo thành căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng đó là “địa lợi, nhân hòa”, là thiên nhiên quyện với con người cùng chung một mạch nguồn chảy xuyên suốt dòng lịch sử một truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

Trong 2 cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, U Minh Thượng thực sự là một căn cứ địa cách mạng vững chắc, một thành trì không cần lũy thép, một “thánh địa” ở miền Tây Nam bộ, một mắt xích trong hệ thống căn cứ địa cách mạng của cả nước. Nhưng mỗi tấc đất U Minh đã thấm đậm mồ hôi, nước mắt máu xương của biết bao cán bộ, chiến sĩ và đồng bào bao thế hệ. Chỉ riêng ở U Minh Thượng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã có 6.546 liệt sĩ và 2.897 thương binh, chưa kể đến biết bao cán bộ chiến sĩ từ mọi miền Tổ quốc đã chiến đấu hy sinh trên mảnh đất này vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nhân dân U Minh Thượng ngày nay vẫn giữ trọn lòng thủy chung son sắt, gắn bó với truyền thống lịch sử vẻ vang, đang ra sức xây dựng U Minh Thượng “Đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, quyết tâm cùng cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội - dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

(Tổng hợp từ nguồn tư liệu: VP UBND tỉnh Kiên Giang)

TỈNH ỦY RẠCH GIÁ LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CĂN CỨ CÁCH MẠNG U MINH THƯỢNG

Trong các cuộc kháng chiến, căn cứ địa và hậu phương của kháng chiến là một trong những nhân tố góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng. Căn cứ địa là nơi có cơ quan lãnh đạo, là nơi xuất phát mọi chủ trương nghị quyết để xây dựng lực lượng, tổ chức tấn công địch và tạo thành phong trào hành động cách mạng của nhân dân, là nơi cung ứng người, của cho cách mạng, là nguồn dự trữ và sức mạnh của ta để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng cũng luôn quan tâm xây dựng căn cứ địa - hậu phương vững chắc, để bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng.

Đảng bộ và quân dân Kiên Giang rất tự hào có căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng - nơi có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của cách mạng ở Kiên Giang. Việc xây dựng căn cứ địa U Minh Thượng đã tạo cho phong trào cách mạng trong vùng một chỗ dựa vững chắc; Nơi đây cũng vừa là tiền tuyến chống giặc, vừa có hành lang chiến lược. Hai mặt vừa xây dựng, vừa chiến đấu luôn gắn chặt nhau, hỗ trợ cho nhau. Cuộc chiến đấu giành giữ căn cứ địa U Minh Thượng diễn ra vô cùng ác liệt và dai dẳng, nhất là những năm 1969-1971 khi Mỹ ngụy tiến hành bình định lấn chiếm “nhỏ cỏ U Minh” với nhiều thủ đoạn tàn bạo và thâm độc. Nhưng người dân U Minh cũng chiến đấu vô cùng kiên cường, mưu trí, không sợ hy sinh; trẻ già gái trai đều tham gia đánh địch, quyết đánh và quyết thắng kẻ thù.

Để U Minh trở thành căn cứ địa - hậu phương vững chắc của cách mạng trong

HUYỀN THOẠI U MINH

các thời kỳ, con người U Minh, lòng dân U Minh bao giờ cũng là yếu tố quan trọng nhất. Chỉ có con người với lòng yêu nước nồng nàn, kiên trung theo Đảng, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, mới có thể làm nên một Căn cứ địa “bất khả xâm phạm” đối với kẻ thù.

Ngay từ đầu năm 1941, Tỉnh ủy lâm thời Rạch Giá được thành lập tại U Minh Thượng đã đề ra nhiệm vụ phải xây dựng căn cứ của Tỉnh ủy ở U Minh. Đồng chí Võ Văn Kiệt là Tỉnh Ủy viên được phân công phụ trách chỉ đạo các xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Bình xây dựng căn cứ địa U Minh. Như vậy, từ năm 1941 Liên tỉnh ủy Hậu Giang và tỉnh ủy Rạch Giá đã chính thức quyết định chủ trương xây dựng căn cứ địa U Minh Thượng nhằm tạo nên một hậu cứ vững chắc cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Từ chủ trương đó của Tỉnh ủy, các cán bộ cách mạng đã tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng, hướng dẫn đấu tranh, qua đó tuyển chọn những người ưu tú đưa vào Đảng. Nhờ vậy cơ sở Đảng và phong trào của U Minh Thượng ngày càng phát triển, bất chấp bom đạn khốc liệt của giặc.

Một sự kiện lịch sử có ý nghĩa lớn là ngày 2/2/1946 đã diễn ra cuộc họp cán bộ cao cấp của Nam bộ, có Khu 8 và Khu 9 về dự tại Thới Bình thuộc vùng U Minh Thượng bàn về chủ trương kháng chiến chống giặc Pháp. Trong hội nghị này, đa số ý kiến cho thấy so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch nên chủ trương chuyển lực lượng của Khu 8 và Khu 9 lên miền Đông phối hợp với lực lượng Khu 7 tiếp tục chiến đấu, chỉ để lại một lực lượng vũ trang nhỏ và một số cán bộ để phát động phong trào chiến tranh nhân dân; Khi nào lực lượng ta mạnh sẽ kéo về cùng lực lượng tại chỗ đẩy mạnh kháng chiến ở Khu 9. Nhưng cũng có một bộ phận các đồng chí khác vẫn chủ trương kiên quyết bám trụ, dựa vào sức mạnh của nhân dân, lấy U Minh làm bàn đạp căn cứ, luồn vào vùng địch hậu để xây dựng phát triển lực lượng tại chỗ tiếp tục đánh địch, dần dần làm thay đổi tương quan lực lượng tiến lên đánh bại kẻ thù.

Sau cuộc họp này, lực lượng bám lại U Minh Thượng chủ yếu là dân quân du kích, bộ đội Huỳnh Thủ và vài đơn vị bộ đội khác.

Thời gian sau đó, quân Pháp lần lượt đánh chiếm U Minh, đóng đồn bót, lập lại bộ máy chính quyền, thành lập tiểu khu quân sự nhằm đàn áp phong trào cách mạng ở U Minh.

Mặc dù vậy, Tỉnh ủy, ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Rạch Giá, các cơ quan của tỉnh vẫn dựa vào U Minh làm căn cứ địa, ra sức xây dựng củng cố lực lượng, tổ chức đời sống cho nhân dân và nhân dân cũng hết lòng ủng hộ, bao bọc, giúp đỡ cán bộ, nuôi quân đánh giặc. Dần dần các lực lượng của ta phát triển mạnh

HUYỀN THOẠI U MINH

lên và đánh thắng địch một số trận có tiếng vang lớn như chiến thắng Cây Bàng 13/6/1946.

Tháng 2/1947, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tại xã Vĩnh Hòa, nhận định tình hình phong trào kháng chiến trong tỉnh có bước trưởng thành về nhiều mặt và đề ra chủ trương mở rộng thực hiện chính sách mật trận, xây dựng khối đoàn kết nhân dân, phát triển các đoàn thể cứu quốc, kiện toàn ủy ban Việt minh, tăng cường vận động nhân dân các dân tộc và đẩy mạnh xây dựng lực lượng... Hội nghị còn chủ trương thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức, vận động địa chủ hiến điền chia cấp cho nông dân để bồi dưỡng sức dân làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng đồng thời phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng nếp sống mới ở vùng giải phóng. Những Nghị quyết trên đã có tác dụng tích cực đẩy mạnh phong trào kháng chiến trong tỉnh từng bước tiến lên.

Sau khi có Hiệp định Giơ-ne-vơ, nhận rõ bản chất kẻ thù nên ta luôn đề cao cảnh giác, vừa đấu tranh chính trị, vừa sẵn sàng xây dựng lực lượng vũ trang tại chỗ; chủ trương chôn giấu vũ khí, đạn dược ở U Minh Thượng và U Minh Hạ để xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống.

Ngày 5/9/1954, Trung ương Đảng quyết định lập lại tỉnh Rạch Giá, tỉnh Hà Tiên. Tỉnh ủy bí mật được thành lập và tổ chức Hội nghị liên sau đó tại Hồng Dân, quyết định chuyển các cơ quan về U Minh Thượng ở các kinh từ Kinh Hăng Dài qua kinh Tây Phong, Kinh Mười Quang, Kinh Đạo, Kinh Làng đến ngọn Xẻo Cạn.

Về phía địch, nhận thấy rõ tính chất “nguy hiểm” của căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng, Mỹ - Diệm đã biến U Minh Thượng thành một trọng điểm đánh phá ác liệt nhất ở miền Tây; chúng còn thực hiện âm mưu “Di cộng diệt cộng” tập hợp bọn địa chủ phản động có hận thù cách mạng, cán bộ kháng chiến bất mãn để khủng bố đàn áp phong trào cách mạng, tiêu diệt Đảng. Đặc khu An Phước do chúng thành lập đã trở thành trung tâm tội ác của địch ở U Minh, là nơi địch đánh phá sớm nhất, gian ác nhất ở miền Tây lúc bấy giờ; hàng nghìn đồng chí, đồng bào của ta đã bị chúng giết hại tại đây.

Cuối năm 1955, mặc dù phải dời căn cứ về đóng ở Hòa Hưng - Vị Thanh, nhưng Tỉnh ủy vẫn tiếp tục chỉ đạo, phân công 2 tỉnh ủy viên phụ trách và Huyện ủy vẫn bám trụ, bám dân, bám đất để lãnh đạo duy trì, giữ vững phong trào ở U Minh Thượng.

Khi Mỹ Diệm ban hành luật 10/59 phát xít, lê máy chém đi khắp nơi để sát hại những người kháng chiến cũ, hòng tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam, Tỉnh ủy đã đưa ra những chủ trương phù hợp với thực tế địa phương, trong đó xác định vùng U Minh Thượng vẫn là căn cứ của lãnh đạo và của các lực lượng vũ

HUYỀN THOẠI U MINH

trang. Ngày 30/10/1959, Tỉnh ủy bố trí tiểu đoàn Ngô Sở kết hợp lực lượng tại chỗ đánh diệt chi khu Kiên An tại Xẻo Rô, diệt 2 tên ác ôn Lâm Quang Quận, quận trưởng và tên Võ Văn Ngân cảnh sát Đông Yên, giải thoát 113 tù chính trị đang bị giam cầm. Đây là lần đầu tiên chi khu quân sự bị diệt sớm nhất ở miền Tây. Chiến thắng Xẻo Rô là dấu chấm hết của đặc khu An Phước và bè lũ tay sai ác ôn ở đây; chấm hết âm mưu “Dĩ cộng diệt cộng” của Ngô Đình Diệm ở U Minh Thượng.

Sau cao trào Đồng khởi ở miền Nam, Mỹ ngụy chuyển sang thực hiện chiến tranh đặc biệt, âm mưu thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng mà xương sống là bình định gom dân vào ấp chiến lược. Đó là một mưu đồ thâm độc và không phải không gây cho ta những khó khăn lớn. Mặc dù vậy, Tỉnh ủy vẫn bám U Minh Thượng và chủ trương xây dựng căn cứ U Minh về mọi mặt và chính nơi đây là nguồn bổ sung cán bộ, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến trong vùng.

Tháng 7-1965, sau những diễn biến thực tế trên chiến trường chung và ở vùng U Minh Thượng nói riêng, hội nghị Tỉnh ủy đã họp và đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ cụ thể là: “Kiên quyết đánh bại âm mưu xức tát dân và ngăn chặn các cuộc càn quét “bình định tìm diệt” của địch, bảo tồn lực lượng ta, kết hợp 3 mũi giáp công nhằm tiêu diệt, tiêu hao làm tan rã sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng. Ra sức phát triển lực lượng, xây dựng vùng căn cứ kháng chiến vững mạnh về mọi mặt. Mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng các cấp nhằm tiếp tục tập hợp các tầng lớp nhân dân đoàn kết chống Mỹ cứu nước”. Chủ trương đó đã kịp thời giúp cho phong trào tiếp tục phát triển và từng bước lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến.

Năm 1966, Tỉnh ủy dời về ở U Minh tiếp tục lãnh đạo phong trào với quyết



Trụ sở Ban biên tập báo “Tiếng súng kháng địch” ở U Minh Thượng trong kháng chiến chống Mỹ

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

tâm cao hơn; đồng thời chủ trương xây dựng chi bộ tự động làm chuyển biến tình hình ở cơ sở. Từ cuối năm 1967 Tỉnh ủy, Tỉnh đội chuyển về Bờ Dừa, Xẻo Cạn, Xẻo Rô, Xẻo Kè. Từ đây Tỉnh ủy, Tỉnh đội lãnh đạo quân dân trong tỉnh cùng toàn miền Nam tổng tấn công nổi dậy trong tết Mậu thân lịch sử.

Từ cuối năm 1968, địch nhiều lần huy động lớn lực lượng và vũ khí phương tiện chiến tranh kể cả quân tổng dự bị chiến lược để hành quân “thăm dò U Minh” và bình định đánh chiếm “nhỏ cỏ U Minh” với đủ máy bay tàu chiến các loại kể cả pháo đài bay B52, các loại pháo tàu, pháo mặt đất, sử dụng cả chất độc hóa học với nhiều thủ đoạn dã man tàn bạo, nhưng chúng đã thất bại thảm hại trước tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân và dân ta ở U Minh Thượng.

Trong thời kỳ ác liệt này, Tỉnh ủy vẫn xác định U Minh Thượng là căn cứ địa cách mạng, phải quyết tâm bám trụ đánh địch bảo vệ căn cứ U Minh; Tập trung chỉ đạo đánh địch với 3 mũi giáp công từ cơ sở, đi đôi với hoàn thành nhiệm vụ cùng với đoàn 195 của khu chuyển quân, đưa các đơn vị của Trung ương chi viện cho miền Tây về U Minh Thượng. Khi địch tập trung đánh U Minh thì các huyện, các lực lượng đều bung ra đánh, kèm căng địch để chia lửa với chiến trường U Minh. Đó là sự chỉ đạo hợp đồng toàn tỉnh, toàn khu chặt chẽ, ăn khớp và do đó chiến thắng là kết quả chung của toàn tỉnh, của toàn khu.

Cuộc đấu tranh giữa ta và địch ở U Minh Thượng vẫn diễn ra thường xuyên và ác liệt; cho đến tháng 4/1974 vùng U Minh Thượng đã giải phóng cơ bản, khôi phục lại vùng giải phóng cũ. Từ đó về sau vùng U Minh Thượng càng được xây dựng phát triển toàn diện, góp phần quan trọng cùng toàn tỉnh tấn công địch trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành toàn thắng.

Có thể nói U Minh Thượng là căn cứ địa cách mạng vững chắc của Kiên Giang nói riêng và của Tây Nam Bộ nói chung, nơi cung cấp người và của lớn nhất trong tỉnh cho cách mạng. Nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy, trong Ban thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ cốt cán các ngành tỉnh là cán bộ trưởng thành từ phong trào của vùng U Minh Thượng và lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi hy sinh, gian khổ để đưa cách mạng đến toàn thắng.

U Minh Thượng mãi mãi là niềm tự hào không chỉ của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang; là nơi ghi dấu và là một phần không thể thiếu trong truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của nhân dân Kiên Giang và nhân dân U Minh Thượng Anh hùng.

Manh Tiến

ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA CĂN CỨ ĐỊA U MINH TRONG CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC

... Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi toàn quốc bùng nổ, trong thế tương quan lực lượng không cân sức, nhiều cơ quan lãnh đạo, tổ chức kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng buộc phải tạm rời các thành thị, các khu dân cư đông đúc tìm về nơi có thể đứng chân an toàn hơn để bảo tồn và xây dựng lực lượng, cũng như tìm đến những địa bàn có thể xây dựng các cơ sở chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội, đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến. U Minh nói chung và U Minh Thượng nói riêng là một trong những địa bàn mang trọng trách lớn lao ấy.

Cho dù là căn cứ địa ở vùng rừng núi, căn cứ địa ở trung du, căn cứ địa ven biển, căn cứ ven đô, hay căn cứ ở vùng đồng bằng ngập nước thì các căn cứ địa đều hình thành và phát triển trên cơ sở những yếu tố địa — chính trị, địa — quân sự, địa — kinh tế và địa — văn hóa.

Căn cứ địa U Minh cũng không nằm ngoài những tiên lệ đó. Tuy vậy, do sự chi phối của những đặc điểm về tự nhiên, xã hội; đặc biệt là sự chi phối bởi diễn biến hai cuộc kháng chiến ở chiến trường Tây Nam Bộ nên *quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển căn cứ địa U Minh, ngoài những nét tương đồng còn mang sắc thái riêng, cụ thể là:*

Căn cứ địa U Minh hình thành và phát triển trên vùng đồng bằng sông nước, sinh lầy, sông rạch chằng chịt; không có đồi núi và điều kiện địa lý tự nhiên chỉ phù hợp với chiến tranh du kích.

HUYỀN THOẠI U MINH

Khu căn cứ U Minh Thượng có độ cao trung bình so với mực nước biển rất thấp (chỉ 0,5 - 3m) cộng với địa tầng chủ yếu than bùn, có thể nói là điều bất lợi trong tổ chức phòng thủ căn cứ. Địa bàn trũng và ngập nước, cũng là một bất lợi vì ta không thể xây dựng được hệ thống hầm hào kiên cố hay địa đạo như ở các căn cứ địa khác, do đó khi địch không kích và pháo kích thường gây thương vong lớn. Ngược lại, đối với kẻ địch, địa hình lầy lội, nền đất yếu cũng không cho phép chúng sử dụng xe tăng, thiết giáp, pháo hạng nặng, vốn là thế mạnh và là mũi nhọn đột kích trong chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng của chúng.

Lượng mưa trung bình hàng năm lớn và mùa mưa kéo dài cũng là yếu tố gây nhiều khó khăn cho đời sống và hoạt động của quân và dân căn cứ địa. Tuy nhiên, nhìn nhận dưới một góc độ khác, lượng mưa nhiều đã làm khuếch tán và giảm thiểu đáng kể tác hại hủy diệt của chất độc hóa học mà địch rải xuống nhằm khai hoang, tàn phá môi trường sống vùng căn cứ. Và lại, lượng mưa nhiều cũng gây khó khăn, cản trở hoạt động tác chiến của địch.

Do không có đồi núi nên căn cứ địa U Minh không có được một “Khu an toàn — ATK” kiểu như ở Việt Bắc hay miền Đông Nam Bộ; vì vậy mà ta cũng không thể tổ chức phòng ngự theo tuyến, dựa vào hệ thống hầm hào, công sự vững chắc như ở nhiều căn cứ khác.

Điểm nữa, do không có đồi núi, hàng động nên việc cất giấu, bảo quản vũ khí trang bị và nguồn hậu cần gặp không ít khó khăn. Tại đây, ta đã không thể lập được những chân hàng lớn, mặc dầu U Minh là đầu cầu tiếp nhận hàng chi viện từ miền Bắc vào và từ địa bàn Thái Lan, Campuchia về cho miền Tây. Sự manh mún, nhỏ lẻ của hệ thống kho tàng đã gây không ít khó khăn cho công tác bảo đảm hậu cần, phục vụ kháng chiến.

Nhưng bù lại, căn cứ địa U Minh lại được che phủ tới 2/3 diện tích bởi những cánh rừng nguyên sinh dày đặc. Theo đánh giá của giới khoa học thì rừng U Minh là khu rừng ngập nước lớn thứ hai trên thế giới (chỉ đứng sau rừng Amazon ở Nam Mỹ), nhưng rừng U Minh lại có nhiều nét đặc sắc mà rừng Amazon không có được. Rừng ở đây có nhiều tầng, nhiều lớp đan xen nhau, chính vì vậy mà ngoài yếu tố thuận lợi để nguy trang che giấu và phân tán lực lượng thì mật độ cây rừng dày đặc phần nào cũng hạn chế mức độ sát thương của bom, pháo và sự huỷ diệt của chất độc hóa học do địch gây ra.

Trên thực tế, việc tổ chức và xây dựng, bố trí lực lượng phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm nêu trên. Ngay trong nội dung huấn luyện cho bộ đội như chiến

HUYỀN THOẠI U MINH

thuật pháo chốt đường sông; cách bắn máy bay đổ quân; cách đánh Hạm đội nhỏ trên sông; cách cơ động bằng ghe, thuyền cũng phải có nhiều khác biệt để phù hợp với điều kiện và đặc điểm địa hình căn cứ địa U Minh.

Không phải là một ATK như căn cứ địa ở vùng rừng núi phía Bắc

Về quy mô, diện tích, căn cứ địa U Minh Thượng chỉ đứng sau căn cứ địa Việt Bắc, và có độ che phủ của rừng nguyên sinh rất lớn. Song, do địa hình sông Rạch chằng chịt, dễ bị chia cắt nên không thể xây dựng được một ATK ổn định. Các cơ quan đầu não của Xứ uỷ, Bộ Tư lệnh Miền (1949 — 1954), của Khu và các tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau thường xuyên phải thay đổi địa bàn đứng chân, thường xuyên phải cơ động, phân tán lực lượng để tránh sự đánh phá bằng bom, pháo của địch. Điều này bảo đảm được sự an toàn cho các cơ quan lãnh đạo, song lại hạn chế công tác chỉ huy trong hiệp đồng tác chiến cũng như trong chỉ đạo tổ chức bảo vệ và xây dựng căn cứ địa.

Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ gần như phải liên tục chống đỡ vất vả, thậm chí có thời kỳ tưởng như không chống đỡ nổi (1969 — 1971) trước các cuộc tiến công “Nhỏ cỏ U Minh” của Mỹ, ngụy. Trong bối cảnh đó thì khó mà xây dựng được một ATK ổn định và vững chắc.

Tuy vậy nhờ vào một thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp mà căn cứ địa U Minh đã hình thành được nhiều ATK “mi ni” rải rác từ U Minh Thượng xuống U Minh Hạ. Những ATK kiểu này có khi chỉ là những vạt rừng; hoặc là sự liên kết một số thôn ấp. Cách vận dụng như vậy là phù hợp với điều kiện thực tế.

Căn cứ địa U Minh là nơi có nguồn hậu cần tại chỗ dồi dào, bảo đảm được khả năng tự cung tự cấp.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, tại căn cứ địa U Minh, ta đã xây dựng được một nền kinh tế kháng chiến không những bảo đảm tự cung, tự cấp cho nhu cầu tại chỗ mà nhiều lúc còn chi viện, đáp ứng một phần theo yêu cầu của các địa phương và các chiến trường ở Tây Nam Bộ.

Thiên nhiên đã ban tặng cho U Minh đất đai màu mỡ, phù hợp với sản xuất nông nghiệp. Hầu hết các cơ quan, đơn vị đứng chân trong căn cứ đều có thể tự túc tăng gia, cải thiện đời sống. Đã có những thời gian dài, các đơn vị LLVT tại chỗ tự túc được lương thực mà không cần đến nguồn cung ứng từ bên ngoài.

U Minh là địa bàn thuận lợi để tiếp nhận nguồn chi viện từ các hướng:

HUYỀN THOẠI U MINH

Với hệ thống sông rạch chằng chịt, lại có một vòng cung rừng ngập mặn ven biển, căn cứ địa U Minh có điều kiện tổ chức các bến bãi để tiếp nhận, cất giấu và phân bổ nguồn chi viện cho Tây Nam Bộ từ miền Bắc vào, từ miền Đông xuống và cả từ Thái Lan, Campuchia sang.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, khi mà nhu cầu về vũ khí và các loại hàng quân nhu phục vụ cho kháng chiến ở các tỉnh Tây Nam Bộ tăng đột biến thì căn cứ địa U Minh có thêm chức năng làm đầu cầu trung chuyển. Thời kỳ này vũ khí và hàng hóa về U Minh không chỉ có bằng đường biển mà cả đường sông và đường bộ. Sự ra đời và hoạt động hiệu quả của tuyến đường 1C đã tạo nên một hành lang vận tải chiến lược từ Miền về qua căn cứ địa U Minh rồi đến với các chiến trường Nam sông Hậu.

Tuy vậy, do ở xa Trung ương và tương đối biệt lập về mặt địa lý nên trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và bảo vệ căn cứ, bộ máy lãnh đạo, chỉ huy luôn phải thể hiện tính quyết đoán, chủ động, sáng tạo.

Vai trò của căn cứ địa U Minh đối với hai cuộc kháng chiến ở miền Tây Nam Bộ được thể hiện qua những nội dung sau:

Nơi bảo tồn, nuôi dưỡng và phát triển lực lượng kháng chiến.

Sau Cách mạng tháng Tám, khi thực dân Pháp tái chiếm các tỉnh miền Tây Nam Bộ, U Minh là nơi mà các lực lượng quân sự và chính trị của các tỉnh rút về để bảo toàn và củng cố lực lượng chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trong những ngày đầu kháng chiến, trước sự đánh phá ác liệt của giặc và lực lượng còn non yếu của ta nếu như không có căn cứ địa U Minh thì phong trào tại các tỉnh Tây Nam Bộ sẽ khó có cơ hội để phục hồi. Căn cứ địa U Minh là một trong những địa chỉ trở thành địa bàn thâm nạp, đảm bảo an toàn cho số cán bộ nòng cốt để từ đó dần dần phát triển lực lượng lớn mạnh.

Trong quá trình tổ chức kháng chiến, căn cứ địa U Minh chính là nơi nhen nhóm, tập hợp, xây dựng và phát triển LLVT ba thứ quân (dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và bộ đội chủ lực Khu). Căn cứ địa U Minh còn là nơi đứng chân, huấn luyện về quân sự, bồi dưỡng về chính trị, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật cho LLVT ba thứ quân, trong đó nòng cốt là các đơn vị chủ lực.

Căn cứ địa U Minh cũng trở thành nơi tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, bổ sung kiến thức sau mỗi trận đánh, mỗi chiến dịch, mỗi đợt hoạt động cho đội ngũ cán bộ LLVT. Những nét đặc trưng của nghệ thuật quân sự ở vùng đồng bằng sông nước như chiến thuật đánh *Hạm đội nhỏ trên sông, pháo chột, đánh trực*

HUYỀN THOẠI U MINH

thăng vận ở vùng đầm lầy sông nước, xây dựng căn trên sông , theo đó cũng phát triển và từng bước được hoàn thiện.

Đặc biệt là thế trận lòng dân cùng với một nền kinh tế bảo đảm tự cung, tự cấp làm cho U Minh trở thành một “lá chắn” che chở các lực lượng kháng chiến. Điều này góp phần lý giải vì sao trong những thời điểm khó khăn, các lực lượng kháng chiến miền Tây Nam Bộ không lui về các căn cứ Đồng Tháp Mười, Bảy Núi, Ba Hòn mà vẫn tập trung dồn về căn cứ địa U Minh, mặc dù đây là một địa bàn thường xuyên bị chia cắt. *Trụ vững trước các cuộc tiến công liên tục và ác liệt của địch, căn cứ địa U Minh thực sự là nơi bảo tồn và phát triển các lực lượng cách mạng, đặc biệt là trong những thời điểm khó khăn của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.*

U Minh Thượng - Nơi đứng chân của các cơ quan đầu não kháng chiến ở miền Tây Nam Bộ.

Những ngày đầu kháng chiến, không chỉ có các cơ quan đầu não của hai tỉnh Rạch Giá, Bạc Liêu và Chiến khu 9 mà cả lãnh đạo, chỉ huy của Chiến khu 8 và một số tỉnh ở Tây Nam Bộ đứng chân ở căn cứ địa U Minh. Nhiều quyết định quan trọng liên quan đến cuộc kháng chiến của Xứ ủy (Trung ương Cục) Khu ủy, Tỉnh ủy các tỉnh được phát ra từ đây. Trong những năm 1949 — 1954, khi căn cứ Đồng Tháp Mười không còn bảo đảm được sự an toàn trước các chiến dịch tiến công quy mô lớn của quân Pháp thì U Minh, đã được xây dựng thành căn cứ của Miền và trở thành nơi đứng chân hoạt động an toàn cho các cơ quan đầu não kháng chiến ở Nam Bộ. U Minh lúc bấy giờ được coi là thủ đô kháng chiến của Tây Nam Bộ và có thời kỳ của cả Nam Bộ.

Có thể nói, sự hiện hữu của căn cứ địa U Minh là chỗ dựa tinh thần, nơi gửi gắm niềm tin cho cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang, đặc biệt trong những giai đoạn khó khăn, thử thách khốc liệt của chiến tranh.

So với nhiều căn cứ ở Tây Nam Bộ thì căn cứ địa U Minh là nơi bị địch đánh phá ác liệt và kéo dài nhất; đồng thời cũng là địa bàn mà địch thử nghiệm nhiều thủ đoạn đánh phá tàn bạo và thâm độc nhất. Trong bối cảnh đó thì căn cứ địa U Minh cũng có vai trò cực kỳ quan trọng; là nơi mà các lực lượng cách mạng “trông về U Minh mà nuôi chí bền”, củng cố niềm tin bám trụ để tiếp tục kháng chiến.

Thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, chính sách “tố cộng, diệt cộng” của Mỹ — Diệm đã làm điều đứng phong trào cách mạng. Nhiều cơ sở bị vỡ; các tổ

HUYỀN THOẠI U MINH

chức chính trị xã hội và quần chúng ở nhiều nơi bị tê liệt; Những gia đình có người thân đi tập kết hoặc ra cứ đều phải rời bỏ xóm ấp để tránh các cuộc khủng bố vây ráp. Trong bối cảnh đó thì căn cứ địa U Minh là nơi để cho họ tìm tới tránh sự trả thù của địch. Hàng chục *làng rừng* xuất hiện ở U Minh Hạ trong những năm 1957 — 1959 là một trong những chỗ dựa vững chắc trong lòng căn cứ địa U Minh để quần chúng nhân dân giải tỏa tâm trạng hoang mang, dao động, tiếp tục kháng chiến... Căn cứ địa U Minh luôn là chỗ dựa về tinh thần để cán bộ và lực lượng vũ trang vững tin ở lại bám trụ, đánh địch, từng bước khôi phục thế trận và lực lượng, bảo vệ vững chắc căn cứ địa.

Cung cấp hậu cần phục vụ kịp thời và hiệu quả yêu cầu của lực lượng kháng chiến Tây Nam Bộ

Ngay từ khi U Minh được xây dựng thành căn cứ của Khu 9, Liên tỉnh ủy miền Tây và Tỉnh ủy các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá đã đặc biệt coi trọng phát triển nền kinh tế kháng chiến, trong đó tập trung vào hai nguồn chủ yếu: tăng gia sản xuất và khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng, sông, lạch, biển. Nhờ đó, mà khi lực lượng từ các địa phương đổ dồn về tăng đột biến, gấp 2,5 lần (đầu năm 1946) hoặc khi bị địch phong tỏa về kinh tế (1949 - 1951), thì căn cứ địa U Minh vẫn đảm bảo tự cung, tự cấp cho các lực lượng tại chỗ và chi viện một phần sức người, sức của cho các chiến trường bạn. Để phát triển sản xuất, ta đặc biệt chú trọng giải quyết vấn đề đất đai cho dân. Ở đây, có tới hơn 90% là nông dân và nhiều người trong số họ chủ yếu là làm thuê, cày mướn cho điền chủ; chính vì vậy, nhờ thực hiện tốt chính sách ruộng đất cho nông dân mà sản xuất phát triển, nhân dân hăng hái đóng góp và tham gia kháng chiến.

Căn cứ địa U Minh cũng là nơi tập trung phần lớn các công binh xưởng của Khu 9. Hệ thống công binh xưởng ở đây đã sản xuất được một số lượng lớn vũ khí, quân trang, quân dụng và thuốc men, trong đó về vũ khí, đã đáp ứng được 50% nhu cầu của các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Trong hai cuộc kháng chiến, quân dân U Minh đã vừa chiến đấu bảo vệ vùng căn cứ vừa ra sức tăng gia sản xuất hoàn thành vai trò hậu phương tại chỗ của miền Tây Nam Bộ; làm tốt chức năng tiếp nhận và trung chuyển nguồn chi viện của Trung ương và Miền tới các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ địa U Minh là bàn đạp xuất phát tiến công của lực lượng vũ trang ta và là nơi giữ một bộ phận lực lượng của địch, góp phần làm thất bại các nỗ lực chiến tranh của chúng ở miền Tây Nam Bộ.

HUYỀN THOẠI U MINH

Trong hai cuộc kháng chiến, tại căn cứ địa U Minh đã diễn ra hàng chục ngàn trận đánh lớn nhỏ. Hoạt động quân sự ở đây diễn ra liên tục và rất quyết liệt. Trong hàng ngàn trận đánh để bảo vệ căn cứ và phối hợp với các chiến trường bạn, có một số trận tiêu biểu như: trận Cây Bàng (1946) — trận chống càn thành công lớn và sớm nhất ở miền Tây Nam Bộ; trận Bàu Môn với 400 quân địch bị tiêu diệt là trận đánh cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp tại chiến trường này; trận tập kích chi khu Xẻo Rô (1959) - trận tiêu diệt chi khu đầu tiên ở miền Nam; bức rút chi khu Hiếu Lễ (1963) cũng là trận đầu tiên ta bức rút và giải phóng hoàn toàn một quận ở miền Nam; trận đánh bại 75 tiểu đoàn địch bình định lấn chiếm Chương Thiện và U Minh năm 1973 đã phá tan âm mưu bình định U Minh của địch, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, ngự ở đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ địa U Minh cũng là nơi chuẩn bị cung cấp phần lớn vũ khí và là địa bàn xuất phát của các cánh quân kéo về tập kích các thị xã Cà Mau, Rạch Giá, Vị Thanh và các thị trấn, thị tứ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968. Trong chiến dịch này, hàng nghìn thanh niên căn cứ đã được bổ sung vào lực lượng vũ trang tăng cường cho các mặt trận Tây Nam Bộ và Rạch Giá.

Đó còn là bàn đạp cận kề để lực lượng vũ trang Quân khu 9 tiến công vào Vùng 4 chiến thuật - sào huyệt cuối cùng của địch ở Cần Thơ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Thực tiễn xây dựng và bảo vệ căn cứ địa U Minh đã có những gợi mở góp phần vào việc hoạch định chủ trương, biện pháp của Trung ương và của Xứ ủy (Trung ương Cục) trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh cách mạng ở Tây Nam Bộ.

- Về quân sự, thất bại trong việc phòng thủ theo tuyến ở hướng Bắc căn cứ địa U Minh đầu năm 1946 đã giúp cho Bộ chỉ huy Chiến khu 9 có sự điều chỉnh kịp thời về chiến thuật phòng ngự ở chiến trường đồng bằng sông nước trong thời kỳ đầu kháng chiến.

- Trong cải cách ruộng đất, quá trình cải cách ruộng đất ở vùng U Minh lại diễn ra theo một chiều hướng khác. Ở đây về cơ bản, đã không diễn ra các cuộc đấu tố địa chủ giống như ở những nơi khác mà nông dân vẫn được chia ruộng đất; địa chủ vẫn tích cực hiến ruộng đất cho cách mạng; Bài học về giải quyết vấn đề ruộng đất ở căn cứ địa U Minh đã giúp cho Trung ương Cục và Khu ủy Khu 9 có những điều chỉnh kịp thời trong chỉ đạo thực hiện chính sách ruộng đất ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

HUYỀN THOẠI U MINH

- Các cuộc đấu tranh vũ trang diễn ra ở căn cứ địa U Minh thời kỳ này là một trong những luận cứ góp phần vào quá trình hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Hiệp định Pari được ký kết, quan điểm của ta là hòa hợp dân tộc, thi đua hòa bình xây dựng đất nước giữa hai miền; phương châm đấu tranh chính trị là chủ yếu, quân sự chỉ là hỗ trợ. Trong khi đó, tại miền Tây Nam Bộ, địch trắng trợn vi phạm Hiệp định, cho quân thực hiện chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, tập trung bình định, lấn chiếm Chương Thiện và một số vùng thuộc căn cứ địa U Minh. Trước tình hình đó, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã chủ trương “dùng biện pháp quân sự để chặn bàn tay lấn chiếm của địch, kết hợp với đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, giữ vững thành quả đã đạt được, phù hợp với Hiệp định và chuẩn bị tiến lên bước mới hoàn thành nhiệm vụ cách mạng”. Chủ trương này lúc đầu tưởng như trái với sự chỉ đạo của Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền và của Trung ương lúc bấy giờ nhưng thực tế diễn ra trong những tháng đầu năm 1973 trên chiến trường Chương Thiện - U Minh đã cho thấy chủ trương trên là đúng đắn, kịp thời và sáng suốt.

Thực tiễn diễn ra ở Chương Thiện - U Minh nửa đầu năm 1973 thông qua bản báo cáo của Bí thư Khu ủy Khu 9 đã có những đóng góp tích cực cho Trung ương Đảng hoàn chỉnh bản Nghị quyết 21 cực kỳ quan trọng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh “phải tiếp tục tiến công trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao nhằm đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, nhất là đánh bại kế hoạch bình định của chúng”.

Một số sự kiện nổi bật như đã nêu ở trên cho thấy trong từng thời điểm lịch sử cụ thể, những chủ trương của lãnh đạo, chỉ huy cũng như hoạt động xây dựng và bảo vệ căn cứ địa U Minh đã có những đóng góp quan trọng, như đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn phát biểu trong lần về thăm lại U Minh năm 1978: “ Khi địch lòi máy chém đi khắp miền Nam đưa sự tàn bạo phát xít đến cùng cực, có hàng vạn người dân kéo vào rừng U Minh. Một không khí cách mạng bùng lên: chính thực tế đó giúp cho Trung ương thấy cần phải và có thể phát động quần chúng vùng dậy đấu tranh”.

*(Theo Căn cứ địa U Minh
NXB Quân đội nhân dân - 2007)*

KIÊN CƯỜNG BẮM TRỤ CHIẾN ĐẤU ĐÁNH BẠI ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH THƯỢNG (1969 - 1972)

*(Trích hồi ký của đ/c LÊ HỒNG ANH
Ủy viên Bộ Chính trị - Bộ trưởng Bộ Công an
Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang)*

... Kháng chiến chống Pháp thắng lợi và theo Hiệp định Giơnevơ (tháng 7-1954) huyện An Biên, Vĩnh Thuận, và một số huyện của tỉnh Bạc Liêu là vùng tập kết 200 ngày.

Đầu tháng 2-1955, khi giao vùng tập kết 200 ngày, bọn Mỹ - Diệm thấy rõ tính chất căn cứ cách mạng của vùng U Minh, chúng xác định đây là vùng căn cứ tập trung đánh phá nên đã cho thành lập đặc khu An Phước do tên Lâm Quang Phòng làm đặc khu trưởng và quận trưởng An Phước, Ngô Đình Diệm đã trực tiếp đến dự lễ khánh thành đặc khu này. Với việc làm đó, Mỹ - Ngụy đã lộ rõ âm mưu tập trung lực lượng để đánh phá U Minh nhằm thủ tiêu lực lượng kháng chiến và tiêu diệt Đảng. Có thể nói vùng U Minh Thượng là nơi địch đánh phá sớm nhất, gian ác nhất ở miền Tây Nam Bộ. Nơi đây, chúng khủng bố đàn áp rất dã man, gây ra biết bao tội ác với nhân dân như mổ bụng, móc mật, moi gan, chôn sống người kháng chiến cũ... Cuối 1955, lợi dụng mâu thuẫn nội bộ địch, ta tranh thủ được lực lượng giáo phái Hòa Hảo chống Diệm về U Minh Thượng và làm cố vấn cho họ đánh trận Cây Bàng (20-1-1956) diệt 1 tiểu đoàn địch trên 200 tên, thu nhiều vũ khí. Đồng thời Tỉnh ủy chủ trương phá vệ binh (quốc gia

HUYỀN THOẠI U MINH

áo đen) của Lâm Quang Phòng bằng vận động binh sĩ rã ngũ, làm binh biến khởi nghĩa, lấy lực lượng và vũ khí để tổ chức thành nhiều tổ diệt ác theo chủ trương của trên, Tỉnh ủy chỉ đạo và thu được một số súng chôn lại lúc tập kết và lập 3 tiểu đoàn (thực chất là 3 đại đội) lấy danh nghĩa giáo phái để hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, bảo tồn lực lượng cách mạng. Chính lực lượng này là tiền thân lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh như tiểu đoàn U Minh 10, sau là tiểu đoàn 207. Vì vậy, Rạch Giá là một trong những tỉnh có lực lượng vũ trang sớm nhất ở miền Tây.

Trong thời kỳ vô cùng khó khăn của cách mạng miền Nam, Mỹ Diệm ban hành luật 10/59 phát xít, lê máy chém đi khắp nơi, thì đó cũng là lúc Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang của tỉnh cùng với lực lượng tại chỗ đánh chi khu Kiên An tại Xẻo Rô đêm 30-10-1959 diệt tên Lâm Quang Quận quận trưởng, diệt và bắt sống trên 100 tên, giải tán bộ máy hành chánh quận, tề xã, phá trại giam, giải thoát hơn 100 người bị địch giam, trong đó có một số là cán bộ đảng viên. Các xã Đông Yên, Đông Thái, Tây Yên nổi dậy diệt ác phá kềm với khí thế rất sôi nổi. Đây là chi khu đầu tiên của địch ở miền Tây bị ta tiêu diệt trong thời kỳ chiến tranh đơn phương của Mỹ ngụy.

Với mưu đồ xóa bỏ chiếc nôi của cách mạng, băm nát chiến khu U Minh, ngay từ đầu năm 1960, địch huy động trên 3.000 quân càn quét U Minh và cưỡng bức 5.000 lượt người đào kênh xuyên rừng, cắt rừng U Minh thành nhiều mảnh,



Tội ác của giặc: Giết chết một lúc 11 người tại Kinh 9 Vĩnh Thuận đầu năm 1961

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

làm đường từ Thứ Bảy qua Vĩnh Thuận và từ Xẻo Cạn qua Tân Bằng để phá căn cứ của ta. Chúng lấy ngã tư ngọn Xẻo Cạn xã Đông Yên làm căn cứ đóng quân dã ngoại và chỉ huy cuộc hành quân. Tỉnh ủy đã chỉ đạo tấn công địch, sử dụng 1 đại đội của tiểu đoàn U Minh 10, một số cán bộ chiến sĩ đội bảo vệ Tỉnh ủy, cơ quan Tuyên huấn tỉnh và Văn phòng huyện ủy An Biên tập kích tiêu diệt bộ chỉ huy cuộc hành quân, và 1 đại đội biệt động địch đêm 13-2-1960 thu nhiều vũ khí, làm thất bại âm mưu đào kênh đắp đường xuyên rừng U Minh Thượng. Ngã tư ngọn Xẻo Cạn trở thành địa danh lịch sử “Ngã Tư Công Sự”

Ngày 11-4-1964 quân khu mở chiến dịch, chủ lực khu cùng địa phương quân, du kích tấn công đánh thiệt hại nặng chi khu Vĩnh Thuận, và trụ lại đánh quân can viện giành nhiều thắng lợi. Chiến thắng Vĩnh Thuận mở ra khả năng mới cho quân dân tỉnh Rạch Giá và các tỉnh tây sông Hậu có thể diệt và bức rút chi khu địch, mở rộng vùng giải phóng.

Mấy tháng sau, được đoàn cán bộ quân khu, do đồng chí Trần Minh Đức (Tur Đức) chỉ đạo và được sự hỗ trợ của phân đội pháo phân khu, quân dân khu vực U Minh Thượng và huyện An Biên nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đẩy mạnh tấn công địch, chủ yếu bằng sức mạnh tại chỗ, với 3 mũi giáp công đã kiên trì bao vây đánh lấn chi khu Hiếu Lễ tại Thứ Mười Một gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 8-01-1965 chi khu Hiếu Lễ rút chạy, các đồn trên kênh xáng từ Thứ Mười Một đến Thứ Sáu cũng chạy theo. Ta giải phóng hoàn toàn 5 xã Đông Hưng, Đông Thành, Đông Hòa, Văn Khánh, Tân Bằng, địch chỉ còn kiểm soát đoạn kênh xáng từ Thứ Năm đến Xẻo Rô, ta mở rộng vùng giải phóng U Minh Thượng với trên 100.000 dân. Đây là lần đầu tiên ta bức rút được chi khu ở miền Tây trong thời kỳ chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy.

Thực hiện kế hoạch “tìm diệt”, ngày 20-7-1965 địch dùng trực thăng đổ quân của trung đoàn 32 sư đoàn 9 xuống Kè Một, xã Vĩnh Bình Bắc. Tiểu đoàn 207 do đồng chí Võ Đông Trạch chỉ huy đánh địch suốt ngày, đánh bật 6 lần xung phong của địch, diệt trên 300 tên, đánh thiệt hại nặng trung đoàn 32, bắn rơi và bắn bị thương 6 phản lực, thu trên 50 súng. Chiến thắng Kè Một đã góp phần đánh bại chiến thuật “trực thăng vận”, “bủa lưới phóng lao” của địch ở vùng 4 chiến thuật, làm cho quân ngụy càng giảm lòng tin vào “sức mạnh của không lực Hoa Kỳ”.

Do những tính chất, đặc điểm truyền thống ấy, U Minh Thượng là địa bàn mà địch quyết tâm bình định, là điểm nóng của những cuộc đọ sức thường xuyên giữa quân và dân ta đối với mọi kẻ thù xâm lược, là địa bàn và là nguồn gốc của

HUYỀN THOẠI U MINH

những cuộc chiến đấu giành giật lại vùng đất này trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Có thể nói từ năm 1969 đến 1971 là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam. Cuộc tổng tiến công mùa xuân 1968 của quân dân miền Nam tuy giành được thắng lợi to lớn, làm phá sản “chiến lược chiến tranh cục bộ” của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang, chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, song cũng từ sau đó, địch ra sức phản kích đánh trả ta liên tục trong khi lực lượng ta sau Mậu Thân bị tiêu hao nhiều, sức mạnh chiến đấu chưa kịp phục hồi.

Địch ra sức bình định cấp tốc, bình định đặc biệt. Lúc đó địch lấy đồng bằng sông Cửu Long làm trọng điểm bình định, trong đó Kiên Giang là địa bàn rất quan trọng và U Minh Thượng là một điểm cốt yếu.

Từ cuối năm 1968, địch tổ chức cuộc hành quân lớn gọi là “thăm dò U Minh” kéo dài hơn một tháng. Ý đồ và tham vọng lớn của địch là đến cuối 1969 lấn chiếm xong vùng U Minh, sau đó chuyển xuống nam Cà Mau làm cho “cách mạng sẽ tàn lụi dần”.

Trong những năm 1969 đến 1972, địch tập trung nhiều lực lượng vũ khí đánh phá nhằm 2 mục tiêu: bình định lấn chiếm U Minh và ngăn chặn đường 1C hành lang chuyển quân và chuyển hàng của ta, trong 2 mục tiêu đó, chúng coi bình định U Minh là mục tiêu có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ kế hoạch bình định đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy chúng quyết tâm đánh phá căn cứ của khu, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, làm nhão ý chí chiến đấu của quân dân vùng U Minh và tỉnh Rạch Giá.

Khu ủy và Quân khu sớm phát hiện đúng âm mưu ý đồ của địch và đã chủ trương: “Các Đảng bộ, các lực lượng bộ đội du kích, cơ quan quân dân chính bám trụ tại địa bàn, sử dụng khối bộ đội chủ lực khu đánh những trận tiêu diệt quân chủ lực cơ động của địch, kết hợp với chiến tranh du kích rộng rãi bao gồm du kích cơ quan, du kích các xã trong và ngoài căn cứ đánh bại các mũi càn quét tại chỗ, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương ở các tỉnh bị địch lấn chiếm củng cố, khôi phục và phát triển phong trào quần chúng nổi dậy tiến công địch”.

Trong bối cảnh khó khăn phức tạp ấy, miền Tây được Trung ương cục chỉ viện về lực lượng, vũ khí, tài chánh, nhất là được tăng cường đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân) ủy viên Trung ương về làm Bí thư Khu ủy và Chánh ủy Quân khu, đồng chí Lê Đức Anh (Sáu Nam) Phó tư lệnh, tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền về làm Phó Bí thư Khu ủy, Tư lệnh Quân khu 9. Hai đồng chí đã cùng Khu ủy

HUYỀN THOẠI U MINH

và Bộ Tư lệnh Quân khu sáng suốt, vững vàng đưa miền Tây vượt qua khó khăn, hiểm nghèo, từng bước đi lên giành thắng lợi góp phần có ý nghĩa vào sự lãnh đạo của Trung ương.

Tuy vậy, lúc này căn cứ U Minh Thượng và các căn cứ lồi bị thu hẹp, địa bàn chia cắt, đường hành lang bị phong tỏa. Đời sống nhân dân rất khó khăn, lực lượng ở xã ấp bị giảm sút, Tỉnh ủy thấy rõ vùng U Minh Thượng là căn cứ địa, nơi cung ứng người, của, là nguồn sức mạnh của ta và xác định phải quyết tâm bám trụ đánh địch bảo vệ U Minh. Nhiệm vụ của tỉnh lúc này là tập trung chỉ đạo đánh địch bình định là nhiệm vụ hàng đầu bằng 3 mũi giáp công từ cơ sở, đi đôi với hoàn thành nhiệm vụ cùng Đoàn 195 chuyển quân đưa các đơn vị của Miền chuyển viện cho miền Tây về U Minh Thượng. Khi địch tập trung đánh U Minh thì các huyện, các lực lượng đều bung ra tấn công để kềm căng địch, chia lửa với chiến trường U Minh. Thực hiện khẩu hiệu 3 bám: Bám bám dân, dân bám đất, bộ đội du kích bám địch, đánh địch bằng 3 mũi giáp công và phối hợp với lực lượng của khu tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Phát động trong nội bộ và ngoài nhân dân kiên trì bám trụ sản xuất, hướng dẫn nông dân làm lúa thuận nông. Lấy đêm làm ngày để sản xuất đào hầm tránh phi pháo ngay trong nhà, ngoài sân, trên đường đi, ngoài ruộng, ngoài vườn. Nhà ở cũng phân tán không thành tuyến để tránh thiệt hại, địch đến là đánh và đấu tranh, tranh thủ binh sĩ. Phát động cán bộ đảng viên nhân viên cơ quan và nhân dân tham gia phong trào du kích chiến tranh với tinh thần “có gì đánh nấy” quân nào cũng đánh, chỗ nào cũng đánh, vừa sản xuất vừa chiến đấu, khi ra đồng mang theo súng, mìn, đầu đạn, chông lòi để nếu giặc đến là đánh, bắn, giặc đi lại tiếp tục sản xuất. Phát động trồng cây cải tạo địa hình, làm chướng ngại chống địch đổ dù, đào công sự, đắp mô ngăn chặn xe lội nước. Phát động phong trào bắn máy bay, nhất là trực thăng cán gáo bằng súng bộ binh, phong trào sưu tầm đầu đạn, bom pháo lép để cải biên thành vũ khí đánh địch. Tập trung chỉ đạo cuộc vận động chính trị xây dựng Chi bộ 4 tốt để lãnh đạo quần chúng bám trụ sản xuất, chiến đấu, đóng góp người và của cho nhu cầu kháng chiến.

Cũng từ âm mưu ý đồ của địch và quyết tâm của ta nên những năm 1969-1971 là một thời kỳ đấu tranh đầy hy sinh gian khổ của quân dân ta để bảo vệ căn cứ U Minh và là cuộc đọ sức quyết liệt giữa ta và địch ở địa bàn U Minh và miền Tây Nam bộ. Diễn biến cuộc chiến đấu giữa ta và địch ở U Minh Thượng ngày càng ác liệt.

Địch tập trung đánh vào U Minh Thượng từ An Biên đến sông Ông Đốc với

HUYỀN THOẠI U MINH

lực lượng 2 trung đoàn của sư đoàn 21, lữ đoàn thủy quân lục chiến, hàng chục tiểu đoàn bảo an, xe M113, nhiều tiểu đoàn pháo ở các căn cứ hành quân, 2 giang đoàn trên 20 tàu, được pháo hạm đội Mỹ ở biển phía Tây và máy bay B52 yểm trợ do tên Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật trực tiếp chỉ huy. Suốt mấy tháng trời (từ tháng 9/1969) cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt.

Đến cuối năm 1969, địch đã đóng chốt và đồn bốt ở phần lớn các sông rạch, kênh xáng hình thành thế bao vây chia cắt U Minh Thượng và dồn dân vào sát đồn bốt địch. Mặt khác địch đánh phá đường hành lang cũng rất ác liệt. Chúng bao vây vùng Hòn Đất suốt 78 ngày đêm, bao vây Moso hơn một tháng. Chúng ngăn chặn bằng đóng đồn dây đặc, gài mìn, đặt máy thu tiếng động ở các nơi nghi ta đi qua để chỉ điểm cho phi pháo bắn phá. Trên kênh Vĩnh Tế, kênh Tám Ngàn và lộ Cái Sắn, tàu chiến, xe bọc thép, bộ binh bịt kín đường hành lang. Ngoài biển, hải quân, hải thuyền hoạt Động tích cực ngăn chặn vận chuyển vũ khí của ta... Có lúc bộ đội, cơ quan không còn gạo, phải ăn cháo, ăn rau rừng... thay cơm.

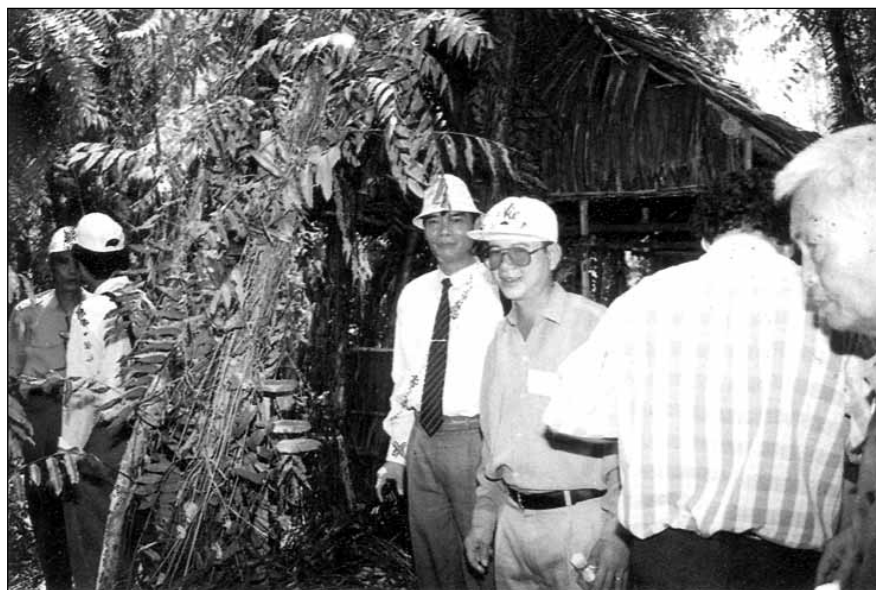
Bất chấp khó khăn, quân và dân U Minh Thượng vẫn kiên cường bám trụ chiến đấu. Dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu, đêm 5-12-1969 quân chủ lực khu nổ súng đánh vào căn cứ Thứ Mười Một gây cho địch nhiều thiệt hại, ta giành thắng lợi lớn. Trưa 6-12-1969 địch phải kết thúc cuộc hành quân lấn chiếm U Minh lần thứ nhất. Chiến thắng Thứ Mười Một lúc bấy giờ đã tạo điều kiện và thời cơ cho quân dân Rạch Giá xông lên đánh địch ở U Minh và các huyện trong tỉnh.

Sau chiến thắng Thứ Mười Một, bộ tư lệnh Quân khu nhận định địch chưa từ bỏ lấn chiếm U Minh nên khu đưa 1 trung đoàn lên địa bàn Long Mỹ hoạt động phía sau địch vừa phối hợp chiến trường vừa làm nòng cốt cho phong trào tạo địa bàn thu hồi vùng ruột Hậu Giang sau này. Và đúng như dự đoán của khu: tháng 2-1970 địch tiến hành bình định lấn chiếm U Minh lần thứ 2 với quyết tâm “nhỏ cỏ U Minh”. Địch sử dụng sư đoàn 21 và lữ đoàn B thủy quân lục chiến hành quân dọc theo ven biển An Biên và sau đó một chiến đoàn cụm quân ở kinh Họa Đò, cách Thứ Mười Một hơn 1 cây số. Sư đoàn 9 và trung đoàn 9 thiết giáp hành quân đánh Vĩnh Thuận. Đêm 12-3-1970 chủ lực khu tấn công diệt chiến đoàn 33 tại kinh Họa Đò; Phối hợp với lực lượng của khu quân dân 2 huyện An Biên, Vĩnh Thuận và các huyện khác liên tục đánh địch bằng 3 mũi giáp công góp phần đánh bại lần thứ 2 kế hoạch bình định U Minh của địch.

Tháng 10-1970, Trung ương có Chỉ thị 01 chuyển hướng chỉ đạo chiến

HUYỀN THOẠI U MINH

*Đ/c Lê Hồng Anh
(đứng thứ 4 từ phải
sang) UVBCT - Bộ
trưởng công an về
thăm lại căn cứ địa
U Minh - 1997*



lược, hướng mạnh về cơ sở, tất cả để giành dân, giành đất, giành quyền làm chủ ở xã.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định là tất cả cơ sở đảng, các cơ quan phải luôn ra bám dân xây dựng cơ sở lực lượng đánh địch, lấy xã ấp làm chiến trường. Các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và lực lượng chính trị, vũ trang đều phải đứng vững trên địa bàn quan trọng của mình để kịp thời chỉ đạo phong trào 3 mũi ở cơ sở, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng “chi bộ 4 tốt”

Chấp hành nghị quyết của Tỉnh ủy, từ tháng 4-1971 tất cả các cơ quan của tỉnh ủy, các ban ngành đoàn thể đều ra khỏi rừng U Minh Thượng, luôn ra bám dân, đứng trên địa bàn của mình xây dựng lực lượng tấn công địch. Cơ quan Tỉnh ủy dời ra Bến Bàu, phía xã Vĩnh Tuy, Gò Quao. Các cơ quan tỉnh, huyện ra bám sát địch, ở cách đồn vài trăm thước, bằng dựa vào dân và xây dựng công sự vững chắc, gài mìn, chông lòi kết hợp du kích bao vây đồn bốt làm binh vận và được nhân dân đùm bọc nên đảm bảo an toàn. Cán bộ tỉnh, huyện xuống bám xã ấp để chỉ đạo phong trào.

Các ban, ngành các cấp đều bố trí cán bộ lực lượng theo nhiều phương thức. Tỉnh ủy, huyện ủy đều có bộ phận giao thông công khai chuyển tài liệu, chuyển cán bộ và tăng cường cán bộ, đa số là nữ, về thị xã, thị trấn, làm cán bộ hợp pháp, bán hợp pháp vào nội ô xây dựng cơ sở, chỉ đạo phong trào.

Được sự lãnh đạo của khu ủy, chủ lực khu phối hợp với quân dân vùng U

HUYỀN THOẠI U MINH

Minh Thượng và U Minh Hạ mở đợt phản công mùa mưa đánh địch từ ngày 7-9-1971 đến 12-9-1971, loại khỏi vòng chiến đấu 7.500 tên, đánh rã 10 đoàn bình định, phá hủy nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật của địch. Chiến thắng to lớn này đã làm đảo lộn kế hoạch bình định U Minh của Mỹ ngụy, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng, lực lượng phía trước bị sa lầy, phía sau bị căng kềm và sơ hở, tinh thần binh sĩ sa sút, bộ máy kềm kẹp bị tan rã.

Đến đầu năm 1972 tình hình vùng U Minh và trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, thế và lực của ta đã có bước phát triển mới có lợi cho ta, bất lợi cho địch.

Mùa xuân 1972 ta đồng loạt tiến công địch toàn miền Nam, kết hợp 3 quả đấm chiến lược: tiến công của bộ đội chủ lực, đánh bình định nông thôn và quả đấm đấu tranh vùng đô thị để giành thắng lợi và tạo thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao ở hội nghị Pa-ri. Ở miền Tây, khu ủy, Quân khu chủ trương: tập trung lực lượng từng cấp, giải phóng và làm chủ địa bàn đông dân nhiều của để mở rộng ra, khôi phục lại vùng giải phóng U Minh

Trong lúc đó, quân dân toàn tỉnh đã kết hợp 3 mũi bao vây đồn bót, phá áp chiến lược đưa dân về ruộng vườn cũ với khí thế ngày càng sôi nổi, đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên đánh bại hoàn toàn kế hoạch bình định lấn chiếm bảo vệ vùng căn cứ U Minh lịch sử.

Chiến thắng âm mưu bình định lấn chiếm U Minh, chiến thắng Thứ Mười Một là niềm tự hào của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Kiên Giang và cả miền Tây, là một điểm son chói lọi trong trang sử hào hùng của quân và dân vùng căn cứ địa U Minh lịch sử.

ĐÁNH BẠI ÂM MƯU LẤN CHIẾM U MINH CỦA ĐỊCH CHIẾN THẮNG THỨ MƯỜI MỘT

*(Trích Hồi ký của đ/lc TRẦN QUANG QUÍT
Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá)*

Sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của ta (1968), địch tổ chức phản kích ở các chiến trường ở miền Đông Nam bộ, khu 8 và một phần khu 9, địa bàn của ta thu hẹp, có nơi đang khó khăn về hậu cứ để củng cố lực lượng. U Minh lúc này là căn cứ của Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu và Tỉnh ủy Rạch Giá... Mục tiêu có ý đồ của địch là bình định đồng bằng sông Cửu Long, đánh đường hành lang chuyển quân của ta, trong đó chúng coi bình định U Minh là mục tiêu có ý nghĩa quyết định, nếu tiêu diệt được căn cứ các cơ quan đầu não của ta sẽ làm suy yếu cách mạng ở miền Tây Nam bộ. Do đó địch đã huy động lực lượng tổng hợp cả hải, lục, không quân ở cấp quân đoàn với nhiều lực lượng, phương tiện chiến tranh, vũ khí hiện đại nhất tập trung ở đây. Từ tháng 9 - 1969 đến cuối năm 1971 địch 3 lần mở chiến dịch “nhỏ cỏ U Minh” với quy mô lớn nhất.

Lúc này, lực lượng của ta sau Tết Mậu Thân bị tiêu hao đang cần có thời gian để củng cố nên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc chuẩn bị tư thế, phương án đối phó với địch. Chấp hành Nghị quyết của trên, ta đưa tiểu đoàn 207 của tỉnh và đại đội địa phương quân các huyện Hà Tiên, Châu Thành A, thị xã Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao làm nhiệm vụ đóng chốt giữ hành lang đường 1C hướng dẫn bảo

HUYỀN THOẠI U MINH

vệ chuyển quân và vũ khí về U Minh. Như vậy trong cùng một thời điểm, trách nhiệm của Tỉnh ủy là phải lãnh đạo thực hiện 2 nhiệm vụ trọng tâm trong tình thế hết sức gay go: Vừa chống địch bình định lấn chiếm U Minh vừa phải hoàn thành nhiệm vụ phục vụ chuyển quân. Trong khi tình hình diễn biến của chiến trường mỗi lúc càng ác liệt hơn, địch mở nhiều đợt tấn công, chà đi xát lại và dùng mọi âm mưu thủ đoạn để tạt dân, cô lập ta. Làm cách nào để giữ dân, phát động phong trào du kích chiến tranh ở 3 vùng, nội dung đánh địch bằng 3 mũi giáp công ở trong vùng như thế nào. Đó là những vấn đề hết sức phức tạp mà khu uỷ và tỉnh uỷ phải nghiên cứu giải quyết.

Trong tình thế hết sức bất lợi, biết rằng có khó khăn lúng túng, nhưng với lòng tin vào truyền thống của Đảng bộ và quân dân, vào sự chỉ đạo của Khu uỷ và Quân khu, Tỉnh ủy, Tỉnh đội kiên quyết bám trụ, kiên quyết chiến đấu dù lực lượng cỡ nào cũng quyết tâm giữ vững vị trí chiến đấu. Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội du kích bám địch, đánh địch bằng 3 mũi giáp công. Vừa hướng dẫn nhân dân sản xuất lúa thần nông, đào hầm hào tránh phi pháo, vừa phát động phong trào du kích chiến tranh với tinh thần “có gì đánh nấy, quân nào cũng đánh, chỗ nào cũng đánh, vừa sản xuất, vừa chiến đấu”.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu, lực lượng Quân khu tiếp ứng kịp thời. Phối hợp với Quân khu, các lực lượng của địa phương đã mở nhiều đợt phản công đánh thẳng vào các yếu điểm của địch tiêu hao nhiều sinh lực địch, buộc chúng phải co cụm rút lui. Sau đánh bại đợt 1 bình định lấn chiếm U Minh, ta đã củng cố thêm sự vững vàng, rút ra nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo chỉ huy của Tỉnh ủy, Tỉnh đội. Chính những yếu tố đó đã củng cố niềm tin và sự vững vàng của Đảng bộ và quân dân U Minh quyết tâm bám trụ, kiên trì chịu đựng gian khổ hy sinh quyết tâm chiến đấu cùng với lực lượng Quân khu làm thất bại 3 lần địch bình định “nhỏ cỏ U Minh”, đánh phá căn cứ cách mạng cuối cùng ở miền Tây Nam bộ, làm thất bại âm mưu ý đồ bình định U Minh của địch, địch từng bước bị vô hiệu hóa, buộc chúng phải co cụm lại để chờ ngày tan rã toàn bộ,

Có thể nói: cuộc chiến đấu đánh bại địch bình định lấn chiếm U Minh - chiến thắng Thứ Mười Một là cuộc đọ sức, cuộc đối đầu lớn nhất trong lịch sử chiến tranh ở Tây Nam bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước cả về quy mô và tầm cỡ lãnh đạo chỉ huy. Địch mạnh hơn ta gấp nhiều lần về lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến tranh. Qua cuộc đọ sức này thể hiện rõ chủ trương bản lĩnh lãnh đạo của Khu uỷ, của Quân khu, sự trưởng thành của bộ đội chủ lực, Đảng bộ và quân dân trong tỉnh cũng trưởng thành và lớn lên toàn diện về tinh thần cách

HUYỀN THOẠI U MINH

mạng, ý chí quyết chiến quyết thắng, kinh nghiệm về lãnh đạo chỉ huy, về chiến tranh du kích đánh địch bằng 3 mũi giáp công tại xã ấp và ở khắp 3 vùng, về lãnh đạo tổ chức nhân dân bám trụ

Là căn cứ cách mạng của tỉnh, của Quân khu và là trọng điểm đánh phá ác liệt của địch, qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, đồng bào U Minh đã chịu sự hy sinh mất mát to lớn cho sự nghiệp cách mạng, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Chỉ tính gia đình thương binh liệt sĩ thì riêng vùng này đã có gần 7.000 người, chiếm đến 40% của cả tỉnh. Có trường hợp hy sinh cả gia đình, nhiều gia đình có 3 - 5 con liệt sĩ

Những hy sinh, cống hiến của quân và dân U Minh nói riêng và của quân dân tỉnh Rạch Giá - Kiên Giang mãi mãi ghi dấu trong lịch sử đấu tranh giành độc lập tự do của dân tộc ta.

TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VÀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG TRONG KHÁNG CHIẾN CỦA NGƯỜI DÂN U MINH THƯỢNG

U Minh thuở sơ khai là một vùng đất chỉ có rừng rậm và thú dữ, thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt. Đến khi có con người vào khai khẩn, U Minh mới bớt hoang sơ, nhưng cái khắc nghiệt thì vẫn vậy. Thế rồi từ thế hệ này qua thế hệ khác người dân U Minh đã đổ mồ hôi và xương máu đấu tranh với sự khắc nghiệt đáng sợ ấy, để tồn tại và phát triển.

Đó là một quá trình đấu tranh vô cùng ngoan cường, bất khuất, với cả thiên nhiên, với cả kẻ thù xâm lược. Và, bằng dòng máu bất khuất của dân tộc Việt, bằng ý chí và lòng dũng cảm, người dân U Minh đã đẩy lùi tất cả, xây dựng nên những xóm làng tươi đẹp, biến nơi đây thành quê hương yêu dấu.

Trên vùng đất U Minh, từ xa xưa mặc dù còn rất ít, nhưng cũng đã có con người sinh sống. Nhưng rồi họ không tồn tại ở đó được lâu bởi sự tàn bạo của các thế lực ngoại xâm. Dẫu sao cuộc sống xa xưa ấy ở vùng đất này đã góp phần làm nên nền văn hóa Óc Eo nổi tiếng. Mãi về sau, những cuộc di dân Nam tiến của người Việt thời Trịnh - Nguyễn do không cam chịu cảnh sống khổ nhục, đi tìm vùng đất mới để dựng cuộc sống mới đã không ngừng tiến sâu vào vùng đất U Minh; họ nương tựa lẫn nhau, sinh cơ lập nghiệp, mỗi ngày một đông đúc hơn lên. Sau đó còn có cả người Khơme và người Hoa đến khai khẩn ở đây.

Vào đầu thế kỷ XVIII (1708), hệ thống xã hội trên vùng đất này bắt đầu được hình thành vì Chúa Nguyễn chính thức công nhận Mạc Cửu là hầu tước và vùng đất thuộc quyền của Mạc Cửu, về mặt địa lý hành chính đã thuộc Việt Nam.

HUYỀN THOẠI U MINH

Tuy là người khắp nơi tìm đến đây, nhưng người dân U Minh đã đoàn kết, cùng nhau chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt để xây dựng nên những làng mạc tươi đẹp, trù phú. Họ luôn sống thật lòng và ghét sự dối trá, ghét kẻ cường quyền. Tính cách người U Minh cũng thật đáng trân trọng: với kẻ thù họ quyết một mất một còn; với gian khổ khó khăn: họ ngang tàng ngạo nghễ; với kẻ biết phục thiện: rộng rãi vị tha; với bạn bè đồng chí: chết sống có nhau. Truyền thống ấy người U Minh vẫn giữ mãi đến bây giờ.

Khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược Việt Nam, vùng đất rừng U Minh trở thành nơi quy tụ những người yêu nước cùng chí hướng chống giặc ngoại xâm, mà mở đầu và tiêu biểu nhất là cuộc kháng chiến của anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực chống thực dân Pháp ngay từ khi chúng mới đặt chân xâm chiếm nước ta với các Căn cứ của ông trải rộng khắp vùng: Hòn Chông, Tà Niên, Đông Yên, Tây Yên, Vĩnh Hòa U Minh cũng là nơi cung cấp sức người, sức của đóng góp cho nghĩa quân. Về sau còn có cuộc khởi nghĩa của anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự chống thực dân Pháp kéo dài gần hai năm và lan ra cả một vùng rộng lớn từ Cái Tàu đến Miệt Thứ, thu hút đông đảo người dân trong vùng tham gia, khiến kẻ thù phải đau đầu.

Về sau, thực dân Pháp tăng cường đưa dân từ miền Bắc, miền Trung vào. Nhất là từ khi có kinh Ông Hiến, vùng đất mới này dân cư dần dần đông đúc, đất đai được khai mở nhiều lên. Đặc biệt, để dễ bề khai thác sản vật ở U Minh, thực dân Pháp đã cho đào kinh làm đường vận chuyển. Năm 1932, kinh Xẻo Rô - Cán Gáo hoàn thành, nó trở thành trục giao thông của vùng đất mới, hàng hóa giao thương dễ dàng hơn. Nhưng đời sống của nhân dân lao động thì không vì thế mà được đổi thay, vẫn vô cùng lầm than, cơ cực.

Sự phát triển của vùng đất mới U Minh cũng đồng thời là miếng mồi béo bở của Giới điền chủ trong vùng và các vùng lân cận. Họ ồ ạt kéo đến giành đất, chiếm rừng để rồi lại bóc lột sức lao động của người dân nơi đây - những người đã đổ mồ hôi và cả xương máu để khẩn khai vùng đất này. Sự bóc lột của bọn địa chủ cường hào, ác bá ngày càng nặng nề, tàn bạo khiến nhân dân vô cùng căm ghét. Nhưng ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh. Bọn địa chủ ở U Minh càng thẳng tay bóc lột thì sức phản kháng của người dân U Minh càng trở dậy mạnh mẽ. Các cuộc đấu tranh bằng bạo lực để bảo vệ ruộng đất của người nông dân U Minh đã trở thành phong trào mạnh mẽ khiến kẻ thống trị phải run sợ.

Cuộc sống của người dân U Minh, bất chấp bao khó khăn, thử thách, cũng dần dần đổi khác, phát triển. Văn hóa được hình thành và tích tụ qua bao thế hệ,

HUYỀN THOẠI U MINH

đã mang nét đặc thù của vùng miệt thứ U Minh; Văn hóa làng, xã, thôn ấp được hình thành và ngày càng đậm nét. Nhiều làng trong vùng còn có “đình làng” để người dân tụ tập tham gia cúng đình vào mùa khô và vào các dịp lễ, tết; nhiều nơi còn tổ chức hát bội, mở sòng đánh bạc, mở trường đấu gà và một số trò chơi dân gian khác nữa vào các dịp lễ, tết trong năm. Đó cũng là sự phát triển mang tính tự nhiên sau những nỗ lực của con người.

Nhưng, cuộc sống của người dân dưới chế độ thực dân phong kiến vẫn vô cùng cơ cực; sống hôm nay không biết đến ngày mai; đói khát, bệnh tật và sự đàn áp luôn là sự hiện diện hàng ngày với người dân U Minh thời trước. Cho nên đến khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, với chủ trương đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng đất nước khỏi ách nô lệ, đem cơm no áo ấm cho những người nghèo khó thì người dân U Minh Thượng đón nhận cách mạng như đón một luồng gió mới trong lành thổi vào tâm hồn khô cháy vì khát khao tự do của họ.

Cách mạng tháng Tám là một sự kiện lịch sử trọng đại của cả dân tộc và của người dân U Minh: Ngày 27/8/1945, quân và dân Rạch Giá cướp chính quyền tỉnh lỵ và một số huyện. Khí thế cách mạng của người dân U Minh lúc này cũng vô cùng mạnh mẽ! Từng đoàn người chia nhau đi đánh cướp chính quyền xã, rồi kéo thẳng lên quận. Mặc dù ai nấy ăn mặc rách rưới, nhưng họ vẫn ngẩng cao đầu với con tim rực lửa cách mạng, sôi sục khí thế cách mạng đê bẹp kẻ thù.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, người dân U Minh được sống cuộc đời mới, được hít thở không khí tự do, được giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột của bọn thực dân phong kiến người nông dân đã có ruộng, không phải làm thuê, làm mướn... Cũng chính vì cuộc sống độc lập, tự do này mà người dân U Minh kiên trì theo Đảng làm cách mạng, vượt qua bao nhiêu khó khăn gian khổ, hy sinh, chung sức đồng lòng chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm.

Thời gian sống trong tự do dưới chính thể mới tuy không được lâu trước khi thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ trở lại xâm lược nước ta, nhưng cũng đủ để người dân U Minh thấu hiểu giá trị của cuộc sống mới, giá trị của tự do. Ngay cả khi cuộc kháng chiến đã cận kề, nhân dân vẫn trân trọng gìn giữ những giá trị cao cả đó.

Nhờ vậy mà ngay cả khi cuộc kháng chiến nổ ra, các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, đi đôi với việc sản xuất nông nghiệp và các hoạt động xã hội khác như xóa mù chữ, thực hiện nếp sống văn minh, vệ sinh, văn hóa... vẫn ngày càng

HUYỀN THOẠI U MINH



Một lớp bình dân học vụ đặc biệt ở làng rừng U Minh

Ảnh: TL

được phát triển. Đời sống vật chất lẫn tinh thần của người U Minh ngày càng nâng cao. Bộ đội đóng quân luôn quan hệ mật thiết với nhân dân. Đêm đêm các chiến sĩ tham gia xay lúa giã gạo, hướng dẫn thanh niên, thiếu nhi hát những bài kháng chiến, dạy bổ túc văn hóa cho những người lớn tuổi. Tình quân dân khăng khít như cá với nước. Phong trào thanh niên tòng quân nhập ngũ vào các lực lượng võ trang, phong trào văn hóa mới phát triển mạnh. Văn nghệ quần chúng phát triển khắp xóm ấp. Tiếng hát tiếng hò ngày đêm râm ran trên đồng, trên sông. Một số xã có trạm xá, nhà hộ sinh phục vụ bà con tận tình. Giáo dục ở U Minh suốt cuộc kháng chiến chống Pháp được toàn dân tham gia nhiệt tình; Phong trào bình dân học vụ rất sôi nổi... Người dân U Minh càng thêm phấn khởi, tin tưởng và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chế độ mới.

Thế nhưng, kẻ thù không để ta yên; chúng quyết tâm xâm chiếm nước ta. Cho nên chưa được hưởng hạnh phúc độc lập bao lâu thì nhân dân U Minh Thượng đã lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh tàn khốc do đế quốc Mỹ tiến hành ở nước ta. Cuộc sống của người dân U Minh lại rơi vào lầm than đen tối. Và người U Minh lại phải đứng lên chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng, giành lại tự do độc lập. U Minh Thượng lại tiếp tục là căn cứ địa cách mạng kiên cường, là một chiến trường luôn nóng bỏng.

Từ đầu năm 1965, quân Mỹ đổ bộ vào miền Nam ngày càng nhiều, trên địa bàn U Minh địch tăng cường mật độ đánh phá dày đặc đến độ “đạn chen đầu đạn, bom kề hố bom”. Rừng U Minh nhiều lần bị chất độc hóa học và bom B52 đánh phá dọc theo các xã. Song song đó chúng tăng cường tàu chiến, xe bọc thép, phi

HUYỀN THOẠI U MINH

cơ và các phương tiện chiến tranh hiện đại nhằm “bình định” U Minh; chúng tát dân bằng những cuộc càn lớn, phi pháo ngày đêm bắn phá liên tục vào các vùng nông thôn giải phóng nhất là các vùng căn cứ cách mạng. Chúng dùng tiền bạc, thuốc men, hàng hóa để chiêu dụ đồng bào chạy vào các khu định cư để chúng dễ bề kiểm soát. Nhiều cuộc hành quân lớn đánh vào rừng U Minh nhiều lần với cái tên gọi “Chiến dịch nhỏ cỏ U Minh”. Địch coi việc bình định U Minh là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ kế hoạch bình định đồng bằng Sông Cửu Long.

Người dân U Minh thà chết chứ không chịu khuất phục kẻ thù. Quân dân U Minh thực hiện khẩu hiệu: “Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng võ trang bám địch”, đánh địch bằng ba mũi giáp công, phối hợp chặt chẽ với lực lượng chủ lực tiêu hao sinh lực địch bằng nhiều biện pháp. Có những cuộc địch càn bằng xe lội nước, các chị em phụ nữ dũng cảm chạy ra cản đầu xe và còn tranh thủ vận động binh sĩ ngưng trở về với gia đình, làng xóm, làm cho cuộc càn của giặc bị chùn bước. Nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào lên đến hàng vạn người đã góp phần làm thất bại nhiều âm mưu thâm độc của giặc. Các trận đánh tàu trên sông Cái Lớn làm quân thù khiếp sợ... Tất cả như vẫn còn nóng hổi, vẫn là một phần hồn cốt của vùng đất U Minh lịch sử để chúng ta mãi mãi tự hào và nỗ lực vươn lên cho xứng đáng.

Cuộc chiến đấu lâu dài và đầy gian khổ, hy sinh của quân và dân U Minh Thượng, trải qua vô vàn thử thách cam go, nhưng người dân U Minh yêu nước đã chiến thắng, đã giành lại được cái quý báu nhất: độc lập tự do. Ngày 30/4/1975, đất nước được hoàn toàn giải phóng, người dân U Minh mãi mãi sống cuộc đời tự do, ấm no, hạnh phúc.

Ngọc Anh

U MINH THƯỢNG TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống kẻ thù xâm lược là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cùng với quân và dân cả nước, quân và dân U Minh Thượng đã có những đóng góp to lớn, đã làm nên một U Minh với nhiều chiến công lừng lẫy, một U Minh huyền thoại.

Vai trò và những cống hiến lớn lao của đất và người U Minh Thượng trong các cuộc kháng chiến có thể khó nói hết được, nhưng cũng có thể khái quát trên một số nét chính và qua đó càng giúp ta thêm hiểu về sự vĩ đại của cuộc chiến đấu của quân và dân khu căn cứ cách mạng U Minh nói chung và U Minh Thượng nói riêng trong các cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và vẻ vang.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23 - 11 - 1940), giặc Pháp đàn áp dã man những nơi khởi nghĩa, cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng nề, các đồng chí Phan Văn Bảy (Xứ Ủy viên), Võ Văn Kiệt và nhiều đồng chí khác đã về U Minh xây dựng căn cứ và lực lượng cách mạng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

- Trong cách mạng Tháng 8 năm 1945 nhân dân vùng U Minh kết hợp với các nơi khác nổi dậy giành chính quyền tại thị xã Rạch Giá và quận Phước Long vào ngày 27/8/1945 và quận An Biên vào ngày 28-8-1945.

- Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bắt đầu, sau đó thực dân Pháp lần lượt tái chiếm toàn bộ Nam

HUYỀN THOẠI U MINH

Bộ. Các cơ quan và lực lượng vũ trang các tỉnh thuộc Khu 9 và Khu 8 đã về vùng U Minh.

- Tháng 4/1946, lực lượng vũ trang khu 9 từ U Minh Thượng ra Giồng Riềng, Gò Quao diệt ác, phá tề và tiến công nhiều đồn bốt giặc. Giặc tiến đầu, nhân dân trong vùng đều tự giác làm trình báo cho chính quyền cách mạng và kiên quyết đánh trả, làm chậm tốc độ tiến quân và làm thất bại ý đồ chiếm đóng của giặc. Quân dân U Minh Thượng và nhân dân trong vùng còn lập nhiều tuyến đánh địch, phá lộ, phá cầu, chặn xe cơ giới, làm rào cản trên các sông, kinh chặn tàu địch... Rừng U Minh Thượng và lòng dân nơi đây thực sự đã che bộ đội và ngăn quân thù.

- Khi thực dân Pháp tái chiếm, U Minh Thượng là một căn cứ mà các lực lượng quân sự và chính trị các tỉnh miền Tây rút về để củng cố lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Chính tại đây vào ngày 13/6/1946, quân và dân ta đã lập nên chiến công vang dội diệt hàng trăm tên giặc tại Cây Bàng (xã Vĩnh Hòa). Tiếp sau đó là trận đánh tàu Pháp ngày 5/10/1947, nhấn chìm 2 tàu sắt LCS tại sông Ba Đình ngay Vàm Cái Nứa, diệt 60 tên địch, bẻ gãy cuộc hành quân giải vây đồn Chắc Bàng - Đây là một chiến thắng có ý nghĩa rất quan trọng...

- Đến năm 1949, các cơ quan của Trung ương cục Miền Nam, của Đảng và các cơ quan của Nam Bộ và Khu 9 đóng tại U Minh Thượng, U Minh Hạ và rất nhiều nơi ở rừng đước Năm Căn (nay là huyện Đầm Dơi và Ngọc Hiển).

- Thực dân Pháp cũng thấy rõ vị trí của U Minh nên tìm mọi cách bắn phá, hành quân thọc sâu vào vùng này. Có lúc tên Thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Tâm (cha của Nguyễn Văn Hinh) đề nghị đổ dầu đốt sạch rừng U Minh, nhưng chúng không thực hiện được.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều cơ quan, đơn vị quan trọng của khu, của tỉnh... đã về đóng tại U Minh Thượng:

+ Xứ ủy, Trung ương Cục đóng ở càm kinh Hai, xã Vĩnh Thuận.

+ Nhiều cơ quan của khu và của tỉnh đóng ở Đường Sâm xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa.

+ Quân y phân liên khu miền Tây đóng ở Sáu Ngàn - kinh 14 - 13 - 11, xã Vĩnh Thuận; Dân y tỉnh đóng ở kinh Ba, xã Vĩnh Thuận.

+ Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn của Bộ Tư lệnh Nam Bộ, trường lục quân Gia Định, trường Thanh niên Cứu quốc, trường Phụ nữ cứu quốc Tây Nam Bộ, trường Thiếu sinh quân khu 9...

HUYỀN THOẠI U MINH



Công binh xưởng ở
U Minh Thượng

Ảnh: TL

+ Ngày 31/1/1946 một cuộc họp giữa 2 Bộ chỉ huy chiến Khu 8 và chiến Khu 9 bàn bạc quyết định xem nên bám trụ tại địa bàn chống giặc hay là rút một bộ phận lớn lực lượng vũ trang lên miền Đông. Mặc dù có 2 luồng ý kiến, nhưng vẫn có một số lớn chỉ huy các đơn vị quyết tâm bám trụ tại địa bàn tiếp tục chiến đấu chống Pháp, thành lập Sở chỉ huy tại Phước Long (Rạch Giá).

+ Cuối tháng 2 năm 1946, Bộ chỉ huy chiến Khu 9 triệu tập hội nghị tại Ngang Dừa nhằm đánh giá tình hình, xác định nhiệm vụ phát động du kích chiến tranh, duy trì cuộc kháng chiến. Hội nghị quyết định 2 vấn đề:

- Lập 3 phân cục chính trị giúp các tỉnh trở về địa phương từ tháng 3 đến tháng 9/1946.

- Lập 3 phân khu Quân sự ở vùng độc lập, tập trung ở 3 huyện Phước Long, An Biên và Cà Mau, lập phòng tuyến chiến đấu ở thị trấn Phước Long, thị trấn Xẻo Rô, chợ Thứ Ba. Hội nghị cũng quyết định xây dựng căn cứ Cái Bát, Rô Ghe (An Biên), Cái Tàu (Cà Mau) Vĩnh Thuận, Phước Long, Tân Duyệt, Tân Thuận, Nam Cà Mau. Đây là bước ngoặt của cuộc kháng chiến ở Khu 9, bởi nó tạo cơ sở duy trì cuộc kháng chiến lâu dài và quyết định xây dựng căn cứ hậu phương lần đầu tiên cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ Ngày 5/8/1946, tỉnh Rạch Giá triệu tập cuộc họp đại biểu ở Thầy Quơn, bàn về việc xây dựng củng cố tổ chức Đảng, mặt trận, chính quyền và bầu ban chấp hành tỉnh ủy lâm thời. Đồng chí Nguyễn Xuân Hoàng được bầu làm Bí thư

HUYỀN THOẠI U MINH

tỉnh ủy. Đây là mốc thời gian cơ quan chỉ huy quân sự đầu tiên của tỉnh Rạch Giá được thành lập.

+ Đầu năm 1947, khu ủy và Bộ chỉ huy chiến Khu 9 từ Xuân Hòa (Kế Sách) dời về căn cứ Cây Bàng để lãnh đạo và chỉ huy Khu 9 kháng chiến.

+ Ngày 5 tháng 10/47 đơn vị Bạc Liêu do đồng chí Lê Hồng Phát chỉ huy dùng thủy lôi đánh chìm 2 tàu LCS của quân Pháp tại sông Ba Đình diệt gần 100 tên bẻ gãy cuộc hành quân giải tỏa của địch.

+ Từ cuối năm 1947, vùng U Minh Thượng được giải phóng.

+ Đầu tháng 11/1949, Xứ ủy, Ủy Ban kháng chiến hành chính và Bộ Tư lệnh Nam bộ từ Đồng Tháp chuyển về Khu 9 đóng tại vùng U Minh Thượng và U Minh Hạ. Lúc này, đồng chí Lê Duẩn là Bí thư Xứ ủy Nam bộ.

+ Cuối tháng 3/1954, ta bao vây bức rút đồn Xẻo Rô, huyện An Biên hoàn toàn giải phóng.

- Ngày 20 - 7 - 1954, hiệp định Giơnevơ được ký kết. Vùng tập kết 200 ngày của Nam Bộ từ phía Nam sông Cái Lớn chạy ra biển đến Cà Mau, U Minh Thượng và Hạ nằm trong vùng tập kết này. Nơi đây hàng ngày đón nhận thân nhân đồng bào của bộ đội và cán bộ tập kết, cả đồng bào vùng địch tạm bị chiếm tham quan và tìm hiểu về chủ trương, chính sách của Việt Minh, của chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây cũng là nơi đào tạo cấp tốc các loại cán bộ ở lại Miền Nam công tác hoặc bồi dưỡng cơ sở bí mật hoạt động công khai, hợp pháp; 200 ngày của vùng tập kết để lại dấu ấn sâu đậm trong nhân dân, nổi rõ

*Người dân
U Minh
vót chông tham
gia đánh giặc*

Ảnh: TL



HUYỀN THOẠI U MINH

chế độ ưu việt của cách mạng, chăm lo đời sống nhân dân lao động, mở lớp chống mù chữ, chữa bệnh cho nhân dân, vui chơi giải trí lành mạnh v.v., đồng bào đến tham quan đều thấy rõ, chế độ này khác hẳn với chế độ của bọn Pháp và bù nhìn tay sai.

Mỹ - Diệt nhận rõ vùng U Minh là cái “rún” của cuộc kháng chiến ở Tây Nam Bộ nên chúng dùng chính sách “Dĩ cọng Diệt cọng”. (Dùng cọng sản diệt cọng sản); chúng đã lập ngay “khu An Phước” với mưu đồ tiêu diệt cọng sản ngay từ đầu.

Tại “Đặc khu An Phước” địch đã giết hại hàng nghìn cán bộ, đảng viên và đồng bào ta trong vòng chưa đầy 3 năm (từ tháng 4 - 1955 - 1957) với biết bao cực hình tàn bạo, dã man.

Bọn Mỹ ngụy đánh giá căn cứ U Minh là vấn đề chiến lược quan trọng trong chiến tranh giữa ta và địch ở miền Tây. Ai chiếm lĩnh được vùng này sẽ giành thế chủ động trên chiến trường. Nếu địch chiếm được vùng này sẽ bảo vệ được hậu cứ vùng 4 chiến thuật tại thành phố Cần Thơ, phá tan được căn cứ kháng chiến, đẩy “Việt Cộng” vào thế bị động phải phân tán nhỏ tạo điều kiện cho chúng tiêu diệt “Cộng sản”; còn nếu “Quân giải phóng” làm chủ vùng U Minh, có vùng căn cứ vững mạnh làm bàn đạp, tung lực lượng tập trung lớn mạnh, uy hiếp đầu não và hậu cứ địch ở vùng 4 chiến thuật, làm cho địch luôn luôn ở thế bị động đi đến thất bại.

Chính vì thế mà địch lập ra tỉnh Chương Thiện nhằm mục đích vừa án ngữ không cho “Việt Cộng” bung lên, vừa làm bàn đạp tấn công lấn chiếm, phá vỡ vùng căn cứ kháng chiến của cách mạng.

Năm 1952 - 1953 Nguyễn Văn Tâm thủ tướng bù nhìn của Pháp từng hăm dọa, sẽ đổ dầu đốt cháy U Minh và sau này 1969, 1970, 1971 Nguyễn Văn Thiệu tổng thống tay sai của Mỹ, cũng đã từng tuyên bố đã bình định được 97% lãnh thổ và quyết tâm “Nhổ cỏ U Minh”. Nhưng mọi mưu ma chước quỷ và hành động dã man của địch đều không thể thực hiện thành công trước tinh thần và ý chí kiên cường, bất khuất của quân và dân ta.

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1955 - 1956), cán bộ cách mạng được phân công vào lực lượng võ trang Hòa Hảo, mang danh nghĩa “Lực lượng võ trang giáo phái Hòa Hảo chống Mỹ Diệt” đã chỉ huy đánh nhiều trận chung quanh vùng căn cứ U Minh, gây cho địch nhiều thiệt hại như ở kinh 10, kinh 5, kinh 6 (huyện Thới Bình) trận Giồng Riềng, vườn Cò (Long Mỹ) trận Cây Bàng (xã Vĩnh Hòa - An Biên)

HUYỀN THOẠI U MINH

Đến tháng 9 - 1957 được liên Tỉnh ủy miền Tây cho phép, tỉnh tập hợp 9 đại đội ngấm để thành lập 2 tiểu đoàn, lấy danh nghĩa “lực lượng giáo phái ly khai chống Mỹ — Diệm” với phiên hiệu: trung đoàn Lê Quang và Ngô Văn Sở

Như vậy, năm 1957 các tỉnh thuộc khu Tây Nam Bộ đã có lực lượng võ trang mang danh nghĩa của giáo phái Hòa Hảo ly khai chống Mỹ Diệm (trừ Trà Vinh, đến tháng 4 - 1959) thành lập tiểu đoàn Cửu Long (sau đổi thành là 501A và 501B) từ giữa năm 1959 đến giữa năm 1960, các lực lượng chuyển thành quân giải phóng.

Trong suốt những năm kháng chiến chống Mỹ, quân và dân U Minh đã liên tục đánh địch khiến chúng không thể thực hiện được âm mưu tội ác... Chiến thắng Xẻo Rô 30 - 10 - 1959, chiến thắng Ngã tư Công sự 13 - 2 - 1960, chiến thắng Kè Một 24 - 8 - 1962, tiêu diệt đồn Kim Quy tháng 7-1963, diệt đồn Nhà Ngang 17 - 10 - 1963 san bằng đồn thứ 9 ngày 16 - 11 - 1963, chiến thắng Vĩnh Thuận. Huyện Sĩ, Lục Phi tháng 4 - 1964 bức rút chi khu Hiếu Lễ tại thứ 11 ngày 8 - 1 - 1965, chống địch 3 lần hành quân quy mô lớn bình định lấn chiếm vùng căn cứ, chiến thắng thứ II (1969 - 1972); Nhiều trận đánh tàu ở Xẻo Rô, Ba Đình, Sông Cái Lớn, trong đó có chiến công anh Tư Nhà Mới (Nguyễn Văn Tư)... đã nói lên điều đó.

Nhiều sự kiện lịch sử đã diễn ra ở U Minh Thượng trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước:

+ Tháng 10/1954, Xứ ủy Nam bộ họp phiên đầu tiên tại Chác Bông. Hội nghị quyết định đổi tên Phân Liên khu thành Liên Tỉnh ủy và điều chỉnh lại địa bàn cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

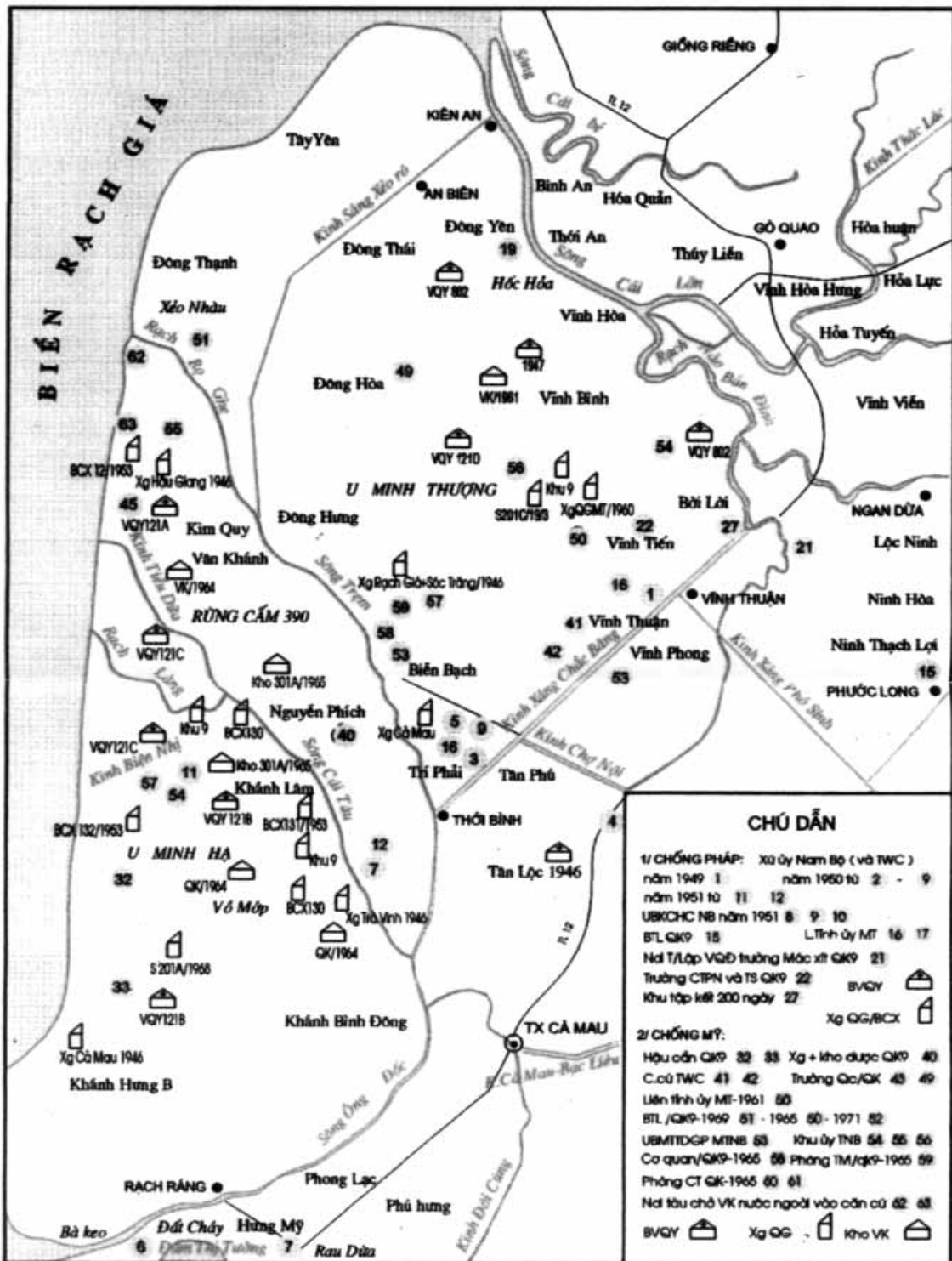
+ Tỉnh Rạch Giá là một trong những tỉnh ở Khu 9 khởi nghĩa vũ trang sớm nhất. Điểm tiến công xảy ra ở vùng U Minh Thượng - chi khu An Biên (Xẻo Rô) vào ngày 30 tháng 10 năm 1959. Nhân cuộc chống càn thắng lợi diệt gần 100 tên ở Đông Sậy (Tân Lộc) ngày 11/11/1959 ta phát động nhân dân ở các xã Biển Bạch, Trí Phải và Tân Lộc nổi dậy diệt ác phá kềm.

Năm 1959 - Trường Đảng của Liên Tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ đã mở lớp tại rừng U Minh Thượng.

+ Hưởng ứng cao trào đồng khởi nghĩa do Xứ ủy phát động, đêm 17 rạng 18 tháng 9 năm 1960, tiểu đoàn tỉnh Rạch Giá kỳ tập diệt gọn đồn Kim Quy xã Vân Khánh huyện An Biên.

+ Cuối tháng 11/1960, tiểu đoàn tỉnh Rạch Giá lại tiêu diệt 2 đồn Cái Bát

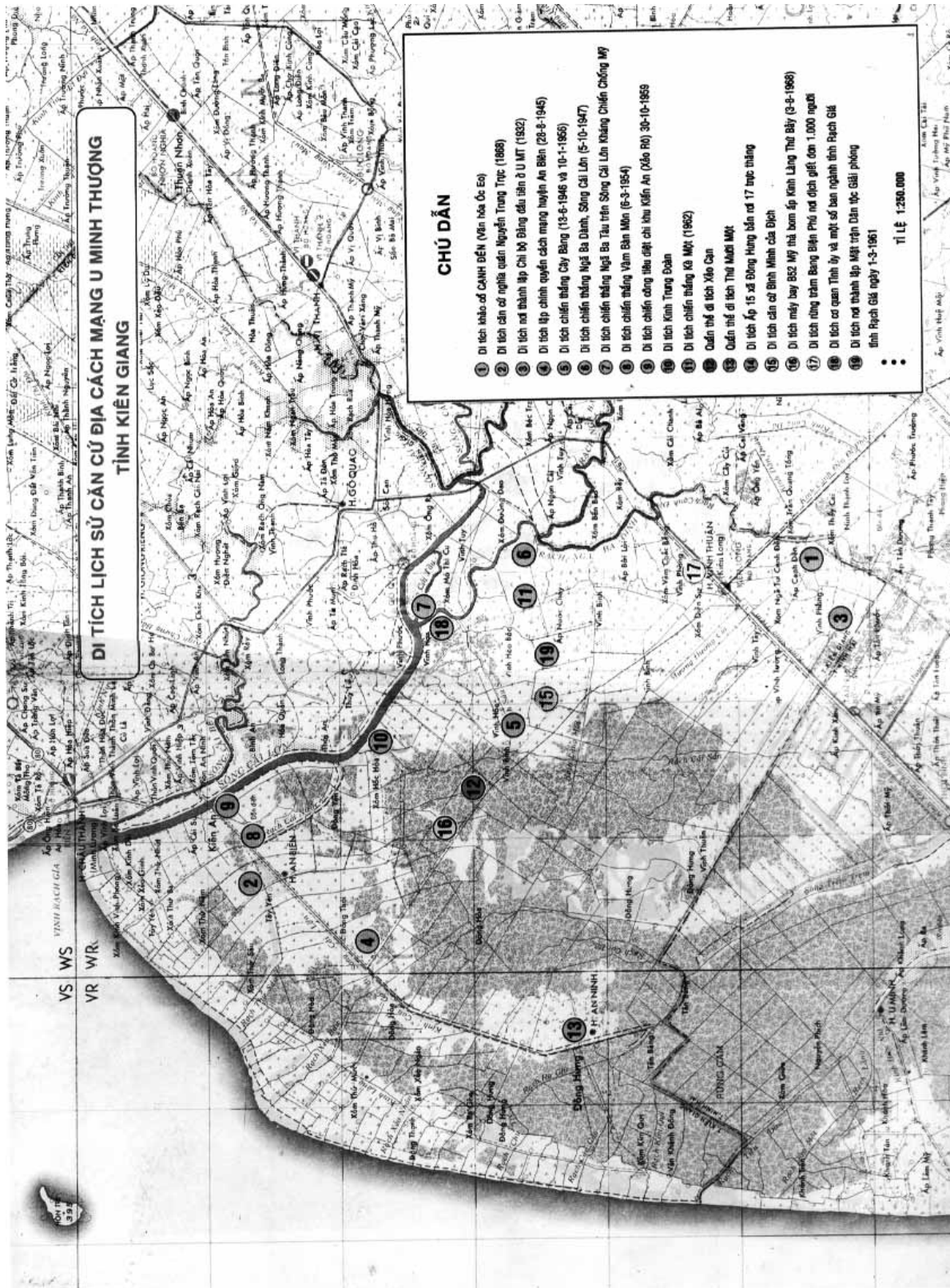
HUYỀN THOẠI U MINH



VỊ TRÍ MỘT SỐ CƠ QUAN Ở CĂN CỨ ĐỊA U MINH QUÁ CÁC THỜI KỲ

(Nguồn: Phòng KHCN-MT Quân khu 9)

HUYỀN THẠỊ U MINH



HUYỀN THOẠI U MINH

và Kim Quy (lần 2), đánh thiệt hại nặng quân viện, giải phóng hoàn toàn xã Vân Khánh.

+ Đầu tháng 2/1961, lực lượng du kích bao vây đồn Cái Nứa kết hợp binh vận kêu gọi địch đầu hàng, đến đêm 19 rạng 20/2/1961 đồn Cái Nứa bỏ chạy, giải phóng xã Vĩnh Bình.

Năm 1960 các cơ quan của liên tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ về đóng các xã Ninh Thanh Lợi (Hồng Dân) Lương Tâm (Long Mỹ); Ban tuyên văn giáo Tây Nam Bộ đóng ở xã Vĩnh Thuận - Kinh 11, 13, 14, 1, trong rừng có nhà in, điện đài Minh ngữ.

Năm 1961 - Văn phòng Liên Tỉnh ủy đóng vùng ngã 5 Bình Minh - Tuấn Thơm.

Tháng 5 - 1961: (từ ngày 8 đến ngày 12 — 5 — 1961) Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Tây Nam Bộ họp tại một trường tiểu học của xã Biển Bạch. Ngày 12 — 5 - 1961, lễ ra mắt Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Tây Nam Bộ tại xã Biển Bạch. Tại các tỉnh Miền Tây, Mặt trận Dân tộc giải phóng cũng ra mắt sau buổi lễ này.

- Sau buổi lễ này, tờ báo Giải phóng miền Tây (ra số đầu tiên) và tờ nhân dân miền Tây ra mắt trong dịp kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ tịch.

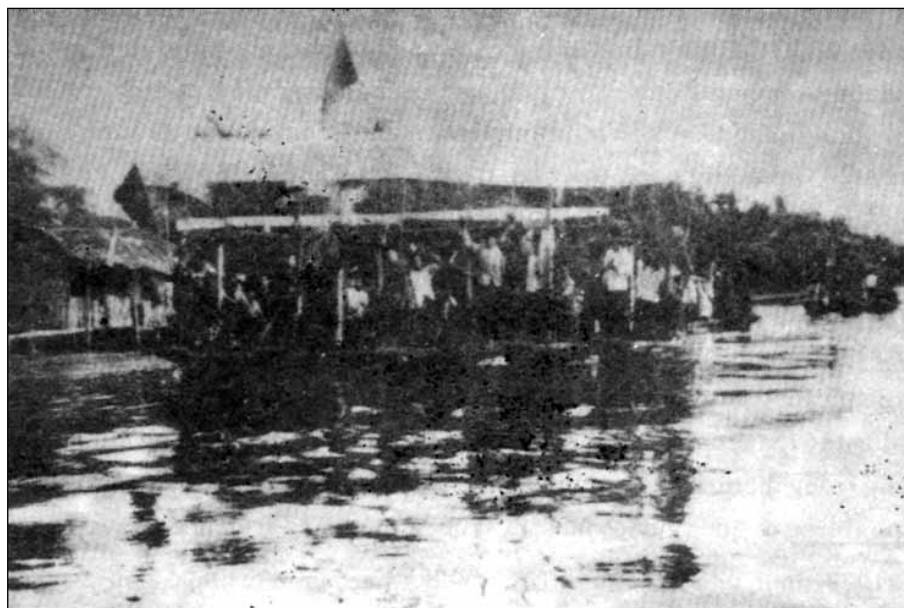
- Cuối năm 1967 đầu 1968 chuẩn bị cho cuộc tấn công Xuân Mậu Thân 1968 — văn phòng khu Ủy Tây Nam Bộ và một số ngành (trong đó có ban tuyên huấn Khu) đã về đóng vùng Cán Gáo, cập theo kinh xáng Thứ 11 - vùng kinh 5



Vận chuyển lương thực vào căn cứ U Minh Thượng

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH



*Nhân dân
U Minh Thượng
biểu tình chống Mỹ
trên kênh
xáng Xẻo Rô*

Ảnh: TL

Đất Sét, kinh 5 Ông Đuôn - vùng Vĩnh Bình - kinh Xáng Cụt - Vĩnh Hòa Hưng.

+ Đầu năm 1961 tại Ấp Bình Minh, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thượng, Liên tỉnh Ủy miền Tây triệu tập cuộc họp mở rộng đến các đồng chí Bí thư tỉnh ủy do đồng chí Nguyễn Thành Thơ (Mười Khấn) làm Bí thư chủ trì. Đồng chí Nguyễn Đệ là cán bộ tập kết vừa từ miền Bắc vào, được mời tham dự Hội nghị. Hội nghị bàn về tiếp tục mở đợt 4 “Đồng Khởi”, chuẩn bị cho đợt 5. Tại Hội nghị, Ban Quân sự liên tỉnh miền Tây được tổ chức, do đồng chí Nguyễn Thành Thơ làm trưởng Ban, đồng chí Nguyễn Đệ làm phó Ban kiêm tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Bé (Tám Tùng) phó ban phụ trách chính trị. Tổ chức Ban quân sự này là tiền thân của Bộ Tư lệnh Khu 9 sau này. Sau Hội nghị này, ngày 3/6/1961, 2 tiểu đoàn chủ lực khu được thành lập. Tiểu đoàn 306 và tiểu đoàn 96.

+ Ngày 24 tháng 5 năm 1962, địch dùng trực thăng đổ quân xuống Lò Rèn đánh lên Kè Một. Tiểu đoàn U Minh 10 vận động tiến công đánh quy 1 tiểu đoàn này. Chúng đổ quân thêm một tiểu đoàn khác - Ta chiến đấu suốt ngày diệt gần 300 tên, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng. Đây là trận đánh địch đổ quân bằng trực thăng đầu tiên ở U Minh Thượng.

+ Tháng 4 năm 1964, Quân khu 9 mở chiến dịch quy mô cỡ 2 trung đoàn kết hợp với lực lượng địa phương và du kích tiến công tại khu vực Vĩnh Thuận gây cho địch những thiệt hại nặng nề. Sau đó lại tấn công một loạt căn cứ khác của địch, giải phóng một vùng rộng lớn, bao gồm các xã của huyện An Biên nối liền với các xã giải phóng của huyện Vĩnh Thuận và các xã giải phóng huyện

HUYỀN THOẠI U MINH

Thới Bình, đến U Minh Hạ, tạo thành căn cứ địa rộng lớn của khu Tây Nam bộ.

+ Ngày 25 tháng 5 năm 1967 nhiều lượt máy bay B52 địch ném bom xuống vùng U Minh Thượng. Sau đó địch cho 1 tiểu đoàn đổ quân lục soát đến chiều địch rút quân. Đây là trận ném bom B52 đầu tiên của địch xuống vùng U Minh Thượng.

+ Ngày 22 tháng 12/1968, địch tập trung 15 tiểu đoàn cùng lực lượng hạm đội nhỏ trên sông của Mỹ, lực lượng hải quân ngụy tổ chức cuộc hành quân lớn cấp quân đoàn gọi là: “Hành quân thăm dò U Minh” kéo dài 1 tháng. Cuộc hành quân này có máy bay B 52 rải thảm ở hậu kinh 5 (trong rừng) và Mường Đào để yểm trợ cuộc hành quân.

+ Ngày 2/9/1969 địch tập trung lực lượng gồm sư đoàn 9 bộ binh, Lữ B thủy quân lục chiến, 4 tiểu đoàn biệt động quân, 4 giang đoàn thủy bộ, 3 giang đoàn xung phong, hải đoàn 41 (sông Đốc), hải đoàn Hắc Giang (5 Căn) 3 tiểu đoàn pháo binh, pháo từ hạm đội bắn vào, 2 trung đoàn không quân, có cả máy bay B52 yểm trợ tổ chức cuộc hành quân lấn chiếm U Minh lần thứ nhất.



Ngay từ những ngày đầu, các cánh quân của địch đều bị quân và dân U Minh chặn đánh nhiều trận, gây thiệt hại cho địch sau hơn 2 tháng chiến đấu

*Du kích U Minh Thượng
săn máy bay địch*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

vô cùng anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, quân và dân U Minh đã buộc địch phải chấm dứt cuộc hành quân và rút toàn bộ lực lượng ra khỏi U Minh vào ngày 13/11/1969.

+ Tháng 2/1970, địch huy động lực lượng lần chiếm U Minh lần thứ 2 với qui mô lớn hơn lần 1. Nhưng cũng như lần 1, chúng cũng bị quân và dân U Minh chặn đánh và tiêu diệt. Đến ngày 12/3/1970 địch buộc phải rút chạy khỏi U Minh.

+ Đến ngày 12 tháng 3/1970, quân khu sử dụng trung đoàn 2, tiểu đoàn đặc công quân khu đoàn 6 pháo binh tập kích tiêu diệt sở chỉ huy chiến đoàn 33 tại kinh Họa Đô, buộc địch phải rút chạy, bẻ gãy cuộc hành quân lần chiếm U Minh lần thứ 2.

+ Ngày 12 tháng 9 năm 1970, Hội nghị thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy tại Xẻo Bần bàn về việc đánh phá bình định, chống địch lần chiếm, nhất trí chủ trương kiên trì bám trụ, tiêu hao tiêu diệt địch ngăn chặn và từng bước đánh bại âm mưu lần chiếm U Minh của chúng.

+ Ngày 1/12/1970, địch sử dụng sư đoàn 21, một bộ phận sư đoàn 9, 1 liên đoàn biệt động quân, Lữ A thủy quân lục chiến, thiết đoàn 9, không quân, hải quân hạm đội trên sông của Mỹ đồng thời điều động quân bảo an từ căn cứ tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh mở cuộc hành quân lần chiếm U Minh lần thứ 3 và chúng dự kiến tháng 11/1971 sẽ hoàn thành việc chiếm đóng U Minh.

+ Ngày 01/6/1971 là ngày lễ quân lực “cộng hòa”, Nguyễn Văn Thiệu xuống căn cứ Thứ 11 làm lễ khánh thành chi khu Hiếu Lễ và mừng “chiến thắng” U Minh. Thiệu huênh hoang tuyên bố: Bộ đội chủ lực Việt cộng không còn nữa, chỉ còn 100 du kích ở U Minh Thượng và 100 du kích ở U Minh Hạ, chỉ hoạt động kiểu “du kích” mà thôi. Nhưng chỉ 3 tháng sau đó Bộ Tư lệnh quân khu quyết định mở cuộc phản công đánh quy sư đoàn 21. Đến 12/9/1971, đợt phản công ở U Minh Thượng kết thúc, ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 21 buộc địch phải hủy bỏ kế hoạch tô dầy và lấp kín U Minh, rút bỏ đồn kinh mới, kinh Rạch Cái Tàu.

+ Trong 3 năm bình định ác liệt của địch từ 1969 - 1971, vùng U Minh Thượng và xã Khánh Lâm, địch giết hại trên 2.000 chiến sĩ và đồng bào ta.

+ Sang năm 1972, tại U Minh, quân dân ta liên tục tổ chức đánh địch, giải phóng thêm một số xã.

+ Sang năm 1973 và năm 1974, ta giải phóng phần lớn vùng U Minh Thượng. Cơ quan Bộ Tư lệnh dời lên đóng tại rạch Cái Nứa. Bộ Tham mưu đóng

HUYỀN THOẠI U MINH

quân tại Rạch Bời Lồi. Cục chính trị đóng quân khu vực Bình Minh. Cục Hậu Cần vẫn ở xã Khánh Lâm U Minh Hạ.

Vùng U Minh Thượng lúc này có điều kiện thuận lợi để lực lượng địa phương tỉnh, huyện và du kích bao vây tiến công đồn bốt gây cho địch những tổn thất nặng nề và củng cố thế và lực của ta.

+ Đêm 16 rạng ngày 17/2/1974 quân ta diệt căn cứ Kinh Chín Biển Bạch, bức rút 3 đồn kinh 10 Rừng, kinh Năm Đông và kinh Kiểm Lâm; ta thừa thắng bức rút luôn căn cứ Tám Ngàn.

+ Đêm 16 rạng ngày 17/2/1974 quân ta bức rút đồn Xẻo Cạn Ngọn.

+ Đầu tháng 4/1974 địch tổ chức hành quân hỗn hợp bộ binh - cơ giới, hải quân để giải tỏa và nối lại trục sông Cái Lớn bị quân ta chặn đánh và tiêu diệt; thừa thắng lực lượng huyện và du kích được tăng cường hỏa lực mở hết đồn bốt từ Xếp Ba Tàu đến Xẻo Rô.

+ Từ ngày 8 đến ngày 11 tháng 7 năm 1974, quân dân ta phối hợp tiến công đoạn từ Xẻo Rô đến vàm sông Cái Lớn đánh thiệt hại nặng căn cứ Xẻo Rô, bức rút đồn cuối cùng ở xã Tây Yên.

+ Đêm 13 rạng ngày 14/7/1974, ta diệt cụm đồn tế xã Đông Thái, bức chạy 1 loạt đồn khác. Tiếp theo ngày 15 tháng 7, quân ta diệt cụm đồn tế xã Đông Thạnh. Sáng ngày 19/7, quân ta tiếp tục đánh địch giải phóng 1 đoạn kinh xáng Xẻo Rô, giải phóng 3 xã Đông Thái, Đông Hòa, Tây Yên.

Chiến dịch mùa khô 1974 - 1975 mở màn vào ngày 6/12/1974 đến ngày 10/1/1975, ta đã giải phóng xã Biển Bạch, xã Trí Phải; giải phóng phần lớn kinh xáng Xẻo Rô; giải phóng 1 đoạn kinh xáng Vĩnh Thuận dài 11 km.

+ Ngày 14 tháng 2 năm 1975, Thường vụ khu ủy và quân khu ủy tổ chức Hội nghị tại Cái Nứa. Hội nghị đánh giá thắng lợi đợt 1 và quyết định tập trung lực lượng đánh một số trận tương đối lớn, diệt cứ điểm lớn, chủ yếu diệt cho được quân cơ động đi giải tỏa, tạo điều kiện giải phóng triệt để không cho địch tái chiếm. Đây là Hội nghị cuối cùng của cấp lãnh đạo khu ủy và quân khu trên đất vùng U Minh Thượng cho đến ngày giải phóng hoàn toàn.

- Ấp Bời Lồi A Cái Nứa xã Vĩnh Bình Nam từng là căn cứ của Bộ Tư lệnh QK9, hậu cần quân khu; là nơi tập kết cuối cùng của đường vận chuyển chiến lược 1C.

- Khu vực phía trong đê rừng thuộc xã Minh Thuận ngày nay đã có Bộ Tư lệnh Quân khu và nhiều cơ quan ở.

HUYỀN THOẠI U MINH

- Ấp Đòng Tranh, Tân Bình, Kè Một, Nước Chảy xã Vĩnh Bình Bắc có nhiều cơ quan của tỉnh Rạch Giá lập căn cứ như: UBND cách mạng tỉnh, Ban An ninh, Ban Tuyên huấn tỉnh, Đoàn văn công, Tỉnh Đoàn, Phụ nữ tỉnh...

- Khu ủy và Tỉnh ủy Rạch giá từng đóng tại ấp Khâm, Vĩnh Tiến xã Vĩnh Hòa. Cơ quan Tỉnh ủy nhiều năm ở Xẻo Gia xã Vĩnh Bình Bắc và ở Vĩnh Tiến xã Việt Hòa.

- Xã Vĩnh Thuận có cơ quan Hậu cần Quân khu đóng ở Kinh Năm; quận y ở Kinh Hai; Ban Tuyên huấn khu thành lập ở Sáu Ngàn Kinh 13.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, rồi chống đế quốc Mỹ, quân và dân U Minh Thượng nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần bất khuất, kiên trung, đã bám trụ kiên cường, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vượt qua vô vàn những thử thách khốc liệt để đi đến ngày chiến thắng, cùng đồng bào chiến sĩ cả nước giành chiến thắng... U Minh Thượng mãi mãi là biểu tượng của chủ nghĩa Anh hùng cách mạng, luôn xứng đáng với niềm tin yêu, sự ngưỡng mộ của đồng bào, đồng chí cả nước.

Cao Hà

U MINH THƯỢNG VỚI CUỘC CHIẾN TRANH NHÂN DÂN TIÊU BIỂU, ĐA DẠNG VÀ HIỆU QUẢ

Trong cuộc đọ sức cam go, quyết liệt với kẻ thù tàn bạo, lăm lăm quân nhiều súng, quân và dân U Minh Thượng, bằng lòng yêu nước nồng nàn và căm thù giặc sâu sắc, đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng, chủ động, sáng tạo, mưu trí thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân vô cùng phong phú, đa dạng và hiệu quả, khiến kẻ thù dù có trăm phương ngàn kế, vẫn phải hứng chịu thất bại cay đắng. Trong quá trình đó, nhiều hình thức chiến đấu, nhiều cách đánh địch, nhiều biện pháp đấu tranh đã được quân và dân U Minh Thượng thực hiện, góp phần vào chiến thắng vẻ vang.

* ĐẮP CẢN RÀO SÔNG BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH

Trên vùng sông nước miền Tây Nam bộ và U Minh Thượng, bất chấp sự tàn bạo của giặc, đồng bào ta đã bằng nhiều hình thức, nhiều cách đấu tranh và nhiều cách đánh sáng tạo, gây cho địch những thiệt hại ngày càng lớn, tạo nên một cuộc chiến tranh nhân dân đa dạng, hiệu quả. *Đắp cản rào sông chặn địch, bảo vệ căn cứ cách mạng là một trong những cách làm như vậy.*

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân U Minh Thượng và các vùng lân cận đã từng làm gián đoạn, tê liệt các con đường giao thông bộ từ Rạch Giá đi Hà Tiên; Rạch Giá, Bến Nhứt đi Ngang Dừa; Rạch

HUYỀN THOẠI U MINH

*Dựng cản trên sông
chặn tàu địch tiến
công vào căn cứ địa
U Minh*

Ảnh: TL



Giá đi Xẻo Rô, An Biên, Thứ Chín, Thứ Mười Một, Phước Long, Vĩnh Phú, Ngã Năm, Long Mỹ (thời đó huyện Long Mỹ - Hồng Dân còn thuộc tỉnh Rạch Giá). Tuyến Đập Đá, Vĩnh Thuận, kinh Xáng Chắc Băng cũng bị ta chặt phá từng đoạn...; vô hiệu hóa giao thông bộ, bức rút nhiều đồn, bót, trạm, thị trấn thị tứ, khu đồn dân, những nơi không có đường bộ không thể tồn tại được. Cũng nhờ đó mà U Minh Thượng, U Minh Hạ thoát khỏi sự kìm toả thường trực của quân thù cho mãi về sau.

Bị *vô hiệu hóa* các tuyến giao thông đường bộ, quân Pháp tăng cường phương tiện hoạt động đường thủy. (Tây Nam bộ vốn là địa hình chằng chịt những sông ngòi, kinh rạch dày đặc như mạng nhện). Nhưng quân và dân ta lại chuyển hướng cho 3 thứ quân (du kích quân, địa phương quân, chủ lực quân) nghiên cứu cách chặn đánh tàu địch hoạt động trên sông nước mà một trong những trận đánh lẫy lừng nhất thời đó là trận thắng trên sông Ba Đình nhấn chìm tàu giặc. Phong trào Đắp cản, Rào sông chặn đường hành quân của giặc vào xóm làng đốt phá, chém giết dân lành đã phát triển mạnh ở nhiều địa phương. Bọn giặc cũng bằng mọi cách chống lại các hoạt động của ta. Các trạm gác, đồn bót được dựng lên khắp các tuyến sông ngòi dẫn vào vùng giải phóng và chiến khu của ta. Lực lượng của chúng khi đó còn rất mạnh.

Quân dân ta cũng dùng mọi biện pháp ngăn chặn, làm chậm bước hành quân của chúng để ta có đủ thời gian đối phó hoặc là rút lui an toàn... Đồng bào, chiến sĩ ta đã tích cực làm các Cản đất và Cản cây trên các kinh rạch để ngăn địch.

Cản trên sông được nhân dân tạo nên rất phong phú về qui mô và hình thức,

HUYỀN THOẠI U MINH

được thực hiện tùy theo yêu cầu thực tiễn sử dụng tại thời điểm đó và địa bàn đó.

Tỉnh Rạch Giá cũ nay là tỉnh Kiên Giang có hai con sông, sông Cái Lớn và sông Cái Bé chảy qua. Tất cả những sông, rạch (trời sinh) mương đào, xáng múc, xáng thổi... (nhân tạo) đều có nguồn xa gần ăn thông với 2 con sông này. Và tất cả các đường thủy mà tàu giặc có thể vào vùng giải phóng hay căn cứ U Minh đều bị quân dân miền Tây làm các loại cản chặn lại.

Giao thông đường bộ bị ta phá hoại, giao thông đường thủy bị ta rào, càng hạn chế tối đa những cuộc hành quân càn quét đẫm máu của quân địch. Vùng giải phóng của ta được mở rộng 3 bên, 4 bề, ta làm chủ cả U Minh Thượng và U Minh Hạ. Nhiều khi quân ta hoạt động sát nách kẻ thù. Quân giặc chỉ co cụm ở các tỉnh lỵ, chúng chỉ kiểm soát được ban ngày, ban đêm là của Việt Minh.

Nhiều khi chỉ bằng phương tiện đi lại thô sơ như: xuồng 2 chèo, xuồng 4 chèo, mui là hai tấm rèm hình chữ nhật kết lại từ lá dừa nước (Trời mát thì xếp lại, trời nắng hay mưa thì dựng lên, 2 miếng rèm đầu chụm lại như nóc nhà hình tam giác) mà ta đã tổ chức vận chuyển vũ khí, lương thực, cán bộ trong vùng phục vụ cho cuộc kháng chiến.

Nhiều khi biết ở chỗ này, chỗ kia quân ta đang hiện diện và hoạt động mạnh, nhưng địch lại không thể làm gì được, bởi địch kéo quân vào từ Rạch Giá thì bị cản Trèm Trèm chặn lại; Hành quân từ thị xã Bạc Liêu thì đụng ngay cản Vĩnh Hưng; Từ Long Mỹ qua thì vấp vô số cản như: cản Cao Hột lớn, Cao Hột bé.

Trên thực tế bằng cách giản đơn nhất, đắp cản, rào sông, nhân dân Tây Nam bộ đã chọn cho mình một kiểu chống giặc rất hữu hiệu. Cản đất, cản cây và nhiều hình thức rào, cản đơn giản khác làm chậm bước hành quân của địch, đó là sự sáng tạo, là cách đánh giặc rất “Việt Nam”. Qua đó cho ta thấy sức sáng tạo to lớn của nhân dân trong cuộc “Chiến tranh nhân dân” ở nước ta nói chung và ở miền Tây Nam bộ nói riêng.

*** XÂY DỰNG XÃ ÁP CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH THƯỢNG**

Nhiệm vụ bảo vệ căn cứ địa cách mạng, chống địch càn quét lấn chiếm là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và quân dân trong vùng căn cứ U Minh Thượng.

Từ khi U Minh Thượng trở thành căn cứ địa cách mạng, thành vùng giải phóng, quân dân U Minh Thượng đã tích cực xây dựng xã ấp chiến đấu, phòng

HUYỀN THOẠI U MINH



*Bia ghi dấu tội ác quân
xâm lược Mỹ tại ấp
Kinh Lăng Đông Thái
(8/1968)*

gian bảo mật chống địch càn quét, lấn chiếm, chống bọn do thám, gián điệp bảo vệ căn cứ U Minh Thượng.

Trong 2 cuộc kháng chiến, trên địa bàn U Minh Thượng có các xã Đông Yên, Tây Yên, Đông Thái, Đông Hòa, Đông Hưng, Vân Khánh thuộc huyện An Biên và Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Hòa, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam thuộc huyện Vĩnh Thuận. Vào những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, việc chống địch hành quân và càn quét được thể hiện rõ nét nhất bằng các công trình đắp cản. Các cản trên tuyến xáng Xẻo Rô, Chác Băng, sông Ba Đình... đã góp phần rất lớn trong việc bảo vệ căn cứ U Minh Thượng.

Đến giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, căn cứ vào tình hình cụ thể việc xây dựng xã ấp chiến đấu được hết sức coi trọng và diễn ra rất phong phú, sinh động, tạo nên và rất có hiệu quả trong việc ngăn chặn, làm chậm bước tiến hành quân và góp phần tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch để bảo vệ căn cứ địa cách mạng.

Đầu năm 1961, Tỉnh ủy Rạch Giá chủ trương: “Tích cực xây dựng xã ấp chiến đấu, bảo vệ và xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt...⁽¹⁾. Vì vậy, công tác xây dựng xã ấp chiến đấu trong rừng U Minh Thượng thật sự diễn ra từ năm 1961. Sau cao trào đồng khởi của quân dân miền Nam và các đợt liên tục tấn công, nổi dậy của quân dân U Minh Thượng, xã Vân Khánh hoàn toàn giải phóng, các xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Bình (cả Vĩnh Bình Bắc và Vĩnh Bình Nam) giải

(1) Theo Kiên Giang 30 năm chiến tranh giải phóng

HUYỀN THOẠI U MINH

phóng cơ bản, xã Vĩnh Phong làm chủ 4/7 ấp, các xã Đông Yên, Đông Thái, Đông Hưng, Vĩnh Thuận phá tan từng mảng khu đồn dân để đưa dân về vườn đất cũ. Rừng U Minh Thượng và vùng ven rừng thông ra sông Cái Lớn, ra biển đã hình thành vùng giải phóng rất rõ ràng. Cũng từ đó, U Minh Thượng thật sự trở thành một căn cứ lớn của khu 9.

Trong giai đoạn này, Huyện ủy An Biên (lúc này chưa có huyện Vĩnh Thuận) và Chi bộ các xã tích cực thực hiện xây dựng “xã ấp chiến đấu”, bảo vệ địa phương của mình góp phần bảo vệ căn cứ U Minh.

Trong giai đoạn ban đầu, nhân dân các ấp giải phóng làm chông tre, chông cau, chông đinh cài cắm trên các con đường mà địch có thể hành quân vào xóm ấp, lập các hầm chông, gài lựu đạn v.v... vừa chống địch hành quân càn quét, đồng thời cũng tạo điều kiện để du kích tấn công địch. Cẩm nang của binh sĩ nguy phát hành vào đầu những năm năm 60 đã hết sức chú ý cảnh giác về chông và lựu đạn gài, chúng cho rằng bất cứ ở đâu, địa hình nào cũng đều có thể có các vật nguy hiểm này. Những phương tiện, vũ khí thô sơ của nhân dân U Minh Thượng trong phong trào xã ấp chiến đấu đã góp phần rất lớn trong việc bảo vệ khu căn cứ. Các cơ quan của tỉnh và khu cũng dựa vào các xã ấp chiến đấu mà hoạt động.

Cuối năm 1961, đầu năm 1962, địch quyết liệt gom dân lập ấp chiến lược. Chúng coi ấp chiến lược như là một loại ấp chiến đấu, chống sự xâm nhập của cộng sản. Nhưng các ấp chiến lược ấy dù chưa bị phá tan thì vẫn không thể nào ngăn chặn nổi các hoạt động cách mạng. Còn các xã ấp chiến đấu của ta lại là tử địa của bọn lính “Quốc gia”.

Ta và địch giành đi, giạt lại từng xóm ấp trong vùng căn cứ U Minh Thượng, có lúc địch đánh mạnh, đóng đồn bót dày đặc, mỗi xã có 5, 7 đồn, Chúng tưởng như thế là đã “Bình định được U Minh”. Những nơi không có đồn bót, chúng dùng bom đạn cùng các chiến thuật trực thăng, thiết xa... làm cho người dân không thể sinh sống được. Có những con kinh chúng đổ hàng tiểu đoàn quân chà xát mỗi ngày 2 đợt, bắn giết tất cả các sinh vật mà chúng bắt gặp, ác liệt nhất là trong thời gian từ sau Tết Mậu Thân đến năm 1972.

Nhưng, dù cho địch có sử dụng sức mạnh của vũ khí... phương tiện chiến tranh và thủ đoạn tàn độc đánh phá U Minh, dù có đóng nhiều căn cứ quân sự và đồn bót, phong trào cách mạng ở U Minh Thượng vẫn tồn tại, phát triển và vẫn luôn là một căn cứ địa cách mạng vững chắc.

HUYỀN THOẠI U MINH

Quân dân U Minh Thượng xây dựng xã ấp chiến đấu ngay cạnh đồn bót giặc, bãi chông, bãi lửa, mìn bẫy, lựu đạn gài bố trí thành một trận địa thiên la địa võng, bất cứ lúc nào địch đi càn quét đều có thể vướng phải, du kích ở sát đồn địch sẵn sàng tiêu diệt kẻ thù. Chính vì thế, rất nhiều đồn bót của địch ở U Minh Thượng bị vô hiệu hóa; chỉ có những đồn quanh chi khu, căn cứ quân sự của địch là còn ngoan cố.

Song song với việc bố trí các cạm bẫy, các xã trong U Minh Thượng trồng cây tạo địa hình để bộ đội và du kích dựa vào đánh giặc. Để chống trực thăng đổ quân, nhân dân cắm cọc tràm trên đồng trống, giăng dây chì, dây chuối. Việc làm tưởng chừng như hết sức thô sơ này lại làm cho trực thăng không dám đáp xuống, mỗi lần đổ quân phải dọn bãi ngoài xa, đủ thì giờ cho quân dân ta chuẩn bị trận địa chống càn. Để chống xe thiết giáp M113, quân dân ta đào hào, đắp đê cao, phía trên trồng cây làm cho xe bánh xích không thể trèo qua được. Phía sau đê là chiến hào và trận địa đánh giặc. Chính nhờ đó mà chiến thuật thiết xa vận không thể phát huy tác dụng ở U Minh Thượng.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Rạch Giá, phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu bảo vệ căn cứ địa cách mạng phát triển đều khắp, được nhân dân các xã ấp tích cực tham gia. Mỗi địa phương đều có sự sáng tạo riêng của mình để chống địch càn quét, góp phần tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Chính vì thế, có những khu vực được coi như cạm bẫy đối với địch như Cái Nhum xã Vĩnh Phong, Bờ Lờ xã Vĩnh Bình, xã Vân Khánh, ấp 15 xã Đông Hưng

Xã ấp chiến đấu ở U Minh Thượng không có hàng rào thép gai, không có tháp canh, lô cốt. Nhưng mỗi bụi tre, gốc cây, bụi cỏ, thậm chí cả đồng trống đều là pháo đài chống giặc làm cho cả phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ- ngụy khó thể vượt qua mà không bị thiệt hại.

Trong việc bảo vệ căn cứ U Minh, phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu đã góp phần công sức hết sức quan trọng. Yếu tố địa lợi và nhân hòa đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn thể hiện qua phong trào xây dựng xã ấp chiến đấu.

*** PHONG TRÀO PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC Ở U MINH THƯỢNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ**

Có thể nói ở U Minh Thượng và nhiều vùng đất khác ở Nam bộ trong thời kỳ Mỹ - Ngụy cai trị, chiếm đóng, để tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta, một trong những thủ đoạn hết sức thâm hiểm của địch là thực hiện chiến thuật “tát

HUYỀN THOẠI U MINH

nước bắt cá” mà tiêu biểu là kế hoạch xây dựng hệ thống ấp chiến lược của chúng nhằm dồn dân tập trung để tách khỏi các cán bộ cách mạng; làm như vậy kẻ địch cho rằng cán bộ cách mạng không còn nơi nương tựa, phát triển và dễ dàng bị tiêu diệt.

Ngay từ năm 1962, Ngô Đình Diệm thực hiện theo kế hoạch Stalây-Taylor của Mỹ, tổ chức phản kích lại ở vùng U Minh Thượng. Theo đó, trên địa bàn U Minh, địch ra sức tô dày đồn bót, chúng thẳng tay ruồng bỏ gom tát nhân dân ra chung quanh các cụm đồn bót, thành lập những ấp chiến lược, khu dồn dân.

Để đối phó với âm mưu thâm độc của địch, Khu ủy chủ trương phải phá bằng được kế hoạch ấp chiến lược của địch trên địa bàn khu 9, trong đó có vùng U Minh Thượng. Nhân dân U Minh Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã quyết tâm chống lại kế hoạch gom dân của địch, duy trì và mở rộng phong trào cách mạng. Đồng bào tìm mọi cách đấu tranh chống địch dồn dân lập ấp. Cùng với đó là phong trào đấu tranh chống địch lấn chiếm, đào đê quốc phòng bao giữ chân rừng, ngăn mặn vách biển, bảo vệ sản xuất và khai thông hành lang tiểu thủy để thuận lợi cho công việc vận chuyển phục vụ kháng chiến. Nhờ vậy mà cùng với thời gian bình định của địch, đến cuối năm 1964, nhân dân U Minh đã hoàn thành 4 tuyến đê và kinh có chiều dài tất cả trên 140 km.

Hai năm chống kế hoạch bình định của địch là 2 năm đấu tranh quyết liệt, giằng co từng tấc đất, diễn ra từng ngày với địch và không ít đồng bào đồng chí đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

*Tự tạo vũ khí thô sơ trong kháng chiến
chống Mỹ*

Ảnh: TL



HUYỀN THOẠI U MINH

Địch tàn phá xóm làng, du kích cùng nhân dân thu dọn nhà cửa, bám trụ đánh địch ở U Minh Thượng

Ảnh: TL



Đến đầu năm 1964, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân U Minh thừa thắng xông lên phá lũng và phá rã kế hoạch tái lập ấp chiến lược của địch, giải phóng hầu hết khu căn cứ cách mạng U Minh Thượng.

Trong cuộc đấu tranh ác liệt đó, nhân dân U Minh đã tỏ rõ lòng yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang. Không phân biệt trai - gái, già - trẻ, ai cũng hăng hái tham gia... Chẳng hạn, để cô lập chi khu Hiếu Lễ, nhân dân U Minh với sự chỉ đạo của cấp trên đã hăng hái tham gia xây dựng chướng ngại vật nhiều nơi, hàn cản nhiều con kinh lưu thông; du kích chặn bắn máy bay cất các tuyến tiếp tế, tiếp viện từ xa đồng thời rút dân lâu nay bị địch tập trung ra khỏi vùng kèm của chúng, đưa lực lượng binh vận và chính trị tiếp cận tấn công, tranh thủ phân hóa địch. Từng đợt bao vây đánh lấn với chiến thuật “chặt rễ bứng gốc” được nhân dân U Minh sáng tạo thực hiện với ba mũi giáp công toàn diện. Phương châm bao vây đánh lấn của nhân dân U Minh trên cơ bản là những mũi vũ trang đánh sâu, đánh mạnh và có một lực lượng trợ chiến hùng hậu, có hậu cần tốt, dai sức, vững chắc; Bao vây phải kiên trì, làm cho giặc bí thế; đánh lấn phải cho giặc bỏ chạy; phải nắm vững tình hình địch sắp tháo chạy để ta phục kích tiêu diệt.

Trong suốt hai năm chống bình định của địch, nhân dân U Minh đã mở nhiều đợt tấn công địch ráo riết; bóc gỡ thêm nhiều đồn bốt, làm chủ tuyến kinh xáng Xẻo Rô từ Thứ Năm đến Thứ Mười Một, từ Cán Gáo đến Thới Bình; Cô lập

HUYỀN THOẠI U MINH

hoàn toàn chi khu Hiếu Lễ; Cuối cùng chúng phải rút bỏ chi khu Hiếu Lễ.

Như vậy, sau hơn hai năm đọ sức với kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch, nhân dân U Minh Thượng đã giải phóng hoàn toàn các xã Vân Khánh, Đông Hưng, Đông Thạnh, Đông Hòa, Đông Thái, Vĩnh Bình, Tân Bằng, Vĩnh Hòa và giải phóng cơ bản các xã Vĩnh Thuận, Đông Yên, Vĩnh Phong, Tây Yên, tạo nên một vùng giải phóng có chiều dài 40 km, ngang 30 km, diện tích 1.200 km², có trên 30.000 dân thoát khỏi ách kìm kẹp của địch, 466 gia đình trở về ruộng vườn cũ làm ăn... Thắng lợi đó là vô cùng to lớn.

Trong phong trào phá ấp chiến lược ở U Minh Thượng, có 4 trận đánh lớn tiêu biểu và cũng nhờ 4 trận đánh này mà ấp chiến lược mới bị phá và không bị địch lấy lại. Đó là, trận Vĩnh Thuận (3/1964); trận Sông Trẹm; trận An Biên (6/1964 - 6/1965) và trận sau Mậu Thân 1968.

+ Trận Vĩnh Thuận (tháng 3/1964): Đây là một chi khu lớn của địch, ta phải tập trung một lực lượng lớn để đánh. Sau khi phá xong Vĩnh Thuận, quân ta còn trụ lại các vùng xung quanh để vừa đánh quân tiếp viện của địch, vừa hỗ trợ đồng bào phá các ấp chiến lược do địch dày công dựng lên.

+ Trận Sông Trẹm (tháng 6/1964): Đây cũng là một căn cứ có quy mô rất lớn, nó còn là một cứ điểm chốt ngang U Minh Thượng và U Minh Hạ. Quân ta đã tổ chức tấn công, tiêu diệt hơn 1 tiểu đoàn địch, giải phóng khu vực rộng lớn và hỗ trợ nhân dân phá tan các ấp chiến lược trong vùng.

+ Trận đánh An Biên (tháng 6/1964 đến tháng 6/1965): Đây là một tuyến mà địch xây dựng dày đặc các ấp chiến lược chạy dài từ Xẻo Rô tới Sông Trẹm; hàng chục xã bị địch gom dân. Ta vừa kết hợp phát động quần chúng, vừa tổ chức lực lượng bao vây, đánh lấn dần dần mới đánh dứt điểm tiêu diệt căn cứ địch.

+ Sau trận Mậu Thân 1968: Đây là đợt địch tổ chức lực lượng lớn để chiếm lại U Minh Thượng với nhiều mũi tiến quân có đủ các binh chủng phối hợp. Nhưng quân ta cũng không hề bị động, với kế hoạch “tốc chiến, tốc thắng”, đã tấn công địch ngay từ khi chúng vừa đổ quân tới. Chỉ 3 ngày đêm đầu chiến đấu, ta đã tiêu diệt 300 tên địch, bắn cháy và chiếm hàng trăm tàu giặc. Và trận đánh lớn ấy đã buộc địch phải rút chạy; Phong trào phá ấp chiến lược đã hoàn toàn thắng lợi.

Thành tích chống gom dân và đánh phá ấp chiến lược của nhân dân U Minh Thượng đã được tỉnh Rạch Giá báo cáo điển hình toàn Khu 9 và có sức cổ vũ, đóng góp kinh nghiệm cho phong trào chống gom dân, đánh phá ấp chiến lược

HUYỀN THOẠI U MINH

của địch trên toàn miền Nam và góp phần tích cực cùng toàn dân đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của địch ở miền Nam.

* BINH VẬN KẾT HỢP DIỆT ÁC PHÁ KÈM

Những năm 1956-1960 có thể coi là thời kỳ đen tối nhất, cam go nhất đối với cách mạng ở U Minh. Mỹ - Ngụy với âm mưu triệt tận gốc các mầm mống cách mạng đã không từ một thủ đoạn tàn bạo nào để đánh phá U Minh. Chúng khẩn trương quân sự hóa bộ máy ngụy quyền; xua quân địa phương đi càn, cùng với quân chủ lực liên tiếp ruồng bố sâu vào vùng căn cứ cách mạng hòng tiêu diệt các cơ quan đầu não của Đảng. Chúng ráo riết bắt lính, bắt xâu, đốt nhà, cào nhà, lừa dân vào khu tập trung hòng cắt đứt mọi liên hệ của tổ chức cách mạng với quần chúng.

Không chỉ khống chế gắt gao các gia đình có liên quan tới cách mạng, địch còn bắt ép vợ con cán bộ lấy bọn ác ôn, sĩ quan, công chức hòng bôi đen gia đình cách mạng và ly gián nội bộ quần chúng... Âm mưu của địch vô cùng thâm độc.

Trước những thử thách vô cùng nghiêm trọng đó, tổ chức Đảng và các tổ chức cách mạng vẫn kiên quyết bám dân, bám địa bàn bất chấp mọi hiểm nguy, tìm mọi cách để giữ phong trào. Một trong những biện pháp cấp bách lúc đó là phải trừng trị những tên ác ôn đầu sỏ để bảo toàn lực lượng cách mạng và tạo lòng tin ở quần chúng; đồng thời đẩy mạnh phá kèm, làm thất bại âm mưu của địch.

Phương châm đề ra là diệt ác phải đúng người, đúng tội, đúng yêu cầu trấn áp phản động, đưa khí thế phong trào cách mạng quần chúng lên. Xuất phát từ những yêu cầu ấy, công tác binh vận có vai trò rất quan trọng và phải hỗ trợ tích cực cho chủ trương diệt ác.

Thực hiện chủ trương đó, quân và dân U Minh đã tổ chức 3 mũi giáp công và đây cũng là biện pháp tối ưu đưa phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lên cao. Trong một thời gian không dài, nhiều tên sĩ quan, tề ngụy nổi tiếng ác ôn ở U Minh liên tiếp bị trừng trị.

Kiên trì đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và làm công tác binh vận, quân và dân U Minh đã từng bước làm rệu rã và làm thất bại những âm mưu đen tối của địch, bảo vệ được cơ sở cách mạng...

Không chỉ tích cực vận động binh lính ngụy, xây dựng cơ sở nội tuyến, Công tác binh vận ở U Minh còn vận dụng sáng tạo nhiều kiểu tấn công địch cho

phù hợp với hoàn cảnh lúc ấy. Những đợt người dân chạy vào vùng kềm, ta xây dựng quân chúng lúc vào vùng địch, khi phát hiện địch chuẩn bị càn quét, đổ quân liền tìm cách truyền tin cho cách mạng, loan tin chiến thắng của giải phóng, gây hoang mang trong binh sĩ địch, nắm tình hình tư tưởng của tổ chức địch, tuyên truyền giáo dục binh sĩ, bắt mối với gia đình binh sĩ xây dựng cơ sở...

Trong cuộc đấu tranh cam go, quyết liệt ấy, đã xuất hiện nhiều tấm gương dũng cảm, kiên trung, làm xúc động lòng người. Đồng chí Danh Phước là tiểu đội trưởng đồn Thứ 11, đảng viên phụ trách nhóm cơ sở nội tuyến trong đơn vị này là một trong số những người như vậy. Một hôm có hai đồng chí chỉ ủy viên và một cán bộ của ta bị bắt, giam ba đồng chí tại đồn, Danh Phước tìm cách giải thoát. Thời cơ giải thoát chỉ là ngay trong đêm, nếu để trễ hôm sau, địch sẽ giết mất 3 đồng chí. Đêm ấy có đoàn cải lương đến biểu diễn tại chợ, binh sĩ kéo nhau đi xem hát. Danh Phước đã vào mở khóa thả 3 đồng chí rồi vác theo 6 khẩu súng xuống mé kinh. 3 đồng chí trốn đi an toàn. Phước quay lại tháo thêm cây súng cối 81 ly với ý định cùng chở đi luôn. Nhưng anh bị lộ và bị địch bắt lại. Hôm sau, giặc đem Danh Phước ra xử bắn tại Thứ 11. Chúng bảo anh là kẻ phản bội, Danh Phước thét vào mặt tên đại úy: “Mày mới là kẻ phản bội, trước đây mày cũng là cán bộ của Đảng nay mày phản Đảng, phản dân. Tao vì Đảng, vì dân vào đây để tiêu diệt bọn mày, sao gọi là phản bội?”. Tiếng thét của Danh Phước làm xúc động mãnh liệt đồng bào Thứ 11 và cũng là nguồn cổ vũ cho anh em còn lại cố gắng làm tròn nhiệm vụ.

Còn nhiều tấm gương và hành động dũng cảm, mưu trí khác nữa góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến đấu.

Trong tiền cứ của địch tại vườn Hai Tu, xã Đông Thái có hai anh em Sơn và Quang là 2 cơ sở nội tuyến của ta. Hai người này đã giáo dục vận động thêm được 3 người lính khác cùng tham gia công việc. Sơn và Quang lại là bạn với tên đại úy Trần Văn Đước, chỉ huy tiền cứ này. Thực hiện kế hoạch của cấp trên từ bên ngoài giao cho, anh em Sơn và Quang thống nhất đưa hai chị em Lê Thị Cúc và Lê Thị Phượng Liên giả làm người yêu của hai người tới làm mật giao liên thực hiện kế hoạch trận đánh.

Công việc trót lọt, các thông tin từ bên trong được thường xuyên truyền ra ngoài cho cơ sở của ta. Rồi khi đã nắm được phiên canh của mình chắc chắn, Sơn liền thông báo cho các đồng chí bên ngoài. Đúng 11 giờ đêm ngày 21/4/1972, lực lượng bên ngoài nhập cùng bên trong nổ súng. Trận đánh kéo dài đến 4 giờ sáng ngày 22/4/1972, ta hoàn toàn làm chủ tiền cứ tiểu đoàn bảo an Thần Hồ ở

HUYỀN THOẠI U MINH

vườn Hai Tu sau khi đã tiêu diệt trên 100 tên địch, bắt sống 62 tên, thu toàn bộ vũ khí, 6 máy PRC.25...

Đó là một trong số nhiều trận đánh mà công tác binh vận, nội tuyến đã có đóng góp quan trọng tạo nên thắng lợi. Từ những thắng lợi trên, tình hình phân hóa, chuyển biến chính trị trong nguy quân, nguy quyền tiếp tục có những thay đổi theo hướng bất lợi cho địch. Binh lính ngụy quay súng, bỏ ngũ và đồng tình ủng hộ các cuộc đấu tranh của quần chúng ngày càng nhiều.

Trong nhiều giai đoạn, công tác nội tuyến trở thành khâu then chốt trong các mặt công tác binh vận, tạo điều kiện cho nhiều nơi khởi nghĩa, làm binh biến cướp đồn, diệt đơn vị địch góp phần vào thắng lợi chung.

Hồng Hạnh

CĂN CỨ U MINH THƯỢNG VÀ VÙNG ĐẤT VĨNH THUẬN TRONG CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Ngay từ năm 1940 do tình hình và yêu cầu của cách mạng, Vĩnh Thuận đã trở thành căn cứ địa của Liên tỉnh Miền Tây (Hậu Giang)

- Năm 1941, Tỉnh ủy Rạch Giá được thành lập. Liên tỉnh ủy Hậu Giang và tỉnh ủy Rạch Giá đã chọn rừng U Minh làm căn cứ địa cách mạng. Các xã Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa trở thành hành lang bảo vệ căn cứ U Minh.

Như vậy, rừng U Minh và các xã thuộc huyện Vĩnh Thuận đã trở thành căn cứ địa cách mạng của tỉnh Rạch Giá và của cả Liên tỉnh Miền Tây, Khu 9.

Tại sao U Minh Thượng trở thành căn cứ địa cách mạng trong suốt hai cuộc kháng chiến, kể cả giai đoạn tiền khởi nghĩa?

Sau khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ, U Minh Thượng là một căn cứ mà các lực lượng quân sự và chính trị các tỉnh miền Tây rút về để củng cố lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Chính tại đây vào ngày 13/6/1946, quân dân ta đã lập nên chiến công vang dội diệt hàng trăm tên giặc tại Cây Bàng xã Vĩnh Hòa. Ngày 5/10/1947 quân ta lại dùng thủy lôi đánh chìm 2 tàu sắt LCS của Pháp tại sông Ba Đình ngay vàm Cái Nứa, diệt trên 60 tên, bẻ gãy cuộc hành quân giải vây đồn Chắc Băng. Chiến thắng này có ý nghĩa rất quan trọng góp phần buộc quân Pháp rút chạy một số đồn, ta giải phóng một vùng rộng trên tuyến sông này.

HUYỀN THOẠI U MINH



*Bàu Môn ghi dấu
chiến công (3/1954)*

Đến tháng 10 năm 1947, các xã Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa đã trở thành vùng giải phóng; Liên hoàn với khu vực Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu hình thành một vùng căn cứ U Minh rộng lớn là nơi các cơ quan Khu 9 và sau đó là các cơ quan Nam bộ, Xứ ủy và Trung ương Cục miền Nam về đóng ở Bạc Liêu, Rạch Giá.

- Tháng 8 năm 1954, U Minh Thượng trở thành khu vực tập kết 200 ngày. Các xã của huyện Vĩnh Thuận đón tiếp hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ các nơi về để chuẩn bị tập kết ra miền Bắc.

- Ngày 10/1/1956, một tiểu đoàn chủ lực nguy bị quân dân xã Hòa Hảo (do cán bộ cách mạng chỉ huy) đánh tan tành tại Cây Bàng xã Vĩnh Hòa.

- Ngày 24/5/1962, tiểu đoàn U Minh 10 đánh bại chiến thuật trực thăng vận của Mỹ — nguy tại Kè Một xã Vĩnh Bình.

- Đầu năm 1964, huyện Vĩnh Thuận được thành lập từ huyện An Biên tách ra gồm 4 xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Vĩnh Phong và Vĩnh Hòa. Trong đó có 2 xã hoàn toàn giải phóng từ năm 1962 là Vĩnh Hòa và Vĩnh Bình.

Từ đó, huyện Vĩnh Thuận là căn cứ của nhiều cơ quan cấp tỉnh và Khu 9.

Là một vùng căn cứ cách mạng, là hậu phương kháng chiến, quân dân huyện Vĩnh Thuận đã tích cực bám trụ, xây dựng xã ấp chiến đấu; tích cực cùng các đơn vị bộ đội tấn công kẻ thù trên khắp địa bàn, nhất là những năm 1969-

HUYỀN THOẠI U MINH

1971, góp phần làm thất bại hoàn toàn kế hoạch bình định “Nhỏ cỏ U Minh” của Mỹ — nguy, giữ vững căn cứ U Minh.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp:

- Xứ ủy, Trung ương Cục đóng ở vòm kinh Hai xã Vĩnh Thuận.
- Nhiều cơ quan của Khu và tỉnh đóng ở Đường Sân xã Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa.

- Quân y phân liên khu miền Tây đóng ở Sáu Ngàn - kinh 14 - 13 - 11, xã Vĩnh Thuận, Dân y tỉnh đóng ở kinh Ba xã Vĩnh Thuận.

- Trường lục quân Trần Quốc Tuấn của BTL Nam Bộ, trường lục quân Gia Định, trường Thanh niên Cứu quốc, trường Phụ nữ cứu quốc Tây Nam Bộ, trường Thiếu sinh Quân khu 9.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ:

- Ấp Bời Lời A Cái Nứa xã Vĩnh Bình Nam từng là căn cứ của Bộ Tư Lệnh quân khu 9, hậu cần quân khu; Là nơi tập kết cuối cùng của đường vận chuyển chiến lược 1C.

- Khu vực phía trong đê rừng thuộc xã Minh Thuận từng có Bộ Tư Lệnh quân khu và nhiều cơ quan ở.

- Ấp Đồng Tranh, Tân Bình, Kè Một, Nước Chảy xã Vĩnh Bình Bắc có nhiều cơ quan của tỉnh Rạch Giá lập căn cứ như: UBND cách mạng tỉnh, Ban an ninh, Ban Tuyên huấn tỉnh, Đoàn văn công, tỉnh đoàn, phụ nữ tỉnh

- Khu ủy và Tỉnh ủy Rạch Giá từng đóng tại ấp Khàn, Vĩnh Tiến xã Vĩnh Hòa. Cơ quan Tỉnh ủy nhiều năm ở Xẻo Gia (ngay Chệt Nền) xã Vĩnh Bình Bắc và ở Vĩnh Tiến xã Vĩnh Hòa.

- Xã Vĩnh Thuận có cơ quan Hậu Cần Quân khu đóng ở kinh Năm, quân y ở kinh Hai, Ban Tuyên huấn khu thành lập ở Sáu Ngàn kinh 13.

Là địa bàn căn cứ nên Mỹ - nguy tập trung đánh phá Vĩnh Thuận vô cùng ác liệt, nhất là trong chiến dịch bình định “nhỏ cỏ U Minh” từ năm 1969-1970; chúng tập trung các loại vũ khí tối tân, phương tiện chiến tranh hiện đại, chiến thuật tân kỳ đánh phá trên địa bàn Vĩnh Thuận. Nhưng bất chấp bom đạn ác liệt của giặc, quân và dân huyện Vĩnh Thuận đã liên tục đánh địch, lập nhiều chiến công xuất sắc, góp phần bẻ gãy kế hoạch bình định lấn chiếm U Minh của Mỹ - nguy.

Tổng kết riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, quân và dân

HUYỀN THOẠI U MINH

Vĩnh Thuận đã đánh trên 670 trận, diệt và làm bị thương hơn 4.000 tên giặc, bắn rơi 16 máy bay, diệt 9 xe bọc thép, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.

Về sự cống hiến và hy sinh trong hai cuộc kháng chiến, Vĩnh Thuận có trên 12.000 lượt thanh niên nam nữ tham gia chiến đấu ở khắp các địa bàn và 2.073 người đã ngã xuống vì độc lập tự do cho dân tộc; 1.194 thương binh; 62 gia đình có từ 2 đến 5 người là liệt sĩ, có 64 bà mẹ Việt Nam anh hùng.

(Theo tư liệu của Huyện ủy Vĩnh Thuận)

DŨNG CẢM ĐÁNH ĐỊCH BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH THƯỢNG

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân ta ở miền Nam, U Minh Thượng là một căn cứ kháng chiến đặc biệt quan trọng.

Kẻ thù cũng thấy rõ vị trí U Minh Thượng đối với sự sống còn của chúng. Vì vậy mà chúng đã thực hiện những thủ đoạn, những kế hoạch đánh phá U Minh Thượng hết sức thâm độc và quyết liệt:

Nhiều cuộc hành quân quy mô lớn gồm hải - lục - không quân dài ngày đã được Mỹ - Ngụy tổ chức để đánh vào U Minh hết sức ác liệt.

BẢY LẦN ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH THƯỢNG:

Thời kỳ đồng khởi 1960-1961, lực lượng của ta đã tiêu diệt chi khu Thứ 3, diệt hàng trăm tên địch. Đây là chi khu vừa kết hợp với Xẻo Rô là căn cứ quan trọng của địch về phía Tây Bắc làm bàn đạp tấn công vào U Minh Thượng. Chiến thắng thứ 3 đã tạo điều kiện để quần chúng nổi dậy tấn công quân sự và binh vận, diệt, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bót của địch, cả tuyến Xẻo Rô, Ba Đình và Vĩnh Thuận. Cũng nhờ vậy mà ta đã phá kế hoạch bao vây chia cắt U Minh Thượng của địch *lần thứ nhất*.

Trong thời kỳ 1962-1963 thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt, địch tăng cường phi pháo, tập trung lực lượng đánh phá U Minh, xây dựng dây đồn bót dọc các tuyến sông Cái Lớn, Ba Đình, kinh xáng Chắc Băng, kinh xáng Xẻo

HUYỀN THOẠI U MINH

Rô, sông Trẹm... gây cho ta một số khó khăn. Tỉnh ủy Rạch Giá và lực lượng vũ trang Quân khu vẫn bám trụ tại U Minh Thượng; tổ chức đánh địch và lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

Cùng với nhiều trận đánh khác, tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, phá nhiều đồn bốt của chúng, tháng 4-1964 Quân khu mở chiến dịch Vĩnh Thuận, tiêu diệt chi khu Vĩnh Thuận, tiêu diệt một tiểu đoàn biệt kích và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn bảo an. Ngày sau, địch đổ quân gồm cả sư đoàn 21, 2 trung đoàn của ta đã chiến đấu quyết liệt với địch, diệt trên 300 tên, bắn rơi tại chỗ 12 trực thăng, bắn bị thương trên 10 trực thăng khác, thu trên 500 cây dù và nhiều súng đạn. Tiếp theo ngày 19-5-1964, quân ta tiêu diệt căn cứ Huyện Sử, diệt, bắt sống 250 tên và đánh bại quân viện của địch. Diệt, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bốt trên tuyến Nhà Ngang, Cái Bần và An Biên, Xẻo Rô. Đặc biệt tại Thứ 11, bằng chiến thuật bao vây đánh lấn, sau gần 2 tháng huy động hàng trăm du kích, hàng ngàn nhân dân tiếp tế đào công sự, giao thông hào, tấn công bình vận, ta bao vây diệt hàng trăm tên, đánh bại quân viện. Đến 24-12-1964 Chi khu Hiếu Lễ còn lại phải chạy về Chi khu Thứ 3. Ta giải phóng Thứ 11 và tuyến kinh xáng Xẻo Rô đến Chi khu Thứ 3. Như vậy, từ năm 1963 đến tháng 12- 1964, liên tục tiến công quân địch, quân và dân U Minh Thượng và các khu vực lân cận đã đánh bại kế hoạch bình định U Minh Thượng của địch *lần thứ 2*.

Bước vào năm 1965, thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, Mỹ - ngụy đánh phá ác liệt miền Nam, ném bom miền Bắc. Tại U Minh Thượng, địch quyết tâm bình định cho được. Chúng đã tập trung sư đoàn 21, Liên đoàn biệt động quân, hàng chục tiểu đoàn bảo an và giang đoàn hàng trăm tàu và hàng chục phi vụ B52 rải thảm, đánh phá ác liệt dài ngày vào An Biên và U Minh Thượng, lực lượng tại chỗ của ta đánh trả địch quyết liệt, nhưng địch cũng đã đóng được một số đồn dọc Kinh xáng Xẻo Rô, sông Trẹm, gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất.

Bước vào Đông Xuân 1965 - 1966, Quân khu chủ trương mở đợt hoạt động trọng điểm hướng Rạch Giá, phá kế hoạch bình định U Minh của địch. Hàng loạt trận đánh đã được thực hiện, tiêu diệt hàng trăm tên địch, bóc gỡ nhiều đồn bốt và giải phóng các xã: Thủy Liễu, Vĩnh Phước, Định Hòa, Hóa Quán, Bình An, Long Thạnh, cơ bản giải phóng huyện Châu Thành B, Tắc Cậu ra sát thị xã, và tuyến sông Cái Lớn từ Ba Đình đến Tắc Cậu, Xẻo Rô; Sau đó là các xã: Tây Yên, Đông Yên, Đông Hòa, Đông Thái và tuyến kinh Xáng Xẻo Rô từ thứ 3 đến thứ 11.

Thừa thắng, ta diệt căn cứ Tân Bằng, Vàm Xáng, giải phóng tuyến sông

HUYỀN THOẠI U MINH

Trạm, nối liền U Minh Thượng với U Minh Hạ. Kế hoạch bình định đánh phá U Minh Thượng lần thứ 3 của địch đã bị ta đánh bại.

Từ giữa năm 1966 đến trước chiến dịch Mậu Thân 1968, quân và dân U Minh Thượng liên tiếp mở nhiều đợt tấn công địch ở Giồng Riềng, ở Nam - Bắc lộ Cái Sắn, ở Chi khu Ngang Dừa, đồn Cái Đước, ở kinh Ba Quân, ở Gò Quao, Lộ Lục Phi, Bến Lức...

Mặc dù vậy, tới giữa năm 1968 địch tập trung phản kích đẩy ta ra khỏi vùng ven và tiến hành bình định, tô dầy đồn bót, tát dân, lập ấp chiến lược ác liệt; cơ bản 1968 địch đã làm chủ vùng ven và đồng bằng, gây cho ta rất nhiều khó khăn. Ngay sau đó, chúng tập trung lực lượng bao gồm sư đoàn 21, Lữ đoàn Thủy quân lục chiến, Liên đoàn biệt động và 15 tiểu đoàn khác cùng hàng trăm máy bay, tàu chiến đánh vào U Minh với tham vọng cuối 1969 sẽ đánh chiếm xong U Minh Thượng.

Lại một lần nữa, U Minh Thượng đứng trước thử thách cam go. Nhưng cũng lại một lần nữa, quân và dân U Minh tỏ rõ ý chí ngoan cường của mình. Quân khu quyết tâm cùng các cơ quan của tỉnh bám trụ tại chỗ, cùng nhân dân tổ chức đánh địch, bảo vệ căn cứ. Kết quả tại U Minh Thượng cơ quan Quân khu và địa phương đánh địch hàng trăm trận, loại trên 500 tên, bắn chìm hàng



*Tàu không số của ta
chở vũ khí tiếp tế cho vùng
U Minh Thượng*

Ảnh: TL

HUYỀN THOẠI U MINH

chục tàu, bắn rơi và làm bị thương hàng chục trực thăng. Phía sau, ta liên tục tập kích hỏa lực và đặc công vào Cần Thơ, Sóc Trăng, Chương Thiện, phá hàng chục máy bay, trên 10 pháo, diệt hàng ngàn địch, gỡ 30 đôn bót, làm cho hậu cứ địch bị thiệt hại và bị uy hiếp. Sau một tháng hành quân đánh phá U Minh, địch bị thiệt hại nặng và đầu tháng 1-1969 địch phải kết thúc, rút khỏi U Minh. Như vậy, ta đã đánh bại kế hoạch bình định U Minh Thượng *lần thứ 4*.

Thất bại, nhưng Mỹ - ngụy chưa từ bỏ mưu đồ triệt phá căn cứ U Minh. Tháng 9-1969 địch sử dụng sư đoàn 9, Liên đoàn Biệt động quân và 4 tiểu đoàn thủy quân đánh bộ mở cuộc hành quân qui mô lớn dài ngày đánh vào Bắc U Minh Thượng, Vĩnh Bình, Kè Một, Tuần Thơm và dọc sông Ba Đình đến Vĩnh Thuận. Tới tháng 10/1969 địch tăng thêm quân và phương tiện chiến tranh đánh vào U Minh Thượng quyết tìm diệt cơ quan chỉ huy Quân khu và chủ lực ta.

Với quyết tâm tập trung lực lượng tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh, đánh bại kế hoạch bình định nhỏ cở U Minh của địch, ta đã tiêu diệt Lữ B thủy quân lục chiến, địch chết 680 tên, có tên Đại tá Lữ trưởng và Lữ phó chết và bị thương, ta bắn chìm 8 tàu, phá hủy 8 pháo 105 và 155 ly. Cùng lúc, ta đánh vào Sở Chỉ huy K32 tại Thứ 7, đánh vào chi khu Thứ 3, đánh vào căn cứ Xẻo Rô diệt hàng trăm địch, bắn chìm 5 tàu; Tập kích hỏa lực trận địa pháo tại Cái Bạt và Vàm Xáng, phá 4 pháo và hàng trăm tên địch chết và bị thương. Bị thiệt hại nặng, ngày 6-11-1969 địch phải rút chạy khỏi U Minh. Ta đánh bại bình định U Minh *lần thứ 5* của địch.

Tháng 2-1970 địch lại tập trung quân với sư đoàn 21, Lữ A thủy quân lục chiến và gần 10 tiểu đoàn biệt động, bảo an, và giang đoàn, đánh vào U Minh và tuyến An Biên. Nhưng trong suốt một tháng đánh phá U Minh, quân địch đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân và dân ta, hàng nghìn tên bị tiêu diệt và bị thương...

Địch thất bại nặng phải rút khỏi U Minh kết thúc hành quân. *Cuộc bình định U Minh Thượng lần thứ 6 của địch lại bị ta đánh bại.*

Đầu năm 1973, lợi dụng ta nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari, với âm mưu tràn ngập lãnh thổ đánh chiếm U Minh thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, địch đã tập trung 75 tiểu đoàn của sư đoàn 21, sư đoàn 7, sư đoàn 9, biệt động quân, thủy quân lục chiến và bảo an vùng 4 chiến thuật, quyết tâm bình định Chương Thiện và U Minh. Lại một lần nữa chủ lực Quân khu và quân dân tỉnh Rạch Giá, Cần Thơ và quân dân U Minh Thượng đung đầu với địch. Qua các trận chiến đấu quyết liệt, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 47.000 tên địch,

HUYỀN THOẠI U MINH

(chết 19.000, bị thương 21.000, bị bắt 1.550 tên, rã trên 10.000 tên), tiêu diệt 6 tiểu đoàn, 1 liên đội, 64 đại đội, 1 chi đoàn M113, 2 giang đoàn, đánh chìm 145 tàu, phá hủy 376 xe quân sự có 247 xe M113, phá hủy 177 khẩu pháo 105 và 155 ly, bắn rơi 66 máy bay, gỡ 496 đôn bốt, thu trên 5.400 khẩu súng. *Thắng lợi vô cùng quan trọng là ta đã giữ vững căn cứ U Minh, và vĩnh viễn đánh bại âm mưu bình định U Minh của địch, góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ - Ngụy”. Đây là lần thứ 7 ta đánh bại cuộc bình định của địch tại U Minh Thượng.*

Với những chiến công oanh liệt 7 lần đánh bại kế hoạch bình định U Minh vô cùng tàn bạo của địch, quân và dân U Minh Thượng nói riêng và tỉnh Rạch Giá nói chung đã chứng tỏ chủ nghĩa Anh hùng và lòng dũng cảm, ngoan cường, mưu trí, sáng tạo... Vượt qua mưa bom bão đạn và mưu mô xảo quyệt của kẻ thù, đứng vững và chiến thắng vẻ vang.

NHỮNG TRẬN ĐÁNH QUAN TRỌNG TRÊN ĐẤT RỪNG U MINH

Trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hàng nghìn trận chiến đấu lớn nhỏ của quân và dân U Minh Thượng đã diễn ra, gây cho địch những thiệt hại và thất bại nặng nề trước khi chúng bị thất bại hoàn toàn.

Tuy nhiên, trong từng giai đoạn cách mạng đã xuất hiện những trận đánh có ý nghĩa quan trọng, tác động tới tình thế, tới tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường. Những trận đánh như vậy thực sự là những “đột phá khẩu”, mở ra những điều kiện mới để cuộc chiến đấu của quân và dân ta phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn, tiến gần đến thắng lợi hơn.

*** Trận đánh Ngã Ba Cây Bàng (13/6/1946)**

Với mưu đồ “đánh nhanh, thắng nhanh” hòng quét sạch lực lượng của ta ở U Minh, ngày 8-6-1946 giặc Pháp bắt đầu tấn công vào cửa ngõ U Minh Thượng, đặc biệt là khu vực ngã ba Cây Bàng. Địch tập trung lực lượng lớn bộ binh có 20 tàu chiến và nhiều máy bay yểm trợ để tìm diệt cơ quan đầu não của ta. Chúng cho máy bay nhiều lần ném bom, bắn phá kinh Cây Bàng và kinh Tuần Thơm (Vĩnh Tiến); dùng tàu đổ một tiểu đoàn khoảng 300 tên lên ngã ba Ba Đình, vằm Thầy Quơn và vằm Hóc Hỏa, hình thành 3 mũi tấn công vào kinh Cây Bàng.

Dân quân du kích của ta tại chỗ đã đánh chặn địch từng bước. Các chiến sĩ thuộc Quân khu 9 đã ngoan cường chặn đánh 2 cánh quân từ Thầy Quơn và ngã Ba Đình tiến vào, giết chết và làm bị thương hàng trăm tên địch. Sau đó, do lực

HUYỀN THOẠI U MINH

lượng của ta quá mỏng nên đã phải rút vào rừng để bảo toàn lực lượng.

Trận đánh địch ở Cây Bàng, tuy ta diệt địch không được nhiều nhưng có ý nghĩa to lớn về chính trị. Vì đã bảo vệ được căn cứ của Khu 9, gây tiếng vang lớn khắp vùng sông Hậu và sông Tiền, làm cho giặc Pháp phải sợ khi vào vùng căn cứ U Minh; nâng cao lòng tin của quần chúng với cách mạng, với bộ đội cụ Hồ. Trận đánh ở Cây Bàng còn là chiến thắng đầu tiên ở khu vực miền Tây Nam bộ và Đông Nam bộ có ảnh hưởng lan tỏa ra cả khu vực miền Đông, miền Trung Nam bộ.

*** Trận đánh tại Bàn Môn (6/3/1954)**

Đây là trận đánh của tiểu đoàn 207 cùng nhân dân U Minh tiêu diệt tiểu đoàn Ngụy số 221 và đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 15 thuộc phân khu Rạch Giá của địch. Trận thắng làm rung động và gây hoang mang cao độ cho quân địch lúc đó ở cả vùng Tây sông Hậu; góp phần cùng quân dân toàn quốc đánh bại thực dân Pháp, buộc chúng phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ.

*** Trận đánh tiêu diệt Chi khu Xẻo Rô (30/10/1959)**

Căn cứ Xẻo Rô là một căn cứ lớn của Mỹ — ngụy ở vùng Tây Nam Bộ và khu vực U Minh khi đó. Tiêu diệt căn cứ Xẻo Rô có tác động trực tiếp tới việc tạo nên khí thế cách mạng mới của quân và dân trong vùng nhằm nổi dậy phá tan chiến lược chiến tranh đơn phương của Mỹ Ngụy tại đây.

Với lực lượng khoảng 90 tay súng, có sự trinh sát kỹ càng, tới 0 giờ 5 phút ngày 30/10/1959, quân ta đã nổ súng tấn công căn cứ địch. Kết quả: Ta đã tiêu diệt 42 tên đầu sỏ gian ác có nợ máu với nhân dân, bắt sống 24 tên, thu nhiều vũ khí, đạn dược và tiền vàng, giải thoát 113 người bị địch bắt giam giữ. Trận đánh đã gây chấn động mạnh trong hàng ngũ địch vì đây là trận đánh diệt chi khu làm chủ quân lỵ đầu tiên ở miền Nam; đồng thời góp phần đẩy mạnh phong trào nổi dậy phá kềm, bỏ khu tập trung của nhân dân, là phá sản chiến lược chiến tranh của Mỹ — ngụy.

*** Trận đánh ở Thứ Mười Một (1969-1971)**

Đây là một chiến thắng lớn nhưng diễn ra trong thời gian dài. Ngày 29/9/1969, Mỹ — ngụy phát hiện lực lượng miền tăng cường về QK9, địch đã tập trung một lực lượng quân sự lớn mở cuộc hành quân lớn cấp quân đoàn nhằm lấn chiếm U Minh. Lực lượng địch gồm Sư đoàn 21 ngụy, Trung đoàn 16 sư đoàn 9, biệt động quân, thủy quân lục chiến, quân bảo an tỉnh, một trung đoàn xe thiết giáp M113 2 giang đoàn

HUYỀN THOẠI U MINH

Từ cuối tháng 9 đến tháng 10/1969, địch tập trung đánh vào U Minh Thượng. Quân và dân ta ngay tức khắc đã tổ chức chặn đánh địch — Thời gian đầu đã tiêu diệt và làm bị thương hàng nghìn tên địch, bắn cháy 10 tàu, bắn bị thương hàng chục máy bay.

Quân địch cho một cánh quân lớn thọc sâu vào Thứ Mười Một và thiết lập căn cứ hành quân ở đây, bao gồm Lữ A thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn pháo binh, giang đoàn 74

Quân ta chủ trương tập trung đánh vào trung tâm hành quân của địch ở thứ Mười Một, vừa diệt sinh lực địch, vừa phá kế hoạch bình định của chúng.

Đúng 03 giờ sáng ngày 6/11/1969, quân ta nổ súng tấn công địch — chỉ sau 2 giờ đồng hồ, ta đã làm chủ trận địa, diệt gần 700 tên, thu nhiều vũ khí. Sau thất bại đó, địch phải rút quân khỏi U Minh. Đó cũng chính là lần đánh bại đợt I bình định lấn chiếm U Minh của địch. Cũng qua trận đánh này, quân ta có thêm nhiều kinh nghiệm quý trong việc xây dựng và củng cố chất lượng cán bộ đảng viên; xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, giải quyết được nhiều vấn đề về tư tưởng và nhận thức, củng cố lòng tin của cán bộ và quần chúng vào thắng lợi.

Minh Tâm

CĂN CỨ U MINH TRONG BỐI CẢNH CHUNG CỦA TÂY NAM BỘ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS (01/1973)

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Đây là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; phải rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, phá hủy các căn cứ quân sự Mỹ tại miền Nam; cam kết không dính líu và can thiệp vào công việc ở miền Nam Việt Nam, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc của chính mình; phải công nhận thực tế ở miền Nam có hai hệ thống chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát. Mỹ phải bồi thường chiến tranh...

Đối với ta, việc ký Hiệp định Pa-ri đã tạo ra một thế đi lên vững chắc để giành thắng lợi hoàn toàn. Điều quan trọng của Hiệp định Pa-ri không phải là ở chỗ Mỹ phải thừa nhận ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát rồi tiến tới thành lập chính phủ ba thành phần, mà mấu chốt là ở chỗ *quân Mỹ phải rút về nước, còn quân ta thì ở lại*.

Nhân dân ta đang đứng trước vận hội và nhiều thuận lợi cơ bản trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tuy nhiên, cũng như nhiều nơi khác ở miền Nam, tại miền Tây Nam Bộ (tức Khu 9 - bí số là T3) và tỉnh Rạch Giá (bí số là U3) nói riêng, dù Hiệp định Pa-ri

về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình đã được ký kết nhưng tình hình chiến sự vẫn còn ác liệt, thậm chí căng thẳng hơn bởi Mỹ - ngụy vẫn tiếp tục duy trì chiến tranh.

Nhưng, địch cũng nhận thức rõ những khó khăn mà chúng đang vấp phải nên chúng phải dùng cả những luật phát xít để đối phó với nhân dân và với cả sự chống đối trong nội bộ. Chúng vừa đánh vừa tung ra những luận điệu tuyên truyền lừa bịp và chỉ thị cho các địa phương phải căn cứ vào tương quan lực lượng cụ thể từng nơi để có biện pháp đối phó thích hợp nhằm mục đích lấn chiếm. Trên chiến trường miền Tây Nam Bộ và tại tỉnh Rạch Giá, địch đã sử dụng nhiều thủ đoạn, chiến thuật gọi là “ruồi bu ù lì”, nằm chết gí một chỗ rồi lại thay thế bổ sung; đóng đồn này không được chúng chuyển sang đóng bớt khác; đóng trong xóm không được thì lùi ra đóng ngoài đồng; đóng đồn chưa được thì cắm quân, giăng dây thép gai, cọc sắt, đào công sự nằm vạ tại chỗ. Những nơi chúng yếu thế, bị bao vây thì xuống thế, chấp nhận hòa hoãn để khỏi bị tiêu diệt và để tìm cách phát hiện lực lượng cách mạng, chuẩn bị điều kiện khi có thời cơ lại bung ra lấn đất, kềm dân, diệt cơ sở của ta

Nắm bắt kịp thời sự biến động của tình hình chiến trường, Khu ủy Khu 9 cũng đã kịp thời chỉ thị cho các địa phương phải kiên quyết đánh địch, làm cho chúng phải co lại để ta giành dân.

Với bản chất xâm lược, hiếu chiến và tư tưởng chống cộng, Mỹ đã trực tiếp đưa quân Mỹ và lôi kéo các nước chư hầu tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Khi buộc phải rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, Mỹ vẫn nuôi ý đồ xâm lược Việt Nam, tiếp tục duy trì chế độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam bằng một cuộc chiến tranh không có người Mỹ nhưng được tiến hành bằng tiền bạc và vũ khí Mỹ. Chỉ hai tuần trước khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Tổng thống Mỹ Ních-xơn vẫn cam kết sẽ viện trợ đầy đủ về quân sự và kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Để tiếp sức cho chế độ Nguyễn Văn Thiệu, trước khi ký Hiệp định Pa-ri, Mỹ đã viện trợ ô ạt cho ngụy quyền miền Nam 700 máy bay, 500 pháo, 400 xe tăng, 2 triệu tấn vật tư chiến tranh... trị giá khoảng 750 triệu đô-la Mỹ. Nhiều sĩ quan quân đội Mỹ lột bỏ quân phục, khoác áo dân sự, tiếp tục điều khiển quân đội Sài Gòn tiến hành chiến tranh. Từ năm 1973, số người Mỹ ở miền Nam Việt Nam vẫn còn đến hơn hai vạn người.

Chưa hết, trong năm 1973, Mỹ còn đưa thêm vào miền Nam Việt Nam 90 máy bay, 100 pháo và một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh. Trên thực tế, Mỹ vẫn là người quyết định các chủ trương về quân sự, chính trị, kinh tế và cả

HUYỀN THOẠI U MINH

những vấn đề nhân sự của chính quyền Sài Gòn, kể cả người cầm đầu Chính phủ và quân đội. Thậm chí Mỹ còn thành lập một nhóm đặc biệt để nghiên cứu kế hoạch ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam! Mỹ vẫn duy trì một lực lượng “răn đe” mạnh về quân sự ở vùng Đông Nam Á, bao gồm 152.000 quân, 1.020 máy bay chiến đấu, 56 tàu chiến, 5 tàu sân bay và Hạm đội 7 vẫn túc trực ngoài biển Đông.

Dựa vào viện trợ Mỹ, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh việc xây dựng một lực lượng quân sự đủ mạnh để đối phó có hiệu quả với lực lượng vũ trang cách mạng. Chúng tăng cường bắt lính, tăng quân. Cuối năm 1973, lực lượng chính quy của quân đội Sài Gòn lên tới 710.000 binh lính. Ngoài ra còn 1,5 triệu lính bảo an, dân vệ được trang bị đầy đủ. Tỷ lệ quân số giữa ta và địch là: ta 1, địch 2,5. Chúng cũng có ưu thế hơn về phi pháo và xe cơ giới.

Cho nên, thực tế ở miền Nam, sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, vẫn chưa có lấy một ngày hòa bình.

Bình định, lấn chiếm là âm mưu số một của địch; vì chỉ có bình định, lấn chiếm, và ngược lại, thì chúng mới mong kềm được dân, giữ được đất ở vùng đồng bằng đông dân, nhiều của như miền Tây Nam Bộ.

Giữa tháng 1 năm 1973, trước khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống ngụy quyền đã chủ trì một phiên họp, có cả Phó Tổng thống Trần Văn Hương cùng nhiều thành viên trong nội các và đủ mặt Tư lệnh các vùng chiến thuật, tham dự bàn về việc đối phó với ta khi Hiệp định Pa-ri được ký kết.

Cũng từ đây, ở miền Tây Nam Bộ, kế hoạch bình định của địch trong năm 1973 gồm ba đợt: Đợt 1: Bình định, lấn chiếm Chương Thiện; Đợt 2: Bình định, lấn chiếm U Minh; Đợt 3: Bình định, lấn chiếm Cà Mau.

Kế hoạch bình định, lấn chiếm được địch thực hiện toàn diện, cả về quân sự, kinh tế và chính trị. Thực hiện bước 1, địch tập trung quân đánh lấn vào Chương Thiện. Đây là địa bàn cơ động nằm giáp ranh các tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Rạch Giá. Nếu ta đứng chân được ở Chương Thiện sẽ bảo vệ được U Minh - căn cứ địa cách mạng, làm bàn đạp tấn công vào Cần Thơ - nơi có cơ quan đầu não của Vùng 4 chiến thuật và Quân đoàn 4 ngụy. Vì vậy, suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ta và địch đã tranh chấp ác liệt địa bàn cơ động này.

Trong kế hoạch bình định lấn chiếm, địch phân làm hai bước: Ở bước 1 (đầu tháng 2-1973 đến cuối tháng 5-1973) địch đặt ra yêu cầu phải khôi phục trở lại tình hình trước khi có Hiệp định Pa-ri. Bước này địch huy động 30 tiểu đoàn, tập

HUYỀN THOẠI U MINH

trung đánh vào trọng điểm gồm 12 xã của 3 huyện là Gò Quao, Giồng Riềng (tỉnh Rạch Giá) và Long Mỹ (tỉnh Cần Thơ). Để đối phó với địch, ta bố trí lực lượng vũ trang làm nòng cốt, gồm Trung đoàn 1 chủ lực Quân khu, 1 tiểu đoàn địa phương của Cần Thơ ở cánh Long Mỹ, Phụng Hiệp; Trung đoàn 2 ở cánh Ba Hồ và du kích của 12 xã của các huyện nói trên cùng lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng. Ta với địch quần nhau ác liệt suốt trong bốn tháng; địch bị tiêu diệt, tiêu hao nhiều lực lượng, không đóng thêm được đồn bốt, cũng không kèm thêm dân mà còn bị mất thêm đồn bốt, vùng kèm bị thu hẹp.

Đối với Rạch Giá, ý đồ của địch vẫn là tiếp tục bình định, lấn chiếm. Chúng tập trung ở các khu vực sau đây:

- Tuyến Xáng Cụt - Cầu Đúc (Gò Quao).
- Tuyến Xáng Ba Hồ - Thác Lác - Hòa Hưng (Gò Quao).
- Tuyến Xáng Cò Tuất - Thạnh Bình (Giồng Riềng).
- Khu vực Xẻo Cạn - Hốc Hỏa (An Biên)

Riêng Gò Quao và Giồng Riềng, dính với trọng điểm bình định của địch, lực lượng được bố trí nhiều hơn. Ở khu vực này, vào tháng 6 năm 1973, có 3 đến 4 tiểu đoàn bảo an Hòa Hảo, từ 2 đến 5 tiểu đoàn chủ lực. Từ tuyến kinh Xáng Cụt đến Cầu Đúc, Ba Hồ thuộc các xã Vĩnh Tuy, Vĩnh Hòa Hưng Nam và Vĩnh Hòa Hưng Bắc, có thêm 2 liên đoàn bảo an Hòa Hảo với 1 bộ chỉ huy điều khiển. Ở tuyến này lực lượng địch khá mạnh.

Sau khi bố trí xong lực lượng, địch tiếp tục củng cố lại bộ máy kèm kẹp, đưa sĩ quan dồn sức cho cơ sở; thành lập một số xã mới như các xã Phó Cơ Điều, Phi Thông (thị xã Rạch Giá), Thạnh Lợi (Giồng Riềng), Tân Cảnh, Lâm Yên (An Biên).

Để củng cố tuyến phòng thủ, địch cho thành lập phân khu và chi khu ở 44 xã thuộc Kiên Giang. Trong tháng 3 và 4 năm 1974, chúng lập được 12 phân khu và chi khu, ở Giồng Riềng: 4 xã, An Biên: 5 xã, Châu Thành B: 2 xã và Tân Hiệp: 1 xã. Đầu tháng 4 năm 1974, địch lập chi khu Hưng Long gồm các xã Vĩnh Tuy, Vĩnh Lộc, Vĩnh Viễn và Lương Tâm. Bộ máy chỉ huy được đặt tại xã Vĩnh Tuy.

Về kinh tế, địch chủ trương thu gom, cướp lúa, lập vựa ở Vĩnh Thuận, Thứ Ba, Cái Nước...; bắt dân đem lúa ra gặt đồn, giao chỉ tiêu cướp lúa cho từng đồn và tăng cường kiểm tra lúa gạo vùng kèm ở thị xã, thị trấn nhằm cắt đứt nguồn hậu cần tại chỗ của ta.

HUYỀN THOẠI U MINH

Có thể nói sau khi ký Hiệp định Pa-ri, ở miền Tây Nam Bộ nói riêng và cả miền Nam nói chung, địch không thi hành những điều khoản đã cam kết mà còn gây ra những cuộc xung đột vũ trang; tiến hành những cuộc hành quân lấn đất, giành dân để thực hiện âm mưu, kế hoạch toàn diện của chúng là tiếp tục tiến hành chiến tranh nhằm xóa bỏ từng bước thành quả cách mạng của nhân dân ta, duy trì chế độ thực dân mới, tiến tới làm chủ hoàn toàn miền Nam.

Cũng sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, qua ít ngày theo dõi thấy thái độ ngoan cố, những hoạt động phá hoại và sự phản kích của địch, những biểu hiện có phần lúng túng của một số địa phương, Ban Thường vụ Khu ủy Khu 9 đã kịp thời triệu tập hội nghị mở rộng vào ngày 3 tháng 2 năm 1973. Hội nghị này có các Bí thư Tỉnh ủy của ba tỉnh Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng cùng tham dự. Hội nghị đã đánh giá về thắng lợi lịch sử vĩ đại của việc ký kết Hiệp định, nhưng mặt khác cũng thấy rõ vì thua mà Mỹ phải ký kết; muốn bắt buộc chúng thi hành những điều đã cam kết, phải tiếp tục dùng sức mạnh tổng hợp, nhất là phải nắm vững lực lượng vũ trang để tiến công địch, làm chuyển biến so sánh lực lượng, đặc biệt đối với chiến trường đồng bằng, bất cứ tình huống nào cũng phải giành cho được đại bộ phận nông thôn mới có thể tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Hội nghị Khu ủy nhận xét: *Trận địa cách mạng đã tiến vào vùng kềm, vào hậu phương của địch, trong lòng binh sĩ nguy* .

Tuy nhiên, từ ngày 6 tháng 2 năm 1973, địch tăng cường phản kích và khủng bố. Chúng ngoan cố “ăn liều đánh bậy”, nên để đối phó, lãnh đạo Quân khu đã chỉ thị cho lực lượng vũ trang phải đánh mạnh để buộc địch phải thi hành Hiệp định. Khu ủy đã chỉ đạo: *Nó không thi hành thì cứ đánh miết. Đánh bao lâu nữa thì nó thua không biết, nhưng chắc chắn là không dài lắm. Bộ đội đánh, đồng bào phải đấu lý, đấu lẽ, đấu bằng nhiều cách để buộc nó thi hành Hiệp định, nhưng đấu với nó bằng miệng thì tốn công đó, và nhiều khi còn bị nó làm khó, làm dễ nữa. Nói chung là đồng bào nhận thức được khá đúng thắng lợi to lớn lịch sử của ta, thất bại, suy yếu của địch. Nhưng khuynh hướng chưa tin vào khả năng đấu tranh chính trị là một khuynh hướng phổ biến trong quân chúng và trong phần lớn cán bộ nói chung...”.*

Tiếp đó, ngày 13 tháng 2 năm 1973, Quân khu ủy có nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới. Riêng về công tác quân sự, Quân khu ủy nêu rõ: *Phải làm cho lực lượng vũ trang nhận rõ thắng lợi của ta, thất bại của địch, âm mưu của địch và khả năng, thuận lợi của ta; nung nấu lòng căm thù đối với tội ác của địch; nhận rõ bạn, thù, ta, kiên định quan điểm triệt để cách mạng, tư tưởng liên tục tấn công,*

HUYỀN THOẠI U MINH

quan điểm bạo lực thể hiện trên mọi lĩnh vực hoạt động xây dựng, trong công tác dân vận, địch vận... Xây dựng khí thế phấn khởi quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới, tập trung chống tư tưởng hòa bình yên nghỉ, cầu an hưởng lạc

Chấp hành sự chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu ủy, ngày 20 tháng 2 năm 1973, Tỉnh ủy Rạch Giá họp nhằm xây dựng, bổ sung phương hướng công tác năm 1973 của Đảng bộ. Tỉnh ủy khẳng định tư tưởng tiến công cách mạng vẫn là nguyên tắc chỉ đạo được vận dụng cho thích hợp trong bối cảnh có Hiệp định Pa-ri; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ phải tiếp tục tiến công địch để giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ và để có cơ sở tiếp tục tiến công. Tỉnh ủy cũng nêu rõ nhiệm vụ của lực lượng vũ trang là phải tiếp tục giữ vững và mở rộng các địa bàn quan trọng, hướng chủ yếu là vùng tranh chấp, vùng đông dân, tiếp tục đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, kết hợp ba mũi giáp công trừng trị địch vi phạm Hiệp định. Với chủ trương đúng đắn, kịp thời đó, quân và dân Rạch Giá cũng như quân dân toàn miền Tây Nam Bộ tiếp tục tiến công địch, giành nhiều thắng lợi.

Tại vùng lòng chảo tiếp giáp giữa các huyện Giồng Riềng, Gò Quao, Châu Thành B, Tân Hiệp, quân và dân địa phương cùng Tiểu đoàn 207 của tỉnh, Trung đoàn 20 của Khu đã bao vây hàng chục đồn bốt, đánh thiệt hại nặng các cánh quân lấn chiếm của địch, chuyển các xã vùng Bắc sông Cái Bé từ tranh chấp yếu lên tranh chấp mạnh. Tại thị xã và các thị trấn, Đảng bộ địa phương phát động quần chúng đấu tranh chính trị, chống địch bắt lính, đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri, tuyên truyền chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc trong các tầng lớp nhân dân và gia đình binh sĩ

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang cũng có bước nhảy vọt, du kích nhiều xã có đủ một trung đội, một số xã có đến 2 trung đội, nhiều đơn vị cấp huyện có từ 1 đến 2 đại đội với quân số tương đối đầy đủ.

Sau những hoạt động trên, ta đã đánh bại một bước âm mưu lấn chiếm, bình định của địch, giành nhiều thắng lợi. Tuy nhiên, địch vẫn ngoan cố, không từ bỏ quyết tâm bình định, lấn chiếm; đặc biệt là ở khu vực U Minh.

Chiến sự diễn ra ác liệt tại các tuyến kinh xáng ở An Biên, Vĩnh Thuận, tuyến Sóc Sâu, Thủy Liễu, Vĩnh Hòa Hưng Bắc (Gò Quao); Hòa Thuận, Hòa Hưng, Thạnh Hưng (Giồng Riềng); Cò Tuất (Tân Hiệp), nhất là khu vực kinh 7, kinh 8, Thạnh Trị, Họa Đồ, Tà Keo, Giáo Dung. Nhưng nhìn tổng thể trên địa bàn toàn tỉnh Rạch Giá từ khi ngừng bắn đến giữa năm 1973, thế và lực của địch tiếp tục suy yếu, thất bại ngày càng nặng nề.

HUYỀN THOẠI U MINH

Cuối tháng 4 năm 1973, địch điều thêm lực lượng bảo an từ các tỉnh về Rạch Giá, nâng tổng số đơn vị chiến đấu lên đến 46 tiểu đoàn. Mục tiêu lấn chiếm của địch nhằm vào 3 huyện: Long Mỹ (Cần Thơ), Giồng Riềng, Gò Quao (Rạch Giá).

Đầu tháng 5 năm 1973, Quân khu 9 chỉ đạo mở đợt tiến công tổng hợp để trừng trị địch vi phạm Hiệp định ở vùng ruột Hậu Giang. Huyện Gò Quao của tỉnh Rạch Giá nằm trong vùng trọng điểm của Quân khu. Hai huyện Giồng Riềng và Vĩnh Thuận được xác định là trọng điểm tiến công của tỉnh Rạch Giá. Đến giữa tháng 5, vào thời kỳ cao điểm, quân - dân trong tỉnh đồng loạt tiến công, bao vây gần 190 đồn và căn cứ lớn - nhỏ của địch.

Ngày 2 tháng 7 năm 1973, Khu ủy ra Chỉ thị số 10/CT, nêu rõ nhiệm vụ chung của Đảng bộ miền Tây: *Phát huy đúng mức những thành quả đã đạt được, khắc phục nhanh chóng và triệt để những tồn tại, thiếu sót, đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, binh vận kết hợp pháp lý Hiệp định đánh bại kế hoạch bình định đặc biệt của địch ở miền Tây, đấu tranh buộc phải thi hành Hiệp định, đi đôi với xây dựng ta vững mạnh về mọi mặt, giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong thời gian trước mắt, tạo cơ sở vững chắc, đảm bảo đánh thắng địch trong mọi tình huống* .

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, quân và dân Rạch Giá đã nỗ lực phản công và tiến công địch, giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa quan trọng.

Để kịp thời chỉ đạo cách mạng miền Nam trong tình hình mới, đầu tháng 10 năm 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 21, ra nghị quyết *Về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới*.

Tại Hội nghị này, sau khi phân tích tình hình, Trung ương đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là: Tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tập trung mũi nhọn vào đế quốc và tập đoàn tay sai, xóa bỏ chính quyền tay sai Mỹ, xóa bỏ chế độ thực dân mới, lập nên một chính quyền dân tộc, dân chủ nhân dân thực sự, thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà.

Về phương châm, phương thức thực hiện là phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công. Về quân sự, phải kiên quyết phản công, tiến công địch, đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng hoặc bình định vùng đồng bằng, vùng giáp ranh. Việc vận dụng phương châm trên phải gắn liền với yêu cầu giành dân và giành quyền làm chủ v.v...

HUYỀN THOẠI U MINH

Đây là một nghị quyết quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, thể hiện quyết tâm lớn của Đảng ta: Hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam. Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 21 - một nghị quyết cơ bản sau thắng lợi của Hội nghị Pa-ri, đã làm chuyển biến tình hình chiến trường miền Nam từ cuối năm 1973.

Trong thời gian này, tại miền Tây Nam Bộ, địch tiến hành kế hoạch lấn chiếm đợt 2 ở Chương Thiện, thực hiện từ đầu tháng 6 đến tháng 10 năm 1973. Chúng thực hiện bước 2 là để tiếp tục thực hiện những mục tiêu mà bước 1 chưa đạt được. Địch tập trung lực lượng gồm 75 tiểu đoàn, từ 6 đến 8 giang đoàn và lực lượng bảo an của các tỉnh thuộc vùng 4 chiến thuật. Cách đánh của chúng là dùng bom pháo oanh kích ác liệt dọn bãi, sau đó cho trực thăng đổ quân, cày xới địa hình, kèm giữ dân, tiến hành đóng đồn bốt kết hợp với các điểm dã ngoại, từ đó đánh loang dân ra. Địch dùng trực thăng đổ 15.000 quân tăng cường sức mạnh cho cánh quân ở hướng Ba Hồ.

Tại Châu Thành A, đơn vị Châu Hà - bộ đội tỉnh và quân dân địa phương tiến công tiêu diệt và bức rút 6 đồn, giải tỏa và khai thông đường hành lang 1C, là con đường nối dài đường Hồ Chí Minh trên biển từ hậu phương lớn miền Bắc về Khu 9. Những đồn tiến công của lực lượng cách mạng đã đẩy quân địch vào thế khó khăn, lúng túng.

Đối với vùng kèm và vùng đô thị, địch thực hiện chiến dịch *Quét sạch lá rừng* nhằm phá các cơ sở cách mạng và bắt lính. Đầu tháng 11 năm 1973, địch rút quân từ nhiều nơi tập trung về Chương Thiện nâng quân số lên đến 90 tiểu đoàn, bổ sung đạn pháo để tăng cường đánh phá vùng căn cứ cách mạng U Minh. Quân dân U Minh và khu 9 lại bước vào cuộc chiến đấu mới, gian khổ và quyết liệt.

Tuy vậy, ngay từ những ngày đầu mùa khô, lực lượng vũ trang cách mạng ở Giồng Riềng đã tập kích trung đoàn 33 thuộc sư đoàn 21 ngụ đóng dã ngoại ở Thạnh Hưng và Hòa Thuận, diệt gần 100 tên và phá hủy 2 xe M. 113. Ở Tân Hiệp, Tiểu đoàn 207 của tỉnh tập kích chi đoàn xe M.116 giữ đồng Thạnh An, xã Thạnh Đông, phá hủy 8 chiếc. Ở Gò Quao, quân ta tiến công chi khu làm thiệt hại nặng 2 sở chỉ huy tiểu đoàn địch. Đêm 10, rạng 11 tháng 11 năm 1973, Đoàn 6 pháo binh Quân khu bắn phá căn cứ hải quân Xẻo Rô (An Biên), đánh chìm và phá 18 tàu địch. Kế hoạch lấn chiếm của địch trên địa bàn tỉnh Rạch Giá xem như thất bại ngay từ đầu và bị phá sản về cơ bản.

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 1973, quân dân Rạch Giá đã loại khỏi

HUYỀN THOẠI U MINH

vòng chiến đấu 7.076 tên địch, thu 388 súng, bắn rơi 9 máy bay; làm chìm, cháy 11 tàu, diệt 24 xe, phần lớn là xe bọc thép, diệt 15 đồn, bức rút 24 đồn, phá rã 300 phòng vệ dân sự, diệt 24 tề ấp, 3 tề xã; vận động 11.555 lượt quần chúng đấu tranh giành lại 234 thanh niên khỏi bị bắt lính

Thắng lợi về các mặt quân sự, chính trị của nhân dân ta ở miền Nam nói chung và ở Tây Nam bộ nội riêng trong năm 1973 đã làm sáng tỏ “đáp số của bài toán chiến lược”: Làm thế nào và bắt đầu từ đâu để đánh bại âm mưu và những hoạt động của địch nhằm kéo dài chiến tranh trong tình trạng không có quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến? Thực tiễn diễn biến chiến trường miền Nam cho thấy, trước những hành động trắng trợn xé bỏ Hiệp định Pa-ri của Mỹ - ngụy, cuộc đấu tranh đòi hòa bình, hòa hợp dân tộc theo pháp lý của Hiệp định là một đòn tiến công quan trọng có tác dụng vạch trần bản chất hiếu chiến, ngoan cố, bộ mặt lừa bịp của đối phương và tập hợp được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng. Nhưng chỉ có những đòn tiến công quyết liệt trên mặt trận quân sự kết hợp với bạo lực cách mạng của quần chúng mới đập tan được ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và âm mưu kéo dài chiến tranh của chính quyền Sài Gòn. Thắng lợi toàn diện của quân và dân ta ở miền Nam trong năm 1973 cũng đã tạo đà, làm nên một bước ngoặt quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam.

Thu Hoài

ĐẢNG BỘ VÀ QUÂN DÂN AN BIÊN THỰC HIỆN “BA MŨI GIÁP CÔNG” GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM U MINH CỦA ĐỊCH

An Biên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (gồm huyện An Biên, huyện An Minh và có lúc cả huyện Vĩnh Thuận ngày nay) là một huyện chiếm phần lớn đất rừng của vùng U Minh Thượng, với hệ thống kinh rạch chằng chịt và có cả vùng biển. Điều kiện tự nhiên và cuộc sống vốn nhiều khó khăn, đã hun đúc nhân dân quân tụ trong vùng sớm hình thành cá tính bất khuất, dũng cảm, cần cù, quyết liệt, kiên nhẫn nhưng cũng rất nhân ái, đôn hậu, thủy chung, đạo nghĩa.

Rõ ràng là một nơi “địa lợi nhân hoà”, cho nên từ rất lâu vùng này đã từng được chọn làm nơi dung trú và căn cứ cho các lực lượng cách mạng khi tiến cũng như khi thoát.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và đánh Mỹ vừa qua, vị trí đó của vùng U Minh nói chung và huyện An Biên nói riêng, đã được chứng minh.

Nhân dân ở đây đã từng chịu gian khổ, hy sinh, đóng góp sức người sức của, cưu mang, trường kỳ nuôi chứa, bảo vệ cho nhiều cán bộ, chiến sĩ, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Khu, Nam bộ. Trong điều kiện vô cùng gian nan đó, nhân dân An Biên đã biết phát huy những mặt thuận lợi, khắc phục khó khăn, vươn lên lập nên những chiến tích đầy tự hào.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, quân dân và Đảng bộ An Biên đã

HUYỀN THOẠI U MINH

cùng lực lượng vũ trang Quân khu và tỉnh đánh trận Bàu Môn (tháng 3/1954) vang dội, hai lần bắt sống quận trưởng của giặc, giải phóng toàn huyện trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử kết thúc thắng lợi. Năm năm sau (tháng 10/1959) quân dân An Biên lại “tái lập lịch sử” đánh thẳng vào hang ổ giặc tại Thứ Ba, bắt sống và diệt tên quận trưởng ác ôn, gây rung động trong hàng ngũ giặc; tạo nên một dấu mốc lịch sử khởi đầu cho phong trào đồng khởi của nhân dân trong tỉnh.

Thời kỳ Mỹ — nguy, thực hiện kế hoạch bình định U Minh, địch cho phân chia lại địa giới vùng này. Đối với huyện An Biên (13 xã) địch phân ra thành hai quận: Kiên An (An Biên: 9 xã) và Kiên Long (Vĩnh Thuận: 4 xã); phối hợp với đặc khu Huyện Sử (Thới Bình) cùng hệ thống cứ điểm đồn bốt lập thành vành đai bao quanh U Minh Thượng; chia cắt U Minh Thượng và vùng Chương Thiện. Ngày 8/4/1963 Ngô Đình Diệm lại ký quyết định tách 4 xã Đông Hưng, Đông Thạnh, Văn Khánh và Tân Bằng ra khỏi quận Kiên An để lập quận mới: quận Hiếu Lễ.

Thời gian này phong trào cách mạng của quân và dân địa phương đã có bước chuyển mạnh mẽ, giành nhiều thắng lợi.

Cuối năm 1964, được sự hỗ trợ của Đại đội pháo DKZ của Khu, bằng chiến thuật “bẻ ngoe, lật mu”, quân dân An Biên thực hành ba mũi giáp công, bao vây, bứt rứt các đồn Thứ Bảy, Kim Qui, Tân Bằng tiến lên giải phóng hầu hết các xã trong quận Hiếu Lễ. Sau khi tuyến Xẻo Rô được giải phóng thì quận lỵ Hiếu Lễ bị cô lập. Bấy giờ lực lượng vũ trang của An Biên phối hợp với quân chúng ngày càng vây chặt Thứ Mười Một. Quân dân ta dựng chướng ngại vật, hàn các cản: Kinh Hảng, Kinh Quân Sự, Lung Đường, bắn máy bay, cắt tiếp tế, tiếp viện, đồng thời đẩy mạnh việc xây dựng xã chiến đấu. Đảng bộ đã chủ trương rút dân ra ngoài và đưa quân chúng tấn công, tranh thủ phân hoá địch ở Thứ Mười Một, song song với việc phát động trong toàn huyện một cuộc vận động thi đua đóng góp người và của để thực hiện quyết tâm dứt điểm Thứ Mười Một.

Chỉ trong vòng mười ngày của tháng 11/1964 nhân dân trong huyện đã cho lực lượng kháng chiến mượn nhà để đóng quân; đóng góp được 250.000 đồng tiền mặt, 230 giạ lúa, 52 giạ gạo, 1.850 kg gà, vịt, 1.250kg khoai, bầu, bí, tất cả đều vượt yêu cầu. Nhân dân đưa 830 thanh niên và một số nông dân hăng hái lên đường ra trận.

Có sự chi viện của pháo Quân khu, quân dân An Biên liên tiếp pháo kích, du kích liên tục tổ chức bắn tỉa. Địch ngày đêm mất ăn, mất ngủ, kêu cứu liên miên.

HUYỀN THOẠI U MINH

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, cuối tháng 11/1964 bọn địch vùng IV chiến thuật đã đưa 3 tiểu đoàn, 4 đại đội cùng nhiều tàu, xe, máy bay kéo vào yểm trợ để bọn chi khu Hiếu Lễ ở Thứ Mười Một rút chạy. Phải mất 4 ngày đêm, đến ngày 8/1/1965, chúng mới hộ giá được cho bọn Hiếu Lễ tháo thân. Quân dân ta xông lên truy kích, san bằng đồn bốt, thu chiến lợi phẩm. Miền Tây đã giải phóng hoàn toàn một quận. Vùng giải phóng của huyện An Biên được mở rộng. Trong tình hình mới, huyện càng có điều kiện để đưa phong trào các mặt trong huyện vươn lên một bước mới, cung cấp sức người và của cho địa phương và cấp trên.

Chiến thắng Thứ Mười Một, giải phóng hoàn toàn quận Hiếu Lễ (1/1965) đã chứng minh sự đúng đắn, sáng tạo của đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng; là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa ba mũi giáp công, nhất là đã khẳng định vai trò của dân quân du kích; nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đánh giặc của nhân dân U Minh, nhân dân An Biên.

Bắt đầu từ ngày 22/12/1968 địch mở cuộc càn lớn, mang tên “thăm dò U Minh”, đánh sâu, dài ngày vào U Minh, thuộc 4 huyện của 2 tỉnh Rạch Giá và Cà Mau.

Tại An Biên, địch huy động một lực lượng gồm: 41 phum, 11 o-bo đánh vào Kinh Xáng, Xẻo Rô. Ven biển chúng có 3 tàu lớn, 05 khẩu ô-bi (không kể 2 khẩu đặt tại Chi Khu Thứ Ba). Trực thăng võ trang từ 2 đến 4 chiếc, trực thăng chuyển quân từ 6 đến 12 chiếc. Quân số địch sử dụng để đánh vào An Biên gồm 4 tiểu đoàn (chưa kể 1 tiểu đoàn dự bị ở Thứ Ba) với trên 1.000 quân.

Ngày 26/12/1968 chúng cụm quân tại Thứ Mười Một. Trận địa pháo 5 khẩu địch đặt ở đây. Song song với đánh lớn, bọn Chi khu Thứ Ba và các đồn bốt đánh xía nhiều cuộc vào Tây Yên, Đông Yên. Ngày 27/12/1968 chúng đưa quân án ngữ tại Thứ Bảy và Kinh Chêch Ky. Từ ngày 27/12 đến 29/12/1968 chúng đưa quân đánh vào các khu vực Kinh Bà Điền, Chêch Ốt Chủ Vàng, Mười Thân, chung quanh Thứ Mười Một, Cán Gáo. Đêm 30/12/1968 chúng đóng quân ở Mương Đào. Từ 30/12/1968 đến 3/1/1969 chúng dùng trực thăng hốt quân đánh các xã ở vùng biển Kim Qui, Mương Đào (Vân Khánh), Rọ Ghe, Thuồng Luồng (Đông Hưng) Xẻo Nhàu, Xẻo Ngát (Đông Thạnh) và cập theo Kinh chống Mỹ.

Với quyết tâm đánh bại cuộc càn của địch, bẻ gãy kế hoạch “Bình định cấp tốc” của chúng, bảo vệ thành quả cách mạng, các lực lượng võ trang của ta đã bám sát đánh địch bằng các loại vũ khí, chất nổ... làm cho địch thiệt hại nặng nề. Trong 7 ngày (từ 27/12/1968 đến 2/1/1969) các lực lượng võ trang ở An Biên

HUYỀN THOẠI U MINH

bám sát bờ xáng đánh phum 17 trận, làm chìm, cháy, hư 26 phum (có 2 phum bị đánh chìm tại Kinh Mười Quang). Địch chết và bị thương gần 100 tên.

Địa phương quân còn phối hợp với lực lượng của Khu đánh nhiều trận. Riêng trận ngày 4/1/1969 bọn quân cụm ở Thứ Chín mở đường hai bên bờ xáng Thứ Ba bị ta chặn đánh làm chết và bị thương 160 tên, hư 1 khẩu pháo. Địch phải thu quân lại, 12 giờ trưa ngày 5/1/1969 đoàn tàu và quân bộ rút hết khỏi tuyến Xẻo Rô.

Về phong trào đấu tranh chính trị, trong thời gian này đã có hàng chục cuộc với hàng trăm quần chúng đấu tranh với địch giữ tài sản, không để chúng cướp giựt, đốt phá; giành lại gia súc, tiền bạc...

Ngoài việc phục vụ chiến đấu, tiếp lương, chuyển thương, tải đạn... hàng chục ngàn lượt dân công trong huyện đã tích cực tham gia đào, vét kinh mương và đào đắp gần 26.000 mét đê ven biển (chân 4,5 m, cao 1,50 m, bề mặt 1,50 m); có 186 tân binh tham gia vào các đơn vị võ trang và các cơ quan của Khu, tỉnh, huyện (trong đó đưa cho Khu 42 người); đóng góp hàng trăm ngàn đồng vào quỹ, “đảm phụ nuôi quân”, hàng ngàn gia lúa... Điều hết sức có ý nghĩa là, có lần chỉ trong một đêm, hàng chục đồng bào ở Rạch Ông, Rạch Bà (Vân Khánh) đã dùng tay lắt và vọt từng bông lúa, dùng chảo rang khô, quét bằng cối được 20 gia gạo kịp cung cấp theo yêu cầu của trên. Cũng tại Rạch Ông, 2 nữ thanh niên đã dũng cảm, khéo léo ra tận chợ Rạch Sỏi để mua 2 kg dây thun và 30m mũ đi mưa đem về cho anh em du kích gói thuốc nổ, phục vụ rất kịp thời cho yêu cầu đánh địch... Tinh thần cách mạng của nhân dân An Biên đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cuộc chiến đấu.

Sau thất bại vào đầu năm 1969, địch vẫn không từ bỏ âm mưu bình định U Minh. Chúng tiếp tục đánh phá U Minh bằng phi pháo, kể cả B52 và pháo tàu, rải chất độc khai hoang; cố sức quét dọn địa bàn, gom xúc dân ra vùng chúng kiểm soát, quyết tâm chiếm U Minh. Ngày 26/9/1969 chúng mở một cuộc hành quân lớn, cấp quân đoàn, đánh vào U Minh. Một cánh quân (trong đó có Lữ đoàn A Thủy quân lục chiến...) thọc vào Thứ Mười Một làm căn cứ hành quân và bung ra càn quét.

Ngay từ đầu, các lực lượng võ trang của Khu ở đây và du kích các xã xung quanh đã bám và liên tục đánh địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đêm 5/11/1969 quân chủ lực của Khu nổ súng đánh vào Thứ Mười Một. 5 giờ sáng ta làm chủ trận địa, diệt gần 700 tên, diệt chỉ huy sở Lữ đoàn A Thủy quân lục chiến, 3 đại đội trực thuộc, 2 tiểu đoàn, giang đoàn 74 và Sở chỉ huy, phá hủy 8

HUYỀN THOẠI U MINH

tàu sắt, 6 khẩu pháo... Trưa ngày 6/11/1969 địch buộc phải chấm dứt cuộc hành quân và rút khỏi U Minh.

Chiến thắng Thứ Mười Một vào cuối năm 1969 có ý nghĩa động viên mạnh mẽ Đảng bộ, quân dân An Biên củng cố quyết tâm bảo vệ U Minh.

Sang năm 1970 địch vẫn tiếp tục đánh phá nhằm bình định U Minh. Lần này với quyết tâm mà chúng huênh hoang gọi là *Nhổ cỏ U Minh*, chúng sử dụng lực lượng Lữ đoàn B Thủy quân lục chiến, Sư đoàn 21, Sư đoàn 9 và nhiều máy bay, xe bọc thép đánh vào căn cứ U Minh Thượng với mục đích phục vụ cho kềm dân, lấn đất, trên cơ sở đó vơ vét người và của xây dựng lực lượng địa phương, bổ sung cho chủ lực, đồng thời tiêu diệt cơ sở cách mạng, nhất là ở xã, ấp; đánh đập, đẩy lùi lực lượng võ trang của ta ra khỏi dân. Chúng sử dụng lực lượng tổng hợp, đánh toàn diện, có kế hoạch cụ thể đối với từng khu vực, có điện, có điểm, quá trình làm có rút kinh nghiệm bổ sung với nhiều âm mưu thủ đoạn tàn bạo, thâm độc, nhất là thủ đoạn chính trị, kinh tế...

Mật độ bom đạn của máy bay, tàu chiến trút xuống dày đặc, ác liệt, dập vùi, cày đi, xới lại từng tấc đất. Trên địa bàn nhiều xã, địch đã hành quân, đánh phá liên tục 26, 27 ngày trong một tháng. Nhà cửa dân chúng hầu như không một cái nào còn nguyên vẹn; rất nhiều nhà bị phá, đốt cháy hàng ba, bốn lần. Qua thời gian này địch đã lấn chiếm, đóng thêm nhiều đồn bốt ở vùng giải phóng của ta, khôi phục được giao thông đường thủy từ Xẻo Rô đến vàm Cán Gáo, hình thành tuyến phòng thủ chi viện cho nhau.

Về mặt chính trị, địch chuẩn bị sẵn bọn tề lưu vong, tề ngâm, hễ lấn chiếm được tới đâu là chúng đưa bọn này tới đó để kềm dân, bắt lính, tổ chức phòng vệ dân sự; bổ sung các ban tề xã, tề ấp; đưa bọn gián điệp vào nắm tin, đưa tin chiến thắng giả tạo, tin thất thiệt để tuyên truyền, tác động; đưa bọn đầu hàng về mai phục, vận động chiêu hàng, gây rối ren hậu phương của ta.

Về kinh tế, địch triệt phá nhà cửa, ruộng lúa, hoa màu, cướp và bắn giết gia súc, đốt lúa, không cho nhân dân gặt lúa, rải chất độc ven hai bờ kinh rạch Xẻo Rô; Phong tỏa gặt gao khu vực U Minh, không cho quân chúng ra vào, tịch thu lương thực, thực phẩm v.v... Lúc này cán bộ, chiến sĩ của ta nhiều nơi bị thiếu đói phải ăn cháo, ăn khoai, củ chuối, cọng súng, kim thất, tàu bay, nụ áo... có nơi phải tìm cách cắm câu, giăng lưới kiếm cá nhờ nhân dân đổi gạo thêm, nhưng cũng không phải dễ.

Về phía ta, với nhận định là địch vẫn giữ âm mưu quyết bình định lấn chiếm

HUYỀN THOẠI U MINH

U Minh nên Khu uỷ có chỉ thị trực tiếp cho các lực lượng, các cơ quan và các huyện vùng U Minh chuẩn bị chống lấn chiếm, đánh địch bình định. Thời gian này Tỉnh uỷ Rạch Giá cũng đã tăng cường lãnh đạo các địa phương trong tỉnh nêu cao quyết tâm đánh thắng kế hoạch bình định U Minh của địch đồng thời tích cực xây dựng lực lượng của ta về mọi mặt để có thể đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong tình hình mới. Nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển Đảng, Đoàn, nghiệp vụ an ninh, công tác xã, ấp... liên tục được tổ chức ở nhiều xã. củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với cuộc kháng chiến, trước mắt đáp ứng cho công tác lãnh đạo địa phương đánh bình định lấn chiếm của địch trong giai đoạn này.

Ngay khi vào đợt, các lực lượng võ trang ở An Biên đã đánh một đòn phủ đầu địch tại căn cứ Xẻo Rô, diệt quân chủ lực cùng bọn bảo an và tề tại đây, chuẩn bị cho việc lấn chiếm tuyến Xẻo Rô. Sau đó ta lại tấn công chốt Thứ Mười Một, diệt quân chủ lực và bọn địa phương lấn chiếm; tiêu hao nặng các vị trí Thứ Mười Một, Thứ Chín Rươi. Du kích xã phát triển trong chống càn, trong vây bó đồn bốt giặc. Một số đội du kích xã, ấp bắn rớt máy bay địch, diệt tàu

Về phong trào chính trị, nói chung, do có bước chuẩn bị đối phó, chống lấn chiếm nên quần chúng bám đất, chiến đấu tốt. Có nhiều nhà bị đốt đi, phá lại nhiều lần nhưng quần chúng vẫn bám lại bằng cách cất chòi, trại, núp theo lùm bụi hoặc ở hầm; tìm cách duy trì sản xuất cùng du kích chiến đấu. Từng lúc, từng nơi quần chúng có những cuộc đấu tranh quyết liệt với địch như các cuộc chống địch bắn phi pháo vào dân, chống khủng bố, hãm hiếp, chống bắt lính, đồn quân... mặt khác quần chúng đã đoàn kết chia cơm xẻ áo giúp đỡ, đùm bọc nhau trong chống địch càn quét, kết hợp với bộ đội và du kích canh gác làm đồng và tranh thủ cấy gặt vào ban đêm (lấy đêm làm ngày để sản xuất).

Đầu năm 1971 qua tiếp thu Chỉ thị 01 của Trung ương Cục, Tỉnh uỷ Rạch Giá thống nhất là phải chuyển hướng chỉ đạo chiến dịch toàn diện, triệt để, sâu sắc để tạo nên tình thế chiến lược mới. Tỉnh uỷ xác định nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ vẫn là đánh địch bình định; toàn chiến trường, mọi lực lượng, mọi khả năng đều đánh địch bình định; tập trung cho cơ sở, đưa Chi bộ, Đảng viên, du kích bám quần chúng, nắm dân, giành dân, nhanh chóng khôi phục và phát triển cơ sở cách mạng làm chuyển biến so sánh lực lượng ở cơ sở trong một thời gian ngắn, đưa bộ đội chủ lực của tỉnh ra đứng ở những địa bàn xung yếu tạo thuận lợi cho vùng tranh chấp chuyển lên, đồng thời căng kéo địch tạo điều kiện cho hai huyện An Biên và Vĩnh Thuận đánh bại kế hoạch “bình định U Minh” của địch.

HUYỀN THOẠI U MINH

Lực lượng võ trang phải phát huy hiệu suất chiến đấu, đánh địch liên tục, diệt gọn tiểu đội, trung đội địch ở cả 3 vùng, kết chặt 3 mũi giáp công đi đôi với hợp đồng chặt chẽ với lực lượng cấp trên trong tác chiến khi có yêu cầu; tăng cường đánh phá giao thông, cơ quan đầu não, kho tàng, hậu cứ của địch, bao bố các đồn bót trong vùng tranh chấp; bán tủa, gài chất nổ, bãi chông...; sử dụng du kích mật đánh tại chỗ, kết chặt với phong trào chính trị và binh vận để tiêu hao địch, làm hạn chế và ngăn chặn hoạt động đánh xĩa của địch bung ra kèm dân, tạo điều kiện đi tới dứt điểm; diệt ác ôn, phá rã phòng vệ dân sự. Đi đôi với phong trào bao vây đồn bốt, đẩy mạnh phong trào xây dựng xã, ấp chiến đấu. Phát động rộng rãi, trong tất cả các cán bộ chiến sĩ, một phong trào bắn máy bay nhất là loại “trục thăng cán gáo” vì hoạt động của nó có tác động lớn đến quần chúng và nó có nhiều nhược điểm, nhất là vừa tầm bắn của súng trường của du kích.

Về phía địch, tháng 2/1971, khi thấy các mục tiêu chưa đạt yêu cầu, không kèm được dân, không bắt được lính... chúng đã đưa 24 đại đội bảo an của các tỉnh về tăng cường, củng cố các đồn trong vùng này. Lúc bấy giờ chúng đưa một bộ phận quân của Sư 9 bộ binh về phía Nam sông Cái Lớn. Tháng 6/1971, lại tăng thêm quân, chúng đóng thêm được căn cứ ở Xẻo Bần, đẩy mạnh kế hoạch nước rút sử dụng chiến thuật “tô dày đồn bốt” lấp kín U Minh.

Trước tình hình đó Quân khu đã quyết định mở đợt phản công ngay vào đầu tháng 9/1971. Trong đợt phản công này các lực lượng võ trang trên chiến trường U Minh nói chung và lực lượng võ trang huyện An Biên nói riêng đã thể hiện quyết tâm vượt mọi gian khổ, ác liệt, đứng vững trên các địa bàn, liên tục tấn công địch đều khắp, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, chặn đứng và làm tà các mũi tiến quân lấn chiếm, giáng những đòn đau, dồn dập vào các căn cứ hành quân, đồn bốt, Chi khu, diệt nhiều sinh lực địch, hạ nhiều máy bay, đánh chìm tàu... lập những chiến công lớn.

Dù bị thua đau nhiều trận, bị tiêu hao, tiêu diệt một phần lớn thực lực, nhưng sang năm 1972 địch vẫn ngoan cố phản kích. Chúng tiếp tục đưa bọn bảo an ra phía trước can viện, nhờ chủ lực ra cơ động, cố rút đồn bốt ở những nơi yếu để co cụm lại, tập trung cho việc lấp lại những nơi quan trọng

Về ta, thời gian này phong trào du kích chiến tranh được đẩy mạnh, phát triển rộng khắp các xã. Thanh niên tòng quân tham gia xây dựng lực lượng võ trang khu, tỉnh, huyện. Nhân dân ra sức xây dựng xã, ấp chiến đấu, cùng du kích, bộ đội đánh bại các cuộc hành quân càn quét của địch, mặt khác đoàn kết tương trợ, sản xuất, đóng góp đảm phụ đáp ứng yêu cầu của địa phương và cấp trên.

HUYỀN THOẠI U MINH

Với những thắng lợi trong năm 1972, nhất là thắng lợi đầu tháng 4/1972, Đảng bộ, quân dân An Biên nói riêng, tỉnh Rạch Giá nói chung, đã tạo được nhiều tiền đề có ý nghĩa rất quan trọng: bước đầu ta giành được đất, giành được dân, vùng giải phóng được hình thành bắt đầu khôi phục cuộc sống, tạo cơ sở cho việc xây dựng phía sau của ta. So sánh lực lượng giữa ta và địch bước đầu thay đổi có lợi cho ta.

Thành tích đó đã đánh dấu bước trưởng thành nhanh chóng về tinh thần và chiến thuật kỹ thuật của lực lượng võ trang của ta ở chiến trường U Minh, chiến trường An Biên, góp phần cùng quân dân toàn Miền Nam đánh thắng các chiến thuật “nhảy dõ”, “trục thẳng vận”, “hạ đội nhỏ trên sông”, bộ binh kết hợp cơ giới, phi pháo, chiến thuật lẩn chiếm bằng đôn bốt... làm thất bại về cơ bản âm mưu của địch bình định U Minh.

(Nguồn tư liệu: VP Huyện ủy An Biên)

**“VỪA LÀ HẬU PHƯƠNG, VỪA LÀ TIỀN TUYẾN”
QUÂN DÂN VĨNH THUẬN PHỐI HỢP
CHIẾN TRƯỜNG GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI
ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM U MINH
CỦA ĐỊCH (1969-1972)**

Có thể khẳng định rằng U Minh là một địa bàn hết sức lợi hại mà ai làm chủ được nó thì “tiến khả công, thoái khả thủ”, chính vì thế trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, U Minh là căn cứ địa của Nam bộ, Khu 9, Phân liên khu miền Tây và của tỉnh Rạch Giá, từ nơi đây đã xuất phát chủ trương chỉ đạo cho cuộc kháng chiến toàn miền Tây. Từ năm 1948, nơi đây đã hình thành vùng giải phóng rộng lớn, là hậu phương vững chắc cung cấp người và của cho cuộc kháng chiến. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Vĩnh Thuận được chọn làm khu vực tập kết 200 ngày đêm.

Tất cả những điều đó đã nói lên rằng cách mạng đã có các yếu tố địa lợi, nhân hòa trên vùng đất U Minh.

Con người là thế, vị trí chính trị, quân sự của U Minh là thế nên suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Mỹ ngụy luôn dùng mọi thủ đoạn tinh vi, lừa mị đến tàn ác đẫm máu để quyết chiếm lấy U Minh cho kỳ được.

An Biên, Vĩnh Thuận rừng liền rừng, kinh liền kinh, địch không thể nào chiếm An Biên mà bỏ Vĩnh Thuận hay giữ Vĩnh Thuận mà bỏ An Biên trừ khi bị ta đánh cho tan tành buộc phải rút chạy. Đối với ta, giữ U Minh Thượng là phải

HUYỀN THOẠI U MINH

giữ cả An Biên, Vĩnh Thuận, 2 huyện này là một chiến trường, là căn cứ địa của Khu và tỉnh Rạch Giá. Vùng ruộng của Vĩnh Thuận cũng là vùng ruộng của An Biên, nó cũng là vùng ruộng U Minh.

Cuối năm 1969, địch gấp rút tập trung lực lượng quân sự vào đánh phá U Minh, coi đây là một trọng điểm bình định của chúng ở đồng bằng sông Cửu Long. Mỹ ngụy cho rằng “Có bình định được U Minh thì mới hoàn thành kế hoạch bình định đồng bằng sông Cửu Long” vì U Minh là hậu phương, là căn cứ của phong trào cách mạng miền Tây. Bình định U Minh, Mỹ ngụy nhằm diệt cơ sở, tiêu hao và đẩy lùi lực lượng tập trung của ta, chiếm nơi đông người nhiều của, có vị trí quan trọng tấp dân, gom dân, kèm dân để lấy người, của xây dựng lực lượng tại chỗ, bổ sung ngụy quân, dựng lại ngụy quyền, giành đất đai, giành dân với ta, đồng thời địch cũng nhắm đánh vào cơ quan, kho tàng, hành lang giao thông của ta, phá hoại hậu phương, phá sự chuẩn bị của ta. Địch cũng mong bình định được U Minh thì sẽ làm thối động phong trào của toàn khu và thúc đẩy thực hiện kế hoạch bình định của chúng trên toàn vùng.

Thực hiện kế hoạch bình định với chiến dịch “nhổ cỏ U Minh”, địch dùng mọi thủ đoạn hết sức tàn bạo, dùng đủ các loại bom pháo, đóng đồn, lấn chiếm khắp nơi. Tại địa bàn Vĩnh Thuận có lúc địch tập trung lực lượng cả 2 đoàn chủ lực (Sư đoàn 21 và Sư đoàn 9), Lữ đoàn A, B Thủy quân lục chiến, một “hạm đội nhỏ trên sông” cả trăm chiếc lớn nhỏ, 2 thiết đoàn M.113, gồm 74 chiếc, 32 đại đội bảo an trinh sát, biệt kích, 3 tiểu đoàn pháo binh cơ động cùng nhiều máy bay kể cả B 52, bom 7 tấn. Hết sức nguy hiểm là địch dùng chiến thuật trực thăng “nhảy dõ, nhảy cóc”, một ngày đánh 2, 3 điểm, ban đêm máy bay chiến đấu của địch thả pháo sáng bắn phá vào dân, vào cơ quan, vào đường dây chuyển quân, vũ khí... Có thể nói tiếng bom tiếng pháo, tiếng súng đánh phá của địch âm ỉ suốt ngày đêm.

Trên thực tế, kế hoạch bình định U Minh của địch đã làm cho quân dân Vĩnh Thuận gặp nhiều khó khăn. Trước sự hủy diệt của bom đạn, một số dân buộc phải sơ tán như phụ nữ, người già, trẻ em, những người không còn sức lao động phải chạy ra ngoài vòng bom đạn, tránh những điểm nóng của chiến sự lúc ác liệt. Số trai tráng lánh vào rừng theo du kích. Đồn địch đóng lấn dân, có lúc riêng ở huyện Vĩnh Thuận cũ đã lên tới trên 30 đồn bót, 1 chi khu, 1 yếu khu quân sự.

Trong lúc địch ra sức bình định U Minh, quân dân Vĩnh Thuận cùng với

HUYỀN THOẠI U MINH

quân dân An Biên kiên trì bảo vệ và xây dựng lực lượng, tạo điều kiện tấn công địch và chuẩn bị giáng cho chúng những đòn sấm sét.

Trong những lúc địch điên cuồng bắn phá, giết hại đồng bào đi làm ruộng trên đồng nên nhân dân phải lấy đêm làm ngày, cả việc cày cấy, thu hoạch đều phải làm ban đêm, dân quân du kích đi ra đồng sản xuất mang theo cả súng trường, lựu đạn, giặc tới thì đánh, máy bay tới thì bắn, giặc đi lại tiếp tục sản xuất. Trong thời gian này, các cơ quan của tỉnh Rạch Giá và Khu 9 đều có đất sản xuất tại Vĩnh Thuận để tự túc. Công tác đóng đăm phụ nuôi quân được nhân dân thực hiện một cách tự giác và nhiệt tình.

Song song với việc bảo vệ và nuôi dưỡng bộ đội, thực hiện chủ trương của Khu ủy, cùng với toàn miền Tây, quân dân trong vùng tích cực bao vây đánh lấn, nhỏ hàng chục đồn bót địch như Cái Nứa, Nhà Ngan, Chác Bông, Bình Minh, Kinh 14, Kinh 2, Kinh 1... Lực lượng dân quân du kích trong huyện ngày càng có kinh nghiệm đánh giặc. Mặc cho địch đông và tàn ác, du kích ở nhiều nơi thoát ần, thoát hiện, đánh, thu chiến lợi phẩm rồi về ngôi uống nước trà rất thản nhiên như không có việc gì xảy ra.

Chiến trường trên địa bàn Vĩnh Thuận cùng với các huyện trong vùng U Minh Thượng, U Minh Hạ và nhiều huyện trong tỉnh đã căng kềm địch khắp nơi, quân của chúng đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân dân U Minh và phải phân tán khá nhiều để đối phó với thế trận chiến tranh nhân dân rộng lớn của U Minh. Các lực lượng vũ trang U Minh liên tiếp tổ chức tấn công địch, điển hình như các trận cuối năm 1969 diệt 1 tiểu đoàn địch tại kinh Dân Quân, đội nữ pháo binh huyện Vĩnh Thuận pháo kích vào trung tâm đầu não của chi khu Kiên Long làm hư 1 khẩu pháo 105 ly và nhiều đạn được các đội du kích xã áp bao vây các đồn bót địch không cho chúng nông ra cướp phá của nhân dân làm cho quân chủ lực địch rất lúng túng trong việc phải chi viện nơi nào.

Ngày 5-11-1969, ta giáng một đòn chí mạng vào cụm đóng quân tại Thứ Mười Một diệt trên 700 tên, bẻ gãy chiến dịch bình định U Minh đợt đầu. Một chiến thắng vang dội làm nức lòng đồng bào U Minh Thượng để từ đó phát huy tấn công địch tốt hơn.

Sau ngày 5-11-1969, quyết tâm bình định U Minh là không thay đổi nên địch đã mở cuộc càn dài ngày vào U Minh với những hành động tàn bạo hơn trước và thiết lập cùng một lúc 3 căn cứ quân sự liên hoàn, hỗ trợ cho nhau hầu tránh bị tiêu diệt như Thứ Mười Một vừa qua. Ngay tại Thứ Mười Một, địch lập

HUYỀN THOẠI U MINH

căn cứ quân sự Rạng Đông, căn cứ Bình Định, đặt tại Sân Gạch, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận và căn cứ Toàn Thắng tại Tám Ngàn, Biển Bạch huyện Thới Bình, hình thành một tam giác bao vây U Minh, ngăn cản chiến trường và chi viện cho nhau khi cần thiết, đồng thời kèm kẹp nhân dân gặt gao hơn. Sau khi đóng xong 3 căn cứ quân sự, lập lại chi khu Hiếu Lễ, bọn chiến tranh tâm lý huênh hoang rằng đã bình định xong mặt khu U Minh, Việt cộng ở U Minh không còn khả năng chống cự...

Phát huy tinh thần chiến thắng Thứ Mười Một, quân dân Vĩnh Thuận liên tục tấn công, bao vây, bức rút đồn bốt, chống địch càn quét, bám đất, bám vườn sản xuất để bảo đảm hậu cần cho cuộc kháng chiến.

Năm 1971, Tỉnh ủy và Tỉnh đội tổ chức đoàn cán bộ do đồng chí Nguyễn Văn Cầu (Hai Cầu) xuống xã Vĩnh Hòa phát động phong trào du kích chiến tranh bao vây đồn bốt và chi khu Sân Gạch mở mang 5 xã. Tập trung du kích các ấp mở đợt bao vây 45 ngày đêm, ta diệt 91 tên địch và 1 xe bọc thép. Đồng thời vận động nhân dân đấu tranh với địch đòi về làm lúa. Đoàn chỉ đạo của Tỉnh và Xã ủy đã giáo dục được hàng ngàn người dân về tình hình, nhiệm vụ mới. Chỉ trong 10 ngày đầu đã vận động nông dân đóng đảm phụ trên 5.000 ngàn giạ lúa để nuôi quân đánh giặc, mọc nổi xây dựng nhiều cơ sở. Kinh nghiệm này được phổ biến nên các xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Vĩnh Bình Nam bám trên Kinh xáng Chác Bông, Ruộng Xạ, Cạnh Đền phát động nhân dân đấu tranh, xây dựng cơ sở, diệt ác, phá kềm, đánh địch đi lũng sục, càn quét có nhiều kết quả tốt.

Song song đó, lực lượng đặc công tỉnh thường xuyên phối hợp với du kích xã Vĩnh Hòa thường xuyên đột nhập căn cứ Bình Minh (Sân Gạch) đánh trận địa pháo, Khu thông tin, kho đạn v.v... làm cho căn cứ quân sự này chẳng những không thể làm tròn nhiệm vụ hỗ trợ cho Thứ Mười Một mà thực chất là không thể sống yên ổn, luôn đối phó với các cách đánh xuất quỷ nhập thần của bộ đội và du kích của ta. Quân dân du kích xã Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Hòa tấn công và bức rút 7 đồn lớn nhỏ, giải phóng hoàn toàn xã Vĩnh Bình Bắc và ấp Vĩnh Tiến (Vĩnh Hòa). Xã Vĩnh Thuận tiêu diệt và bức rút 4 đồn (Kinh 2, Kinh 3, Kinh 14 và Kinh 11) giải phóng đại bộ phận các kinh ven rừng U Minh.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, địch chẳng những không tôn trọng Hiệp định mà còn tăng cường giành dân, lấn đất, tiếp tục lấn chiếm U Minh. Đánh địch bảo vệ Hiệp định, bảo vệ vùng căn cứ giải phóng, coi đó là nhiệm vụ trọng yếu của các huyện vùng U Minh. Trong năm 1973 quân dân An Biên và Vĩnh Thuận kết hợp với lực lượng của tỉnh liên tục bao vây các căn cứ Bình Minh

HUYỀN THOẠI U MINH

và Rạng Đông nhằm vô hiệu hóa hoạt động của các căn cứ này. Sự phối hợp của An Biên và Vĩnh Thuận đã làm cho chúng phải tự lo bảo vệ không chi viện cho nhau được.

Liên tục từ sau Hiệp định Pari (01/1973), quân và dân Vĩnh Thuận cùng với toàn vùng đã đánh địch, bảo vệ vùng giải phóng và từng bước giải phóng thêm các xã và cho tới trước ngày 30-4-1975 huyện Vĩnh Thuận gần như hoàn toàn được giải phóng từ trung tâm thị trấn Vĩnh Thuận được giải phóng sau. Những thành tích đó đã đi vào lòng dân Vĩnh Thuận và ghi vào lịch sử như những điểm son chói ngoài chủ nghĩa Anh hùng cách mạng.

(Theo tài liệu của Huyện ủy Vĩnh Thuận)

CHIẾN DỊCH “NHỎ CỎ U MINH” TÀN BẠO CỦA GIẶC VÀ Ý CHÍ CÁCH MẠNG KIÊN CƯỜNG CỦA QUÂN VÀ DÂN U MINH

...Lợi dụng những khó khăn tạm thời của ta, ngày 30 tháng 1 năm 1970, địch lại tập trung lực lượng tổ chức cuộc càn quét lần chiếm mang tên chiến dịch *Nhỏ cỏ U Minh*. Rút kinh nghiệm những lần trước, lần này, lần chiếm tới đâu địch đóng đồn ngay ở đó rồi mới tiếp tục lần tới những khu vực khác.

Theo kế hoạch, chiến dịch *Nhỏ cỏ U Minh* của địch chia làm 3 đợt: *Đợt 1* (đến tháng 5-1971) sẽ lần chiếm và xây dựng 4 căn cứ: *Bình Minh* và *Rạng Đông* ở Thứ Mười Một (U Minh Thượng), *Toàn Thắng* ở Thới Bình và *Hoà Bình* (U Minh Hạ). *Đợt 2* (từ tháng 6 đến tháng 10-1971) mở rộng khu vực bình định và xây dựng thêm 2 căn cứ: *Lâm Dương* ở Khánh Lâm và *Tân Phú* ở Trí Phải (U Minh Hạ). *Đợt 3* (từ tháng 11-1971), sau khi hoàn tất đợt 1 và đợt 2, sư đoàn 9 sẽ ở lại duy trì sự chiếm đóng U Minh Thượng, còn toàn bộ sư đoàn 21 cơ động xuống U Minh Hạ lập thêm 2 căn cứ *Bình Đông* và *Bình Tây* ở huyện Trần Văn Thời; sau đó lập tiếp căn cứ *Tia Sáng* ở huyện Cái Nước và *Trời Mọc* ở huyện Đầm Dơi làm bàn đạp để tiến xuống bình định Nam Cà Mau.

Như vậy, có thể thấy, nỗ lực của địch là tập trung lực lượng bình định lần chiếm xong U Minh trong năm 1971.

Phải nói rằng chiến dịch của địch đã gây cho ta rất nhiều khó khăn: Nhiều cán bộ cơ sở và du kích xã, ấp không hoạt động được; số du kích giảm một nửa so với năm 1969; Giữa năm 1971 có khá đông dân chúng phải bỏ chạy ra chợ Thới Bình và xung quanh chi khu Rạch Ráng, bám các trục giao thông thủy bộ

HUYỀN THOẠI U MINH

để tránh bom, pháo của địch. Thời kỳ này, bình quân một người dân U Minh phải hứng chịu 700kg bom, pháo; trên 70% rừng tràm, trên 3.000 công ruộng lúa, hơn 1.000 công hoa màu bị tàn phá; hàng ngàn người dân và cán bộ bị nhiễm chất độc hóa học.

Cùng lúc mở chiến dịch *Nhỏ cỏ U Minh*, địch tập trung quân bao vây phong toả khu vực Ba Hòn liên tục trong 78 ngày đêm, càn quét vùng Mo So... làm gián đoạn tuyến đường 1C chi viện cho căn cứ địa U Minh. Tại địa bàn ven căn cứ, B-52 tăng cường ném bom rải thảm để tạo “vành đai trắng”; 80% dân vùng ven đã phải bỏ nhà cửa chạy ra bám các trục lộ giao thông để tránh sự đánh phá của B-52.

Bên trong căn cứ, các cơ quan đầu não của Quân khu và Khu ủy liên tục phải thay đổi chỗ ở để tránh bị địch tập kích, đánh phá. Thậm chí một số cơ quan đã buộc phải tính tới khả năng lui về vùng Nam Cà Mau để bảo đảm an toàn.

Thủ đoạn vừa đánh phá quyết liệt, vừa bao vây kinh tế của địch đã làm cho U Minh từng là nơi có nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào, được coi là hậu phương tại chỗ của miền Tây Nam Bộ, trở nên thiếu thốn mọi thứ nghiêm trọng. Lương thực không đủ, LLVT và các cơ quan đã phải ăn cháo rau hằng tháng thay cơm. Vũ khí thiếu, đặc biệt là các loại đạn hoả lực và thuốc nổ - những loại vũ khí đặc chủng để đánh tàu địch trên vùng sông nước. Chủ trương “đặc công hoá bộ binh” mà lãnh đạo, chỉ huy đưa ra cũng là để góp phần giải quyết tình trạng thiếu vũ khí lúc bấy giờ. Chiến sự ác liệt nên không thể tăng gia sản xuất được như trước, nhiều cơ quan đơn vị đã chủ động móc nối với cơ sở bên ngoài, đưa được một số lương thực ít ỏi vào căn cứ, còn phần lớn chủ yếu là tận dụng nguồn thực phẩm tự nhiên tại chỗ như cá, khoai rừng để duy trì cuộc sống.

Đến giữa năm 1971, về cơ bản địch đã chiếm được phần lớn U Minh Thượng và một nửa U Minh Hạ. Âm mưu của chúng là gấp rút triển khai đóng 17 đồn bốt nữa để “tô dày, lấp kín” U Minh, sau đó sẽ tràn xuống Nam Cà Mau. Lúc này ở U Minh, địch có 16 tiểu đoàn bộ binh, 12 tiểu đoàn bảo an, 46 đại đội dân vệ, 5 tiểu đoàn pháo 105mm và 155mm, 7 giang đoàn, trong đó chỉ có 6 tiểu đoàn làm nhiệm vụ cơ động, còn lại chủ yếu đóng chốt tại chỗ trong 130 đồn và 8 căn cứ cấp trung, tiểu đoàn.

Cũng không phải là không có cơ sở khi Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống Việt Nam cộng hoà khi đó lạc quan với kết quả sau ba cuộc hành quân bình định lần chiếm U Minh. Ngày 1 tháng 6 năm 1971, đích thân Nguyễn Văn Thiệu dẫn đầu đoàn tùy tùng gồm 300 quan chức ngự quyền trực tiếp đáp máy bay trực

HUYỀN THOẠI U MINH

thăng xuống căn cứ Thứ Mười Một và chi khu Hiếu Lễ (U Minh Thượng) để thị sát tình hình và thị uy trước bàn dân thiên hạ.

Tại đây, y đã lớn tiếng tuyên bố: “Quân đội VNCH đã bình định được 97% lãnh thổ U Minh. Chủ lực của Việt cộng không còn nữa, hiện chỉ còn khoảng 120 du kích ở U Minh Hạ mà thôi”. Lời tuyên bố huênh hoang của Nguyễn Văn Thiệu đã được bộ máy chiến tranh tâm lý của địch lợi dụng triệt để nhằm gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và khích lệ tinh thần binh lính địch thôn tính hoàn toàn căn cứ địa U Minh.

Cuộc tiến công *Nhỏ cỏ U Minh* của địch đã gây cho ta những tổn thất và những khó khăn không nhỏ: lực lượng bị hao hụt, có tiểu đoàn chỉ còn 1/3 quân số, vùng giải phóng bị thu hẹp, quần chúng nhân dân hoang mang lo lắng, công tác phát triển Đảng không bù đắp kịp sự hy sinh mất mát; các tổ chức đoàn thể giải phóng cũng bị tổn thất, hoạt động chững lại. Đây là thời kỳ khó khăn ác liệt nhất của căn cứ địa U Minh trong kháng chiến chống Mỹ. Tuy vậy, cũng cần phải thấy rằng, kế hoạch bình định lấn chiếm U Minh của địch thời kỳ này tuy có thu được một số kết quả khả quan nhưng xét trong mối tương quan toàn cục, địch cũng đang gặp rất nhiều khó khăn. Sau một loạt thất bại của các cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh ra Đường 9 - Nam Lào, Toàn thắng 10-71 ở Công Pông Chàm (Đông Bắc Campuchia); Quang Trung 4 ở Ngã ba Biên Giới,.. chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của địch đang đứng trước nguy cơ phá sản. Việc co kéo lực lượng để tập trung cho phòng ngự chiến lược ở các chiến trường khác ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến kế hoạch bình định, lấn chiếm U Minh của chúng.

Dù ác liệt như vậy nhưng cơ quan đầu não và các lực lượng chủ lực của ta vẫn trụ vững tại căn cứ địa U Minh. Vấn đề đặt ra lúc này là cần phải tạo được một sự đột biến về quân sự mới có thể xoay chuyển được tình thế. Nói cách khác, phải tổ chức được một cuộc phản công lớn mới có thể đẩy được địch ra khỏi căn cứ; mới có thể phá vỡ hoàn toàn kế hoạch bình định lấn chiếm U Minh của chúng, bảo vệ vững chắc căn cứ địa và chỉ có như thế, căn cứ địa U Minh mới phát huy được đầy đủ vai trò, vị trí của mình trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Tháng 9 năm 1971, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã quyết định mở đợt hoạt động đánh vào quân chủ lực của địch đang bình định và chiếm đóng U Minh nhằm đẩy lùi địch ra khỏi căn cứ, làm phá sản kế hoạch “tô dầy, lấp kín” U Minh của chúng; trước mắt là ngăn chặn không cho địch đóng thêm đồn, bốt, cải thiện một bước hình thái chiến trường vốn đang bất lợi cho ta, đồng thời tạo

HUYỀN THOẠI U MINH

ảnh hưởng chính trị và ổn định tâm lý trong quần chúng nhân dân.

Trong đợt hoạt động này, ta sử dụng 3 trung đoàn chủ lực (2, 10 và 20) làm lực lượng cơ động chủ yếu cùng với bộ đội địa phương và lực lượng bảo vệ các cơ quan, ban, ngành tiến công vào đội hình Sư đoàn 21 của địch là lực lượng chủ công tham gia bình định lấn chiếm U Minh. Sau một tuần tiến công (từ 6 đến 12-9-1971), ta đã buộc địch phải co lại, tạm dừng kế hoạch “tô dày, lấp kín” U Minh. Địch rút lui đến đâu, ta nhanh chóng động viên nhân dân trở về bám địa bàn đến đó, bắt tay ngay vào việc khôi phục, phát triển sản xuất. Các đoàn thể giải phóng như Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân được tái lập; các xã, ấp chiến đấu cũng được phục hồi, củng cố... Trên chiến trường phối hợp, Quân khu cũng chỉ đạo các mặt trận Ba Hòn, Chương Thiện đẩy mạnh tác chiến để buộc địch phải căng kéo lực lượng, rút bớt quân ra khỏi U Minh. Việc sư đoàn 21 nguy phải hủy bỏ kế hoạch “tô dày, lấp kín” U Minh đánh dấu sự bắt đầu đi xuống của chiến lược *Việt Nam hoá chiến tranh* của địch trên chiến trường Tây Nam Bộ.

Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, mục tiêu mà Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đặt ra là giải phóng cơ bản U Minh và Nam Cà Mau, mở được một số mảng quan trọng ở Chương Thiện để lấy đó làm bàn đạp, tiến công giải phóng vùng Nam sông Hậu.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở U Minh kéo dài từ tháng 4 cho đến cuối tháng 8 năm 1972 với 6 cao điểm:

Cao điểm 1 diễn ra trong 10 ngày đầu tháng 4 năm 1972. Trong cao điểm này ta đã chọc thủng và phá vỡ một số mảng trong hệ thống phòng thủ mà chương trình bình định của địch đã đạt được trong 3 năm 1969-1971. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng do nắm địch chưa chắc, thiếu táo bạo quyết đoán trong tiến công nên tốc độ mở mảng còn chậm. Tác động lớn nhất mà *cao điểm 1* tạo ra chính là việc ta đã buộc sư đoàn 21 phải rút khỏi U Minh.

Cao điểm 2 (từ 20-4 đến tháng 5), giải phóng cơ bản vùng ven biển An Biên, tuyến lộ Rau Dừa - Cái Nước, các tuyến sông Ông Đốc, Cái Tàu, tuyến kênh Tác Vân; phá hàng trăm *ấp tân sinh*, giải phóng hoàn toàn 6 xã với trên 70.000 dân, trong đó có 30.000 dân đã quay trở về ruộng vườn cũ ổn định sản xuất. Qua 2 cao điểm, ta đã giải phóng được một phần căn cứ địa U Minh, chọc thủng hệ thống phòng thủ của địch tại Chương Thiện và tạo ra được một số căn cứ lồi ở Tây Nam Long Mỹ - cửa ngõ của vùng căn cứ.

Với phương thức tiến hành “cuốn chiếu”, các cao điểm 3, 4, 5, 6 diễn ra kế

HUYỀN THOẠI U MINH

tiếp và liên tục từ giữa tháng 5 cho đến cuối tháng 9 năm 1972. Trong các đợt cao điểm này, ta đã giành thắng lợi lớn: giải phóng được 1/3 đất đai, lập lại thể liên hoàn trong căn cứ địa, các tổ chức cơ sở Đảng đã bám được trong dân và bắt đầu phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp đối với quần chúng, LLVT phát triển mạnh; giữa chủ lực của Khu, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và du kích có sự hiệp đồng chặt chẽ và hỗ trợ cho nhau hiệu quả hơn trước, thế trận hậu cần được khôi phục và củng cố. Về kinh tế, từ chỗ gần như suốt 3 năm không thu được đảm phụ nông nghiệp thì năm 1972, ta đã thu được 15 triệu đồng và hàng nghìn tạ lúa. Các tuyến giao liên từ căn cứ địa về Miền và qua các căn cứ khác hoặc giữa các khu vực trong căn cứ với nhau đã được khôi phục thông suốt, bảo đảm cho sự chỉ đạo, chỉ huy và xử trí các tình huống một cách kịp thời.

Thắng lợi của chiến dịch tiến công tổng hợp Xuân- Hè 1972 đã làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng trên chiến trường U Minh. Khác với trước, lần này ta giải phóng đến đâu xây dựng chính quyền ngay đến đấy; giao quyền tự quản cho cơ sở; giao việc bảo vệ thành quả cho bộ đội địa phương và dân quân du kích để quân chủ lực tập trung cho phía trước theo yêu cầu của Khu.

Từ chỗ bị địch lấn chiếm gần hết đất, mất gần hết dân, thế trận chiến tranh nhân dân bị suy giảm, đến cuối năm 1972, quân và dân căn cứ địa U Minh đã giành lại thế chủ động tiến công, đẩy lùi địch co cụm về một số nơi ở U Minh Thượng, góp phần vào việc đánh bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ, ngay ở miền Tây Nam Bộ. Điều đó cũng minh chứng cho ý chí cách mạng kiên cường và quyết tâm đánh địch cao độ của quân và dân ta ở U Minh để giải phóng quê hương.

Mạnh Tiến

(Theo Căn cứ địa U Minh NXB Quân đội nhân dân 2007)

TẠO THỂ LIÊN HOÀN ĐẢM BẢO GIỮ VỮNG CĂN CỨ ĐỊA U MINH

Sau cao trào Đồng khởi của nhân dân ta diễn ra trên toàn miền Nam (1960) Mỹ — nguy buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” nhằm “Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng” theo kế hoạch Stalây — Taylo Những âm mưu, thủ đoạn đánh phá ác liệt, thâm hiểm của kẻ thù đã đặt ra cho cách mạng miền nam khi đó những nhiệm vụ hết sức nặng nề.

Căn cứ U Minh Kết hợp sức mạnh của nội tại và sự chi viện:

Trên địa bàn Rạch Giá - Kiên Giang cũng vậy, tình hình ngày càng trở nên quyết liệt. Trong đó vùng U Minh nói chung, U Minh Thượng nói riêng chính là nơi độ sức lớn nhất, ác liệt nhất giữa ta và địch trên địa bàn Tây Nam bộ.

Nhiệm vụ cơ bản được đặt ra đối với căn cứ địa U Minh lúc này là: “Xây dựng hệ thống tổ chức, chỉ huy, chỉ đạo thống nhất; chấn chỉnh lực lượng vũ trang ba thứ quân, thành lập thêm các đơn vị chủ lực của khu; mở các trường đào tạo cho cán bộ và huấn luyện chiến sĩ, trong đó có trường huấn luyện đặc công của khu; tiếp tục củng cố và xây dựng mới các công binh xưởng; chuẩn bị bến bãi để tiếp nhận sự chi viện của Trung ương bằng đường biển Chuẩn bị các phương án chống càn, sẵn sàng đánh trả các cuộc càn quét của địch nhằm vào căn cứ ”

Chủ trương của khu lúc này là phải tổ chức được những trận đánh lớn nhằm làm thất bại âm mưu thủ đoạn chia cắt U Minh của địch và bảo vệ vững chắc căn cứ địa.

Ngay từ đầu năm 1960, địch đã huy động một lực lượng lớn gồm 3.000

HUYỀN THOẠI U MINH

quân cùng nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại để đánh phá căn cứ của ta. Không thể bị động để địch tấn công, Tỉnh uỷ Rạch Giá đã huy động lực lượng chiến đấu tập kích tiêu diệt ngay Bộ chỉ huy cuộc hành quân của địch, diệt một đại đội biệt kích nguy hiểm buộc chúng phải lui quân.

Việc xây dựng U Minh Thượng làm căn cứ chính của các cơ quan Liên tỉnh uỷ và của khu đã được quyết định ngay sau cao trào Đồng khởi. Tháng 01/1961, tại ấp Ngã Năm, Bình Minh đã diễn ra hội nghị quan trọng của Liên tỉnh uỷ miền Tây Nam bộ. Trong đó có đưa ra hai nội dung liên quan tới căn cứ U Minh Thượng - Đó là quyết định thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Tây Nam bộ và việc mở đường biển để tiếp nhận nguồn chi viện của Trung ương.

Từ tháng 02/1961, Ban quân sự liên tỉnh cũng được thành lập tại căn cứ địa U Minh, tạo điều kiện mới để phát triển lực lượng và đáp ứng yêu cầu mới. Tại tỉnh Rạch Giá lúc này cũng thành lập tiểu đoàn U Minh 10 (sau là tiểu đoàn 207); còn tại Cà Mau thành lập Tiểu đoàn U Minh 1. Tất cả đều đứng chân tại U Minh.

Sự ra đời và phát triển của lực lượng vũ trang ba thứ quân, cùng với một vùng giải phóng rộng lớn nối liền U Minh Thượng và U Minh Hạ, đánh dấu sự phát triển thế và lực mới của căn cứ địa U Minh.

Thời kỳ 1962 — 1963, Mỹ — ngụy ra sức thực hiện hàng loạt hành động bao gồm cả các giải pháp chính trị và các biện pháp quân sự nhằm phá tan các cơ sở cách mạng của ta ở vùng căn cứ U Minh, kiểm soát toàn bộ dân số và đất đai trong vùng. Chúng lập hệ thống ấp chiến lược để tập trung dân vào đó nhằm tách dân ra khỏi cán bộ cách mạng; địch còn lập tỉnh mới Chương Thiện gồm 5 huyện với khoảng 250.000 dân với ý đồ tạo một lá chắn ngăn chặn ta lấy U Minh làm bàn đạp để đánh chúng.

Kẻ thù còn liên tục cho quân thọc sâu đánh chiếm và chia cắt U Minh, dùng bom đạn chà đi sát lại căn cứ hòng tiêu diệt lực lượng của ta; tăng cường các hoạt động quân sự “tìm diệt” với các chiến thuật “trục thẳng vận”, thực sự chúng đã gây cho ta rất nhiều khó khăn và tổn thất; Giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ bị chia cắt; có lúc buộc Liên tỉnh uỷ phải di chuyển từ U Minh Thượng về Đầm Dơi để bảo toàn lực lượng. Tỉnh uỷ Bạc Liêu lúc đó cũng phải di chuyển xuống Nam Cà Mau và tỉnh uỷ Rạch Giá phải di chuyển sang Gò Quao

Nhưng không thể để cho địch thực hiện thành công chiến thuật “trục thẳng vận” lợi hại ấy được. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban quân sự miền, quân và dân U Minh đã nghiên cứu và tổ chức đánh địch một cách có hiệu quả.

HUYỀN THOẠI U MINH

Để đánh “trục thăng vận” của địch, quân ta được phân tán thành từng tổ ém trong các nhà dân. Trên cánh đồng, ta bố trí các trận địa địa lôi, mìn, rồi đánh dấu để dân đi làm đồng không đi vào đó. Khi máy bay địch tới đổ quân, người dân nhanh chóng tản vào nơi ẩn nấp đã chuẩn bị từ trước; quân ta từ các nhà dân nhanh chóng vận động tiếp cận địch ngay khi chúng vừa tiếp đất và điều khiển cho địa lôi, mìn phát nổ tiêu diệt địch. Nhân dân còn sáng tạo nhiều cách đánh khác khiến cho địch không còn dám “tung hoành” như trước. Chiến thuật “trục thăng vận” của chúng không còn hiệu nghiệm nữa.

Từ cuối năm 1961, đầu năm 1962, căn cứ địa U Minh bắt đầu nhận được sự chi viện của Trung ương qua đường biển. Cán bộ, vũ khí, thuốc men được tăng cường cho miền Tây Nam bộ. Đây là nguồn lực vô cùng quý báu để cuộc chiến đấu ở căn cứ địa U Minh cũng như toàn vùng phát triển, tạo những “quả đấm” chủ lực mạnh (cấp trung đoàn) để đánh tiêu diệt lực lượng lớn quân địch. Nhờ vậy chỉ trong 3 tháng cuối năm 1963, tại căn cứ U Minh đã có thêm 2 trung đoàn chủ lực, 01 trung đoàn pháo binh của Quân khu và 01 tiểu đoàn bộ đội địa phương được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến ở U Minh. Và cũng từ sự phát triển đó, bước sang năm 1964, quân ta đã liên tục mở nhiều đợt tấn công địch, giải phóng nhiều vùng đất và dân cư, lập lại thế trận liên hoàn cho căn cứ địa.

Về sự chi viện từ Trung ương, chỉ tính trong 3 năm (1961 - 1964) quân và dân U Minh đã tổ chức tiếp nhận 205 chuyến hàng, kịp thời chuyển giao 4.196 tấn vũ khí cho các chiến trường — Vùng rừng sù vẹt dọc bờ biển An Biên (U Minh Thượng) được chọn làm nơi để tàu chở vũ khí cập bến (trước đó là vùng rừng đước Năm Căm, đã bị địch phát hiện).

Mặc dù bị địch tập trung đánh phá vô cùng ác liệt, lại ở xa Trung ương, nhưng nhìn chung căn cứ U Minh, trong đó có U Minh Thượng vẫn đảm bảo được số vũ khí trang bị cần thiết để chiến đấu; kết quả đó chính là nhờ ta đã mở được nhiều tuyến, khai thác được nhiều nguồn để cung cấp vũ khí cho chiến trường khốc liệt này. Đó là một trong những thắng lợi của quân và dân ta ở U Minh và Tây Nam bộ trong cuộc chiến đấu chống giặc.

Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân - một trong những nhân tố làm nên thắng lợi.

Lực lượng vũ trang ba thứ quân bao gồm: *Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương; dân quân du kích và lực lượng quần chúng tại chỗ.*

HUYỀN THOẠI U MINH

Thực tế ở căn cứ địa U Minh, thời kỳ đầu *Bộ đội chủ lực* rất ít, chỉ có một số phân đội, chi đội đứng chân. Mãi về sau mới phát triển thành những trung đoàn, liên trung đoàn. Đây là lực lượng chủ yếu để tổ chức trận đánh, các chiến dịch quân sự có quy mô vừa và nhỏ ở vùng U Minh; ngăn chặn và đánh bại các cuộc hành quân quy mô lớn của địch, tạo điều kiện cho chiến tranh du kích và đấu tranh chính trị tại địa phương phát triển; là chỗ dựa tin cậy của các lực lượng quân sự địa phương.

Trong khi đó, *Bộ đội địa phương* ở U Minh lúc đầu cũng được tổ chức cấp trung đội ở huyện, cấp đại đội ở tỉnh. Về sau phát triển lên cấp đại đội ở huyện và cấp tiểu đoàn ở tỉnh. Trên thực tế, đây chính là lực lượng cơ động chủ yếu ở vùng căn cứ địa; là lực lượng thường xuyên làm cho địch “mất ăn mất ngủ”. Bộ đội địa phương khi thì phân tán, lúc lại tập trung, phối hợp với lực lượng chủ lực và dân quân du kích để đánh địch. Bộ đội địa phương còn giúp giữ vững và phát triển chiến tranh du kích và hỗ trợ phong trào đấu tranh, nổi dậy của quần chúng.

Dân quân du kích và lực lượng quân chúng tại chỗ chính là lực lượng vũ trang thứ ba được xây dựng tại địa phương; bao gồm dân quân xã, du kích tập trung, du kích mật, tự vệ mật... của địa phương. Không chỉ trực tiếp đánh địch bảo vệ thôn ấp; chống địch càn quét, lấn chiếm vào vùng căn cứ mà đây cũng là lực lượng thường xuyên phối hợp và hỗ trợ quân chúng đấu tranh chống địch. Đặc biệt ở căn cứ U Minh, chiến tranh du kích vẫn là hình thái chiến tranh chủ yếu nên du kích, dân quân có vai trò quan trọng và tương đối nổi bật.

Sự kết hợp giữa lực lượng vũ trang ba thứ quân luôn là nhân tố cần thiết đảm bảo thắng lợi của cả cuộc chiến... Trong đó, xét toàn cục, các đơn vị chủ lực vẫn là lực lượng nòng cốt trong phòng thủ, bảo vệ căn cứ trong tiến công tiêu diệt sinh lực địch. Đặc biệt là khi địch tập trung lực lượng quân sự lớn để đánh chiếm căn cứ thì lực lượng chủ lực sẽ là bức tường ngăn cản lớn nhất mà địch vấp phải và thậm chí chúng còn bị tiêu diệt, bị thất bại do có lực lượng bộ đội chủ lực của ta tác chiến... Chính từ thực tiễn nêu trên mà việc xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, trong đó lấy các đơn vị chủ lực làm nòng cốt chính là một trong những nhân tố chủ yếu đưa sự nghiệp kháng chiến ở Tây Nam bộ đến thắng lợi hoàn toàn.

Tuấn Anh

QUÂN VÀ DÂN GÒ QUAO PHỐI HỢP CHIẾN TRƯỜNG TẤN CÔNG ĐỊCH TẠI CỬA NGÕ U MINH

Huyện Gò Quao có vị trí hết sức quan trọng, cả đối với về phía địch, cũng như về phía ta:

Về phía địch: là cửa ngõ mà địch phải đi qua để vào U Minh, đồng thời lấy địa bàn Gò Quao, Long Mỹ làm vành đai phòng thủ Tiểu khu Chương Thiện.

Về phía ta: Khu ủy, Quân khu, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Rạch Giá, bộ đội chủ lực Quân khu, bộ đội địa phương tỉnh, muốn tấn công địch ở tiểu khu Chương Thiện, Vùng 4 chiến thuật Cần Thơ, thị xã Rạch Giá, phải xuyên qua và dừng chân trên địa bàn Gò Quao. Ngược lại trở về căn cứ U Minh cũng vậy. Đồng thời địa bàn Gò Quao là tuyến phòng thủ bảo vệ vùng căn cứ U Minh, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng.

Xuất phát từ vị trí quan trọng nêu trên, sau Mậu Thân 1968 đến cuối năm 1971, địch tăng cường 3 tiểu đoàn bảo an từ An Giang xuống, đơn quân bắt lính thành lập 5 đại đội bảo an ở địa phương. Sư đoàn 21, sư đoàn 9 ngụy và thủy quân lục chiến thường xuyên có mặt trên địa bàn Gò Quao, với các chiến thuật “trực thăng vận”, “hạm đội nhỏ trên sông” có cả xe Mi bọc thép M113, 3 trận địa pháo cố định loại 105 ly 155 ly, có thời điểm cao nhất địch dùng cả B52 rải bom và chất độc hóa học hủy diệt hàng ngàn ha hoa màu, vườn cây ăn trái của nhân dân ta; Đóng và tái chiếm 47 đồn cốt, có 1 chi khu Hưng Long (đóng tại Cống Đá trên tuyến lộ Lái Niên); Chúng thực thi với khẩu hiệu ba sạch (giết sạch, đốt sạch, phá

HUYỀN THOẠI U MINH

sạch). Đây là thời kỳ đây khó khăn, gian khổ, gay go ác liệt và thử thách lớn lao, nhưng Đảng bộ, quân và dân Gò Quao luôn nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, dũng cảm gan dạ, kiên cường, sáng tạo và ngoan cường chiến đấu bám trụ đánh địch bằng 3 mũi giáp công, kết hợp chặt chẽ 3 thứ quân, dựa vào áp, xã chiến đấu, lấy vũ khí địch đánh địch, đánh liên tục, đánh địch mới tới, đánh địch co cụm, đánh địch rút chạy, đánh ngày, đánh đêm, đánh trên bộ, dưới sông, đánh địch càn quét, bao vây tiêu hao, tiêu diệt đồn bốt, đánh phục kích, tập kích ngay vào sào huyệt địch, diệt ác phá kềm, phá phòng vệ dân sự, đánh bằng binh biến phản chiến, chống đồn quân bắt lính, đấu tranh quyết liệt đòi địch bồi thường thiệt hại về tính mạng và tài sản cho nhân dân

Trước đó, tại Gò Quao cũng đã có những trận thắng lớn ở Ngang Trâu, Lục Phi, Ngã Cay, Kinh Ba Quân, Cái Bần Bá và hàng loạt những trận đánh tiếp theo... đã chứng minh hùng hồn cho truyền thống kiên cường của quân dân trong huyện.

Trong những năm 1969 — 1972 cùng với tính chất ác liệt của cuộc chiến, quân dân Gò Quao liên tục đánh địch, thể hiện “sự phối hợp chiến trường đánh địch ngay cửa ngõ U Minh”. Có thể kể một số trận tiêu biểu:

Vào tháng 11/1968, đ/c Nguyễn Văn Tư (Tư Nhà Mới) cùng tổ công binh được sự giúp đỡ của cán bộ và du kích xã Vĩnh Hòa Hưng, đánh đoàn tàu địch thực hiện kế hoạch “bình định cấp tốc”, dùng bom 500kg đánh chìm chiếc tiểu pháo hạm gần Ngã Ba Cầu Đúc (phà Cái Tư hiện nay) tiêu diệt hàng trăm tên địch (trong này có cả giặc Mỹ và chư hầu) cuộc càn bị bẻ gãy buộc địch phải đưa đoàn tàu rút về Chương Thiện để củng cố.

Tháng giêng năm 1969, địch dùng trực thăng đổ quân đánh vào trại tập huấn của ta ở Phước An, (Vĩnh Phước B). Địa phương quân chặn đánh diệt trên 20 tên, có 2 tên Mỹ.

Tháng 2/1969, một lần nữa công binh huyện chặn đánh đoàn tàu “bình định U Minh” đánh chìm một chiếc, diệt trên 50 tên địch.

Tháng 3/1969 địa phương quân kết hợp du kích xã Định Hòa phục kích đánh 1 đại đội bảo an đi càn quét, diệt và làm bị thương trên 40 tên địch, thu nhiều vũ khí.

Tháng 7/1969 đội biệt động huyện kết hợp một bộ phận địa phương quân, kết hợp nội tuyến khởi nghĩa đánh đồn Tứ Giác Ban Hai, sát nách chi khu Gò Quao, diệt và bắt sống trên 20 tên và thu nhiều vũ khí.

HUYỀN THOẠI U MINH

Tháng 9/1970, công binh huyện dùng đầu đạn 155 ly cải biên đánh đoàn xe quân sự địch trên tuyến lộ Lục Phi, diệt 4 chiếc, trên 30 tên địch chết và bị thương.

Tháng 12/1970, công binh huyện đánh chìm 1 chiếc tại vàm Mồ Thị Cư (Vĩnh Phước B) diệt trên 40 tên địch.

Tháng 3/1971, công binh huyện một lần nữa đánh đoàn địch tàu bình định U Minh, đánh chìm 2 chiếc tại vàm Xẻo Giá (gần Cầu Đúc) diệt hàng trăm tên địch. Quân khu tặng Anh Tư Nhà Mới cái tên “Thủy thần trên sông Cái Lớn”.

Tháng 7/1971, trung đoàn 6 của Quân khu dùng cối 82 và 120 ly pháo kích vào Chi khu Gò Quao, làm thiệt hại nặng Sở chỉ huy nhẹ trung đoàn 14 sư 9 Ngụy, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, trong đó có tên trung tá trung đoàn trưởng chết tại trận, có 2 khẩu pháo 105 ly bị phá hỏng. Cuộc càn quét của địch bình định ngay cửa ngõ U Minh bị quân dân ta trên địa bàn Gò Quao bẻ gãy. Cùng thời gian này, Trung đoàn 10 của Quân khu cùng với quân dân du kích xã Vĩnh Tuy triệt hạ đồn bót, bao vây Chi khu Hưng Long; tiểu đoàn 2315 thuộc trung đoàn 6 quân khu liên tục đánh tàu trên sông Cái Lớn, dọc từ Xẻo Giá, Xáng Cụt, Ba Tàu, Nhà Ngan... đánh chìm và hư hỏng chục tàu chiến địch, diệt trên 300 tên.

Chiến công nối tiếp chiến công, trung đoàn 20 kết hợp dân quân du kích xã Vĩnh Hòa Hưng, phục kích đánh 2 trận: trận Rạch Rùa và trận Rạch Gõ diệt gọn 2 tiểu đoàn thuộc sư 9 ngụy, bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí đồng thời hỗ trợ cho phong trào dân quân du kích bao vây bức rút hàng chục đồn bót địch.

Phong trào chiến tranh du kích nổ ra khắp nơi trong huyện. Du kích các xã Định Hòa, Định An, Thủy Liễu cùng với đội biệt động Gò Quao đã diệt hàng chục ban tề xã; phá rã 15 trung đội phòng vệ dân sự; thu nhiều vũ khí, chống càn quét, bao vây đồn bót... Mạnh nhất là phong trào chiến tranh du kích của 2 xã: Vĩnh Hòa Hưng và Vĩnh Tuy, giáng những đòn địch đáng vào bọn bình định lấn chiếm, bao vây bức rút nhiều đồn bót, tham gia với chủ lực quân khu, bộ đội địa phương, Tỉnh - Huyện đánh phục kích, đánh xe, đánh tàu... Chiến tranh du kích trong 3 năm đó (1969 — 1971) đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, bắn rơi 1 chiếc phản lực F105 của Mỹ tại cánh đồng Rạch Gõ, xã Vĩnh Hòa Hưng.

Trong thời gian đó, Đảng bộ, quân và dân Gò Quao chấp hành nghiêm chỉnh một nhiệm vụ quan trọng nữa là: tổ chức đường dây chuyển cán - binh, chuyển hàng ngàn quân từ Giồng Riềng về căn cứ U Minh. Ngược lại chuyển từ căn cứ U Minh đến huyện Vị Thanh - Long Mỹ - Giồng Riềng. Mặc dù địch bình định ác liệt, đồn bót đóng tứ giăng, bọn chủ lực đổ quân càn quét, cùm dã ngoại, cả xe

HUYỀN THOẠI U MINH

M113 “hạm đội nhỏ trên sông”... Đảng bộ, quân và dân Gò Quao mưu trí linh hoạt, kiên cường dũng cảm luôn lách đưa quân, đưa cán bộ từ căn cứ lên chiến trường, từ chiến trường về căn cứ U Minh bảo đảm an toàn, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang.

Tuy địch bình định khủng bố tàn bạo, ác liệt, đồng bào ta vẫn bám trụ kiên cường, luôn lách qua mặt địch tiếp tế nuôi quân, nuôi giấu bảo vệ cán bộ. Tiêu biểu nhất là nhân dân các xã Vĩnh Hòa Hưng, Vĩnh Tuy, Vĩnh Phước, trong khi giặc thực hiện khẩu hiệu “ba sạch” (giết sạch, đốt sạch, phá sạch) địch đánh phá trong vườn ác liệt, nhân dân ta ra đồng đào đắp hầm, đào công sự vững chắc cất chòi ở, giặc càn quét đốt phá, giặc đi nhân dân ta cất sửa lại, có những nơi 5 lần 7 lượt (cái tên gọi Anh Tư Nhà Mới đó là như vậy). Có những cuộc càn quét của địch với thủ đoạn tàn bạo dã man chúng bắt đồng bào ta trói lại, nào hãm hiếp, đánh đập rồi sắp hàng bắn hàng loạt người (trên 20 người chết cùng một lúc). Ở Ngan Trâu, Ba Quân, Ngã Cay, Xẻo Kim, giặc còn dùng trực thăng rọi đèn bắn ghe, xuống của nhân dân, giết chết hàng trăm người, trẻ có, già có, phụ nữ mang thai, bà mẹ còn đang cho con bú. Có những người mẹ chết mà con còn ngậm vú mẹ (tại sông Đường Mây - Rạch Gõ xã Vĩnh Hòa Hưng). Mặc dù địch dã man nhưng nhân dân ta không lùi bước, đã vận động hàng trăm người ra Chương Thiện đấu tranh, tố cáo tội ác của Mỹ-ngụy, đòi bồi thường tính mạng và tài sản, buộc giặc phải nhượng bộ chấp nhận những yêu sách của nhân dân. Thắng không kiêu, bại không nản, một lần nữa được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Rạch Giá, Gò Quao tổ chức lực lượng đưa ra phối hợp cùng với lực lượng Châu Thành và lực lượng thị xã Rạch Giá đấu tranh đòi yêu sách. Gò Quao đã tổ chức trên 200 lực lượng, một tốp đi xe đò, một tốp đi vỏ máy, đi xuống kéo ra phối hợp với Châu Thành B. Tốp đi dưới sông địch phát hiện chặn lại tại Tà Niên nhưng đồng bào ta kiên quyết vượt địch ngăn chặn; có nhiều bà má dũng cảm vượt qua, địch bắn chết bà má Hai tại trận (Bà má Hai thường gọi Quế Tương, gia đình sống tại Vườn Dơi, xã Vĩnh Tuy). Đồng bào ta chở xác má Hai ra gặp tên Tỉnh trưởng Rạch Giá, tố cáo tội ác và đòi bồi thường tính mạng. Địch buộc phải nhượng bộ.

Những cuộc đấu tranh đã diễn ra liên tục như ở xã Định An có hàng trăm người, có cả sư sãi, chống bắt lính đôn quân. Ở xã Vĩnh Hòa Hưng có bà má Năm cùng bà con chặn đường xe M113 đi càn quét với lý lẽ khôn ngoan, tranh thủ sự đồng tình của binh lính ngụy trên xe: “Các cậu đi có đường, về có đường, đừng chạy lung tung hư ruộng lúa của nhân dân”. Vậy là bảo vệ được một phần ruộng lúa, nhưng cũng tạo điều kiện cho du kích gài trái đánh xe địch.

Tóm lại, đồng bào ta bất chấp mọi khó khăn, ác liệt với thủ đoạn tàn bạo của

HUYỀN THOẠI U MINH

địch, một lòng theo Đảng, theo cách mạng, kiên cường bám trụ, tiếp tế nuôi quân, nuôi chữa và bảo vệ cán bộ, “một tác không đi một ly không rời”. Cái tên “Chợ Sài Gòn Mới” hôm nay còn vang mãi.

Những thành tích của Đảng bộ nhân dân Gò Quao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là của thời kỳ lịch sử này, đã được Nhà nước ghi công và tặng huyện Gò Quao danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đảng bộ, quân dân Gò Quao rất vinh dự và tự hào về điều đó.

(Theo tư liệu của Huyện đội huyện Gò Quao)

QUÂN DÂN HÒN ĐẤT ĐÁNH ĐỊCH BẢO VỆ ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN 1C VÀ GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI ÂM MƯU BÌNH ĐỊNH U MINH CỦA ĐỊCH (1969 - 1972)

Kể từ sau cuộc tổng tấn công của ta xuân Mậu Thân (1968), địch phản kích ác liệt; chúng quyết tâm bình định miền Nam, bình định miền Tây, mà cụ thể là bình định Kiên Giang. Vì vậy thời kỳ này, chống bình định là nhiệm vụ chung của toàn miền Nam.

Đối với Kiên Giang (lúc đó gọi là tỉnh Rạch Giá) địch quyết tâm tiêu diệt căn cứ U Minh. Bởi chúng cho rằng: “Có bình định được U Minh thì mới hoàn thành được kế hoạch bình định đồng bằng sông Cửu Long”. Mà muốn tiêu diệt căn cứ U Minh, nhất thiết phải ngăn cách sự chi viện của Trung ương về Khu 9.

Theo đó, địch thực hiện triệt hạ hành lang vận chuyển cán bộ, chiến sĩ và vũ khí của ta từ Trung ương chi viện cho Khu 9; cụ thể là khống chế tuyến biên giới, đánh phá đường 1C, mà đoạn đường quan trọng nhất là từ biên giới đến Bắc lộ Cái Sắn, tức là phải đánh phá dọc theo chiều dài của huyện Hòn Đất (lúc đó gọi là huyện Châu Thành A).

Từ giữa năm 1968 về sau, địch phát hiện và tăng cường đánh phá tuyến hành lang 1C, quyết cắt đứt con đường vận chuyển này. Trên địa bàn huyện Châu Thành A, địch khống chế tuyến kinh Tám Ngàn, rào dây thép gai nhiều lớp, căng dây thép gai bùng nhùng (công-xet-ti-na), dài đến Bảy Núi, cài máy thu tiếng động; dùng tàu nhỏ (pho ca) biệt kích, bộ binh phục kích các con kinh Tri Tôn và Mốp Giăng, đưa quân đóng dày đặc trên trục lộ 80, các con kinh và cả trong rừng, xe tăng của

HUYỀN THOẠI U MINH

địch ở suốt trong rừng đến mức đóng phèn vàng lùm để tìm kiếm, phát hiện và ngăn chặn đường qua lại của ta. Mọi chiến thuật của địch như “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” và “hạm đội nhỏ trên sông” đều được áp dụng trên địa bàn Châu Thành A. Mức độ bom đạn ngày càng tăng lên dữ dội. Bằng mọi cách với khối lượng bom đạn khổng lồ, địch đã gây nhiều tổn thất ta trên hành lang 1C. Chiến sĩ và thanh niên xung phong hy sinh, vũ khí, hàng hóa mất mát quá lớn. Sự chi viện của Trung ương về Khu 9 càng trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động của toàn khu.

Chống địch bình định, lấn chiếm U Minh, bảo vệ căn cứ đông dân, nhiều của là một nhiệm vụ trọng yếu của tỉnh Rạch Giá lúc bấy giờ. Muốn bảo vệ căn cứ U Minh, căn cứ của Khu 9 thì nhiệm vụ giải tỏa, bảo đảm an toàn cho đường 1C là việc làm rất quan trọng. Quân dân Châu Thành A có sự hỗ trợ của Tỉnh đội Rạch Giá đã đảm đương trọng trách bảo vệ đường 1C phục vụ chuyển quân, chuyển hàng về căn cứ U Minh. Đồng thời, trên địa bàn Châu Thành A mở ra một chiến trường thu hút và kèm chân một lực lượng quan trọng quân chủ lực địch, căng kéo quân địch, tạo điều kiện cho các nơi khác phá kềm, phá mảng, mở rộng vùng giải phóng, góp phần để lực lượng chủ lực của Quân khu làm nên những chiến thắng quyết định trên địa bàn U Minh, mà điển hình là chiến thắng Thứ Mười Một ngày 5/11/1969, bẻ gãy âm mưu bình định, làm thất bại chiến dịch “nhỏ cỏ U Minh” của địch.

Trở lại chiến trường Châu Thành A, từ tháng 8/1969 Quân khu giao nhiệm vụ cho tỉnh Kiên Giang phải tổ chức một hành lang từ biên giới về quân khu để các trung đoàn 3, trung đoàn 10 và trung đoàn 20 về quân khu an toàn. Song song với việc chuyển quân là tổng đội thanh niên xung phong vận chuyển vũ khí, đạn dược, hàng quân sự về Khu. Kiên Giang phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ này, tổ chức căn cứ ăn ở, chiến đấu cho bộ đội chủ lực, sẵn sàng tiếp nhận quân và chuyển về căn cứ của Khu 9 ở U Minh.

Thực hiện mệnh lệnh của Quân khu, Tỉnh đội Rạch Giá tổ chức Bộ chỉ huy tiền phương đóng ở Hòn Me và đại đội pháo 616 của tỉnh đóng ở Hòn Đất (khu vực Ba Hòn xã Thổ Sơn, huyện Châu Thành A). Huyện ủy Châu Thành A, các cơ quan của huyện cũng đang đóng tại Hòn Me; Huyện đội, 2 đại đội địa phương quân, 1 đại đội đặc công đóng ở Hòn Sóc; quân y huyện, đội phẫu và công trường huyện đóng tại Hòn Đất. Tất cả các đơn vị trên, kể cả các xã Thổ Sơn, Nam Thái Sơn, Bình Sơn, Mỹ Lâm, Sóc Sơn và Tân Hội đều cùng thực hiện nhiệm vụ phục vụ và bảo vệ đường 1C.

HUYỀN THOẠI U MINH

Khi địch phát hiện ta tập trung tại Hòn đông và mạnh, chúng tăng thêm quân đồng thời rút quân từ phía Bắc kinh xáng Rạch Giá - Hà Tiên về bao vây, cô lập Ba Hòn, tổ chức tấn công hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Quân dân Châu Thành A chấp nhận đối đầu, thử sức với giặc tại Ba Hòn trong điều kiện so sánh lực lượng khá chênh lệch để kèm chân địch, chia lửa cho đường 1C, đồng thời để các nơi khác tấn công địch mở rộng vùng giải phóng. Suốt 78 ngày đêm ta và địch quần nhau không một chút nghỉ ngơi, sau cùng địch phải rút lui với một thất bại thảm hại sau 78 ngày đêm ác liệt.

Từ cuối tháng 8/1969, lực lượng địch tập kết vào khu vực Ba Hòn lên đến hàng chục ngàn tên, gồm một trận địa pháo đặt tại Hòn Sóc và 350 tên lính bảo an, Hòn Me có 240 lính bảo an, Hòn Đất có 240 bảo an (số lính bảo an này hầu hết là gốc Hòa Hảo được điều từ An Giang sang). Chuẩn bị tấn công Ba Hòn, địch đưa về đây Trung đoàn 33 thuộc Sư đoàn 21 Bộ binh ngụy; một cụm chỉ huy sở đã chiến của Sư đoàn 9 đóng ở Hòn Sóc; 100 xe M113 đặt Sở chỉ huy tại cầu Hòn; một Lữ đoàn dù thuộc lực lượng tổng dự bị ngụy quân có công binh yểm trợ đóng tại Hòn Đất. Chúng còn tăng thêm một trận địa pháo đóng ở Trường trung học Tri Tôn. Địch chuẩn bị tấn công Hòn Đất chu đáo, tàu BCF phong tỏa mặt biển; Phoca khống chế các con kênh; xe bọc thép và đồn bót đóng chốt ngăn chặn quanh Hòn. Tưởng chừng như khu vực Ba Hòn hoàn toàn cô lập với bên ngoài. Không chỉ bao vây chặt chẽ, địch còn dùng bộ máy tề cộng với bọn lính địa phương khống chế đồng bào trong toàn huyện khu vực xung quanh Hòn, thậm chí không



*Dấu tích hố bom
B52 rải thảm
ở Hòn Đất*

cho dân dự trữ quá 20 lít gạo, đề phòng dân tìm cách tiếp tế cho lực lượng trong Hòn.

Sau khi chuẩn bị và bố trí trận địa hoàn chỉnh, liên tiếp nhiều ngày, địch dội bom bắn pháo vào Hòn; đặc biệt vào ngày 2/9/1969, tất cả các loại bom pháo đều được sử dụng hòng hủy diệt lực lượng trong Hòn. Pháo từ Tri Tôn bắn vào, pháo hạm từ ngoài biển đập vô, mãnh liệt nhất là pháo đài bay B52 đánh 5 lần, 15 phi vụ tiêu diệt tất cả những gì hiện diện trên đường bom đi qua. Mức độ bom đạn dội lên khu vực Ba Hòn thật khó tính hết, tưởng như không thể còn một thứ gì tồn tại. Trong trận lớn này địch đã sử dụng 27 phi vụ B52 rải thảm vào Ba Hòn, 43 phi vụ bom chiến thuật, pháo hạm mà ta thường gọi là “dàn nhạc Tân Tây Lan” bắn vào không kể số lượng và thời gian. Địch đổ quân đóng trên Hòn, chốt trước các miệng hang, chúng không thể biết được hang nào có người, hang nào trống vì lực lượng của ta luôn nơi này sang nơi khác, chỗ nào chúng cũng bị đánh, nên hang nào chúng cũng tuôn lựu đạn, bộc phá, lựu đạn cay vào. Ta phải giành giật với địch từng mồm đá, từng miệng hang để liên lạc với nhau, để di chuyển thương binh, để ra vào chỉ đạo phong trào trong toàn huyện và từng lúc đưa bộ đội chủ lực, thanh niên xung phong vào nghỉ chân trước khi lên đường đi tiếp về Khu. Qua một tháng chiến đấu vô cùng căng thẳng, đã qua theo yêu cầu của Quân khu, huyện xin ý kiến thì được chỉ thị phải tiếp tục chiến đấu kèm chân địch, quân dân Châu Thành A lại tiếp tục chiến đấu và chiến thắng kéo dài đến 132 ngày.

Trong 132 ngày đêm chiến đấu liên tục đã xuất hiện nhiều trận đánh hay, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Các chỉ huy quân chủ lực của tỉnh, của Quân khu có dịp đến đây đều công nhận địa phương quân Châu Thành A “đánh như chủ lực.

Trong thời gian này đã xuất hiện nhiều cá nhân, nhiều đơn vị tiêu biểu và cũng là thời gian quân và dân ở Ba Hòn phải trải qua biết bao thử thách, cam go. Ngay từ ngày đầu chiến đấu ta đã lâm vào hoàn cảnh thiếu lương thực, khẩu phần ăn của cán bộ chiến sĩ, kể cả thương bệnh binh tụt xuống đến mức thảm hại, có lúc 1 tổ 3 người chỉ được 1 ly nhỏ gạo cho mỗi buổi ăn, có lúc không còn một hạt gạo nào, mọi loại cây lá có thể ăn được trên Hòn đều được cán bộ, chiến sĩ ta tận dụng, kể cả rau dền, rau trai, củ chuối, ăn đến cả thân cây đu đủ, lá cây rừng... Vũ khí, đạn dược có thể đánh địch chiếm lấy sử dụng hoặc công trường huyện tích cực sản xuất, còn lương thực thì gay go vô cùng. Cả đoàn đi lấy gạo luôn lách qua được hàng rào bao vây của địch, vận động nhân dân quyên góp hoặc mua được vận chuyển về Hòn thật là thiên nan, vạn nan, rất nhiều lần gạo mất, người hy sinh, sự hy sinh, cho công việc này còn nhiều hơn cả hy sinh vì chiến đấu.

HUYỀN THOẠI U MINH

Trong những lúc gian nguy đó càng thấy rõ tinh thần của nhân dân Châu Thành A thật cao cả. Mặc cho địch đàn áp, khống chế, bất kỳ lúc nào nhân dân cũng có sẵn gạo để gặp bộ đội ta là có thể tiếp tế ngay; cá biệt nhân dân Nam Thái Sơn còn thành lập ban tiếp tế vận động nhân dân quyên góp và cho vay mượn để có thể cung cấp nhiều hơn cho Hòn. Hạt gạo vào Hòn phải đổi bằng máu của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Châu Thành A. Nhưng nhờ lòng dân như vậy mà càng về sau, lương thực vào Hòn càng nhiều, chiến sĩ trong Hòn không còn chịu cảnh thiếu thốn lương thực, chiến đấu ngày càng tốt hơn.

Chiến trận kéo dài, kinh nghiệm chiến đấu của ta càng nhiều, dù có khó khăn về việc tiếp tế lương thực nhưng ta vẫn khắc phục được, kể cả việc tập kích địch thu chiến lợi phẩm, lương thực. Từ đó quân dân Châu Thành A đã tạo nên những chiến thắng vang dội, đặc biệt là trận tập kích chỉ huy Sở Lữ đoàn dù ở Hòn Đất diệt Chuẩn tướng Thi.

Trong một cuộc chiến, không chỉ có bộ đội trực tiếp chiến đấu, nhất là trong thế trận chiến tranh nhân dân ở miền Nam. 78 ngày đêm oanh liệt tại Ba Hòn đã có sức mạnh tổng hợp của 3 thứ quân, của nhân dân Châu Thành A, mà trong đó là vai trò của nhân dân, của công trường Huyện, dù rất thâm lặng nhưng đã đóng công, sức thật to lớn cho chiến thắng 78 ngày đêm. Quân y viện vừa đảm bảo nuôi dưỡng điều trị thương bệnh binh, vừa tích cực chiến đấu bảo vệ đơn vị, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch trong điều kiện hoàn toàn tự lực và đã tạo nên nhiều thành tích to lớn góp phần cho chiến thắng 78 ngày đêm. Công trường huyện tự tìm chất nổ chế tạo các loại vũ khí đánh giặc, cung cấp cho các đơn vị đạt hiệu quả chiến đấu cao, làm cho địch hết sức hoang mang.

Đến giữa tháng 11/1969, địch nhận thấy không thể chiếm Hòn và tiêu diệt quân ta được, mà càng đánh chúng chỉ tiêu hao nhiều hơn, vì vậy ngày 19/01/1969, chúng hạ lệnh rút khỏi Hòn với gần 3.000 tên lính địch bị loại khỏi vòng chiến, trong đó gần 2.000 tên chết và bị thương, trên 500 tên đào rã ngũ, 80 tên rã ngũ tập thể...

Kể từ khi địch tập trung tấn công Hòn, do không còn đủ quân tập trung vào khống chế đường 1C nên đường vận chuyển 1C đã trở nên thông suốt hơn; không còn cảnh hy sinh, mất mát quá lớn trên đường đi như trước. Mà đường 1C thông suốt an toàn là một điều kiện để Quân khu 9 tấn công địch tốt hơn.

Tuy vậy, quân địch rút khỏi Hòn không phải để chấp nhận thất bại một cách rõ ràng hay đã nhận ra được sự nhầm lẫn, lơ lửng cho đường 1C hoạt động thuận lợi. Bọn chúng chỉ rút ra khỏi Hòn để củng cố lại lực lượng và tìm cách tấn công

HUYỀN THOẠI U MINH

khác hòng đề bẹp phong trào cách mạng, tiêu diệt quân ta trên địa bàn Châu Thành A. Quân dân Châu Thành A lại tiếp tục giữ chân địch trên địa bàn huyện mình để các huyện khác trong tỉnh có điều kiện phá mảng, mở rộng vùng giải phóng.

Với chiến thắng 78 ngày đêm tại Ba Hòn, Đảng bộ và quân dân Châu Thành A đã hoàn thành nhiệm vụ của Quân khu và Tỉnh giao phó một cách vẻ vang; đã thu hút, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, giải tỏa và phục vụ hành lang vận chuyển về khu an toàn. Nó đã chứng minh tính kiên trung, bất khuất, ý thức chấp hành mệnh lệnh cấp trên của Đảng bộ quân dân Châu Thành A đạt được mục tiêu chung của toàn Khu. Nó là một thử thách ghê gớm để khẳng định bản chất anh hùng, tinh thần chiến đấu ngoan cường, thông minh, sáng tạo, sẵn sàng chịu đựng hy sinh, gian khổ của quân dân Châu Thành A để giải phóng dân tộc.

Chiến trường Châu Thành A ngày càng trở nên quan trọng đối với địch. Thực tế 78 ngày đêm ở Ba Hòn cũng đã cho địch một bài học đau xót là chẳng những không tiêu diệt được lực lượng quân sự, cơ quan đầu não của cách mạng trên địa bàn này, mà còn không thực hiện được ý đồ bóp nghẹt hành lang 1C, con đường chuyển quân của lực lượng cách mạng vẫn an toàn. Do đó, sang năm 1970, địch càng ra sức đẩy mạnh bình định trên khắp địa bàn huyện bằng nhiều thủ đoạn thâm độc và tinh vi hơn.

Trong những năm 1970, 1971 và 1972, Đảng bộ và quân dân Châu Thành A vừa phải chống phá bình định, tích cực tấn công tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch góp phần cùng cả nước giành thế mạnh trên bàn Hội nghị ở Paris, đồng thời bảo vệ và phục vụ đường 1C. Bằng 3 mũi giáp công, quân dân Châu Thành A đã đánh trên 50 trận lớn nhỏ diệt nhiều sinh lực địch, mà nổi lên là thành tích đánh giao thông năm 1970, chỉ riêng xã Thổ Sơn đã diệt 78 xe quân sự các loại, trong đó có 3 xe M113, diệt 369 tên địch.

Đặc biệt, quân dân Châu Thành A thực hiện mệnh lệnh của Quân khu và tỉnh Rạch Giá thu hút địch vào Ba Hòn lần thứ nhất quần nhau suốt 132 ngày đêm để bảo đảm cho đường 1C thông suốt trong giai đoạn này. Đây là một trong những thành tích nổi bật của huyện.

Cuối năm 1970, Tư lệnh Quân khu 9 yêu cầu quân dân Châu Thành A phải thu hút và ghìm chân địch tại Ba Hòn 1 tháng phối hợp với Moso (Hà Tiên) và Tút Dụp (An Giang).

Vào thời điểm này, địch đã đóng quân ở cả Ba Hòn, địch thường xuyên bắn phá, dội bom nát dẫu quanh khu vực đóng quân nhằm làm cho các cơ quan và bộ

HUYỀN THOẠI U MINH

đội cách mạng không thể dựa vào địa hình rừng núi tồn tại để đánh chúng. Nhưng, dù chúng có gắng sức đến đâu chăng nữa, thì quân dân Châu Thành A vẫn không thể khuất phục, vẫn ngoan cường chiếm lĩnh và làm chủ được trận địa.

Ngày 3/9/1976, địch lại huy động toàn lực tấn công chiếm Hòn. Nhưng chúng vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của ta, bị thiệt hại nặng phải rút xuống chân núi gọi pháo bắn tới tấp vào trận địa của ta rồi tiếp tục tấn công. Sự việc diễn ra iãjp đi, lặp lại nhiều ngày. Không thể đưa quân từ chân núi lên được địch dùng trực thăng đổ quân ngay trên đỉnh núi. Nhờ địa hình, địa vật của Hòn rất hiểm trở với các hang, đường ngầm, lò ảng, mô đá... nên dù địch có đóng quân trên núi cũng không thể khống chế, tiêu diệt được lực lượng của ta. Suốt bao nhiêu ngày, không lúc nào không có tiếng súng, bất kể ngày đêm. Cả ta và địch đều phải tích cực chiến đấu mới có thể tồn tại được, ta và địch ở xen kẽ nhau, có nơi cách nhau chỉ một phiến đá, luôn rình rập nhau để tập kích, phục kích, bắn tỉa, bắn cối, ném lựu đạn... giành giật nhau từng mô đá, từng miệng hang...

Trong trận chiến ở Ba Hòn, địch có nhiều lợi thế hơn ta, bằng các phương tiện hiện đại, chúng phong tỏa, cắt đứt nguồn tiếp viện hậu cần của ta. Chúng luôn thay đổi quân, dùng quân khỏe để đánh với một lực lượng cố định và ngày càng hao mòn của ta. Địch lại còn nguồn tiếp tế hậu cần bằng máy bay, cơm sấy, đồ hộp lúc nào cũng sẵn sàng. Trong lúc đó, do địch phong tỏa quá gắt gao nên lực lượng của ta ở Hòn thiếu thốn đủ thứ. Song, chính lúc này, quân và dân Hòn đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng; đã xuất hiện bao tấm gương chiến đấu, hy sinh vô cùng anh dũng, góp phần làm nên chiến thắng, tiêu biểu như Hà Văn Tý, đại đội trưởng địa phương quân; Ngô Bé Hai, trung đội trưởng trinh sát tổ chức chiến đấu và chiến đấu cá nhân xuất sắc, luôn mang chiến thắng thành tích về cho đơn vị; em Nguyễn Văn Kiến chưa tròn 15 tuổi vừa làm liên lạc cho Quân y huyện, vừa tham gia chiến đấu diệt địch và đã anh dũng hy sinh tại Hòn trong một trận đánh một mình chống lại một trung đội địch; đơn vị quân y huyện vừa làm nhiệm vụ quân y tiền phương của Khu, điều trị nuôi dưỡng thương bệnh binh vừa tổ chức chiến đấu bảo vệ căn cứ, bảo vệ thương binh, vừa xuất kích tiêu diệt quân địch đóng nơi khác trong điều kiện tự lực hoàn toàn cả lương thực thuốc men; Dân quân du kích xã Thổ Sơn luôn theo dõi bám địch đánh liên tục làm cho chúng hết sức hoang mang. Không thể nào kể được hết thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu mà quân dân Châu Thành A trong thời gian này.

Nhiệm vụ của Quân khu giao cho đã được hoàn thành xuất sắc với thành tích đánh trên 200 trận lớn nhỏ loại khỏi vòng chiến đấu trên 2.000 tên, diệt gọn đơn

HUYỀN THOẠI U MINH

vị 1 đại đội, 3 trung đội, 3 tiểu đội, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn, 2 đại đội, 2 trung đội thu rất nhiều chiến lợi phẩm. Toàn huyện trong thời gian này, diệt 40 xe quân sự, có 14 xe M113, diệt 5 khẩu pháo, 5 pho-ca, 5 thuyền chiến đấu, diệt một số lô cốt nhỏ cấp tiểu đội đóng trên đường 80.

Cuộc chiến đấu 132 ngày đêm đầu năm 1971 tại Ba Hòn cũng được phong trào đấu tranh chính trị và binh vận bên ngoài hỗ trợ rất đắc lực cả phong trào du kích chiến đấu cũng tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch làm thối động hàng ngũ kẻ thù.

Suốt 132 ngày ta giữ chân ít nhất là 4 Trung đoàn, tương đương 1 Sư đoàn trong tổng số 3 Trung đoàn ngụy quân của vùng 4 chiến thuật. Các Trung đoàn của 3 Sư đoàn đã 18 lượt thay phiên nhau để đánh với địa phương quân và du kích của 1 huyện trong suốt 132 ngày mà chỉ làm cho ta hy sinh 41 đồng chí, bị thương 39 đồng chí. Một điều phi thường đã diễn ra trên một vùng đất mà nếu không có ý chí anh hùng cách mạng thì sẽ không bao giờ có được.

Sau 132 ngày tại Ba Hòn, quân dân Hòn Đất còn sử dụng 3 mũi giáp công tấn công liên tục gây cho địch rất nhiều tổn thất mà những trận điển hình như tập kích vào Chi khu Tri Tôn ngày 15/6/1972, tập kích phân Chi khu Sóc Xoài ngày 15/7/1972, đặc biệt vào ngày 26/10/1972, ta tấn công và làm chủ Sóc Xoài trong 3 ngày 3 đêm là điều hiếm có đối với một thị tứ quan trọng nằm trên trục lộ cách tỉnh lỵ của ngụy chưa đầy 15 cây số.

Tất cả những nỗ lực của quân dân Châu Thành A trong giai đoạn 1969 - 1972 đều phục vụ cho nhiệm vụ đánh địch bình định và bảo vệ phục vụ cho đường 1C an toàn thông suốt góp phần cùng toàn khu bẻ gãy kế hoạch bình định của địch tại khu vực U Minh.

*(Trích hồi ký của đồng chí Đỗ Đức Trọng
Nguyên Bí thư Huyện uỷ huyện Hòn Đất)*

KÝ ỨC U MINH MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI



Về thăm lại chiến khu xưa

U Minh với cái tên đầy huyền thoại, không chỉ là vùng đất với những cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú, với những con người chịu thương chịu khó, giàu sáng tạo, đầy chất thi ca, mà U Minh còn là một “thánh địa” - Căn cứ địa cách mạng kiên cường trung dũng của miền Tây Nam bộ. Dòng chảy lịch sử U Minh - hôm qua, hôm nay và mãi mãi về sau chắc chắn vẫn là những ký ức không thể nào quên...

**DOANH NHÂN NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ CƯỜNG**

**TẤM LÒNG TÂM HUYẾT
CỦA MỘT NGƯỜI CON U MINH THƯỢNG
VỚI SỰ NGHIỆP LÀM GIÀU ĐẸP
CHO QUÊ HƯƠNG KIÊN GIANG**



Trong chuyến đi thực tế về với rừng U Minh Thượng về với căn cứ địa cách mạng xưa, để thực hiện nên những trang sách HUYỀN THOẠI U MINH, tôi đã gặp Anh một người con của vùng đất U Minh Thượng luôn tâm huyết và sâu nặng nghĩa tình với quê hương. Anh là Doanh nhân Nguyễn Việt Cường - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Phú Cường - Một trong những doanh nghiệp có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Kiên Giang và đặc biệt là trong các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa

Nguyễn Việt Cường sinh ra và lớn lên ngay trên chính mảnh đất quê hương Vĩnh Thuận - U Minh Thượng. Anh thường được những người thân trong gia đình và bà con chòm xóm kể cho nghe về căn cứ địa cách mạng kiên cường; về những chiến công oanh liệt của quân và dân vùng U Minh Thượng. Đặc biệt nơi đây, vùng đất thủy chung và anh dũng này còn nuôi dưỡng, đùm bọc, bảo vệ và chở che cho các cơ quan và nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước ta trong những năm kháng chiến đầy khó khăn, gian khổ.

Bước vào tuổi trưởng thành, Nguyễn Việt Cường được khoác lên mình màu áo của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Có thể nói những năm tháng được trui rèn



*Chủ tịch nước
Nguyễn Minh Triết
thăm Công ty Thủy
sản Minh Hải
JOSTOCO thuộc Tập
đoàn Phú Cường*

trong quân đội và cùng với những gì được chứng kiến và nghe kể lại từ thửa niên thiếu về truyền thống của vùng đất Anh hùng đã hun đúc và hình thành nên trong anh một bản lĩnh cùng tình yêu quê hương đất nước.

Truyền thống ấy, vùng đất ấy đã cho anh có một tuổi thơ đẹp đẽ, một nghị lực sống dẻo dai, luôn biết tự rèn luyện bản thân trong mọi hoàn cảnh, biết vươn lên trong hành trình đi tới của mình để tạo dựng sự nghiệp và trở thành một doanh nhân thành đạt rồi trở về quê hương giúp cải thiện cuộc sống của những người dân trên chính vùng đất nơi mình đã sinh ra và lớn lên. Và truyền thống ấy, vùng đất ấy đã hun đúc nên một doanh nhân Nguyễn Việt Cường có Tài, có Tâm và có Tầm như ngày hôm nay.

Tiếp xúc với anh, dù chỉ là lần đầu tiên cũng đều có chung cảm nhận anh là một con người điềm đạm và bình dị. Song ẩn chứa bên trong sự điềm đạm và bình dị ấy là những khát vọng mãnh liệt với mong muốn làm giàu cho bản thân mình, cho quê hương đất nước. Thế nhưng ít ai có thể biết được và đo đếm được những gì anh đã phải trải qua để có được như ngày hôm nay. Thế rồi, sau biết bao những đêm thức trắng cùng những nghĩ suy để tìm chọn lối đi cho mình, anh đã quyết định khởi nghiệp từ chính sản phẩm của quê hương thông qua công việc thu mua, chế biến và xuất khẩu thủy hải sản.

Thấm thoát đã hơn 20 năm trôi qua kể từ ngày Nguyễn Việt Cường bắt tay vào xây dựng sự nghiệp bằng đôi bàn tay và khối óc của mình để đi từ không đến có, và từ chính quyết định của anh ngày ấy đã mang lại những thành công của buổi đầu lập nghiệp cho đến hôm nay đã lớn mạnh với chuỗi 21 đơn vị thành viên mà Nguyễn Việt Cường đang quản lý và điều hành, tạo nên diện mạo bề thế của một

HUYỀN THOẠI U MINH

tập đoàn mang tên Phú Cường như ngày hôm nay. Diện mạo ấy có được xuất phát từ tầm nhìn, từ cách nghĩ, cách làm của Nguyễn Việt Cường; anh và các cộng sự của mình đã biết khai thác và tận dụng thế mạnh của quê hương Kiên Giang của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong việc nuôi trồng và chế biến thủy sản làm giàu cho quê hương, đất nước.

Nhưng không chỉ có vậy, ở anh còn là suy nghĩ của một người luôn sẵn lòng sẻ chia với cộng đồng về những gì mình đang làm bằng việc chọn nghề “thủy sản” để gây dựng cơ nghiệp - một sản phẩm gắn với người dân trên vùng đất lắm kênh nhiều rạch và một vùng biển giàu tiềm năng như Kiên Giang và cả vùng ĐBSCL rộng lớn. Điều đáng nói hơn nữa là sự nghiệp của anh đã góp phần không nhỏ vào việc giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người dân cũng như góp phần nâng cao được giá trị do chính người dân làm ra.



*Doanh nhân
Nguyễn Việt Cường
trong buổi Lễ trao
tặng Cúp vàng doanh
nhân Tâm Tài
năm 2009*

Cùng với ý chí vươn lên mạnh mẽ của Nguyễn Việt Cường, thành công trong những năm qua còn là đòn bẩy để Phú Cường Group cất cánh bay và sẽ lại có nhiều đóng góp hơn nữa cho sự phát triển của quê hương Kiên Giang bằng giá trị kinh tế, bằng những dự án, những công trình. Một trong những dự án đó là Khu đô thị biển phức hợp Phú Cường - Kiên Giang với tổng giá trị lên đến 11.500 tỷ đồng được xem là một trong những dự án hàng đầu và lớn nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long từ trước tới nay. Qua dự án này, Nguyễn Việt Cường muốn đóng góp cho quê hương Kiên Giang một công trình để đời, thể hiện và ghi dấu cho tâm

HUYỀN THOẠI U MINH

huyết của anh đối với đất và người Kiên Giang cũng như góp phần làm đổi thay diện mạo của thành phố biển nơi cực Tây của Tổ quốc.

Điều đáng quý nữa ở doanh nhân Nguyễn Việt Cường là anh luôn sẵn lòng sẻ chia thành quả của mình đến với những hoàn cảnh còn gặp khó khăn, những mảnh đời bất hạnh, tham gia ủng hộ các hoạt động xã hội từ thiện bằng trái tim nhân ái của mình. Không ít người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long đều biết đến doanh nhân Nguyễn Việt Cường và mãi mãi trân trọng tấm lòng của anh cùng Tập đoàn Phú Cường qua các hoạt động xã hội từ thiện hết sức ý nghĩa.

Trong những năm qua, không chỉ thường xuyên quan tâm thăm hỏi những mẹ VNAH, gia đình chính sách, gia đình có công với nước đang gặp khó khăn, doanh nhân Nguyễn Việt Cường còn luôn nhiệt tâm tham gia các chương trình nhân đạo như hỗ trợ bệnh nhân mổ tim, xây nhà thương, nhà tình nghĩa, trường học, cầu, đường giao thông nông thôn cho vùng sâu, vùng xa... Chỉ tính riêng năm 2008, qua chương trình “Nối vòng tay lớn” (do ủy ban MTTQ Việt Nam tổ chức) và nhiều chương trình từ thiện của tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long và TP Hồ Chí Minh, doanh nhân Nguyễn Việt Cường đã đóng góp gần 20 tỷ đồng. Anh luôn tâm niệm đây là trách nhiệm của người thành đạt đối với xã hội, đất nước; và cũng là đáp lại sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí lãnh đạo từ TW đến địa



Mô hình dự án khu đô thị biển Phú Cường

HUYỀN THOẠI U MINH

phương... Những nghĩa cử và tấm lòng cao đẹp của doanh nhân Nguyễn Việt Cường thật đáng quý biết bao!

Và lần này, khi biết Dự án Văn hoá Uống nước nhớ nguồn — Công ty Văn hoá Trí tuệ Việt thực hiện và xuất bản cuốn sách HUYỀN THOẠI U MINH — một công trình xuất bản tri ân sự hy sinh của các chiến sỹ cách mạng tại căn cứ địa U Minh trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống ngoại xâm của dân tộc, doanh nhân Nguyễn Việt Cường đã rất quan tâm và tham gia đóng góp vào việc xuất bản cuốn sách này, với mong muốn thông qua những trang sách HUYỀN THOẠI U MINH sẽ ghi lại những hình ảnh, những chiến công, những trang sử hào hùng của lớp lớp cha anh đi trước của quân và dân U Minh nhằm góp phần bảo tồn ký ức và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau thêm hiểu về truyền thống và thêm yêu quê hương mình.

Gặp lại Doanh nhân Nguyễn Việt Cường trong buổi lễ anh và Tập đoàn Phú Cường vinh dự được nhận Cúp vàng Tâm Tài và cúp vàng Thương hiệu, nhãn hiệu tại Hà Nội lần này, tôi thấy anh như rạng ngời hơn bởi những việc anh làm đang được xã hội và cộng đồng ghi nhận bằng những danh hiệu, những phần thưởng dành tặng cho sự đóng góp đáng trân trọng của anh và Tập đoàn Phú Cường. Vẫn nụ cười ấy, dáng vẻ bề ngoài điềm đạm và bình dị ấy nhưng luôn toát lên một khát vọng sống, khát vọng làm đẹp cho cuộc sống và làm giàu cho quê hương.

Trần Anh Tuấn

TÁI HIỆN MỘT CĂN CỨ TỈNH ỦY Ở U MINH THƯỢNG TRONG NHỮNG NĂM THÁNG CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

U Minh Thượng là một khu rừng tràm ngập nước rộng lớn, trải dài từ sông Cái Lớn, địa đầu huyện An Biên, đến giáp sông Trèm Trèm thuộc tỉnh Cà Mau.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, U Minh Thượng là căn cứ của cơ quan ủy Ban kháng chiến và ủy Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, của Khu ủy khu Tây Nam bộ, của Quân khu 9 cũng như của tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá cũ).

Trong 20 năm chống Mỹ, Tỉnh ủy Kiên Giang đóng căn cứ ở nhiều nơi, từ An Biên, Vĩnh Thuận, Gò Quao, đến Giồng Riềng, Tân Hiệp. Tùy theo tương quan lực lượng từng giai đoạn giữa ta và địch, cũng như tình hình cụ thể trên chiến trường, nhất là yêu cầu cần thiết của việc chỉ đạo phong trào cách mạng, lúc thì Tỉnh ủy đóng trong nhà dân, lúc lại xây dựng căn cứ ngoài địa hình vườn, rừng ở những nơi có địa thế tốt, thuận lợi cho những tình huống tiến, thoái khi có địch. Tuy nhiên, trong suốt chiều dài thời gian ấy, U Minh Thượng vẫn là căn cứ ổn định và lâu nhất của Tỉnh ủy, trong đó vùng rừng ngọn Ấp Khôn là khu vực chính của căn cứ.

Ba mươi năm qua, trải qua biến động của thời gian và không gian, khu căn cứ cũ của Tỉnh ủy, mà từ nơi đó, ngày 30/4/1975 những cán bộ trong cơ quan từ giã nơi này để đi ra thị xã Rạch Giá, không có dịp trở lại bởi bao công việc bộn bề. Tuy vậy, trong ký ức của bao người, căn cứ cũ vẫn hiển hiện như một phần tất yếu của cuộc sống không có gì thay thế được, bởi nó đã gắn bó máu thịt những tháng năm kháng chiến gian khổ mà hào hùng.

Đầu năm 2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương phục dựng lại khu căn cứ

HUYỀN THOẠI U MINH

chính tại vùng rừng ngọn Ấp Khôn, đồng thời xây dựng bia kỷ niệm tại những nơi Tỉnh ủy đã từng đóng căn cứ những năm chống Mỹ cứu nước. Việc phục dựng lại khu căn cứ cũ của Tỉnh ủy nhằm góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, đồng thời tạo cơ sở trong việc khai thác và phát huy tiềm năng du lịch khu vực U Minh Thượng thời gian tới. Khu di tích sẽ là điểm kết nối của các tua du lịch sinh thái, tham quan nghiên cứu về lịch sử vùng đất U Minh, về rừng U Minh Thượng, về khu rừng ngập nước lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á. Qua đó, làm cho thế hệ trẻ nâng thêm lòng yêu nước, yêu quê hương qua những hình ảnh cụ thể về lịch sử, về cảnh quan của một vùng đất đặc biệt này.

Đề án phục dựng sẽ tái hiện không gian khu vực căn cứ cũ trên diện tích 200ha của vườn quốc gia U Minh Thượng. Sẽ đào và đắp một con đê lớn bao quanh khu vực. Mặt đê đủ rộng để đủ điều kiện xây dựng một con lộ nhựa cho xe ô tô chạy quanh khu di tích căn cứ.

Khu vực tiền sảnh di tích có bố trí xây dựng một tượng đài với Lôgô biểu trưng căn cứ U Minh và một quảng trường đủ rộng để khi cần thiết tiến hành các nghi thức lễ hội.

Trong không gian khu vực phục dựng, tái hiện di tích, sẽ bố trí có đủ các công trình nhà ở, nhà làm việc, cầu đường, công sự phòng thủ và chiến đấu. Từ ngoài đi vào sẽ là trạm gác tiền tiêu của đội phòng thủ Tỉnh ủy, trạm giao liên, nhà bộ phận văn thư đánh máy, lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy, hội trường, nhà bếp. Trong cùng là nhà ở và làm việc của Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy và bộ phận cơ yếu, điện đài. Hệ thống cầu,



HUYỀN THOẠI U MINH

đường và khoảng cách giữa các nhà được phục dựng và bố trí tương tự như căn cứ ngày xưa, nhưng có tính đến quy mô hợp lý của giai đoạn hiện tại và nhu cầu của khách tham quan. Các loại công sự phòng ngự chiến đấu và hầm hào giao thông cũng được tái hiện như thực tế những năm tháng ấy, nhưng bố trí quy mô và số lượng hợp lý để khách tham quan có thể hình dung được thực tiễn chiến tranh. Trong các nhà ở và làm việc, sẽ tái hiện trung thực như nguyên trạng những vật dụng trong kháng chiến như sạp nằm bằng cây tràm nhỏ ghép lại trên có tấm đệm đan bằng cây sậy, bàn làm việc, máy đánh chữ, máy in quay tay, điện đài, đèn chai thấp sáng, những vật dụng cá nhân lúc kháng chiến như võng nylon, chiếu, khăn vải dù nguy trang, ba lô cá nhân, sắc cốt, thắt lưng, túi cứu thương, bi đông nước, đèn co Mỹ, radio, tài liệu làm việc và cả vũ khí các loại. Những căn chòi sẽ được xây cất dưới tán tràm, được nguy trang cẩn thận như những năm tháng kháng chiến. Các bến xuống cũng sẽ được tái hiện kín đáo dưới tán những cây tràm to như ngày xưa tránh sự dòm ngó của máy bay địch.

Bên ngoài khu phục dựng căn cứ cũ, sẽ bố trí xây dựng khu đón tiếp khách tham quan và các dịch vụ phục vụ du khách đến tham quan và nghỉ dưỡng, giới thiệu sản phẩm U Minh Thượng và những văn hoá phẩm kỷ niệm U Minh. Đặc biệt, không thể thiếu một khu nhà trưng bày những hình ảnh, kỷ vật kháng chiến, phim tài liệu giới thiệu về căn cứ Tỉnh uỷ và thành tích chiến đấu đánh địch, bảo vệ căn cứ, bảo vệ Tỉnh uỷ của đội phòng thủ những tháng năm ác liệt nhất trên chiến trường U Minh. Một đài quan sát cao vài chục mét là công trình không thể thiếu để du khách có thể nhìn tổng thể về rừng tràm U Minh từ trên cao.

Hiện nay, đề án phục dựng khu di tích căn cứ Tỉnh uỷ đang được xúc tiến khẩn trương. Tin rằng, không bao lâu nữa, du khách đến tham quan U Minh Thượng sẽ được đắm mình trong không gian lịch sử của cuộc kháng chiến hào hùng được tái hiện, được thanh thoi khua nước bơi xuống ba lá dọc trên những con lung quanh co đầy lau sậy, bồn bồn, bông súng, những con kênh rợp bóng tràm xanh ngát giữa ruộng rừng U Minh, được đưa tay ngắt những bông súng màu tím non tươi mát, dân dã đượm chất đồng nội, và cũng không thiếu hương vị nồng nàn thoang thoảng của hương bông tràm từ menh mông rừng tràm theo gió quyện về. Khoảnh khắc ấy sẽ làm tan biến đi bao tất bật lo toan của những suy tư lẩn lộn trong cuộc mưu sinh, để tâm hồn thư thái nhẹ nhàng hơn, lòng du khách lắng đọng với chút hương quê thoang thoảng và cảm giác theo về mãi với tha nhân.

Di tích căn cứ Tỉnh uỷ ở U Minh Thượng, một điểm đến, một điểm dừng của những tấm lòng với quê hương đất Việt, với mảnh đất anh hùng U Minh.

Việt Thanh

**DI TÍCH U MINH THƯỢNG
CẦN ĐƯỢC GIỮ GÌN, TÔN TẠO...
ĐỂ MÃI LÀ NIỀM TỰ HÀO
CỦA CÁC THẾ HỆ MAI SAU**

(Trích ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu văn hóa... nói về việc bảo tồn di tích lịch sử U Minh Thượng)

TRƯƠNG BÍCH KHÊ (*Giảng viên trường Cao đẳng Văn hóa TP Hồ Chí Minh*):

Muốn bảo tồn và phát huy tốt Di tích lịch sử căn cứ cách mạng U Minh Thượng, trước hết phải bảo vệ, khôi phục được rừng tràm, giữ được nguyên trạng địa hình rừng và kinh rạch cùng với thảm thực vật và động vật đích thực mang đặc điểm của U Minh Thượng

Ở mỗi di tích nên dựng một bia có văn bia khắc trên đá (để lưu giữ được vĩnh cửu). Bia nên đặt ở những nơi giao lộ đường bộ hoặc đường thủy, nơi diễn ra những sự kiện lịch sử quan trọng. Ở đây cố gắng bảo vệ được cảnh quan trong một phạm vi diện tích thích hợp. Cũng cần chọn một khu vực làm Trung tâm cho khu Di tích (nên lấy khu vực Ngã tư Xẻo Cạn — Ngã tư Cộng Sự). Tại đó tôn tạo một số công trình làm biểu tượng chung cho khu di tích. Nên lấy một khu rừng cách Ngã tư Cộng Sự khoảng 7 — 8 cây số để dựng lại trong đó một số cảnh quan sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào U Minh Thượng trong kháng chiến chống Pháp và trong kháng chiến chống Mỹ. Bảo vệ khu rừng 1.200 ha với những hố bom B52 còn lại ở giáp kinh làng Thứ Bảy làm chứng tích tội ác quân giặc đã tàn sát nhân dân và tàn phá rừng tràm.

Nếu được quan tâm đầu tư thích đáng, U Minh Thượng sẽ trở thành một khu di tích lịch sử có giá trị truyền thống cách mạng, một khu du lịch sinh thái rất hấp dẫn du khách trong và ngoài nước

HUYỀN THOẠI U MINH



Lễ chuyển giao
thế hệ tại
U Minh Thượng
(1997)

PTS. HỒ BÁ THÂM (Nguyên Phó Giám đốc Sở KH-CN Kiên Giang):

Phải coi U Minh Thượng là một trọng điểm để xây dựng khu du lịch cùng với khu vực Hà Tiên, Hòn Đất, Phú Quốc để phát triển ngành du lịch. Muốn vậy phải có đầu tư lớn của Nhà nước Trung ương.

Cần đầu tư mở rộng con đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo quy hoạch để mở thế văn minh cho vùng bán đảo Cà Mau, phát huy giá trị khu di tích U Minh Thượng, đồng thời sớm có biện pháp kiên quyết bảo vệ rừng, bảo vệ các động vật quý hiếm, tái tạo lại vùng sinh thái U Minh Thượng trong sự phát triển kinh tế — xã hội bền vững. Trong quy hoạch không chỉ là quy hoạch cụ thể các điểm di tích mà còn phải quy hoạch cụ thể về mặt bảo tồn sinh thái.

PTS. THÁI THÀNH LƯỢNG (Sở NN & PTNT Kiên Giang):

Nên giữ lại nguyên vẹn những nơi còn rừng tự nhiên, nhất là rừng trên đất than bùn U Minh; Cần dè dặt khi mở thêm kinh mương vào khu bảo vệ nghiêm ngặt, bởi không cẩn thận có thể làm đảo lộn tính thiên nhiên hoang dã của rừng tràm.

Nên bố trí quản lý nước trong rừng U Minh làm thế nào để có một mùa khô và một mùa ngập, mùa ngập có thể kéo dài ra nhưng cũng không nên quá giới hạn cho phép và có thể dịch chuyển thời gian ráo nước kéo dài sang tháng 5,

HUYỀN THOẠI U MINH

tháng 6, nghĩa là nên chặt cạn nước trong giai đoạn đầu khi mùa mưa ổn định, để vừa đảm bảo phòng chống cháy, bảo vệ rừng và cũng có thể đảm bảo đặc tính sinh thái sinh trưởng theo mùa của cây Tràm. Cần xây dựng rừng U Minh Thượng thành một khu bảo tồn thiên nhiên thật sự. Cần xây dựng một phòng bảo tàng thực vật và động vật rừng trên cơ sở khảo cổ các loài động vật và thực vật bằng các tiêu bản. Cũng nên đầu tư xây dựng một trung tâm cứu hộ động vật bằng cách cứu các loài đang bị tuyệt chủng, tổ chức nuôi dưỡng chúng và nghiên cứu cứu cho sinh sản để có thể trả trở lại cho rừng

NGUYỄN NGỌC HUÂN (*Ban Quản lý di tích tỉnh Kiên Giang*):

Để xứng đáng với tầm cỡ, giá trị vốn có, Di tích lịch sử căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng phải được xây dựng một khu trung tâm quy mô phù hợp với di tích. Đặc biệt phải xây dựng một quần thể tượng đài, thể hiện sức sống mãnh liệt của cây rừng U Minh đồng thời thể hiện tinh thần anh dũng chiến đấu của quân và dân vùng căn cứ — có thể chọn địa điểm Ngã tư Cộng Sự để xây dựng khu Trung tâm. Một công việc nữa không thể thiếu được là phải phục hồi một số di tích như: Xưởng sản xuất vũ khí, trường lục quân, trường Tư pháp, nhà ở của Bộ Tư lệnh — đồng thời làm tốt công tác thuyết minh di tích.



Đ/c Lê Hồng Anh
phát biểu tại buổi lễ
chuyển giao thế hệ

HUYỀN THOẠI U MINH

TRẦN VĂN BA (*Ban quản lý di tích tỉnh Kiên Giang*):

Bảo vệ và trùng tu tôn tạo Di tích căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng là một việc làm có ý nghĩa và hết sức cần thiết nhằm bảo tồn và phát huy tác dụng di tích trong việc giáo dục truyền thống dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và lòng tự hào dân tộc.

Cần đầu tư xây dựng một khu văn hóa (có thể đặt tại Ngã tư Cộng Sự) — nơi đây sẽ là nơi sinh hoạt văn hóa của người dân U Minh Thượng. Và khi đó, để khu văn hóa này thực sự thu hút được mọi tầng lớp nhân dân trong vùng, ngành văn hóa thông tin U Minh Thượng cần có kế hoạch kết hợp với các ngành liên quan như: Giáo dục, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và một số đoàn thể khác trong việc tổ chức tuyên truyền giáo dục thông qua nhiều hình thức như: Du khảo về nguồn, cắm trại, mít tinh, biểu diễn văn nghệ ; Là nơi tổ chức kết nạp Đoàn, đội cho thanh thiếu niên và một số mô hình hoạt động khác phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và giáo dục thế hệ trẻ sống hướng về cội nguồn và biết trân trọng truyền thống tốt đẹp của cha ông.

VÀI NÉT VỀ ĐỀ ÁN PHỤC DỰNG LẠI KHU CĂN CỨ TỈNH ỦY Ở U MINH THƯỢNG GIAI ĐOẠN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã lùi xa hơn một phần ba thế kỷ. Cùng với cả nước, Kiên Giang đã và đang đi lên từng ngày trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được về nhiều mặt, việc giáo dục truyền thống cho các thế hệ thụ hưởng hoà bình, những năm qua chưa được tiến hành thường xuyên và có thể nói là chưa được thực sự coi trọng, chưa tương xứng với những hy sinh của các thế hệ cha anh trong cuộc kháng chiến cứu nước. Trong khi đó giáo dục, xây dựng lòng tự hào về truyền thống cách mạng cho thế hệ hôm nay và mai sau là việc hết sức cần thiết. Qua đó tạo nên ý thức trân trọng quá khứ hào hùng, tác động trực tiếp đến tư tưởng và quyết tâm hành động cách mạng của tuổi trẻ.

Với ý nghĩa sâu sắc đó, đề án phục dựng lại khu căn cứ Tỉnh uỷ ở U Minh Thượng đã được xây dựng và đưa vào chương trình, kế hoạch cụ thể của tỉnh Kiên Giang trong những năm tới.

Địa điểm: Định vị khu vực chính để xây dựng là khu vực rừng tràm tự nhiên ở ngọn Ấp Khôn, tiếp giáp cua queo đê bao trong. Đây là khu vực rừng quốc gia, do Ban quản lý Vườn quốc gia U Minh Thượng quản lý (thuộc ấp Vĩnh Thành, xã Thạnh Yên). Các công trình xây dựng tái hiện Khu căn cứ Tỉnh uỷ sẽ toạ lạc chủ yếu trên diện tích rừng, nhưng một số nhỏ hạng mục sẽ có triển khai trên bờ đê bao trong. Khu vực quy hoạch xây dựng có dáng hình bình hành, cạnh dài nằm

HUYỀN THOẠI U MINH

đọc phía trong bờ đê bao trong, về phía xã Minh Thuận, một cạnh nằm cặp đê bao trong theo hướng Kinh Làng Thứ Bảy.

DỰ KIẾN PHỤC DỤNG CÁC CÔNG TRÌNH NHÀ Ở VÀ NHÀ LÀM VIỆC SAU:

Khu vực căn cứ của Khu ủy:

Khu vực này chỉ xây dựng một vài công trình nhà ở và làm việc, thể hiện Khu ủy Khu 9 có một thời gian đã đến ở và làm việc tại địa bàn U Minh Thượng.

Khu vực Tỉnh ủy gồm các nhà:

- | | |
|--------------------------|----------------------------------|
| - Nhà Bí thư Tỉnh ủy. | - Nhà Phó Bí thư Tỉnh ủy. |
| - Chốt bảo vệ tiền tiêu. | - Nhà ban chỉ huy đội Phòng thủ. |
| - Nhà văn thư đánh máy. | - Nhà tổ số liệu. |
| - Nhà Chánh Văn phòng. | - Nhà Phó Văn phòng. |
| - Hội trường. | - Nhà bếp và nhà ăn. |
| - Cơ yếu điện đài. | - Cơ công. |

Trên cơ sở quy hoạch và định vị công trình, sẽ tiến hành xây dựng từng khu nhà ở và làm việc, hệ thống đường, cầu và các con kênh trong khu vực. Sau đó, đến mùa khô sẽ đào những con kênh nối các khu nhà dưới những tán tràm đã có, dưỡng số tràm còn nhỏ, hay trồng mới ngay khi khởi công công trình. Khi xây dựng các khu nhà, giữ cự ly giữa các nhà cách nhau khoảng từ 30 m đến xa nhất là 100m. Kết hợp cả 2 hệ thống đường đất và đường cầu trong khu di tích, là để đảm bảo đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách tham quan khu căn cứ.

Về hệ thống đường đi lại giữa các khu nhà:

Đường cầu: Xây dựng đường cầu có khổ rộng 1,2m đến 1,5m bằng bê tông giả gỗ, đảm bảo cho du khách đi lại ngược chiều nhau thoải mái. Nếu khu vực đã có cây rừng sẵn thì tiếp tục dưỡng cây. Nếu chưa có thì phải khẩn trương trồng mới tràm dọc đường cầu. Dự kiến tổng chiều dài đường cầu khoảng 1.000m, và được bố trí ở một số khu vực chứ không phải toàn tuyến trong khu di tích. Bố trí bảng chỉ dẫn hướng đi tại các ngã 3, ngã 4 đường cầu.

Đường bộ: Dự kiến đào dọc theo đường cầu với chiều rộng 1,5m đến 2m, sâu khoảng 1,2 đến 1,5m, lấy khối lượng đất đắp lên thành con đường đi trong rừng tràm có mặt đường rộng từ 1,5 m đến 2m, mặt đường lát bằng tấm bê tông xi măng,

HUYỀN THOẠI U MINH

có độ cao đảm bảo không bị ngập vào mùa mưa. Xây dựng một số cầu bằng bê tông giả gỗ, nối giữa các đoạn đường trong khu vực, cũng là để tạo thêm cảnh quan cho căn cứ.

Hội trường:

Xây dựng có diện tích khoảng 40 đến 60 m² đủ chỗ cho những cuộc họp Tỉnh ủy có trên 50 người dự. Sàn lót bằng bê tông giả gỗ tròn (tràm U Minh). Cột bằng bê tông giả gỗ. Kèo và đòn tay thì có thể sử dụng tràm lớn ngâm tẩm để đảm bảo kéo dài tuổi thọ. Không dùng vách. Chung quanh hội trường xây dựng một số công sự nổi hoặc chìm. Một đầu hội trường có bố trí một bàn đứng nói chuyện bằng ván gỗ xẻ và khẩu hiệu. Các bàn phía dưới có chân bằng cây tràm (giả gỗ), mặt gỗ xẻ (thật). Chọn địa điểm sao cho hiện tại tràm khá lớn để người tham quan dễ hình dung khung cảnh thật lúc đó.

Nhà ở và làm việc của Khu ủy:

Bố trí xây dựng một vài nhà mang tính tượng trưng khu là việc của Khu ủy, bố trí thành một cụm riêng, nhưng liên hoàn trong toàn khu vực sẽ xây dựng, với quy mô kích thước 4m x 6m, có hầm trú ẩn, bàn làm việc với những dụng cụ, tài liệu, báo chí, radio, đèn dùng ban đêm. Sàn ngủ bằng sạp tre hay cây tràm nhỏ kết lại.

Nhà ở và làm việc của Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy:

Bố trí xây dựng 2 nhà. Một của Bí thư, một của Phó Bí thư, cách nhau vài chục mét, kích thước 3m x 5 m, có công sự trú ẩn kế bên. Trong nhà có bàn làm việc mặt bằng gỗ xẻ, có giường gỗ hoặc vạc bằng cây tràm nhỏ ghép lại. Có 1 radio loại cũ và đèn kiểu chai alcol delnan, tim đèn có thể búng lên được. Có sách báo, tài liệu làm việc.

Trạm Giao liên nội bộ:

Cất dưới tán tràm, kích thước 4m x 6m. Nếu tràm chưa lớn thì cố gắng dưỡng để 1 - 2 năm sau phủ lên trên nóc. Nhà trạm có thể là nền đất hay sàn lót bằng cây tràm. Có hầm trú ẩn bên cạnh nhà. Trong nhà, có các hiện vật kháng chiến đặc trưng của ngành giao liên như khăn quàng trang bằng vải dù Mỹ, ba lô, thùng đựng thư từ, tài liệu phải chuyển đưa, một bộ dầm chèo tượng trưng cho phương tiện hoạt động của giao liên.

Chốt bảo vệ tiền tiêu:

Cũng cất dưới tán tràm, kích thước 3 x 4m, có 2-3 công sự phòng thủ chiến đấu điển hình, có chỗ nghỉ, ngủ của chiến sĩ bảo vệ.

Nhà văn thư đánh máy:

Bố trí 2 đến 3 nhà nhỏ, kích thước 3m x 4-5 m. Tại đây, sưu tầm và bố trí máy quay ronéo, từ 2-3 máy đánh chữ kiểu cũ để trên bàn gỗ, có vài gam giấy poluya và giấy than để trên bàn. Những hiện vật này có tác dụng để khách tham quan hình dung lại công cụ làm việc của văn thư Tỉnh ủy thời kỳ đó.

Nhà ở và làm việc của Chánh, Phó Văn phòng:

Kích thước khoảng 3m x 4 m. Tại đây, bố trí bàn gỗ, chõng tre hay sà ngrủ bằng cây tràm nhỏ ghép lại, có hòm trú ẩn kế bên. Bàn làm việc có tài liệu, giấy tờ, báo chí kháng chiến, thùng đạn cac-bin đựng tài liệu.

Nhà bếp, nhà ăn:

Có thể cất liền kề. Nhà bếp nhỏ. Nhà ăn kích thước rộng hơn (có thể khoảng 4m x 6m hoặc lớn hơn). Bố trí một số bàn ăn bằng ván, chân bằng bê tông giả gỗ. Bố trí một số hòm trú ẩn chung quanh.

Nhà bộ phận cơ yếu và cơ công:

Trong thực tế lúc kháng chiến, 2 nhà này xa nhau. Nhưng do hoàn cảnh xây dựng hiện nay không thể bố trí xa được, nên có thể xây dựng gần nhau, nhưng riêng 2 nhà. Nhà cơ yếu thì kích thước nhỏ. Nhà cơ công thì lớn hơn, có bố trí máy đánh móc-sơ, ma-níp, bàn quay.

Nhà đội phòng thủ:

Có thể bố trí xây dựng 2-3 cái nhỏ. Mỗi cái có sạp ngủ bằng cây tràm hay ván. Có kệ máng súng, công sự chiến đấu và phòng ngự, một số vũ khí tự tạo (mẫu). Trên vách, có bảng nội quy và tiêu lệnh chiến đấu. Có máy PRC 25, bình ắc quy.

Trạm y tế:

Kích thước nhỏ, chỉ khoảng 3m x 5m. Có bố trí giường nằm, bàn để thuốc men dụng cụ y tế, bông băng đã chiến.

Khu vực hố bom B52:

Dò tìm và làm đường nối khu phục dựng với một vài hố bom còn lại để đưa khách tới tham quan. Có bảng chỉ dẫn và thuyết minh về trận bom và danh sách số người hy sinh.

HUYỀN THOẠI U MINH

CÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC Ở KHU VỰC TIỀN DUYÊN PHỤC VỤ KHÁCH THAM QUAN, DU LỊCH:

Công viên và khu cắm trại, sinh hoạt, vui chơi:

Trong quy hoạch bố trí xây dựng một khu vực sử dụng làm công viên và vui chơi, cắm trại cho lớp trẻ đến tham quan khu căn cứ.

Tại khu vực này, bố trí đắp nổi (hoặc san lấp bằng cát) một diện tích mặt bằng khoảng 1 - 2 ha, bố trí trồng cây xanh và hoa kiểng, ao cá để xem và để câu, ghé đá, một số chuồng và ao nuôi động vật đặc trưng U Minh, tạo cảnh quan và bóng mát đáp ứng cho việc cắm trại, vui chơi của khách, nhất là lớp trẻ đến với khu di tích.

Xây dựng một vài cầu khỉ qua kênh, cầu ao truyền thống vùng nông thôn Nam bộ để tạo cảnh quan. Bố trí như thế này, vừa đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu lịch sử, vui chơi giải trí, vừa đáp ứng yêu cầu tạo không gian xanh, mát, rộng thoáng sau khi khách đã đi vào các khu nhà được phục dựng và qua hệ thống đường cầu khá chật hẹp.

Có thể bố trí thêm tại khu vực này một số hình thức khác như khu nuôi ong mật, rắn rùa, kỳ đà, trăn, ba ba... cho du khách vừa xem, vừa mua, tạo tính đa dạng và hứng thú cho khách, tăng thêm doanh thu cho khu di tích.

Nhà trưng bày, đón tiếp và giới thiệu cho khách tham quan:

Xây dựng với diện tích khoảng 100m² để đảm bảo không gian rộng, thoáng và bố trí ở vị trí ngay từ đường chính vào khu vực căn cứ được phục dựng. Có thể xây dựng kiểu nhà sàn trên mặt ao rộng và nên làm bằng bê tông giả gỗ, kết hợp với chất liệu gỗ, lợp ngói, có hoặc không có trần, nhưng có chiều cao tạo sự thoáng mát. Trong nhà, ngoài hình ảnh các đồng chí lãnh đạo Khu ủy, Tỉnh ủy, Chánh, Phó văn phòng những năm kháng chiến, một số hình ảnh hoạt động thời kỳ chống Mỹ, một số hiện vật kháng chiến được sưu tầm, trưng bày, cần xây dựng thành sa bàn toàn khu vực căn cứ tỉnh uỷ, hoặc cả vùng U Minh Thượng. Sử dụng hệ thống ánh sáng và bảng điện tử để thuyết minh cho khách. Bố trí máy chiếu phim tư liệu và người thuyết minh tại đây, phục vụ mỗi khi có đoàn hoặc nhóm du khách đến tham quan.

Cửa hàng bán đồ lưu niệm và cửa hàng nhiếp ảnh:

Xây dựng bằng chất liệu bê tông giả gỗ kết hợp với gỗ, cạnh nhà trưng bày. Quy mô khoảng 40 - 60m. Tại đây sẽ trưng bày và bán các sản phẩm lưu niệm mang hình ảnh kháng chiến như võng bằng nylon, ba lô, nón tai bèo, bình toong

nước, vải dù ngụy trang, ca uống nước và bán các bản phim tài liệu, phim, bưu ảnh, logo khu căn cứ, các sản phẩm đặc trưng của U Minh.

Bãi đậu xe:

Dự kiến xây dựng với diện tích từ 1000 - 2000 m², nằm ở vị trí ngoài bìu khu vực, nhưng cũng không nên xa lắm. Kết cấu bãi bằng bê tông xi măng hay rải nhựa.

Trạm cấp điện và hệ thống điện trong khu vực:

Có thể xây dựng cạnh bãi đậu xe của khách tham quan, với công suất thiết kế phù hợp. Riêng hệ thống điện sử dụng phục vụ ánh sáng hay các nhu cầu khác thì nên bố trí ngầm.

Hệ thống cấp nước sinh hoạt:

Bố trí 1 giếng nước ngầm và 1 tháp nước có thể tích 10m³ nâng lên độ cao vài mét phục vụ cho du khách và lực lượng quản lý, phục vụ khu di tích.

Hệ thống phòng và chữa cháy:

Chủ yếu sử dụng bình chữa cháy cầm tay. Bố trí 1 còi hơi báo cháy.

Trạm y tế, cấp cứu:

Bố trí kế bên nhà trưng bày và giới thiệu, có một số giường nằm, có cán bộ y tế túc trực và đủ thuốc thông thường, kể cả thuốc trị rắn độc cắn.

Trạm điện thoại:

Bố trí cạnh nhà trưng bày truyền thống, phục vụ chủ yếu cho khách tham quan.

Hệ thống vệ sinh:

Bố trí cách biệt, nhưng không xa khu trung tâm lắm, để dễ dàng thuận tiện cho khách, nhưng phải được thiết kế sao đảm bảo đáp ứng chuẩn vệ sinh môi trường chặt chẽ, lâu dài.

Bến xuồng và xuồng tham quan:

Bến xuồng được xây dựng từ bên ngoài vào, cạnh khu công viên vui chơi, nhưng phải thông với các con mương đi đến các khu nhà, phục vụ nhu cầu đi dạo bằng xuồng của khách. Cần có khoảng vài chiếc xuồng ba lá, xuồng chèo và có người biết chèo, đáp ứng khi khách có nhu cầu đưa đi tham quan. Bố trí đội ngũ nhân viên phục vụ biết chèo, bơi xuồng ba lá, đồng thời biết giải đáp những nhu cầu tìm hiểu (tối thiểu) của du khách chung quanh những thắc mắc về Khu di tích căn cứ của Tỉnh ủy.

Bảng sơ đồ giới thiệu chung:

Bố trí xây dựng ở cạnh cổng vào khu vực. Chất liệu bê tông xi măng với độ cao vài mét và độ lớn khoảng 20 m².

Logo (biểu trưng) toàn khu vực:

Qua cuộc thi sáng tác logo cho Khu căn cứ Tỉnh ủy, chọn một mẫu sử dụng làm 1 logo chính thức cho khu vực. Đầu tư xây dựng bằng chất liệu bê tông tại khu vực mặt bằng công viên 1 logo kích thước cao khoảng 5 -10m ở vị trí đẹp nhất khu vực.

Tháp tham quan và quan sát toàn cảnh U Minh:

Bố trí xây dựng 1 tháp quan sát bằng thép, chắc chắn, đảm bảo an toàn, có độ cao 10 đến 15m, đủ cao độ để du khách có điều kiện quan sát từ trên cao cảnh quan rừng U Minh đến hết tầm mắt và bằng ống dòm. Đồng thời sử dụng tháp vào mục đích phát hiện các đám cháy rừng khu vực 200 ha và rộng hơn chung quanh.

Các điểm dựng bia kỷ niệm

Ở một số địa điểm Tỉnh ủy đóng căn cứ trong một thời gian, thì không phục dựng lại căn cứ, mà tổ chức dựng bia kỷ niệm tại vị trí đã đóng. Dự kiến đặt bia tại 5 địa điểm mang tính đại diện những nơi Tỉnh ủy đóng lâu và 1 điểm tại nơi lập chi bộ thứ 2 của tỉnh. Các địa điểm dựng bia gồm:

Điểm nhà bà Hai Phước, ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên.

Điểm nhà Tư Bông, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Hòa.

Điểm nhà Mười Thương, Chín Cung, ấp Xẻo Gia, xã Vĩnh Bình Bắc.

Điểm nhà Ba Tánh, Tám Nhon, Kênh 7 Kê, ấp III, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc.

Điểm nhà Bảy Trà, Tư Trừ, ấp Thạnh Thới, xã Thạnh Lộc.

Điểm Ranh Hạt, xã Vĩnh Thuận.

Quy mô diện tích sử dụng đất làm mỗi bia kỷ niệm từ 500 đến 1.000m². Trong đó diện tích xây dựng là 1.00m².

(Nguồn: VP Tỉnh ủy Kiên Giang)

ĐẶNG ĐÌNH CHẤN

U Minh huyền thoại

Về U Minh,

Nghe đất rừng xạc xào kể chuyện

Văng giọng người xưa pha đấm hương Tràm:

Ký ức về một thời khai mở,

một thời gian khó, hy sinh

Nước mắt không ít hơn mồ hôi

Máu đổ theo những khát khao chinh phục;

Để U Minh vẫn đẹp trên trầm tích ngày xưa

U Minh - nơi có những con người trung dũng

Không thể thiếu nhau trong Ấm Lạnh cuộc đời.

Bao thế hệ nối nhau, bao hành trình kế tiếp

Ngọn lửa từ Tim luôn rực cháy trong lòng.

Lịch sử không quên, người đời mãi nhớ:

Một Huyền thoại U Minh xao xuyên khôn cùng!

Kẻ thù ác độc, bạo tàn, muốn huỷ diệt U Minh

Muốn nơi đây không còn một nhánh cây, ngọn cỏ

để chúng dễ bề thực hiện dã tâm!

Hàng ngàn người con của U Minh ngã xuống

Hàng vạn người con của mọi miền quê máu thấm đất này.

Cái thời đón đau đau đã quá xa

HUYỀN THOẠI U MINH

*Vẫn còn đó niềm nhớ thương khắc khoải
Máu đào đổ trui rèn ý chí
Vững vàng giữ chiến địa U Minh.
Dòng sông đời dù có đục, có trong
Lòng người U Minh luôn luôn trong, không đục:
Hai chục năm ròng trong nổi cực đạn bom
Trong nỗi đau xé lòng vì nhà tan, người mất
Vẫn một lòng theo Đảng - kiên trung
Chiến thắng kẻ thù bằng bên gan vững chí.
Nhưng cái tên Xẻo Cạn, Xẻo Rô, Cây Bàng,
hay Ngã tư Công Sự
Mộc mạc mà đậm sâu giá trị thiêng liêng.
Còn bao nhiêu trận chống càn,
bao nhiêu lần phá áp (áp chiến lược)
Làm sao đo đếm nổi những hy sinh?
Tất cả đã dệt nên một U Minh huyền thoại
Và vẻ đẹp U Minh, không chỉ của một thời quá khứ, của hôm qua,
mà cho mãi sau này.*

BẢO VỆ CĂN CỨ U MINH THƯỢNG NIỀM TỰ HÀO CỦA CÔNG AN KIÊN GIANG

Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ, chính quyền và quân dân tỉnh Kiên Giang luôn gắn liền với lịch sử truyền thống của căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng. Nơi đây đã từng được chọn làm chỗ đóng cơ quan đầu não của Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Nhưng nơi đây rừng và đất cũng đã chứng kiến hàng trăm ngàn nỗi đau, nỗi vất vả nhọc nhằn của các chiến sĩ cách mạng trung kiên; đất và người U Minh đã chịu đựng hàng ngàn tấn bom đạn trong những trận đánh lớn nhỏ; biết bao đồng chí đồng bào đã hy sinh anh dũng khi đánh địch giữ đất giữ rừng bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, giải phóng từng phần và tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Riêng đối với lực lượng Công an Kiên Giang, được xây dựng, chiến đấu và trưởng thành từ trong lịch sử đấu tranh anh dũng của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, trải bao gian khổ, hy sinh, đã kiên cường bám trụ, hòa mình cùng quần chúng, đánh địch tận sâu huyết, diệt ác ôn, tình báo, gián điệp, bọn phản động khét tiếng. Ngoài nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù, công an còn được giao nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân; Bảo vệ hành lang vùng giải phóng và bảo vệ tuyệt đối an toàn cho căn cứ cách mạng U Minh Thượng qua các thời kỳ kháng chiến...

Từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, để bảo vệ căn cứ, bảo vệ

HUYỀN THOẠI U MINH

cán bộ và cơ sở cách mạng, các tổ đội tự vệ được củng cố và hình thành với nhiệm vụ chủ yếu là diệt ác trừ gian ngay tại nơi đóng cơ quan, bảo vệ cán bộ và vận động nhân dân đấu tranh chính trị.

... Đặc biệt trong những năm đầu tái chiếm nước ta, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng và ở U Minh Thượng, chúng ồ ạt tấn công nhằm tiêu diệt tận gốc mầm mống của phong trào cách mạng, chúng truy lùng bắt bớ chém giết cán bộ, đảng viên, giết hại nhiều người vô tội. Nhằm ngăn chặn sức tấn công của giặc vào căn cứ U Minh Thượng, lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc đã dũng cảm chiến đấu oanh liệt trong nhiều trận địa như: Trận Xẻo Rô, Gò Quao v.v...

Sau một thời gian rút vào hoạt động bí mật, bảo toàn lực lượng, vào khoảng trung tuần tháng 3-1946 tại Vĩnh Hòa - Vĩnh Thuận, một số đồng chí đảng viên ở khu và tỉnh đã tập hợp và họp bàn thống nhất lại tổ chức của Đảng, để lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng, quyết định thành lập khu căn cứ địa ở U Minh Thượng. Lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc được tập hợp lại và vận động quần chúng nhằm xây dựng hàng rào bảo vệ rừng U Minh, bảo vệ cơ quan lãnh đạo của khu và tỉnh đóng trong khu vực rừng U Minh Thượng..

Đầu tháng 10-1946, lực lượng Quốc gia tự vệ cuộc được đổi thành Ty công an nhân dân tỉnh Rạch Giá. Các đơn vị trực thuộc như: Công an Xung Phong, Quốc vệ đội, Tình báo, Trinh sát, Điều tra v.v... được thành lập, tiếp tục bám đất, bám rừng U Minh làm cơ quan chỉ đạo hoạt động. Nhiệm vụ quan trọng của Công an tỉnh Rạch Giá là ngoài việc phải làm tốt công tác bảo vệ căn cứ cách mạng, bảo vệ tuyệt đối an toàn cho các đồng chí lãnh đạo, các cơ quan Trung ương và địa phương đóng trong rừng U Minh, còn phải lãnh đạo lực lượng Công an trong toàn tỉnh tăng cường đấu tranh trấn áp những tên ác ôn, bọn thám báo ở trong vùng giải phóng, đồng thời chủ động tấn công địch mở rộng vùng giải phóng, nối thêm vành đai bảo vệ an toàn cho khu căn cứ kháng chiến U Minh Thượng. Công tác giữ gìn trật tự trị an trong vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng địch kèm cũng khá phức tạp, nhưng lực lượng Công an đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ.

Cuối năm 1949, toàn bộ cơ quan của Nam Bộ, Khu và tỉnh Rạch Giá đều chuyển về U Minh Thượng. Công tác bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ lại càng khó khăn và phức tạp hơn, nhưng với vinh dự tự hào là những người được gánh vác trọng trách đó, lực lượng Công an nhanh chóng, chấn chỉnh lại tổ chức, kết hợp

HUYỀN THOẠI U MINH

cùng sở Công an Nam Bộ bố trí lực lượng, có phương án cụ thể phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng lực lượng trong chiến đấu chống địch càn quét vào căn cứ, chủ động đấu tranh với thám báo, chỉ điểm, bọm biệt kích xâm nhập bất ngờ, bảo vệ từng mảnh đất trong vùng giải phóng, giữ an toàn vành đai cho trung tâm căn cứ địa cách mạng tại rừng U Minh Thượng.

Giữa năm 1952, giặc Pháp tổ chức nhiều cuộc hành quân lớn, dùng mọi hỏa lực, phương tiện tấn công ô ạt vào các vùng giải phóng, nhằm phá vỡ vỏ bọc phòng thủ cho khu căn cứ U Minh Thượng; các trận càn đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của. Cùng với các lực lượng vũ trang, lực lượng Công an đã kiên trì chiến đấu, chống càn, chủ động có sách lược chiến đấu, đánh phá, phản kích phân hóa đánh lạc hướng địch bảo vệ căn cứ để các cán bộ Đảng và các cơ quan Đảng có thời gian di dời đến địa điểm an toàn. Sau các trận càn quét của địch, tuy có bị thiệt hại về lực lượng, phương tiện nhưng các cơ quan đầu não của khu và tỉnh vẫn được bảo vệ an toàn để tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng cho đến khi hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, U Minh Thượng vẫn là căn cứ địa quan trọng của lực lượng kháng chiến ở miền Tây Nam Bộ. Cũng chính vì vậy, Mỹ - Ngụy đã tập trung đánh phá rất ác liệt với vô vàn mưu mô xảo quyệt, dã man. Để đàn áp phong trào cách mạng trong khu vực, chúng còn thành lập đặc khu An Phước do Lâm Quang Phòng làm trưởng đặc khu, tạo thành địa bàn chống cộng theo kiểu mẫu của Mỹ. Chúng bắt bớ, di dân, chém giết dã man người vô tội. Tội ác cực kỳ man rợ là việc bắt hàng ngàn người dân vô tội đưa vào rừng tràm Bang Biện Phú, mổ bụng, moi gan lấy mật. Chúng cô lập U Minh Thượng bằng cách bắt dân đào kinh đắp đường, vơ vét tài sản của cải phục vụ chiến tranh, phục vụ đàn áp nhân dân.

Cuối tháng 7-1954, trong khi Mỹ ngụy ra sức lấn chiếm để cai quản thì lực lượng vũ trang Hòa Hảo cũng ráo riết tập hợp, bung lực lượng ra lấn chiếm vùng U Minh Thượng để xây dựng hậu cứ. Trong thời gian này một số cán bộ của ta không đi tập kết ra miền Bắc đã rút vào hoạt động bí mật, có đồng chí đã được cài vào lực lượng vũ trang Hòa Hảo, nắm giữ các vai trò chỉ huy cấp tiểu đoàn và đại đội, đã dùng lực lượng vũ trang Hòa Hảo đánh trả các trận càn của Mỹ Ngụy vào U Minh Thượng, diệt hàng trăm tên ngụy quân và thu vũ khí cất giấu phục vụ cho phong trào cách mạng sau này.

... Năm 1957, chính quyền Mỹ ngụy bỏ Biệt khu “U Minh” lập chi khu

HUYỀN THOẠI U MINH

Kiên An, chúng tăng cường lực lượng, phương tiện đánh phá căn cứ U Minh Thượng. Thời điểm này hệ thống tổ chức của Đảng bộ, các ngành và công an đã được củng cố, kiện toàn và hoạt động có chất lượng. Lực lượng công an kết hợp cùng lực lượng vũ trang chủ động đánh địch. Điển hình là vào sáng 30-10-1959 lực lượng vũ trang của ta đã tiêu diệt chi khu Kiên An - Xẻo Rô, bắt sống tên Lâm Quang Quận (quận trưởng) tiêu diệt hàng chục tên và thu nhiều vũ khí. Khí thế cách mạng ngày càng phát triển mạnh.

Cuộc “đồng khởi năm 1960” nổ ra là một thắng lợi đối với phong trào cách mạng, đưa phong trào từ thế giữ gìn, xây dựng phát triển lực lượng sang thế tiến công. Tuy nhiên, từ sau cuộc đồng khởi, Mỹ ngụy đã áp dụng chế độ đàn áp mới, chúng gom dân vào ấp chiến lược, tăng cường vũ khí, phương tiện nhằm tiêu diệt căn cứ cách mạng U Minh Thượng. Quân và dân trong tỉnh, các cán bộ công an ở các huyện xung quanh vùng U Minh Thượng, các đơn vị vũ trang trực tiếp bảo vệ căn cứ U Minh Thượng đã mưu trí, dũng cảm, sáng tạo đánh địch. Lực lượng công an của ta đã bóc gỡ toàn bộ mạng lưới tình báo trong khu vực. Địch bị ta tấn công liên tục nên hệ thống đồn bót, tề, tình báo, gián điệp bao vây phong tỏa căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng đã bị lỏng lẻo, khu vực giải phóng ngày càng mở rộng.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968, đế quốc Mỹ



*Các tướng lĩnh, sĩ quan
quân đội thăm lại
căn cứ địa cách mạng
U Minh Thượng*

HUYỀN THOẠI U MINH

và chính quyền ngụy quyết tâm bình định nông thôn miền Nam, chúng tăng cường qui mô chiến tranh gián điệp, tình báo. Ở Rạch Giá, chúng củng cố tăng cường bọn đầu sỏ ác ôn và tăng số lượng tình báo, cảnh sát, Phượng Hoàng, Thiên Nga, chiêu hồi, biệt kích, biệt cách, bố trí từng toán, từng tổ, đi sâu hoạt động trong các địa bàn ở vùng căn cứ U Minh Thượng. Địch hành quân liên tục đánh vào vùng giải phóng, đánh phá căn cứ U Minh Thượng, đường hành lang vận chuyển, giao thông vào căn cứ U Minh. Trước tình hình đó, lực lượng bảo vệ nội bộ cơ quan và 2 tổ trinh sát bảo vệ chính trị đã được phân công trực tiếp bảo vệ các cơ quan lãnh đạo tỉnh và khu. Để đấu tranh chống chiến dịch “nhỏ cỏ U Minh” và ý định bình định cho kỳ được U Minh Thượng của Mỹ Ngụy, lực lượng an ninh hai huyện An Biên - Vĩnh Thuận khi đó được an ninh khu và an ninh tỉnh hỗ trợ đã kết hợp cùng lực lượng vũ trang anh dũng chiến đấu bảo vệ căn cứ bảo vệ cán bộ. Tháng 4 năm 1969 địch dùng trực thăng đổ một tiểu đoàn vây căn cứ huyện ủy Vĩnh Thuận tại Đồng Tranh, xã Vĩnh Bình Bắc, trong lúc đó có một số đồng chí huyện ủy viên và đồng chí Trần Tấn Thời (tự là Sáu Nheo) là Tỉnh ủy viên hiện đang ở đó. Với tinh thần bảo vệ Đảng, đội vũ trang an ninh huyện đã kiên cường chặn đánh suốt cả ngày, diệt nhiều địch, mở vòng vây cho các đồng chí lãnh đạo rút vào căn cứ an toàn. Cùng thời điểm năm 1969 địch đổ bốn tiểu đoàn thủy quân lục chiến đánh vào xã Vĩnh Bình Bắc, lúc đó Tỉnh ủy đóng tại vùng kinh Ô Môi, Đội trinh sát vũ trang bảo vệ Tỉnh ủy đã phân công thành từng mũi hai đồng chí, gài mìn, lựu đạn và tổ chức đánh bật nhiều đợt tấn công của địch, diệt nhiều tên và buộc chúng phải rút lui. Vào ngày 17-1-1971 địch dùng trực thăng phóng pháo dọn sân, sau đó dùng trực thăng đổ bộ một đại đội tăng cường xuống Xẻo Quao, xã Đông Hòa, trong lúc đó có đồng chí Võ Văn Kiệt, ủy viên Trung ương Cục, Bí thư khu ủy (sau này là Thủ tướng Chính phủ) và nhiều đồng chí lãnh đạo khu và Tỉnh ủy về dự hội nghị thường vụ khu ủy hiện đang ở trong khu vực bị địch bao vây càn quét. Sau khi xác định nếu lực lượng của ta đánh diệt sẽ không tránh khỏi địch dùng máy bay dội bom và đổ quân đánh trả, không đảm bảo an toàn cho các cán bộ lãnh đạo dự hội nghị. Từ đó, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Trần Quang Quít ra lệnh cho tổ bảo vệ tổ chức đánh địch kéo ra hướng khác. Tổ cảm tử quân do đồng chí Phạm Văn Hón (tức Mười Thành) đội trưởng, các đồng chí Trần Văn Hồng, Nguyễn Văn Trọng và đồng chí Tám Lợi đã tuyên thệ: Dù hy sinh cũng quyết bảo vệ an toàn cho các đồng chí lãnh đạo. Sau đó phân tán lực lượng đánh kéo địch ra xa dần khu căn cứ. Bốn lần địch vây đánh quyết liệt đều bị phản công bật trở ra, trên 40 tên địch bị bỏ mạng

HUYỀN THOẠI U MINH

và 1 trực thăng bị bắn rơi, địch tấn công đến 5 giờ chiều đã phải rút quân. Cả tổ cảm tử đã anh dũng hy sinh nhưng các đồng chí lãnh đạo đã được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Sau này đồng chí Phạm Văn Hớn đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thật khó mà kể hết được những chiến công, những hy sinh và tinh thần bất khuất của các chiến sĩ lực lượng an ninh U Minh Thượng trong cuộc kháng chiến lâu dài chống kẻ thù xâm lược và bọn tay sai. Tinh thần hy sinh và lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc của các chiến sĩ công an đã góp phần đáng kể làm nên chiến công chung của dân tộc.

(Trích Hồi ký của Đại tá Võ Hồng Lạc)

NGÀNH THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN Ở CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG U MINH THƯỢNG

...Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết ngày 20/7/1954, hòa bình lập lại trên bán đảo Đông Dương..., Đài Thông tin vô tuyến điện Rạch Giá được thành lập nhằm bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy Rạch Giá đối với các nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Ban đầu đài chỉ có 03 người (do đồng chí Tám Màu phụ trách, có một điện báo viên, một thợ sửa chữa). Thiết bị máy móc rất đơn sơ, chỉ có hai bộ máy thu phát kiểu Schnell công suất 2W, dùng nguồn pin 90 V cho máy thu và 180V cho máy phát do phòng vô tuyến điện Nam bộ lắp ráp và cung cấp. Thời gian từ năm 1954 trở đi, đài thông tin vô tuyến điện Tỉnh ủy Rạch Giá đóng ở các xã ven rừng U Minh Thượng thuộc hai huyện Vĩnh Thuận và An Biên.

Nhiệm vụ của đài Thông tin vô tuyến điện là: Chuyển nhận điện mật giữa Tỉnh ủy Rạch Giá và Trung ương Cục Miền Nam, phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong thời kỳ khó khăn gian khổ của Cách mạng Miền Nam, đồng thời tích cực đào tạo thêm điện báo viên, thợ sửa chữa máy vô tuyến điện để đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc của đài vô tuyến điện Tỉnh ủy Rạch Giá.

... Để chuẩn bị cho phong trào đồng khởi giành chính quyền, năm 1960 đài Thông tin vô tuyến điện được Tỉnh ủy Rạch Giá chỉ đạo tăng cường lực lượng điện báo viên, lắp ráp máy thu phát vô tuyến điện, thành lập thêm đài vô tuyến

HUYỀN THOẠI U MINH

điện quân sự để phục vụ tốt yêu cầu chỉ đạo của Tỉnh ủy. Thời kỳ này, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá được thành lập và chia làm hai bộ phận: Bộ phận đài vô tuyến điện và bộ phận xưởng lắp ráp sửa chữa máy vô tuyến điện, đồng chí Tám Màu làm Trưởng ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá và phụ trách luôn đài quân sự của Tỉnh đội. Đài vô tuyến điện Tỉnh ủy và quân sự phục vụ đặc lực cho phong trào đồng khởi 1960; đã thực hiện chuyển, nhận điện chính xác, kịp thời, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy cho các lực lượng đánh địch bằng ba mũi giáp công: Quân sự, chính trị, binh vận.

- Giai đoạn từ sau năm 1960, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá vẫn đóng trên địa bàn vùng ven U Minh Thượng thuộc huyện Vĩnh Thuận và An Biên. Thời gian này, ban Thông tin vô tuyến đã phát triển, hình thành lực lượng khá quy mô, gồm hai bộ phận điện đài và xưởng sửa chữa lắp ráp máy, đào tạo được nhiều điện báo viên, cơ công, lắp ráp thêm nhiều máy thu phát vô tuyến điện đáp ứng được yêu cầu phục vụ thông tin liên lạc khắp các địa bàn trong tỉnh Rạch Giá.

- Năm 1962 - 1963, Tỉnh ủy Rạch Giá chỉ thị thành lập thêm các đài vô tuyến điện ở huyện Hà Tiên, huyện Phú Quốc. Và đến 1964, thành lập đài vô tuyến điện hệ Minh ngữ trực thuộc Ban Tuyên huấn tỉnh để thu phát tin giữa tỉnh và Thông tấn xã Việt Nam. Từ những yêu cầu cần thiết cho việc thông tin liên lạc, phục vụ kịp thời sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá đã đưa lực lượng điện báo viên, thợ sửa chữa và máy thu phát vô tuyến điện đến phục vụ Huyện ủy Hà Tiên và Huyện ủy Phú Quốc. Trong những năm 1962 - 1963 các đài vô tuyến điện của Tỉnh ủy, quân sự, đã phục vụ kịp thời sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và phục vụ sự chỉ huy của tỉnh đội trên khắp các địa bàn trong tỉnh; sự chỉ đạo lực lượng vũ trang cùng nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược, diệt ác ôn, mở rộng nhiều vùng giải phóng trong tỉnh. Đặc biệt, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá (gồm đài vô tuyến điện Tỉnh ủy, đài vô tuyến điện quân sự) đã phục vụ thông tin liên lạc nhanh chóng, chính xác các bức điện chỉ đạo, chỉ huy của Tỉnh ủy, Tỉnh đội cho tiểu đoàn U Minh 10 của tỉnh tổ chức trận đánh chống càn quét của địch ở Kè Một (xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thuận). Trong trận đánh này địch dùng máy bay trực thăng đổ quân, tiểu đoàn U Minh 10 đã đẩy lùi 14 đợt tấn công của địch, bẻ gãy hoàn toàn trận càn bằng chiến thuật “trực thăng vận” của địch lần đầu tiên ở tỉnh Rạch Giá (1962). Từ đây Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá vừa phục vụ thông tin liên lạc cho các cấp ủy, vừa củng cố tổ chức, đào tạo lực lượng điện báo viên, cơ công để đủ sức thực hiện

HUYỀN THOẠI U MINH

tốt nhiệm vụ của mình. Từ vùng đất U Minh Thượng, đài vô tuyến điện tỉnh Rạch Giá nhận, chuyển nhanh chóng, chính xác, bí mật các chỉ thị của Đảng, phục vụ cho đợt tổng tiến công 1968, các chiến dịch mùa hè năm 1972...

Sau đợt tổng tấn công năm Mậu Thân 1968, Ban Thông tin vô tuyến trở lại căn cứ U Minh Thượng, đóng trong rừng tràm trên đầu kinh ông Quận (ấp Khôn) thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận. Năm 1969 địch phản công quyết liệt, mở đầu là chiến dịch bình định nhỏ cở rừng U Minh, lúc này Ban Thông tin vô tuyến phân tán lực lượng theo chỉ đạo của Tỉnh ủy: Bộ phận chủ yếu là đài vô tuyến điện đóng ở địa bàn rừng tràm kinh ông Quận (huyện Vĩnh Thuận) bộ phận xưởng sửa chữa máy vô tuyến điện đóng ở rừng tràm đầu kinh Bà Điền (xã Đông Hưng, huyện An Biên).

Để mở đầu cho đợt phản công bình định rừng U Minh Thượng, ngày 19/11/1969, địch dùng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm lần đầu tiên trên địa bàn vùng đất U Minh để dọn bãi cho sư đoàn 21 và sư đoàn 9 bộ binh nguy đồ quân càn quét, đánh phá rừng U Minh.

Trong đợt ném bom bằng máy bay chiến lược B52 của địch từ đầu kinh ông Quận (xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận) đến Ngã tư Công Sự (giáp xã Đông Thái, huyện An Biên), đội hình của bộ phận điện đài và một số cơ quan của Tỉnh ủy Rạch Giá tại U Minh Thượng đã bị trúng bom, 5 đồng chí hy sinh tại chỗ và 3 đồng chí bị thương nặng; trong số các đồng chí hy sinh có đồng chí Tám Màu là Trưởng ban Thông tin vô tuyến điện tỉnh Rạch Giá, đồng thời lán trại nơi làm việc của điện đài bị sập, máy móc thiết bị, tài liệu bị sức ép của bom B52 văng tứ tung, 2 đồng chí điện báo viên đang làm việc bị sức ép bất tỉnh, rất may 2 đồng chí này không bị thương. Như vậy trong trận địch ném bom B52 này, Ban Thông tin vô tuyến điện tỉnh Rạch Giá có mặt tại trận địa là 10 đồng chí, hy sinh 05 đồng chí, bị thương 03 đồng chí, còn lại 02 đồng chí điện báo viên, trong đó có đồng chí Ba Khải hiện nay là Phó giám đốc Bưu điện tỉnh Kiên Giang. Các đồng chí hy sinh gồm có: đồng chí Tám Màu, Võ, Đức, Sinh, Tư Lùn; các đồng chí bị thương gồm có: đồng chí Ba Phước, Thu, Quận. Đó là một tổn thất lớn của Ban Thông tin vô tuyến điện Rạch Giá.

Do yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ, ngay sau đó Ban Thông tin vô tuyến được củng cố lại lực lượng, Bí thư Tỉnh ủy lúc bấy giờ là đồng chí Tám Quít thường xuyên đến động viên tinh thần anh em, vượt mọi khó khăn gian khổ, ác liệt, nén đau thương mất mát thành hành động cách mạng, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

HUYỀN THOẠI U MINH

Đến cuối năm 1969, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh Rạch Giá được tăng cường, đồng chí Sáu Hưng về trực tiếp phụ trách bộ phận điện đài của Tỉnh ủy, đồng chí Tư Điền phụ trách bộ phận cơ công (xưởng sửa chữa máy vô tuyến điện), lực lượng lúc bấy giờ được củng cố, bổ sung thêm điện báo viên, chỉ đạo sâu sát các đài vô tuyến điện, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các chiến dịch và phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh. Lúc này các bộ phận đóng trong rừng U Minh Thượng, cuối kinh Bà Điền từ bờ đê đi vào khoảng hơn 1km, sau đó phải di dời sâu vô trong kinh đào ở đến hết mùa mưa, thời gian này địch liên tục đổ quân ngoài trảng đánh vào và máy bay, pháo (ô bít) thường xuyên bắn trong rừng, bộ phận điện đài và cơ công rất vất vả, phải lội đường rừng đi tải gạo rất xa (5 — 6 km), trên đường đi nhiều lần bị sụp lò ảng sâu tới ngực do đó bao gạo phải bọc nilon bên ngoài rồi buộc dây mang trên lưng để khi sụp lò ảng gạo không bị ướt, còn ăn thì chủ yếu là cơm với đọt choại nấu canh nêm bột ngọt hoặc đọt choại luộc chấm với nước muối.

Từ năm 1969 thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy tỉnh Rạch Giá, tăng cường thông tin vô tuyến điện phục vụ cho chiến trường biên giới huyện Hà Tiên trên tuyến đường 1 C giáp biên giới Campuchia, Ban Thông tin vô tuyến tỉnh cử một tổ điện đài đóng tại “Gộc Xây” trực thuộc Văn phòng Huyện ủy Hà Tiên. Tổ điện đài có 3 đồng chí, do đồng chí Sáu Hiệp phụ trách, cùng một điện báo viên và một cơ công. Thiết bị máy móc vẫn là loại máy thu phát vô tuyến điện 2 W do xưởng sửa chữa của Ban Thông tin tự lắp ráp. Thời gian này, chiến trường biên giới Hà Tiên vô cùng ác liệt, địch đánh phá căn cứ của ta cả ngày lẫn đêm bằng máy bay và pháo binh, nhằm tiêu diệt các cơ quan của huyện Hà Tiên, đồng thời ngăn chặn việc vận chuyển của ta trên tuyến đường 1C.

Tổ điện đài cùng các cơ quan của huyện Hà Tiên kiên cường bám trụ giữ vững trận địa, đảm bảo vững chắc thông tin liên lạc phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong tình hình khó khăn gian khổ và ác liệt.

Đến giữa năm 1969, tổ điện đài Huyện ủy Hà Tiên được điều về thành lập Đài Vô tuyến điện phân ban của Tỉnh ủy Rạch Giá (do đồng chí Năm Tân chỉ đạo) đóng tại Hòn Me, huyện Châu Thành A (thuộc huyện Hòn Đất hiện nay). Tại đây, Đài Vô tuyến điện vừa đảm bảo giữ vững thông tin liên lạc, vừa tham gia chiến đấu cùng các lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội từ Trung ương về. Trong cuộc chiến đấu 78 ngày đêm ở khu vực Ba Hòn từ ngày 03/9/1969, suốt trong 78 ngày đêm, địch tập trung bao vây đánh phá bằng đủ loại vũ khí tối tân vào Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Sóc, có cả máy bay chiến lược B52 ném bom, xe bọc

HUYỀN THOẠI U MINH

thếp, bộ binh tấn công liên tục. Trong 78 ngày đêm ấy, đụng phải sức chiến đấu kiên cường, dũng cảm của lực lượng vũ trang ta, địch thất bại buộc phải rút quân ra khỏi khu vực Ba Hòn.

Sau đó, Đài Vô tuyến điện phân ban của Tỉnh ủy về đóng tại MoSo, Hà Tiên, tiếp tục nhận nhiệm vụ thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo của Đảng cho đến khi ký kết Hiệp định Pari. Sau đó, Đài Vô tuyến điện này được rút về Ban Thông tin Vô tuyến tỉnh Rạch Giá tại vùng căn cứ U Minh Thượng.

Hết mùa mưa sang mùa nắng, địch bắn trái lửa đốt rừng, bắn phá ven rừng và đổ quân càn rừng mức độ ác liệt hơn nên bộ phận điện đài và cơ công phải tiếp tục di dời sâu trong rừng (sau hậu kinh Bà Điền) cách bờ đê khoảng 2 km để tránh thiệt hại và đảm bảo cho điện đài làm việc (ở đây gần cơ quan Ban Tuyên huấn tỉnh). Nhiều lần địch đổ quân bắn phá sát ngay cơ quan, gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động của ta. Có thời gian địch đánh phá ác liệt, Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn tỉnh, bộ phận điện đài phải di dời về Cây U; trụ lại làm việc ở đó khoảng 20 ngày thì có lệnh của Tỉnh ủy đại bộ phận di chuyển về Bến Bàu (xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao). Hành quân đi suốt đêm mới tới, đến nơi bộ phận điện đài đóng ở trong rừng lá cặp mé sông (ngang nhà thờ Bến Bàu), giăng dây awnten, cất nhà trong rừng lá, bố trí làm việc. Các cơ quan Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và đội phòng thủ tỉnh cũng đóng ở tuyến sông này. Cùng thời gian đó, bộ phận xưởng sửa chữa vô tuyến điện còn ở ven rừng U Minh. Tháng 8/1971 lúc 20 giờ đêm, trong một chuyến công tác đột xuất, ba đồng chí kỹ thuật đi trên chiếc xuồng đến tại kinh đê vườn ông Nhạc đụng đại đội biệt kích của sư đoàn 21 nguy, địch nổ súng, ta hy sinh tại chỗ 2 đồng chí và 1 đồng chí bị thương. Các đồng chí hy sinh là: Đức, Kết, sau khi địch rút thì du kích của ta đưa xác các đồng chí đem về mai táng tại Kinh số 1 (gần vườn ông Nhạc), còn bị thương trong trận này là đồng chí Ba Bình; Sau này là Trưởng phòng Kế hoạch Bưu điện tỉnh Kiên Giang.

Bộ phận điện đài đóng tại Cây Khô đến cuối tháng 5/1972 sau trận bom B52 đánh gần trúng điểm, Tỉnh ủy chỉ đạo dời bộ phận điện đài về Xẻo Công (xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận). Thời gian ở đây rất vất vả có lúc phải sắp xếp một số anh em làm việc, còn lại một số thì đi bứng cây và cả củ rắng bán cho ghe lấy tiền mua gạo ăn (vừa lo ăn, vừa làm việc) để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt.

... Đến tháng 10/1972, các cơ quan của tỉnh (trong đó có bộ phận điện đài) dời về xã Vĩnh Hòa thuộc huyện Vĩnh Thuận, bộ phận điện đài đóng tại ấp Khân,

HUYỀN THOẠI U MINH

còn cơ quan Tỉnh ủy và cơ yếu thì đóng ở ấp Vĩnh Tiến. Đến ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari được ký kết, lúc này Ban Thông tin vô tuyến tỉnh bố trí bộ phận điện đài và bộ phận cơ công tiếp tục đóng tại ấp Khôn.

Trong chiến dịch mùa Xuân năm 1975, bộ phận điện đài của tỉnh do đồng chí Sáu Hiệp phụ trách chung và đồng chí Ba Khải phụ trách đài đi theo Tỉnh ủy đóng tại Xẻo Cạn (xã Đông Hưng, huyện An Biên) đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đánh địch cho đến ngày giải phóng 30/4/1975.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngành Thông tin vô tuyến điện tỉnh Rạch Giá đã góp một phần vào chiến công chung, đã gắn bó với vùng căn cứ Cách mạng U Minh Thượng và cũng chính U Minh Thượng là căn cứ quan trọng đầu tiên của ngành Thông tin vô tuyến điện tỉnh Kiên Giang.

(Trích hồi ký của đ/c Huỳnh Minh Khải)

QUÂN Y VIỆN KHU 9 MỘT THỜI Ở U MINH

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 — 1954) Quân Y Viện khu 9 đã góp phần không nhỏ trong cuộc chiến đấu đầy khó khăn gian khổ của quân và dân U Minh Thượng. Những y bác sĩ, y tá của quân y viện K9 đã giành lại biết bao mạng sống cho các chiến sĩ và đồng bào trên mảnh đất U Minh để họ tiếp tục chiến đấu và bám trụ nơi đây, góp phần làm nên những chiến công oanh liệt.

Trong số các ban trực thuộc Ủy Ban kháng chiến Hậu Giang được thành lập tháng 10/1945, có Ban Y tế kháng chiến Hậu Giang làm nhiệm vụ tiếp nhận, điều trị thương bệnh binh của các mặt trận xung quanh thị xã Cần Thơ và chữa bệnh cho nhân dân Cần Thơ nếu có ốm đau, bị thương.

Ban Y tế lúc đầu gồm 4 Bác sĩ: Bác sĩ Nguyễn Văn Giu (Bác sĩ tư ở thị xã Cần Thơ); Y sĩ Phan Văn Đệ (nhà thương công cộng Cần Thơ); Dược sĩ La Thành Nghệ; Sinh viên Y năm Trương Công Trung.

Ngoài ra còn có: Đồng chí Liêm (đảng viên cộng sản ở Côn Đảo về) làm phó ban; Đồng chí Nguyễn Văn Sáu (Rum Bảo Việt); Đồng chí Vọng Hòa Hiệp (y tá chính trị phạm Côn Đảo về); Đồng chí Phạm Văn Cầu, Lê Văn Đức (Y tá bệnh viện Cần Thơ); Đồng chí Lê Văn Khâm (Y tá bệnh viện chợ Rẫy) và ba nhân viên, trong đó có hai nữ: Nguyễn Thị Thọ và Nguyễn Thị Tư.

HUYỀN THOẠI U MINH

Đêm 29 tháng 10 năm 1945, Ban Y tế kháng chiến Hậu Giang cùng với tàu xà lan chở dụng cụ, thuốc men từ xã Đông Hòa kéo về Vàm Trà Nóc, và Cầu Nhiễm thuộc xã Nhơn Ái huyện Ô Môn, mượn nhà dân làm phòng mổ, nhà kho, trại nuôi thương binh. Trong thời gian ở Cầu Nhiễm, Bác Tôn Đức Thắng có đến thăm thương binh và cán bộ công nhân viên ở đây trên đường Bác ra Bắc.

Đầu tháng 12 năm 1945 Ban Y tế còn lại mười người: Y sĩ Trương Công Trung được Ủy ban kháng chiến Hậu Giang chỉ định làm Trưởng Ban y tế kháng chiến Hậu Giang, Kiêm trưởng Ban giải phẫu lưu động, đồng chí Liêm chính trị viên, phó ban; 4 y tá là Sáu, Khâm, Cầu, Hiệp; 4 nhân viên: Thọ, Tư, Thái, Tùng.

Khi thực dân Pháp chiếm hoàn toàn Thị xã Cần Thơ, Ban Y tế di chuyển vào vùng ông Dèo tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cứu chữa thương bệnh binh.

Vào vùng ông Dèo được một thời gian thì Ban chỉ huy khu điều động chính trị viên và ba y tá đến đơn vị Bộ đội Huỳnh Thủ. Ban y tế kháng chiến Hậu Giang lúc này còn lại sáu người gồm: Trương Công Trung (trưởng ban); Phan Văn Cầu (y tá phụ mổ); Huỳnh Thị Thọ (gây mê); Đỗ Văn Thái (lo dụng cụ); Nguyễn Thị Tư (nuôi quân, lo hậu cần) và Nguyễn Văn Tùng (chèo ghe tam bản và rọi đèn khi mổ).

Đầu tháng 1 năm 1946 phần lớn lực lượng vũ trang và những cán bộ chủ chốt của khu 8, khu 9 rút xuống vùng căn cứ của tỉnh Rạch Giá - Bạc Liêu để bảo toàn lực lượng, chấn chỉnh đội ngũ, tham gia chiến đấu, giữ vững vùng căn cứ còn lại

Các mặt trận: Ngã Năm, Phước Long, Giồng Bướm, Chủ Chí được thành lập để chặn bước phát triển của địch. Bộ chỉ huy khu 9 lúc này (khu trưởng Huỳnh Phan Hộ - chính trị viên Phan Trọng Tuệ, đồng chí Văn Viên quốc gia tự vệ cuộc) lập tổng hành dinh ở thị trấn Phước Long thuộc tỉnh Rạch Giá.

Giữa tháng 4 năm 1946 Ban giải phẫu lưu động được lệnh điều xuống vùng Tân Lộc, Tân Lợi để phục vụ chiến trường và thương binh từ các mặt trận đưa về. Liên tiếp các ngày 22, 23, 24 tháng 4 năm 1946 giặc Pháp ném bom, bắn phá và tấn công mặt trận Giồng Bướm.

Tháng 5/1946, Bộ chỉ huy khu 9 thành lập tiếp mặt trận Tân Hưng ở Nam Cà Mau. Ban giải Phẫu lưu động lại được điều xuống Tân Lợi, Tân Lộc lần hai.

Tháng 5 năm 1946, mặt trận Tân Hưng bị lộ bí mật, Ban giải phẫu được lệnh hành quân về Cây Bàng (bằng ghe tam bản với các dụng cụ mổ, thuốc men để ở dưới sàn ghe).

HUYỀN THOẠI U MINH



Sản xuất thuốc Philatốp
phục vụ thương bệnh
binh tại căn cứ
U Minh Thượng

*

* *

U Minh tháng 6 mưa tầm tã, toàn rừng cây Tràm và nước nâu đỏ như trà đậm, bộ đội vào sâu trong rừng bẻ nhánh tràm gác lên ngọn tràm làm nơi ăn, ngủ. Có đơn vị đốn mật cật làm cột, lấy lá mật cật làm chòi, trời nắng thì che mát được, nhưng trời mưa thì không có cách gì cản nổi nước mưa, người và đồ vật ướt sũng, tạo ra lửa để nấu nướng là một kỳ công. Ăn thì gạo lức, cơm nấu bữa sống bữa chín, mắm trở mùi nặng, bữa đói bữa no, ngày nào được anh chị em liên lạc vào tiếp tế thì được ăn no, khi vắng tiếp tế thì chịu đói, luộc đọt choai ăn cầm hơi... Cuộc sống vô cùng gian khổ, nhưng ai cũng chịu đựng và vượt qua.

Môi trường sống của bộ đội, trong đó có Ban giải phẫu lưu động trong rừng U Minh, ngày càng khó khăn khổ, nhất là bị muỗi cắn mà muỗi rừng U Minh thì như trâu rả. Kế đó là đói, rét, quần áo ngày càng rách nát. Bệnh tật bắt đầu tấn công, phổ biến nhất là sốt rét, tiêu chảy, ghẻ lở.

Trước tình hình bộ đội bị đau yếu ngày càng nhiều, bộ chỉ huy khu phải điều một số đồng chí ra ngoài tìm cách mua thuốc Quinine sulfat về điều trị sốt rét cho bộ đội; có đồng chí phải mang vàng ra thành bán để lấy tiền về nuôi và trị bệnh cho bộ đội.

Khoảng tháng 6 đầu tháng 7 năm 1946, Ban giải phẫu ra rừng U Minh, theo liên lạc luôn lách hành quân về vùng Trường Thành, Trường Long thuộc huyện Ô Môn, sống với dân tiếp tục phục vụ nhân dân và bộ đội. Ban giải phẫu

HUYỀN THOẠI U MINH

ra rừng vẫn còn 6 người: Trương Công Trung, Phan Văn Câu, Huỳnh Thị Thọ, Nguyễn Thị Tư, Đỗ Văn Thái và Nguyễn Văn Tùng, phân tán ra ở ba nhà dân. Các hộp dụng cụ mổ cho vào lu lớn chôn ở hè nhà dân, túi thuốc men, bông băng thì gác cao lên gần ngọn cây cách nhà khoảng trăm thước để dễ dòm ngó. Khi có việc cứu chữa thì moi lên, cơm nước hàng ngày do dân nuôi, dân đau ốm thì ban giải phẫu chữa trị. Mùa nước dân ra đồng làm ruộng thì anh em cũng ra làm với dân.

Đầu năm 1947, Ban giải phẫu nhận được lệnh trở về Cây Bàng để chính thức xây dựng bệnh viện, đổi tên thành Quân Y Viện khu 9, y sĩ Trương Công Trung được chỉ định làm Quân y viện trưởng. Từ tháng 2 năm 1947 Quân y viện tiếp nhận thêm nhân viên và cán bộ trong đó có cán bộ của Đảng về lãnh đạo chính trị. Quân Y Viện khu 9 xây cất gần mé rừng U Minh Thượng, nơi Ngã ba Cây Bàng thuộc xã Vĩnh Bình — huyện Vĩnh Thuận — tỉnh Rạch Giá, nay là xã Vĩnh Hòa — huyện Vĩnh Thuận — tỉnh Kiên Giang.

Đi vào Cây Bàng, người ta có thể đi bằng nhiều con đường khác nhau nhưng con đường chủ yếu thường đi lại nhiều nhất là từ ngoài sông Cái Lớn vào Vàm Rạch Nhà Ngang, bắt qua kinh Sáu Sanh rồi vào Cây Bàng.

Từ ngoài Cây Bàng đi vào rừng trước tiên là nhà ở của cán bộ và nhân viên của Viện Quân y, gần Ngã Ba đường vào rừng là phòng khám bệnh, kế đến là phòng mổ, phòng thay băng. Trên con kinh gần cạnh rừng đối diện với 4 — 5 nhà người Khmer, cất hai trại bệnh: Một trại nội, một trại ngoại. Mỗi trại chứa khoảng 20 giường bệnh. Cán bộ nhân viên Quân y viện tính đến tháng 5 năm 1947 chỉ có trên dưới 10 người.

Lượng thu nhận thương bệnh binh lúc đầu khoảng vài chục người, về cuối năm lên đến cả trăm bệnh nhân. Đa số là thương binh, một số là bệnh binh gồm sốt rét, kiết lỵ, lao phổi, thương hàn. Ngoài điều trị bệnh, Quân Y khu 9 đã mở 2 lớp cứu thương.

Sau đó, Quân y 9 rời khu vực Cây Bàng về Đập Đá (kinh Bốn Ngàn) tại xã Vĩnh Thuận — huyện Vĩnh Thuận — tỉnh Rạch Giá. Lúc này Quân Y viện được hình thành bề thế hơn, quy mô hơn hẳn khi còn ở Cây Bàng và cũng ở kinh này của Đập Đá, thương bệnh binh được chăm lo tốt hơn về vật chất bởi rừng khóm bạt ngàn ở hai bờ kinh.

Cuối năm 1947 Bác sĩ Nguyễn Thiện Thành được điều về giữ chức Quân y viện trưởng khu 9 đóng tại rừng U Minh. Về chiến trường Nam bộ, ông cảm nhận

HUYỀN THOẠI U MINH

hết những thiếu thốn về ăn ở, sinh hoạt cũng như thuốc men cho cán bộ, chiến sĩ. Bức xúc trước thực tế, ông tự sắp xếp thời gian nghiên cứu, tìm ra phương pháp điều trị thích hợp. Nhưng cuối 1949, trong lúc đang chữa trị cho đồng bào, ông bị giặc Pháp bắt và đem về giam tại khám Vĩnh Long, sau chuyển lên Cần Thơ rồi di lý về Sài Gòn giam tại khám Viéc-gi (còn gọi là khám Chí Hòa nhỏ).

Trong thời gian ở tù, ông đã gặp gỡ một sinh viên Y khoa bị động viên vào quân đội viễn chinh Pháp. Biết ông là người có học, nói giỏi tiếng Pháp và khẳng khái trong lúc tranh luận, anh ta tỏ ý khâm phục, thường xuyên nhận mua giúp sách báo, tài liệu, tạp chí nghiên cứu về y học mà trong đó có cuốn “Thuyết đấu tranh với nghịch cảnh” của tác giả H.Vachon nói về phương pháp chữa bệnh Filatov.

Năm 1950, ông được trao trả và trở về khu 9 tiếp tục giữ chức Quân y Viện trưởng.

Ngày 19 tháng 5 năm 1951, công trình Filatov được bác sĩ Nguyễn Thiện Thành giới thiệu cho toàn thể cán bộ, chuyên môn trong Quân y viện, được các bạn đồng nghiệp đón nhận như một công trình nghiên cứu thành công.

Từ đó phương pháp cấy Filatov được xem như là một phong trào lan rộng không những trong cán bộ, chiến sĩ đồng bào vùng tự do mà lan rộng trong nhân dân vùng bị tạm chiếm ở các tỉnh miền Tây, miền Đông và suốt chiều dài đất nước. Phương pháp Filatov vận dụng vào thực tế đã góp phần ngăn ngừa bệnh tật đồng thời tăng cường sức đề kháng cơ thể con người, phương pháp điều trị này làm giảm hẳn tỷ lệ tử vong, bảo đảm quân số cho chiến trường trong giai đoạn chiến tranh ngày càng ác liệt.

Tuyết Trinh

U MINH THƯỢNG MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI

Với diện tích tự nhiên 1.722km², phía Bắc giáp sông Cái Lớn, Nam giáp sông Trèm Trẹm (Ngọn sông ông Đốc), Đông giáp Kinh Xáng Chắc Bãng và phía Tây giáp biển vịnh Thái Lan, U Minh Thượng nổi tiếng là một vùng đất bạt ngàn giữa miền Tây Nam Bộ - Một vùng tràm lớn nhất nước ta; Cùng với toàn bộ vùng rừng U Minh, là khu rừng ngập nước lớn thứ hai thế giới, Chỉ sau rừng Amazon ở Nam Mỹ. Cái tên U Minh xưa còn gọi là cỏi U Minh (âm u, vắng lặng, mờ mờ mịt mịt...) quả đã phản ánh đúng cội nguồn của nó. Bởi từ nhiều thế kỷ trước, U Minh vốn là một vùng rừng ngập nước có một quần cư động, thực vật hết sức đa dạng. Trong đó tràm là loại cây chủ yếu xen kẽ với những cây Mốp, mật cật, các loại thân thảo dây leo như Choại, dớn, bông bong... Các loài thú rừng không thiếu thứ gì, kể cả thú dữ như hổ, rắn độc, trăn, cá sấu, rồi bạt ngàn chim muông và đặc biệt là cá thì nhiều vô kể...

Thời ấy, U Minh vắng lặng, U Minh khắc nghiệt chẳng đâu bằng! Những lớp cư dân đầu tiên đến mở đất lập cư ở U Minh, vì thế thực sự là những người “Anh hùng”; bởi họ biết rằng đến với đất rừng U Minh là đến “Chỗ chết” - Thú dữ, khí hậu khắc nghiệt, đau ốm, bệnh tật... Nhưng họ vẫn đến, vẫn dũng cảm chinh phục vùng đất mới đầy vất vả gian nguy... U Minh còn tràm tích trong nó một chút văn hóa Óc Eo, dấu tích lịch sử của người xưa đi mở đất và giữ đất. Có cảm nhận đầy đủ tính chất “đặc biệt” ấy của U Minh ta mới càng khâm phục

HUYỀN THOẠI U MINH

các thế hệ cha ông trên đất rừng U Minh - Chính họ đã làm nên bao huyền thoại trong lịch sử xây dựng và giữ gìn mảnh đất thiêng liêng này.

Những năm tháng gian nan mà oanh liệt, hào hùng:

Nhưng, U Minh Thượng còn nổi tiếng bởi là một căn cứ địa cách mạng kiên cường suốt mấy chục năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trên từng tấc đất U Minh Thượng, máu đào của hàng vạn đồng bào, chiến sĩ đã thấm đẫm, thành đất, thành cây của U Minh - máu ấy chính là sắc tố không bao giờ phai của huyền sử U Minh hào hùng và bi tráng.

Mấy chục năm đầy hy sinh gian khổ ấy - mà chính xác hơn, phải là hơn một trăm năm - từ khi người Anh hùng Nguyễn Trung Trực xuất quân từ các vùng căn cứ ở U Minh, Hòn Chông đánh Pháp ở đồn Kiên Giang (6/1868) đến tháng 4 năm 1975 lịch sử - người U Minh Thượng không một ngày ngơi nghỉ, vượt qua muôn ngàn nguy nan và sự tàn bạo của kẻ thù, liên tục chiến đấu và chiến thắng. Có lẽ không ai có thể thống kê đầy đủ được đất và người U Minh Thượng đã phải chịu đựng bao nhiêu tấn bom, bao nhiêu quả đạn, bao nhiêu trận chiến đấu chống giặc và bao nhiêu máu xương đã đổ...? Không thể kể hết được, cũng có nghĩa là sự xả thân của người U Minh vì nghiệp lớn là vô bờ bến... Lịch sử đã ghi, dân tộc đã ghi về U Minh - Một huyền sử vĩnh hằng!

Và nhờ có huyền sử ấy mà U Minh nói riêng và Kiên Giang nói chung có được ngày hôm nay thanh bình, êm ả. Bất giác, tôi nhớ một câu thơ đã đọc ở đâu đó, viết về Kiên Giang:



HUYỀN THOẠI U MINH



*... Kiên Giang ơi, biết mấy yêu thương
Bao cay đắng đã hóa thành trái ngọt
Những nỗi đau chiến tranh chồng chất
Đã lên men thành nhạc, thành văn...*

Quả đúng như vậy, sự hy sinh và những nỗi đau chiến tranh đã hoá thành trái ngọt và cũng nỗi đau vô bờ bến ấy, với thời gian, “đã lên men thành nhạc, thành văn”, để hôm nay chúng ta có cái mà tự hào, mà tận hưởng và cả sự chiêm ngưỡng quá khứ hào hùng với sự rung động của muôn triệu trái tim người Việt. Lòng yêu nước nồng nàn của con người U Minh vốn mang dòng máu bất khuất, kiên cường và tấm lòng rộng mở, luôn đoàn kết chống ngoại xâm, kiên trung với cách mạng, sẵn sàng xả thân vì độc lập tự do của dân tộc, của quê hương, chính là cội nguồn của mọi chiến thắng, làm nên truyền thống anh hùng.

U Minh Thượng là nơi từng chứng kiến rất nhiều sự kiện lịch sử liên quan tới hoạt động và phong trào kháng chiến của các tổ chức cơ sở Đảng ta ở Nam bộ, của các tổ chức và đoàn thể cách mạng cũng như của bao trận chiến ác liệt của quân và dân U Minh chống kẻ thù tàn bạo.

Từ hơn 100 năm trước, ngày 16/6/1868, Nguyễn Trung Trực đã chỉ huy nghĩa quân từ các vùng căn cứ U Minh, Hòn Chông tiến ra đánh úp đồn Kiên Giang do Pháp chiếm đóng, diệt 5 tên sĩ quan cùng 67 lính Pháp, thu nhiều vũ khí, làm chủ Rạch Giá trong 6 ngày... Ý chí bất khuất của người Anh hùng

HUYỀN THOẠI U MINH

Nguyễn Trung Trực với câu nói nổi tiếng của ông trước khi bị giặc xử chém: “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” đã trở thành ý chí của người dân Kiên Giang nói chung và người U Minh nói riêng.

Sớm đi vào lịch sử đấu tranh từ thế kỷ trước, là cái nôi cách mạng thời kỳ tiền khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, trong cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp U Minh Thượng lại trở thành căn cứ địa cách mạng; là nơi bộ đội, cơ quan, các tổ chức cách mạng các tỉnh miền Tây Nam bộ đã chọn để xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến đánh giặc. Trong vô vàn gian khổ, người dân U Minh Thượng vẫn luôn đoàn kết, một lòng hướng về cách mạng bất chấp sự tàn bạo của kẻ thù. Không những vậy, nhân dân còn thực hiện tiêu thổ kháng chiến, phá lộ, đắp cản, ngăn sông, xây dựng địa hình chống giặc. Từ đầu tháng 3 năm 1946, giặc Pháp đã tập trung lực lượng đánh phá U Minh Thượng. Đi đến đâu chúng cũng bắn giết, đốt phá, cướp bóc gây cho nhân dân U Minh vô vàn đau thương tang tóc. Đặc biệt là sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, vào đầu năm 1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng lớn đánh vào U Minh hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Không chỉ một lần, một đợt mà rất nhiều lần nhiều đợt chúng thực hiện đánh phá hòng huỷ diệt, tàn sát U Minh. Hàng nghìn chiến sĩ, đồng bào đã ngã xuống dưới đạn bom và họng súng dã man của giặc.

Nhưng cũng chính trong hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt ấy, đồng bào và chiến sĩ U Minh đã không quản gian nguy, bất chấp bom đạn, liên tục chiến đấu đánh địch, làm thất bại những mưu đồ đen tối của chúng. Nhiều trận đánh ghi dấu chiến công của người U Minh, tô thắm truyền thống hào hùng. Ví như trận đánh đồn Đập Đá tiêu diệt 4 tên Pháp, 2 tiểu đội lính Miên, thu nhiều vũ khí của địch, buộc địch phải bỏ đồn Đập Đá; Hay như ngày 5/10/1947 giặc Pháp mở cuộc ruồng bố lớn vào vùng giải phóng của ta, chúng chạy tàu từ Rạch Giá vào Chấn Băng, vừa ra khỏi Ngã Ba Đình thì bị quân và dân ta chặn đánh, bắn chìm 2 tàu LCS, diệt gần trăm tên, làm thất bại cuộc hành quân khát máu của địch, và còn nhiều trận đánh khác nữa...

Vào những năm 1948 - 1949, phong trào đấu tranh du kích phát triển mạnh ở trong vùng; ở hầu khắp các xã, lực lượng dân quân tự vệ, dân quân du kích đã được thành lập và tăng cường đánh địch rộng khắp mọi nơi và cho tới đầu hè năm 1950 thì hầu hết các địa phương trong 2 tỉnh Rạch Giá và Hà Tiên (Kiên Giang ngày nay) đều là vùng giải phóng.

Tuy vậy, nhận rõ tầm quan trọng của căn cứ U Minh, từ đầu năm 1952 địch lại mở nhiều cuộc hành quân quy mô lớn đánh vào vùng giải phóng trong khu

HUYỀN THOẠI U MINH

vực hồng bóc từng mảng căn cứ của ta... Bon đạn và xe tăng, tàu chiến của giặc chà đi xát lại U Minh, tưởng như không gì có thể sống sót... Nhưng dân và quân U Minh, cùng với các lực lượng cách mạng trong tỉnh, đã kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu đánh trả địch quyết liệt và làm thất bại âm mưu của giặc. Liên tục từ đầu năm 1952 đến giữa năm 1954 hàng loạt trận đánh địch của quân dân U Minh Thượng tiếp tục được thực hiện đã góp phần to lớn vào chiến công chung để đến ngày 25/4/1954, toàn bộ vùng U Minh Thượng đã sạch bóng quân thù.

Song, đó mới chỉ là thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. U Minh Thượng còn đặc biệt nổi tiếng là căn cứ cách mạng kiên cường trong suốt hai chục năm chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đó thực sự là những thử thách cam go không gì sánh được đối với đất và người U Minh. Sự tàn bạo của kẻ thù trong những năm tháng ấy không giấy mực nào tả hết.

Ngay từ những năm 1959 - 1960, Mỹ - Ngụy đã rắp tâm tìm mọi cách, bằng mọi thủ đoạn dã man hòng phá tan thành trì cách mạng U Minh Thượng. Từ việc cho thành lập đặc khu An Phước tới việc đưa những tên ác ôn khét tiếng về cai quản, cũng như tập trung lực lượng, phương tiện cao nhất để đánh phá U Minh, kẻ thù ngày càng lộ rõ bản chất thâm độc của chúng. Giai đoạn 1954 - 1959 chính là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng U Minh Thượng nói riêng và cách mạng miền Nam nói chung. Giặc không chỉ sử dụng bom đạn đánh phá, càn quét mà chúng còn tăng cường các chiến dịch lòng sục, bắt bớ bắn giết cán bộ cách mạng và những người yêu nước. Hàng ngàn người đã bị sát hại, hàng vạn người bị bắt bớ, tra tấn dã man... U Minh Thượng không ngày nào không có máu chảy, không lúc nào ngớt tiếng súng, tiếng bom... Thế nhưng, kẻ thù cũng không hiểu nổi vì sao trong hoàn cảnh khốc liệt ấy mà người dân U Minh, cách mạng ở U Minh vẫn tồn tại và phát triển - Âm mưu và hoạt động “Tố cộng, diệt cộng” của Mỹ - Ngụy khi đó vẫn bị thất bại thảm hại.

Suốt những năm 1968 - 1970, địch không ngừng tổ chức hành quân quy mô lớn bình định U Minh với sự phối hợp của tất cả các quân, binh chủng mà chúng có, vẫn không ngoài mục đích tiêu diệt cách mạng ở U Minh. Đặc biệt từ đầu năm 1970, địch tiến hành bình định lấn chiếm U Minh lần thứ 2 với quyết tâm “Nhỏ cỏ U Minh”; Rồi cuối năm 1970 là chiến dịch bình định lấn chiếm U Minh lần thứ ba; rồi lần thứ tư, thứ năm...

Mưu đồ “Nhỏ cỏ U Minh” của địch là một hành động tàn khốc, ác liệt đến mức khó tưởng tượng nổi. Địch tập trung cao nhất mọi sức mạnh quân sự, mọi

HUYỀN THOẠI U MINH

thủ đoạn tàn phá, mọi mưu ma chước quỷ hòng huỷ diệt hoàn toàn U Minh cả về thực địa cũng như cơ sở cách mạng. Khi đó chúng coi việc bình định U Minh là mục tiêu có ý nghĩa quyết định trong toàn bộ kế hoạch bình định đồng bằng sông Cửu Long. Đất và rừng U Minh vì thế mà “Đạn chồng đầu đạn, bom cây hố bom”. Không ai có thể phủ nhận sự độc ác của kẻ thù và sự hy sinh mất mát vô cùng to lớn của quân và dân U Minh trong cuộc “đổi đầu” quyết liệt ấy. Đúng là để có một căn cứ U Minh Thượng vững vàng, bất khuất, quân và dân nơi đây đã phải đổi bằng xương máu của hàng ngàn người con ưu tú, của biết bao đồng chí, đồng bào, không chỉ ở U Minh mà còn từ nhiều miền quê khác khắp mọi miền đất nước đến chiến đấu tại đây. Bom đạn của giặc nhiều vô kể, sự tàn phá của chúng đối với rừng U Minh cũng không kể xiết. Vậy mà U Minh vẫn sống, vẫn tồn tại và phát triển, lại là một căn cứ địa vững chắc giữa miền Tây Nam bộ để từ đó, khởi nguồn bao nhiêu chiến công trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm vĩ đại trên vùng Tây Nam tổ quốc. Những cái tên Xẻo Rô, Cây Bàng, Xẻo Cạn... đã đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân U Minh Thượng như những chiến công oanh liệt, không thể phai mờ.

Nỗ lực hướng tới tương lai:

... Chiến tranh đã lùi xa hơn 30 năm. Màu xanh cây lá đã trở lại với đất rừng U Minh. Cuộc sống cũng đang đổi thay từng ngày để U Minh Thượng ngày càng phát triển, xứng với truyền thống cách mạng hào hùng của một vùng căn cứ địa cách mạng kiên trung. Căn cứ U Minh Thượng giờ đây được coi như một “Bảo tàng cách mạng”, một “Lá phổi xanh của Đồng bằng sông Cửu Long”, một “Bảo

Đồng chí Trung tướng Nguyễn Đệ (bên trái) Nguyên UVTU Đảng, Tư lệnh quân khu 9 cùng một số đại biểu về dự hội thảo khoa học căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng



HUYỀN THOẠI U MINH

tàng tự nhiên”... và là một Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

Trong quá khứ, ta có một U Minh Thượng lịch sử, oai hùng; hiện tại và tương lai, ta lại có một U Minh Thượng văn hóa, một U Minh Thượng là khu du lịch sinh thái lý tưởng và một U Minh Thượng với bao tiềm năng phát triển kinh tế tổng hợp đã và đang được khơi dậy...

U Minh Thượng từ giữa năm 2007 đã trở thành tên một huyện mới của tỉnh Kiên Giang, được thành lập trên cơ sở tách một số xã của 3 huyện; đó là các xã Minh Thuận, Vĩnh Hòa, Hòa Chánh (huyện Vĩnh Thuận); Thạnh Yên, Thạnh Yên A (huyện An Biên) và An Minh Bắc (huyện An Minh) với diện tích tự nhiên 43.270ha, dân số hơn 70.000 người. Cũng cần nói thêm rằng, ngay từ năm 2001, dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích U Minh Thượng đã được triển khai và con đường đê bao ngoài rừng phòng hộ 60 km rải nhựa đã được thi công và con đường nối với quốc lộ 63 và Khu du lịch Hoa Mai cũng được hình thành. Diện mạo U Minh Thượng đổi thay nhanh chóng.

Mặc dù còn vô vàn khó khăn do là một huyện mới, các xã trong huyện lại vốn là những xã nghèo, nhưng Đảng bộ và nhân dân U Minh Thượng đã và đang nỗ lực hết mình trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bước đầu dành được những kết quả đáng phấn khởi. Đường sá đi lại thuận lợi hơn, hệ thống tưới tiêu kênh mương được cải tạo, nhiều mô hình phát triển mới trong nông nghiệp được đưa vào áp dụng. Không chỉ trồng lúa mà còn kết hợp mô hình tôm lúa đạt hiệu quả cao. Ngày càng nhiều gương người tốt việc tốt, nhiều “vua trùm” làm giàu trên mảnh đất huyền thoại U Minh. Người dân ăn đã no, mặc đã ấm, Đảng bộ và nhân dân U Minh Thượng đang phấn đấu để đồng bào có cuộc sống ngày càng đầy đủ, văn minh hơn và những điều đó đang dần dần trở thành hiện thực. Trường THPT Vĩnh Hòa được xây mới cao 3 tầng, với tổng diện tích 1.680m²; nhiều ngôi trường, trạm y tế mới cũng đang được xây dựng khang trang; điện lưới cũng đã về tới những ấp xa của huyện...

Vườn Quốc gia U Minh Thượng, giờ đây là điểm tham quan hấp dẫn của khách du lịch về thăm lại căn cứ cách mạng U Minh và thư giãn, câu cá... Trung bình mỗi tháng Vườn Quốc gia đón tiếp từ 3.000 đến 5.000 lượt khách tham quan.

U Minh Thượng đang vươn lên để ngày càng xứng đáng với vị thế của mình. Có thể lấy kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 để minh chứng cho điều này:

HUYỀN THOẠI U MINH



Ban chấp hành Đảng bộ huyện U Minh Thượng khóa I nhiệm kỳ 2008 - 2010

Tổng sản phẩm (GDP) đạt 508,834 tỷ đồng (tăng 12,7% so 2007). Cơ cấu kinh tế là: Nông - lâm - thủy sản chiếm 67,44%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 7,72%; Thương mại - dịch vụ chiếm 24,83%, đang có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa. GDP bình quân đầu người đạt hơn 7 triệu đồng (tăng 8,29% so với năm 2007) - Nếu theo giá thực tế thì là trên 9,3 triệu đồng/người.

Về sản xuất nông nghiệp, diện tích gieo trồng đã đạt 34.316ha với năng suất bình quân trên 4,77 tấn/ha; Tổng sản lượng lương thực đạt 163.947 tấn; bình quân lương thực theo đầu người là trên 2.000 kg/năm. Nuôi trồng thủy sản với diện tích nuôi tôm đã lên tới xấp xỉ 7.000ha - sản lượng tôm nuôi đã đạt 1.132 tấn. Ngoài ra còn diện tích nuôi các loại thủy sản khác đạt hơn 4.000ha với sản lượng hơn 1.200 tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển với hơn 17.000 đầu heo và gần 135.000 gia cầm cùng hàng ngàn trâu, bò... Đặc biệt, công tác bảo vệ và phát triển rừng ở U Minh Thượng được huyện quan tâm; trong đó trọng tâm là chống cháy, chống chặt phá rừng, tăng cường tuần tra kiểm soát rừng....

U Minh Thượng là huyện chưa có được sự phát triển mạnh trong lĩnh vực công nghiệp - TTCN. Công nghiệp nhỏ vẫn là chủ yếu bao gồm một số mặt hàng như sản xuất nước đá, xay xát, sản xuất công cụ cầm tay... Huyện cũng đang tích cực nghiên cứu và xây dựng các chương trình, dự án nhằm phát triển CN - TTCN ở địa phương.

HUYỀN THOẠI U MINH

Hiện toàn huyện có 306 cơ sở CN-TTCN, tổng giá trị sản xuất đạt khoảng 63 tỷ đồng; mức tăng của năm 2008 so 2007 đạt tới 86,6%.

Hiện tỷ lệ hộ dùng điện cho sinh hoạt và sản xuất đạt xấp xỉ 84% tăng 5,81% so với 2007. Số hộ chưa có điện tập trung nhiều ở vùng đệm U Minh Thượng với đặc điểm đi lại, giao lưu rất khó khăn. Huyện đang quyết tâm để thời gian tới đưa điện tới những vùng xa này. Mặt khác, do là huyện mới nên công tác quy hoạch được đặt ra một cách khẩn trương, tích cực - Trước mắt là quy hoạch khu trung tâm huyện gồm các khu chức năng: bệnh viện, khu hành chính, khu trung tâm thương mại, dân cư và khu văn hóa thể thao... Đây là vấn đề cần thiết đối với một đơn vị hành chính mới như U Minh Thượng.

Thương mại - dịch vụ có bước phát triển khá. Toàn huyện hiện có 1562 cơ sở kinh doanh với tổng mức bán lẻ hàng hóa và giá trị dịch vụ đạt khoảng 157,5 tỷ đồng. Năm 2008 đã có 25.700 lượt khách du lịch đến với U Minh Thượng.

Các hoạt động văn hóa - xã hội đã và đang trở thành thế mạnh của huyện, bởi con người luôn là nhân tố trung tâm của mọi hoạt động. Về giáo dục, tuy là địa phương còn nhiều khó khăn, song U Minh Thượng đã có 6/6 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, 5/6 xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Đã có 01 trường đạt chuẩn quốc gia; 10 trường xanh - sạch - đẹp và 13 trường đạt chuẩn về thư viện. Đã xây dựng được 6 Trung tâm học tập cộng đồng và thành lập 06 Hội khuyến học ở các xã; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển địa phương trong tương lai.

Nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và phòng chống dịch bệnh tuy còn nhiều khó khăn do là một huyện mới, chưa có đủ các bộ phận chức năng. Tuy vậy, mạng lưới y tế cơ sở được quan tâm củng cố và kiện toàn. Toàn huyện đã có gần 40 cán bộ y tế; 3/6 trạm y tế có bác sĩ... Các chương trình y tế quốc gia được thực hiện tốt. Có 4/6 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế...

Lĩnh vực văn hóa có nhiều tiến bộ, đến nay toàn huyện đã công nhận 11.660 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa; 274 tổ văn hóa; 21 ấp văn hóa; 32 đơn vị văn hóa... Đó là một cố gắng lớn nhằm nâng cao nhận thức và đời sống tinh thần cho nhân dân, thực hiện nếp sống văn minh, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển... Đó cũng là kết quả minh chứng cho sự đổi thay nhanh chóng trên quê hương cách mạng U Minh Thượng.

Công tác xóa đói, giảm nghèo được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết

HUYỀN THOẠI U MINH

thực. Trong năm toàn huyện đã xây dựng 180 căn nhà cho người nghèo trị giá hàng tỷ đồng; cùng hàng trăm nhà đại đoàn kết trị giá gần 3 tỷ đồng. Năm 2008, toàn huyện đã có thêm việc làm cho 3.467 lao động; giúp nhân dân vay vốn sản xuất, nâng cao đời sống. Tỷ lệ hộ nghèo hiện còn 13%...

Có thể nói, ít nơi nào khó khăn như ở U Minh Thượng, nhưng ý chí vươn lên của cán bộ, nhân dân nơi đây thật đáng khâm phục. Truyền thống cách mạng được phát huy trong công cuộc xây dựng quê hương hôm nay đã tạo cho U Minh Thượng những tiền đề hết sức cơ bản để tiếp tục phát triển. Trở lại U Minh Thượng hôm nay, ta không khỏi ngỡ ngàng trước diện mạo mới của vùng quê cách mạng. Niềm tin sâu sắc về tương lai tươi sáng của vùng đất U Minh Thượng thật lớn lao!

U Minh Thượng nhất định sẽ trở thành một vùng quê đẹp giàu; mãi mãi xứng đáng với truyền thống anh hùng, với những huyền thoại hào hùng mà các thế hệ cha anh đã dệt nên bằng máu xương và những hy sinh vô bờ bến.

Đặng Đình Chấn

MỤC LỤC

- Lời nói đầu 7
- U Minh Thượng mãi là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân Kiên Giang. 9
(Trích thư của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng gửi Hội thảo khoa học về căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng)
- Cuốn sách Huyền thoại U Minh - Một công trình xuất bản thăm đẫm truyền thống cách mạng đất và người U Minh 11
*Đồng chí Trương Quốc Tuấn - Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang*
- Văn tế linh hồn các chiến sĩ cách mạng đã hy sinh tại căn cứ địa U Minh Thượng. 19

U MINH VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

- U Minh Thượng vùng đất và con người. 27
- U Minh Thượng - nguồn tài nguyên thiên nhiên vô giá. 37
- U Minh Thượng di tích và danh thắng. 43

**U MINH
KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT**

- Đất rừng U Minh trang sử thi hùng tráng. 49
- Tỉnh ủy Rạch Giá lãnh đạo xây dựng căn cứ cách mạng U Minh Thượng. 69
- Đặc điểm và vai trò của căn cứ địa U Minh trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. 74
- Kiên cường bám trụ chiến đấu đánh bại âm mưu bình định của địch bảo vệ căn cứ U Minh Thượng (1969 - 1972). 82
- Đánh bại âm mưu lấn chiếm U Minh của địch chiến thắng thứ mười một. 90
- Truyền thống đấu tranh và xây dựng đời sống trong kháng chiến của người dân U Minh Thượng. 93
- U Minh Thượng với cuộc chiến tranh nhân dân tiêu biểu, đa dạng và hiệu quả. 98
- U Minh Thượng với cuộc chiến tranh nhân dân tiêu biểu, đa dạng và hiệu quả 112
- Căn cứ U Minh Thượng và vùng đất Vĩnh Thuận trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. 124
- Dũng cảm đánh địch bảo vệ căn cứ U Minh Thượng. 128
- Căn cứ U Minh trong bối cảnh chung của Tây Nam bộ sau hiệp định Paris (01/1973). 135
- Đảng bộ và quân dân An Biên thực hiện “Ba mũi giáp công” góp phần đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm U Minh của địch. 144
- “Vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến” quân dân Vĩnh Thuận phối hợp chiến trường góp phần đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm U Minh (1969-1972) của địch. 152
- Chiến dịch “Nhỏ cỏ U Minh” tàn bạo của giặc và ý chí cách mạng kiên cường của quân và dân U Minh. 157

HUYỀN THOẠI U MINH

- Tạo thế liên hoàn đảm bảo giữ vững căn cứ địa U Minh. 162
- Quân và dân Gò Quao phối hợp chiến trường tấn công địch tại cửa ngõ U Minh. 166
- Quân dân Hòn Đất đánh địch bảo vệ đường vận chuyển 1C góp phần đánh bại âm mưu bình định U Minh của địch (1969 - 1972). 171

KÝ ỨC U MINH MỘT THỜI VÀ MÃI MÃI

- Doanh nhân Nguyễn Việt Cường - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Tập đoàn Phú Cường: Tấm lòng tâm huyết của một người con U Minh Thượng với sự nghiệp làm giàu đẹp cho quê hương Kiên Giang. 181
- Tái hiện một căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước. 186
- Di tích U Minh Thượng cần được giữ gìn, tôn tạo... để mãi là niềm tự hào của các thế hệ mai sau. 189
- Vài nét về đề án phục dựng lại Khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng giai đoạn chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). 193
- U Minh huyền thoại. 200
- Bảo vệ căn cứ U Minh Thượng - niềm tự hào của công an Kiên Giang. 202
- Ngành thông tin vô tuyến điện ở căn cứ địa cách mạng U Minh Thượng. 208
- Quân y viện khu 9 một thời ở U Minh. 214
- U Minh Thượng một thời và mãi mãi. 219



Huyền thoại U MINH

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI - CÔNG TY VĂN HÓA TRÍ TUỆ VIỆT

Phối hợp xuất bản 2010

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập:

NGUYỄN THẾ VINH

Đọc bản in thử:

BAN BIÊN TẬP NXB THỜI ĐẠI

Trình bày mỹ thuật:



www.vanhoatritueviet.vn

In khổ 21x29 cm tại Công ty CP In và nghiên cứu thị trường Việt Cường
Giấy phép xuất bản số 1066-2009/CXB/01/01-22/TĐ cấp ngày 16/12/2009
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2010

SÁCH KHÔNG KINH DOANH
(Chỉ để dành tặng trong Chương trình
Đền ơn đáp nghĩa - Uống nước nhớ nguồn)